

Văn hữu

ĐÀN ÔNG
ĐÀN BÀ
TRONG
PHÂN
ƯA ĐÔI

HUYỀN NHIỆM CỦA ÁI TÌNH —
PHƯỢNG TẦN ✱ ỐC HOANG
TUẤN HUY ✱ TÔI YÊU MIỀN
NAM — TƯỜNG LINH ✱ ĐƯỜNG
ĐỜI — NGUYỄN HỮU DUNG ✱
TRẮNG SƠN CƯỚC — SĨ TRUNG
TRIỀU ĐẠI TÂY SƠN QUA CA
ĐAO — THÁI VĂN KIỂM ✱ ĐỢI
CHỜ — ĐỖ TẤN ✱ NHỮNG
CÁI VÔ HẠN — DUY ANH ✱
BÊN THỀM — TRỤ VŨ ✱ KHOA
HỌC VÀ KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI
KHÔNG ĐỦ TẠO HẠNH PHÚC
CHO CON NGƯỜI — HÀM ANH
LOÀI KIẾN KHÔNG CÒN GÌ ĐỂ
HỌC HỎI NỮA — PHONG VŨ
NGUỒN GỐC CỦA NƯỚC HOA

Nghê
Gián điệp hiện tại

V ă n H ữ ' u

DO VẤN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15 đại lộ Lê Lợi, Saigon

Điện thoại : 25.902

Giám Đốc : NGUYỄN DUY MIỀN

Ban Biên Tập : VÕ PHIẾN — SĨ TRUNG

THƯỢNG SĨ — ĐỨC QUANG

Với sự cộng tác của quý bạn :

**Phần đặc biệt (Đàn ông và
đàn bà trong phận lứa đôi)**

**NGUYỄN VĂN TRUNG
PHƯƠNG TẦN**

Phần sáng tác

**DUY ANH
THÁI VĂN KIỀM
TUẤN HUY
SĨ TRUNG
TƯỜNG LINH
ĐỖ TẤN
NGUYỄN HỮU DUNG**

**Phần tin tức và tài liệu : HÀM ANH — HOÀNG LAN —
ĐỨC HẠNH — PHONG VŨ**

**Phần ấn loát và trình bày : ấn quán TÍN ĐỨC THU XÃ,
25-27-29 Tạ-thu-Thấu — Saigon**

Giấy nói : 20.678.

Bài vở thư từ gửi cho : HÀ SĨ-TRUNG

Tiền bạc bưu phiếu gửi cho : NGUYỄN CỬU VỊNH

MỤC LỤC



trang

— Tình yêu và lứa đôi	VĂN HỮU	3
-----------------------	---------	---

PHẦN THỨ NHẤT (Đàn ông đàn bà trong phận lứa đôi)

— Đàn ông đàn bà...	NGUYỄN VĂN TRUNG	7
— Huyền nhiệm của ái tình	PHƯỢNG TẦN	40

PHẦN THỨ HAI (sáng tác văn nghệ)

— Óc hoang	TUẤN HUY	61
— Đường đời	NGUYỄN HỮU DUNG	77
— Triều đại Tây-Sơn qua ca dao	THÁI VĂN KIỀM	79
— Đợi chờ	ĐỖ TẤN	100
— Những cái vô hạn	DUY ANH	101
— Tôi yêu miền Nam	TƯỜNG LINH	110
— Trống sơn cước	SĨ TRUNG	112
— Bên thềm	TRỤ VŨ	132

PHẦN THỨ BA (tín tức và tài liệu trong, ngoài nước)

— Gió Đông... Gió Tây...	HÀM ANH	135
— Nghề gián điệp hiện tại	ĐỨC HẠNH	152
— Khoa học và kỹ thuật hiện đại không đủ đem lại hạnh phúc cho con người	HÀM ANH	169
— Loài kiến không còn gì để học hỏi nữa	PHONG VŨ	174
— Nguồn gốc của nước hoa	P.V.	181

Tình yêu và lừa dối

Không có vấn đề gì cũ bằng vấn đề yêu đương, nhưng cũng không có vấn đề gì mới bằng vấn đề đó. Người ta nói rất nhiều về tình yêu, nhưng tình yêu mà người ta sống hay thấy hình như vẫn không phải hẳn là những điều mà người ta đã nói về nó.

Điều đó có nghĩa là Tình yêu không phải chỉ là một khái niệm trừu tượng hay là một sự kiện từ thức, để có thể xác định bằng những đặc điểm nọ, đặc điểm kia.

Tình yêu là một huyền nhiệm, nghĩa là một thực tại sống động như một giá trị, phải tới gần một cách thận trọng và tìm kiếm dần dần như thể không bao giờ nó bày tỏ hết vẻ phong phú và sâu xa của nó. Nói tình yêu là huyền nhiệm cũng có ý chỉ nó không thuộc phạm vi tư hữu, cái có thể chiếm đoạt và giữ gìn như một của cải vật chất, như một quyền lợi. Bả « Huyền nhiệm của Ái-Tình » của « người-lữ-khách » nhằm trình bày thế nào là tình yêu đích thực (*authentique*). Tác giả nhấn mạnh vào sự khác biệt giữa chân thực (*sincère*) và đích thực. Một tình yêu có thể chân thực mà không đích thực. Nhưng không thể có tình yêu đích thực mà không chân thực.

Vấn đề là tìm hiểu xem thế nào là tình yêu đích thực. Theo tác giả, tình yêu đích thực bao gồm những giá trị thể chất và những giá trị tinh thần. Hai thứ giá trị đó không đối lập, mâu thuẫn nhau nhưng bổ túc cho nhau.

Trong Tình yêu đích thực, không thể chỉ có những giá trị thể chất bằng cách loại bỏ giá trị tinh thần hay ngược lại.

Đứng về phía người yêu, Tình yêu đích thực cũng xuất hiện như một sự phối hợp trong tinh thần bổ túc giữa người đàn ông và đàn bà. Tình yêu là một tiếng gọi được đáp lại. Trong tình yêu, mỗi người mang đến cái phần đặc biệt là dự

phóng, tình cảm, giá trị của mình để thực hiện sự phối hợp là cùng đích của tình yêu.

Nhưng có thể thực hiện được một sự phối hợp hoàn toàn giữa đàn ông và đàn bà trong yêu đương không ?

Câu hỏi đó đưa tới vấn đề tương quan nền tảng của con người về phương diện phái tính (*sexe*). Có thể nói con người ở đời có hai tương quan nền tảng : tương quan giữa người với người trên bình diện xã hội, kinh tế, chính trị và tương quan giữa người với người trên bình diện phái tính : con người là *người*, nghĩa là thiết yếu phải là đàn ông hay đàn bà. Sự tương quan giữa đàn ông đàn bà với tư cách người hai phái khác nhau là *hoàn cảnh nền tảng* của lứa đôi. Tìm hiểu hoàn cảnh nền tảng đó tức là tìm hiểu xem có thể quan niệm một phối hợp hoàn toàn trong tình yêu giữa đàn ông và đàn bà.

Bài « Đàn ông và đàn bà trong phận lứa đôi » nhằm tìm hiểu vấn đề đó. Tác giả phân biệt hoàn cảnh nền tảng có tính cách trường tồn với những hoàn cảnh lịch sử có tính cách tạm thời mà con người đã quan niệm và thiết lập thành chế độ về vấn đề đàn ông đàn bà trong tương quan lứa đôi. Từ những quan niệm và chế độ đã quan niệm lệch lạc về vấn đề lứa đôi trong lịch sử như nhấn mạnh vào vai trò của đàn ông đến quan niệm tương đối hợp lý mà ngày nay người ta đang tiến tới. Tác giả sẽ đưa ta đến *hoàn cảnh nền tảng* có tính cách trường tồn. Hoàn cảnh đó như thế nào ? Qua mô tả dự phóng của yêu đương, với những mâu thuẫn nội tại của nó, người ta sẽ thấy tính cách mỏng manh của mọi phối hợp : hoặc là tình yêu bị tiêu diệt hoặc là bị đe dọa tiêu diệt. Sự kiện đó cuối cùng đưa tới những lựa chọn triết lý hay tôn giáo.

Nhưng trước khi đi tới những lựa chọn đó, con người thường phải qua những kinh nghiệm, đôi khi rất đau thương khổ cực. Tuy vậy điều đó không bao giờ làm cho những người đi vào con đường yêu đương e ngại. Đó là cái vẻ cao cả đồng thời cũng là sự làm than của Tình yêu.

VĂN HỮU

Phần thứ nhất

Phần thứ nhất (đặc biệt về : đàn ông đàn bà trong phạm lứa đôi) của Văn Hữu số 14 này hoàn thành với sự cộng tác của quý bạn : Nguyễn văn Trung — Phượng Tần.

NGUYỄN VĂN TRUNG

Đàn ông và đàn bà trong phận lúa đôi

*« Ba đồng một mớ đàn ông
Đem về mà bỏ vào lồng cho kiến nó tha.
Ba trăm một mụ đàn bà
Đem về mà trải chiếu hoa cho ngồi ».*

KH 1 tôi dự định suy nghĩ về đàn ông, sau khi đã viết về người đàn bà tự nhiên tôi cảm thấy bối ngỡ : « A ! Thế ra đàn ông cũng là một vấn đề sao ? » Từ trước đến nay, nếu có vấn đề gì đặt ra, thì bao giờ cũng là vấn đề đàn bà. Có vấn đề nghĩa là cái gì còn lồi thoi, chưa sáng sủa rõ ràng, cần phải tìm hiểu, xếp đặt, giải quyết cho êm đẹp, ổn thỏa.

Vì thế, khi nghĩ đến vấn đề con người trong phạm vi phái tính, đàn ông hay đàn bà cũng đều thấy chỉ đàn bà là vấn đề mà thôi.

Do đó, khi định suy nghĩ về đàn ông, tôi thấy như không có gì để nói ; thử tìm sách vở gì đã viết riêng về đàn ông cũng không có, mà chỉ thấy toàn sách vở nói về đàn bà do đàn ông hay đàn bà viết.

Không thể đặt đàn ông thành vấn đề, vì đàn ông và đàn bà như đều đồng ý với nhau rằng đàn ông là một vị trí vững chắc, sáng sủa rồi. Và đã hẳn người ta phải từ vị trí đó mà nhìn những sự vật khác cũng như phải đứng ở chỗ sáng mà nhìn về chỗ tối theo ánh đèn chiếu. Người ta không bận tâm, thắc mắc về chỗ đứng có đèn sáng mà mọi sự đã rõ ràng, nhưng thắc mắc bận tâm về những gì còn trong bóng tối chưa trông thấy và tìm hiểu được.

Nhưng có thật đàn ông không phải là một vấn đề không ? Thực sự đàn ông có phải ở một vị trí vững chắc, sáng sủa không ? Dám đặt câu hỏi đó tức là hoài nghi một lin tưởng cũ kỹ đã in sâu vào lòng người qua các thời đại. Không, đàn ông không đứng ở một vị trí ưu đãi nào hết. Không có quyền ưu tiên cho đàn ông khi đàn ông và đàn bà cả hai đều đi chung một con đường, cùng tham dự vào cái gọi là kiếp người hay thân phận làm người.

Nhìn họ trong viễn tượng đó, những huyền thoại mà con người đã tạo ra trong lịch sử đời người để phân định ngôi thứ cao thấp trên dưới, hơn kém chẳng qua chỉ là những ảo ảnh cần thiết để lừa dối mình trong cuộc phiêu lưu có thể cả hai đều không biết tại sao phải đi và phải đi tới đâu mà chỉ biết chắc là phải đi với nhau.

PHẬN ĐÀN BÀ, PHẬN ĐÀN ÔNG

Từ thuở nào không biết người ta vẫn tin rằng :

Nguồn gốc loài người là đàn ông. Vì thế bao giờ người ta cũng vẫn nói « Ông tổ ; » không ai nói bà tổ. Dĩ nhiên về sau, đàn ông do đàn bà mà ra ; nhưng ở khởi điểm, nguồn gốc, Tạo hóa đã dựng nên đàn ông trước tiên. Sau khi đã tạo vũ trụ sông núi, biển cả, rồi cây cối, chim chóc, thú vật, Thượng đế dựng nên một người đàn ông giống hình ảnh mình, và cho làm chủ vũ trụ, thế gian. Được phong làm chủ, người đàn ông sinh

ra cho một sứ mệnh ; phải làm cho mọi tạo vật trở thành một tiếng hát ca tụng Thượng đế là đấng Tạo hóa. Cần lao, biến đổi thiên nhiên, chinh phục vũ trụ, đó là *dự định căn bản* của con người với tư cách là đàn ông. Và đàn ông trở thành người khi thực hiện được dự định đó ; đấy là *sự nghiệp*. Không có sự nghiệp đàn ông không phải là người hay không xứng đáng làm đàn ông.

Nhưng trên con đường thực hiện sứ mệnh đó, Thượng đế thấy rằng người đàn ông đi một mình không tốt, nên để cho đàn ông khỏi lẻ loi, Thượng đế ban cho một bạn đường. Ngài dựng nên người đàn bà. Thế là đầy đủ và hoàn tất. Dựng nên đàn ông, giao cho một sứ mệnh, tạo mọi phương tiện và cho một người « *tháp tùng* ». Hình ảnh người đàn ông là một *lữ khách*, đi thi hành một công tác và trước khi đi, đã được trang bị đầy đủ : hành lý và bạn đường.

Con người là một dự phóng và dự phóng nền tảng của đàn ông là công danh, sự nghiệp, chí làm trai.

*« Chí làm trai, nam bắc đông tây
Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể
Chí những toan xẻ núi lấp sông
Làm nên đấng anh hùng đâu đấy tỏ.
Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông ».*

(Nguyễn-công-Trứ)

Nếu dự phóng nền tảng là sự nghiệp, người đàn ông đạt được mục đích cuộc đời mình bằng cách thực hiện dự phóng đó. Cho nên với người đàn ông, mục đích cuộc đời bao hàm ngay trong dự phóng nền tảng xác định đàn ông là người. Nói cách khác đàn ông là một người *sống cho mình* (être-pour-soi).

Còn đàn bà, được dựng nên để làm bạn đường của đàn ông. Nói cách khác, đàn bà không có một dự phóng căn bản riêng biệt, nhưng trở thành người bằng cách giúp đàn ông thực hiện dự phóng căn bản của họ. Ý nghĩa cuộc đời của người

đàn ông là hướng về một sự nghiệp. Ý nghĩa cuộc đời của đàn bà là trở thành một trong những yếu tố xây dựng sự nghiệp đó. Đàn bà là người sống thiết yếu cho người khác (*être-pour-autrui*).

Đó là phận sự của kẻ lệ thuộc, mà dự phóng cũng như mọi nhần giới cuộc đời thu gọn vào vũ trụ của người lệ thuộc. Từ bé đến khi là con gái, người đàn bà sống chờ đợi; chờ đợi có người thương đến, có người lại hỏi; và sau khi đi lấy chồng theo chồng, bỏ lại đằng sau gia đình, nếp sống, lập quán, giai cấp, đôi khi cả dân tộc của mình để chấp nhận lối sống tập quán, giai cấp, dân tộc của chồng. Sự tự xóa hoàn tất trong việc lấy tên chồng, cái tên gọi tiêu biểu cho một người là một cá thể, một nhân vật riêng biệt. Từ nay, không bao giờ còn có Nguyễn thị... hay chị Trần thị... nhưng chỉ còn bà Nguyễn văn... hay Trần văn... phu nhân.

Người đàn bà bước vào đời cũng như đi vào một thế giới đã dựng nên cho người đàn ông mà ở đầu lối đi vào, có treo một mệnh lệnh: « Tam tông » xác định số phận của người đã ~~được~~ sinh ra là đàn bà.

HOÀN CẢNH

NẾU đàn ông lấy chữ « Danh » và đàn bà lấy chữ « Tông » làm nghĩa cuộc đời, mọi sự từ thân xác, giáo dục, hoạt động xã hội, chính trị, tôn giáo, sẽ được quan niệm và tổ chức theo vị trí ưu đãi của người đàn ông và vai trò « đi theo » của người đàn bà.

Trước hết là thân xác. Người đàn ông thường có tầm vóc cao hơn, cứng cỏi, bắp thịt rắn chắc, mặt mũi gân guốc; toàn thân như một khối lượng vững chãi để chống đối với những đe dọa tấn công hay để xông pha vào cuộc đời gió bụi.

« Đã sinh ra kiếp đàn ông,
Đèo cao núi thăm sông cùng quản chi ».

Trái lại người đàn bà thân hình bé nhỏ, uyển chuyển,

da thịt mềm mại, vẻ mặt dịu hiền ; toàn thân tiêu biểu cho cái gì là thoải mái, hòa thuận.

Người đàn ông sống trong bầu khí căng thẳng, chống đối hoặc tranh đấu để chế ngự, chinh phục , người đàn bà hướng về thích nghi phù hợp, chịu đựng hoặc nương tựa. Trong gió bão giông tố thiên nhiên hay trước những bạo tàn cuộc đời, người đàn bà nép mình vào người đàn ông là một hình ảnh rất thông thường về sự che chở, bảo vệ.

Vì yếu ớt và thụ động, người đàn bà không dùng thân xác để biểu lộ sức mạnh tinh thần hoặc thể chất. Sức mạnh của đàn bà chính là ở chỗ xuất hiện như một vật yếu ớt không có gì bảo vệ, vì một cách nghịch lý, người ta thường không dám xúc phạm tới một người yếu hơn mình và không được sửa soạn để chiến đấu.

Còn người đàn ông thích phô bày thân xác để biểu dương lực lượng. Ngay từ khi còn bé, trẻ con trai đã thích đánh nhau, hoặc chơi đánh trận leo trèo, nhảy nhót, tập sống anh hùng, lãnh tụ. Làm cái gì cũng phải làm hăng, mạnh mẽ ra về ta đây là người không biết sợ, liều lĩnh, không quản ngại khó khăn, và lấy làm hãnh diện khi được khen là bạo, hùng, ngông ngáo. Cái gì cũng phải là « Siêu », ngay cả khi đi tiểu, trẻ con trai thường thách đố nhau vọt thật xa và không hề thẹn vì làm công khai việc đó trong khi đàn bà bao giờ cũng phải tìm một chỗ kín, ngồi mà làm cái việc bất đắc dĩ.

Giáo dục thường cũng vào hùa khuyến khích tính kiêu căng của đứa trẻ được làm con trai. Làm con trai nghĩa là phải « cứng rắn », không chịu khuất phục, bèn nhất và nhất là không biết khóc. Khóc là xấu, không biết thẹn cho đấng nam-nhi. Con gái thì chỉ cho chơi « búp-bê » tập ăn nói dịu dàng, cử chỉ đoan trang, kín đáo cho ra người nết na, đức hạnh.

*Đàn ông tinh khí ngang tàng,
Đàn bà con gái giữ gìn nết na.*

Chính vì thế mà con gái thường được cha mẹ chiều chuộng.

thương yêu hơn con trai, tuy vẫn hãnh diện có con trai. Con gái được quý hơn vì yếu ớt, bé nhỏ, thấp kém. Cũng như giáo sư hãnh diện về học trò giỏi đứng đầu lớp và thương hại những trò đứng cuối lớp. Đưa con trai đòi khi có thể ghen tỵ, và buồn khóc khi thấy mẹ chiều chuộng, săn sóc con gái nhiều hơn. Người cha trông thấy, lời nó dạy theo mình và nói : « Ghen tỵ, làm gì, con là đàn ông. Mặc kệ đàn bà với nhau ». Câu nói biểu lộ một cách linh động thái độ của những người đứng ở vị trí ưu đãi !



KHI con trai con gái bắt đầu khôn lớn, cha mẹ cũng bắt đầu lo lắng cho tương lai của họ. Nhưng hai cái lo thường khác nhau một chút. Con trai thì lo cho nó có công ăn việc làm sau này, và hơn nữa có công danh sự nghiệp để làm mở mày mở mặt gia đình. Vì thế cha mẹ mong cho con trai thông minh sắc sảo để trau dồi kiến thức cho nhiều và hơn người. Còn con gái thì lo sao gả chồng cho êm đẹp, xứng đáng. Mà bởi vì sắc đẹp vẫn thường là tiêu chuẩn cho sự thương đến, nên không gì buồn cho gia đình khi thấy con gái chẳng may thiếu sắc đẹp.

Giáo dục vẫn được quan niệm và tổ chức theo chữ *Đanh* và chữ *Tóng*.

Người con trai lớn tuổi lo học hành, sửa soạn con đường thực hiện công danh sự nghiệp là dự phóng căn bản cuộc đời mình. Dĩ nhiên đồng thời anh cũng lo tìm một bạn đường. Anh chạy theo các thiếu nữ mong gặp một người được chọn trong muôn vàn. Tình yêu bông bột của tuổi trẻ có thể đôi khi làm cho quá mắt không còn thiết gì đến việc cốt yếu là sửa soạn cho có một nghề nghiệp. Nhưng lúc bình tâm, người thanh niên nào biết suy nghĩ đều không thể không nghĩ đến cái việc trước tiên là cần có một chỗ đứng căn bản vững chắc đã, sau mới dám lo đến chuyện lập gia đình. Đàn ông vẫn tự nhận là cột trụ của gia đình, đỉnh ninh mình là chỗ để cho những người thuộc về mình cậy trông, bám víu vào.

Trái lại người con gái không có dự phóng căn bản riêng biệt, mà chỉ là người bạn đường của đàn ông, nên tuổi trẻ không phải là một *sửa soạn*, nhưng là một *chờ đợi*; chờ đợi để mong được đón nhận. Như thế người con gái khi lớn lên, biết mình và biết người *khác* mình là đàn ông, cũng sẽ ý thức về một sự lệ thuộc thiết yếu của phận gái là sống cho người khác (*être-pour-autrui*).

Sự ý thức đó kèm theo một nguyện vọng chóng được chấp nhận. Vì thế nỗi lo lắng căn bản của thiếu nữ là *xuất hiện*; xuất hiện bằng toàn thể thân xác như một lời mời, một tiếng gọi qua mái tóc huyền, đôi mắt nhung, khuôn mặt trái xoan, bàn tay búp măng, nụ cười xinh tươi, bóng dáng uyển chuyển. Nhưng như thế cho rằng thân xác mình tự nó chưa đủ là một lời mời tha thiết, một tiếng gọi thúc bách, nên người đàn bà nào cũng lo lắng trang điểm cho thân xác. Đó là ý nghĩa của sự làm dáng: son phấn, nước hoa, các thứ dụng cụ để đẽo gọt móng chân tay, hay để sửa tóc, mi mắt v.v... Một người đàn bà không có những thứ đó, nghĩa là không trang điểm, không còn phải là đàn bà. Nhất là quần áo, nữ trang được người đàn bà chú ý đặc biệt. Nhưng tất cả những bận tâm, cố gắng trang điểm đó để làm gì, nếu không phải để mong « đẹp mắt » đàn ông, để trở thành đối tượng cái nhìn của phái nam. Muốn được nhìn và nhất là muốn được *công nhận* là ý nghĩa căn bản của trang điểm. Vì nếu không có ai nhìn ngắm và công nhận, thì còn trang điểm làm gì.

Đàn bà, khi đã chồng con đàn đống, có thể lãnh đạm và đôi khi không để ý gì đến trang điểm vì còn mong xuất hiện cho ai? Nhưng khi là con gái, khi còn ở cái tuổi chờ đợi để mong được đón nhận, thì trang điểm là thiết yếu trong dự phóng xuất hiện để được nhìn nhận. Đàn bà sống cho người khác và người khác là nền tảng hiện hữu của mình. Tự mình không dám tự tin ở mình. Khi trang điểm soi gương, có thể tưởng rằng mình đẹp, lộng lẫy nhưng vẫn không dám tin, và chỉ hết bắn khoăn lo lắng nếu chị em bạn hay người ngoài nhìn nhận bằng vài lời khen nịnh. *Đàn bà chỉ là người khi được người khác công nhận.*

Người đàn ông cũng có thể thích ăn mặc đẹp, thích diện, không phải để được chú ý nhìn chỉ như một vẻ đẹp, nhưng là để tỏ bày tính cách « siêu việt » của tư cách đàn ông, chứng chạc, oai vệ, đáng phải tôn trọng, kính nể, tôn phục. Vì thế, y phục của đàn ông nhằm về cái *tiện lợi*.

Mặc quần áo cốt cho ấm, mát, gọn, tiện và đơn giản. (1)
Đàn ông mà cầu kỳ quá vì ăn mặc thường bị chê cười.

Trái lại đàn bà phục sức không theo tiêu chuẩn tiện lợi, nhưng theo cái nhìn của đàn ông. Mặc cốt cho đẹp mắt, quyến rũ, dù bất tiện, hại sức khỏe. Đó là lý do của áo chèn, giày gót cao gót, hay trời rét vẫn mặc áo mỏng vì sợ mất « co » và không thể đi giày bị tất ấm...

Sự lệ thuộc người khác đến tuyệt độ khi đàn bà dùng những phương tiện trang sức trá hình giả dối để tô điểm thân xác. Lệ thuộc vì người đàn bà hoàn toàn tự phóng thả, biến thành sự vật để được nhìn, dù là vật đẹp, phương chi đây là vật đẹp giả hiệu, vay mượn. Đàn bà tự phóng thả khi làm cho người khác yêu thích cái thực sự mình không có.

Nhưng sở dĩ liều tự phóng thả như thế, chẳng qua cũng chỉ vì lo sợ phải xuất hiện thế nào để có thể được nhìn và nhận. Tự hủy để được nhận chẳng phải là một con đường đi tới giải thoát đó sao ? Hãy lắng nghe tiếng than từ nỗi lòng của kẻ chờ đợi và mong được nhìn nhận :

« Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai

hay

Thân em như cái quả xoài trên cây

Gió đông, gió tây gió nam gió bắc

Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành

Một mai vô tình rụng xuống biết vào tay ai ».

Chưa được đón nhận, họ trách duyên số, Tọa hóa :

(1) Về tây phục, tôi chỉ thấy chiếc cà vát là có vẻ thừa.

« Ôi ông trời ơi ! Sao ông ở không công
 Duyên em đã lỗi, em trách ông tơ hồng
 Sao ông khéo trêu người
 Cứ đêm đêm tôi nằm, tôi vuốt bụng tôi gọi trời
 Xin ông thí bỏ cho tôi chút chồng.
 Tôi về tôi làm lẽ tôi tế ông ».

hay đòi chất vấn ông Trời vì duyên số gì :

« Bắc thang lên thử hỏi trăng già
 Phải rằng phận gái hạt mưa sa giữa trời ? »



CON gái đi lấy chồng, theo chồng. Trong những ngày giờ quyết định thời sắp cưới, không người con gái nào tránh khỏi lo lắng, băn khoăn về một tương lai mai sau không biết ra sao vì mình không làm chủ cuộc đời mình.

Người con trai lấy vợ được thêm hạnh phúc vì không mất gì. Người con gái lấy chồng cũng được hạnh phúc khi hôn nhân xây trên yêu đương đích thực ; nhưng dù sao, tình yêu đó cũng không khỏi đượm chút đau khổ nhớ thương cuộc đời cũ và gia đình cha mẹ vừa phải bỏ lại. Cho nên nước mắt ngày cưới vừa có thể là của hạnh phúc vừa có thể là của chia ly.

Về nhà chồng rồi, người đàn bà có nhiệm vụ lo giữ việc trong nhà cho đàn ông tiếp tục làm ăn, gây dựng sự nghiệp :

« Anh cậy em coi sóc trăm đường
 Để anh buôn bán trẩy trương thông hành
 Còn chút mẹ già nuôi lấy cho anh
 Để anh buôn bán thông hành đường xa ».

Thường, không một người đàn ông nào coi hôn nhân, gia đình là dự phóng nền tảng cuộc đời. Dự phóng của đàn ông là Sự Nghiệp, Công Danh, một lý tưởng nào đó để tranh đấu, một nghề nào đó phải thành đạt.

Gia đình đối với đàn ông là việc rất cần thiết, quan hệ, nhưng không phải là cứu cánh. Cuộc đời, vũ trụ của đàn ông không thu gọn trong giới hạn gia đình.

Trái lại gia đình đôi khi chỉ là chỗ dừng chân, bước nghỉ rất cần thiết đấy. Không có không được. Nhưng không phải là cùng đích. Không phải là đàn ông không tha thiết đến gia đình. Nhưng dù tha thiết đến đâu đi nữa, người đàn ông vẫn cảm thấy những trách nhiệm đợi mình ở ngoài lãnh vực gia đình.

Còn người đàn bà thường coi chồng con gia đình là cuộc đời, tất cả vũ trụ của mình. Dự phóng căn bản của người vợ, người mẹ là chăm nuôi con, chồng để cho họ thực hiện dự phóng của họ. Cho nên từ sự làm việc cho đến đời sống tình cảm, người đàn bà chỉ có một đối tượng : chồng và con cái.

Biết bao nhiêu hiểu nhầm, bi kịch gia đình đã diễn ra vì dự phóng căn bản của hai người khác nhau. Tại sao chồng không hoàn toàn là của gia đình, *thuộc về* vợ con ? Hỏi như thế là đúng ở dự phóng của đàn bà và đã hẳn là không bao giờ hiểu được đàn ông. Cuộc đời của đàn ông là ở ngoài gia đình, trong trường chính trị, hoạt động xã hội, nghề nghiệp như người lính ngoài mặt trận, chỉ về gia đình để tạm nghỉ, và mong đợi ở gia đình, tình yêu, sự triu mến hàn gắn những vết thương, nâng đỡ những khó nhọc mang từ ngoài đời về.

Rồi ngày hôm sau, lại lên đường... Chính vì thế mà đàn ông không bao giờ coi tình vợ chồng, con cái là tất cả. Trên con đường tranh đấu, đàn ông cần những tình bạn đến nỗi, đôi khi ở một khía cạnh nào đó, tình bạn sâu xa hơn cả tình vợ chồng. Trừ trường hợp người vợ cùng học-lực, năng khiếu, cùng chia xẻ hoàn cảnh đời sống tranh đấu của chồng, sự thông cảm hoàn toàn trên mọi lãnh vực có lẽ sẽ dễ dàng thực hiện ; còn phần đông thường có những phân biệt. Có những bí mật gia đình mà bạn bè chỉ thân cũng không thể cho biết. Nhưng ngược lại, có những điều chỉ có thể nói với bạn bè, không nên nói với gia đình hay rất khó nói. Không phải vì đó là điều xấu, nhưng vì không lợi hay không cần cho biết. Nhiều

khi đàn ông cũng còn cần cả bạn chơi. Theo họ nghĩ và giải trí ở nhà đâu có phải là giải trí, nghỉ ngơi hoàn toàn !

Cho nên hôn nhân đôi lúc cũng không thực hiện được sự hiểu nhau và thông cảm hoàn toàn giữa người hai phái. Nói cách khác, sự hiểu nhau, dễ dàng của những người cùng một phái không bị tiêu diệt trong đoàn tụ hôn nhân.

Nếu đàn bà coi sự « gái thời giữ việc trong nhà » là tự nhiên—sự thế là phải như thế — và bằng lòng chấp nhận, đàn bà sẽ ra tay tổ chức gia đình, biến cái nhà tù giam hãm mình thành một nước nhỏ mà mình thực sự là Bà Chúa.

Đàn ông không coi gia đình là dự phóng nền tảng, nên không chú trọng đến việc trang hoàng, thu xếp gia đình. Nếu cần đề ý, thì mục đích là mọi sự trong nhà sao cho tiện gọn. Với người đàn bà mà vũ trụ thu hẹp vào lãnh vực gia đình, mục đích không những là tiện gọn, mà còn phải là đẹp, xinh. Vào một nhà, có bàn tay người đàn bà thu xếp, bày biện, hẳn là phải thấy khác nhà một anh chàng độc thân chẳng hạn.

Sau khi đã từ chối cuộc đời bên ngoài, tự giam hay bị giam trong khuôn khổ gia đình, người đàn bà tự coi là Chúa một sơn hà nhỏ bé. Nhất mỗi khi đêm về, bóng đen hư vô hóa cuộc đời bên ngoài, vì còn thấy gì đâu, chỉ còn căn nhà, khu vườn của nàng tràn ngập ánh sáng, lúc đó nàng cảm thấy như làm chúa một thế giới mà nàng phát biểu ý kiến sai bảo, ra lệnh cho toàn thiên hạ từ chổng đến người giúp việc và cả súc vật. Đêm là thời gian ngự trị của đàn bà. Ban ngày, ánh sáng làm xuất hiện cuộc đời bên ngoài như một thực tại chứa đựng những triển vọng về vô hạn, làm cho nàng khó chịu vì ngoài kia không phải là lãnh vực tung hoành của nàng. Nhưng đêm về, tình thế đổi ngược hẳn lại. Bên ngoài trở thành im lìm và gia đình trở nên sống động, dành cho nàng quyền làm chủ và cai trị. Nhưng nàng không biết rằng nàng chỉ được lo toàn những công việc tiêu cực. Sự tranh đấu của nàng là một sự chống lại tất cả những cái gì xấu, bẩn, không phải là một hoạt động hướng về sáng tạo. Làm bếp, giặt ủi, săn sóc đau ốm, quét dọn

cửa nhà toàn là công tác tiêu cực, để làm cho nàng nhìn sự sống như một đe dọa của hư hỏng, của đồ vỡ và do đó nàng luôn luôn bị sự sạch sẽ ám ảnh : lúc nào cũng chỉ lo cái bàn bụi, cái thảm bẩn, trần nhà có mảng nhện. Hễ có người vào, nàng lo cái hè có thể nhóp, cái ghế có thể bị quẹt bẩn, cái khăn có thể bị sờ nhờn. Nàng thích đóng cửa vì sợ bụi vào, ánh sáng làm héo hoa hay côn trùng, rấn rết vào căn quần áo, chăn màn, nhện, làm bẩn tường, trần. Uy quyền của nàng là ở những mệnh lệnh tiêu cực : đừng sờ, đừng làm bẩn, đừng ngắt hoa, không được bày bừa... để khỏi nhờn, khỏi vỡ, khỏi hư hỏng. Thành ra nàng sợ tất cả những cái sống động và không được biết đến cái thú cuộc đời. Xử dụng, tiếp xúc, dù có va chạm và nhờ xảy ra đồ vỡ, hư hỏng.

Không có dự phóng tham dự vào sự sáng tác, người đàn bà không biết dựng nên cái tốt, mà chỉ biết giữ gìn cái tốt đã có bằng cách xua đuổi cái xấu. Đề phòng, tiêu diệt cái xấu đó là thái độ tiêu cực của người chỉ biết giữ gìn, bảo vệ cái mà chính mình không tạo ra. Và như thế, thực ra đàn bà không phải là chúa, chủ gia đình, nhưng chỉ là người gác, coi sóc cho người, những cái không phải mình làm ra.

Người đàn bà có lẽ trong tiềm thức cũng nhận thấy thế nên tìm cách hướng về những việc làm tích cực hơn. Nàng sẽ tìm thấy, khi ra khỏi nhà, để đi chợ, mua hàng. Chợ búa, các cửa hàng là ngoại giới của nàng, nơi mà nàng có thể tung hoành thi thố tài năng tháo vát, khôn khéo của mình trong việc mua bán, mặc cả, chọn lựa. Nàng thường làm những việc đó một cách rất tỷ mỉ và gay gắt không phải hấn vì tiết kiệm, nhưng để tỏ ra nàng cũng hiểu biết đời như ai và biết đem về mình phần hơn trong việc giao thiệp cạnh tranh với đời. Về điều đó chỉ đàn bà mới biết mua rẻ, hoặc đúng giá, chọn được hàng tốt, thức ăn ngon.

Đàn ông thì chịu thua hẳn rồi. Vải có trăm nghìn màu, chỉ khác nhau xuyết xoát, hàng có trăm nghìn kiểu, chỉ có đàn bà mới để ý những chi tiết nhỏ mọn, mới chọn đúng hàng và trả đúng giá. Đàn ông đi chợ, đi phố mua đồ là như thế nào

cũng bị hờ, và gây dịp cho đàn bà được cười một cách khoái trí. Đó là cái cười trả thù của kẻ thắng trận. Đàn ông thường không bao giờ phản đối, và im lặng dễ dàng đón nhận. Nhưng đàn bà có biết đâu là họ đang nghĩ thương hại về một sự nhỏ bé của đàn bà.

Rút cục, người đàn ông vẫn giữ vị trí ưu đãi. Còn đàn bà trong gia đình, tuy là một trung gian thiết yếu nhưng cũng chỉ là một trung gian.

Đàn bà như chỗ tựa, quán trọ để cho đàn ông nghỉ một chút trước khi tiếp tục đi con đường của mình. Đời người đàn ông là ở chỗ khác. Đời người đàn bà thiết yếu là trong gia đình. Đàn ông là cha, nhưng còn là một địa vị xã hội, một nhân vật trong khi đàn bà *trước hết* là vợ, mẹ, nếu không phải *chỉ* là vợ, mẹ. Như bà Simone de Beauvoir đã than thở :

« Đàn ông lập gia đình không phải để chôn vùi mình trong đó, để không bao giờ ngó đầu ra ngoài nữa, nhưng họ vẫn như tự do. Đàn ông ấn định một chỗ đứng, nhưng vẫn giữ trong lòng một con người giang hồ. Họ không khinh dễ hạnh phúc gia đình, họ chỉ không coi hạnh phúc đó là cứu cánh nội tại. Thói quen làm cho họ buồn tẻ, và đi tìm cái mới lạ, cái nguy hiểm, bạn bè thân hữu lôi kéo họ ra khỏi cảnh cô đơn hai người »
(Le Deuxième sexe).

Đàn ông tự cho mình cái quyền vươn lên khỏi gia đình vì dự phóng căn bản của họ là sự nghiệp ; Và đó là chính đáng vì vượt lên không phải là xóa bỏ nhưng là vẫn giữ gìn trong khi vượt lên. Họ chỉ không ngừng lại ở ngưỡng cửa gia đình thôi, trong khi đàn bà phải dừng lại ở ngưỡng cửa đó.

Cho nên cuộc đời bên ngoài, trên mọi lãnh vực đều do đàn ông xây dựng hay phá đổ ; một vài người đàn bà vượt khỏi thông thường, chen vai với đàn ông ngoài xã hội, chỉ là những trường hợp đặc biệt. Khuôn mặt cuộc đời và thời gian vẫn là khuôn mặt đàn ông.

Dù có thay đổi cái gì nữa, đàn bà vẫn dựa vào đàn ông và

tiêu biểu cho địa vị xã hội, sự giàu có, danh giá của đàn ông: Bà Bộ Trưởng, Bà Giám đốc, Bà Bác sĩ . . . Trong hội hè, tiếp tân các bà phục sức thật sang trọng cho xứng đáng với chức vị của chồng, nhưng biết nói gì với nhau ngoài mưa gió, con cái, ăn mặc, người làm, hay bàn về những vấn đề mà các bà học được vài ý tưởng của chồng hoặc là khoe chồng...

Như thế là làm tròn chữ « Tòng », mà từ ngàn xưa một định mệnh nào đó đã gán cho người sinh ra làm đàn bà.

Người đàn ông tin mình có một vị trí ưu đãi đến nỗi có thể nhận chịu thua một người ở vị trí thấp kém, vì họ hiểu rằng sự thua thiệt kia chẳng qua chỉ là một sự không chấp nhận.

Đàn ông thường không thể bạo động với đàn bà vì biết rằng mình mạnh hơn ; nhưng đàn bà, người vợ dễ có những cử chỉ bạo động với chồng hay con trai lớn như hò hét la lối, đập đánh. Tại sao đàn bà không có những cử chỉ đó với con cái nhỏ ? Cho nên những cử chỉ bạo động đó thực sự biểu lộ một thái độ chiến bại, bất lực. Chính vì không thể làm gì khác để bắt chồng hay con trai lớn theo mình mà người vợ, người mẹ biểu lộ sự bất lực bằng những cử chỉ đập đánh không vào đầu và la lối om xòm. Đàn ông nhịn nhục không phải vì « sợ vợ », nhưng vì không muốn làm xon xao hàng xóm và cho yên cửa nhà. Người đàn ông vẫn ở vị trí cao hơn.

Hoặc trong việc hôn nhân, ngày nay, không xảy ra hiện tượng người thiếu nữ khinh những người cùng lứa tuổi hoàn cảnh như cùng lớp học không thêm giao thiệp và có thể hãnh diện vì sự « làm cao » ở vị trí ưu thế của mình. Nhưng sở dĩ nàng khinh bạn học cùng lớp là vì nàng đã « có chỗ » định rồi một chỗ chắc chắn, đảm bảo. Người chồng sắp cưới là bác sĩ được sĩ, kỹ sư, và vì thế không cần đề ý đến những người mới chỉ là thư sinh, tương lai còn mờ mịt chưa biết về đầu, làm sao nàng có thể an tâm gửi thân vào những người vô định. Gia đình và chính nàng đều đồng ý như thế. Nhưng người thiếu nữ cao kỳ kia đã không nhận thấy rằng người bạn trai trong lớp hôm nay mà mình lãnh đạm, khinh khi cũng sẽ là đích hướng lên của

các thiếu nữ lớp dưới trong ba, bốn năm nữa. Như thế đàn bà vẫn là nhìn lên, «hương thượng» và rút cục, người đàn ông không cần vì họ vẫn giữ vai chủ **động**, còn đàn bà vẫn lệ **thuộc** cho nên bao lâu đàn bà vẫn «hương thượng» và lo lắng dạy nhau những cách thức chiều chồng, làm đẹp mắt chồng như những báo phụ nữ vẫn sốt sắng làm, thì đàn bà dù **hồ** hào bình đẳng, tự lập **đến** đâu đi nữa, đàn bà vẫn là người lệ **thuộc**.

HUYỀN THOẠI

Bị đặt trong hoàn cảnh thấp kém, người đàn bà thực sự bị áp bức. Nhưng **đàn** ông lại khéo che giấu sự áp bức đó dưới những thần thoại nhằm ca tụng, **tôn** sùng người đàn bà. Họ đều xử theo lời khuyên bảo của Balzac : *coi đàn bà như nó lệ mà vẫn suy tôn đàn bà làm Hoàng hậu. Văn chương, nghệ thuật, luân lý, tôn giáo, lịch sử, trên phạm vi nào người đàn bà cũng được ca tụng, như thần tượng. Trong văn nghệ, đàn bà là người đẹp tuyệt đối, vẻ đẹp trên hết mọi vẻ đẹp và hơn nữa tượng trưng cho mọi vẻ đẹp. Người con gái là tinh hoa sắc thái của thành phố, dân tộc. Hình ảnh ghi lại khi qua một thành phố, một nước là hình ảnh người thiếu nữ. Họ tô điểm cho cuộc đời như một hiện diện cần có tuy không phải là cái cần thiết hiều theo nghĩa dụng cụ, nhưng cần thiết theo nghĩa cái nhưng không. Chính vì thế mà đàn bà gần như thiên nhiên. Mà trong thiên nhiên thì không gì đẹp bằng hoa. Cho nên người con gái là bông hoa cuộc đời. Tên họ là tên hoa và màu sắc, những tà áo rung rinh phát phối gợi lên hình ảnh một vườn hoa muôn màu tươi thắm. Tượng trưng cho vẻ đẹp, người con gái là giấc mơ của đàn ông. Họ là vật hữu hạn, nhưng mơ ước cái vô hạn, tuyệt đối, nghĩa là còn một cái gì trong trắng, trinh bạch, chưa hề bị hoen ố, như bản như một hoài niệm hay một hy vọng. Con gái là *nàng tiên* của lòng người đàn ông, cái mà họ nhớ tiếc như không bao giờ tìm thấy lại hay cái mà họ mong ước như không bao giờ đạt tới, **hay** đúng hơn cái mà họ chỉ nên vươn tới mà không nên đạt tới. Những tình cảm đó từ thuở nào vẫn là nguồn suối văn chương nghệ thuật, nhất là thi ca.*

Cho nên không có thi sĩ nào không ấp ủ một nàng thơ, vị thần khai thác cho nguồn cảm hứng.

*« Với nàng thơ, tôi có đàn muôn điệu
Với nàng thơ, tôi có bút muôn màu »*

Thế-Lữ

Luân lý tôn giáo đặc biệt ca tụng người vợ, người mẹ. Nàng là hiền phụ, hiền mẫu mà lòng hy sinh rộng như biển cả và vẻ nhân từ không sao tả được. Nàng là mẹ. Mẹ của một gia đình và mẹ luôn cả cuộc đời. Đất mẹ, Tổ quốc cũng là mẹ. Mẹ là nơi con người sinh ra, và trở về an nghỉ, bồi dưỡng; Mẹ là cánh tay ôm lấy mọi đau khổ và tấm lòng đón nhận mọi oan trái cuộc đời. Một Maria, một Quan-âm Thị-Kính là những hình ảnh chứa chan tình tự về người Mẹ.

Còn lịch sử, dĩ nhiên là người đàn bà được quyền ưu tiên rồi. Bà lên xe, được dành chỗ êm nhất, bà rời xe có người mở cửa, đỡ xuống.

Chỗ nào đàn bà đi đến, chỗ đó tự động thi hành sự nhường nhịn. Vì đàn bà là bà Hoàng, nên phải « nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. »

Nhưng thực ra sự chiều đãi, sẵn đón, ca tụng một cách nhún nhường đôi khi chỉ là một kỹ thuật chinh phục :

*« Thân em như hoa gạo trên cây
Chúng anh như đám cỏ may bên đường
Lạy trời cho cả gió sương
Cho hoa rụng xuống chui luồn cỏ may ».*
*« Thân em như cái sập vàng
Chúng anh như manh chiếu rách giữa đàng bỏ quên
Lạy trời cho gió cả lên
Cho manh chiếu rách trải trên sập vàng.
Thân chị như cánh hoa sen
Chúng em như bèo, như bọt chẳng chen được vào
Lạy Trời cho cả mưa rào*

*Cho sấm, cho chớp, cho bão to gió lớn
Cho sen chìm xuống, bèo trôi lên trên ».*

Nhưng tại sao tất cả những « quảng đại » trên kia đối với đàn bà đều do đàn ông tạo ra ? Có phải vì đàn ông chỉ muốn tôn trọng và ca tụng người đàn bà như một giá trị tự tại ? Hay chẳng qua chỉ là một chiến thuật, để làm cho người đàn bà dễ dàng đi vào những dự định chiếm đoạt của mình bằng cách tạo cho họ một hư danh. Ngày nay, có thể nói hình ảnh người đàn bà ngự trị khắp nơi và cả một kỹ nghệ lớn lao được thiết lập để phục vụ cho đàn bà như các nhà máy hóa học chế tạo các thứ dụng cụ trang điểm, sửa chữa gia tăng sắc đẹp. Nhưng phải chăng, cũng chỉ vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa : và ca tụng, tô điểm cho đàn bà thật đẹp, thật hay, chẳng qua cũng chỉ là để tăng thêm thú nhìn ngắm và hưởng thụ. Được ca tụng, suy tôn đến đâu đi nữa, đàn bà vẫn chỉ là đối tượng cái nhìn, là đồ chơi, vật để mà hiến dâng cho đàn ông. Ngay cả luân lý, pháp luật, đôi khi cũng chứa đựng một dụng ý ích kỷ. Đàn ông bày ra những đức tính và luật lệ bắt người đàn bà giữ nét tiết trung, tam tòng tứ đức.... để sự chiếm đoạt đàn bà được bảo đảm trong trật tự và để sự hưởng thụ được đầy đủ toàn vẹn :

*« Trai làm nên năm thê bảy thiếp
Gái làm nên thủ tiết thờ chồng ».*

Đó là sự giả hình sâu sắc của người đàn ông, một thứ giả hình chính đàn ông làm mà thường không biết mình làm. Ngoài xã hội, họ là những vị giám đốc, những quan tòa, giáo sư, dạy đạo lý, pháp luật, nhưng trở về đời tư, họ sống theo những đòi hỏi của tự nhiên sau khi đã xếp lại một chỗ con người đạo mạo của họ. Họ bỏ hào thuần phong mỹ tục cổ võ luân thường đạo lý, kết án gay gắt ngoại tình, phá thai, nhưng bỏ sở về nhà, họ tha thứ cho cái nhìn tình tứ lời cuốn người đàn bà của ông bạn hàng xóm vào con đường ngoại tình, hay thả lỏng cho những chuyện tán tục một cách thích thú giữa đàn ông với nhau.. Hay chẳng hạn nạn mãi dâm. Phải nhận rằng vì có đàn ông đòi hỏi, mới có mãi dâm. Nhưng hình như xã hội

chỉ nghiệm khắc với người đàn bà thường là bất đắc dĩ đi làm nghề đó, xã hội tố cáo họ là sa đọa, dĩ thảo, khinh miệt họ như hạng người đáng bỏ nhất trong xã hội, dăng cả tên ảnh họ ở báo chí, trong khi khoan hồng với đàn ông đi chơi, và nhất là với những ông lớn nào đó có chức tước, địa vị cao cả, quan trọng vì danh dự công ích, uy tín chính trị không nên đụng chạm đến.

Đàn ông thường chê những cái lỗ, nốt xấu của đàn bà như lằng lơ, thích khoe khoang, nhát gan, ủy mị, lãng mạn, mau nước mắt v.v... nhưng chính những cái đó vẫn làm cho đàn ông thích và tới gần người đàn bà. Bề ngoài, một cách trịnh trọng, họ vẫn phê bình và lên án những cái mà nếu không có những cái đó, đàn bà không còn trở thành vật quyến rũ, người đáng yêu, đáng đón nhận của họ.

Những điều bi đát là chính đàn ông không biết cái *phận* đàn ông của mình ; thực sự cũng yếu đuối, hèn kém như ai trong dự phóng yêu đương và sự nghiệp của họ. Nói cách khác, đàn ông cũng có thể là một người thiết yếu sống cho người khác (*être pour autrui*).

Muốn được yêu đương hay làm đẹp lòng người đàn bà mà họ yêu, đàn ông có thể liều ~~đắm~~ chân lên danh dự, lương tâm, phẩm cách làm người và thừa can đảm làm mọi điều hèn nhát.

Cũng như khi muốn có công danh sự nghiệp, đàn ông không quản ngại khó khăn gian lao cố gắng hy sinh. Nhưng đáng lẽ chỉ nên nhìn địa vị, chức tước như phương tiện, thực hiện đạo làm người, họ lại coi những phương tiện đó như cứu cánh cuộc đời và do đó họ đã tự phóng thể bằng cách không còn sống cho mình, nhưng cho thiên hạ, theo cái nhìn của người khác. Họ tự phóng thể khi mong ước trở thành *thế nọ*, *thế kia* để được tôn trọng kính nể theo phán đoán của xã hội. Suốt đời cố gắng theo đuổi lập công danh xây sự nghiệp để mong được người khác *nhìn* và *nhận*, đôi khi ngay cả đến cái chết họ cũng không muốn chết cái chết *của mình* lúc thần chết đã đến ngưỡng cửa, đầu giường ; vì đến lúc đó họ cũng vẫn chỉ

lo làm sao chết cho thiên hạ khỏi chê cười. Họ sợ người khác, háo danh vọng đến nỗi cái chết cũng không được coi như một cử chỉ cuối cùng của một người trách nhiệm cuộc đời mình, mà không ai có thể làm thay cho được. Với họ, sự già từ vĩnh viễn kia không phải là *cái chết*, nhưng chỉ là *một đám ma*.

Cho nên đàn ông còn có thể là người sống cho người khác mà nỗi lo lắng của họ cũng là làm sao *xuất hiện* trước cái nhìn của người khác để được công nhận. Như thế đâu còn gì là vị trí tự do, tự tại? Nhưng sở dĩ đàn ông vẫn tự do, tự tại khi nhìn đàn bà vì họ có thể quên tình cảnh thực sự của mình. Đó là một thứ tâm lý biểu lộ một *khía cạnh* siêu hình sâu xa về con người: càng yếu hèn, tội lỗi, càng noi *nhiều* đến Cao *thượng* Đạo đức; càng thấp càng tưởng mình cao. Ai cũng biết khi hỏi bầy trẻ: Đứa nào ăn cắp, *thì* thường đứa *thực sự* ăn cắp sẽ lên tiếng trước tiên để *tố cáo* đứa bên cạnh. Tố cáo là một cách tự thú. Người yếu hèn, tội lỗi bao giờ cũng có mặc cảm tội lỗi; Nhưng bởi vì họ họ ghét cái xấu họ có mà không sao bỏ được nên họ thường chuyển nó sang người khác. Kết quả là họ *quên* họ xấu và tưởng người khác là cái xấu mà họ có. Nhưng vì vẫn còn mặc cảm tội lỗi, tuy bây giờ mặc cảm đó ở tình *trạng* tiềm thức, nên khi nói đến cái xấu đó, sự lo sợ *biết* mình xấu làm cho họ phải tố cáo cái xấu đó nơi người khác. Tố cáo để ngăn chặn mặc cảm tội lỗi ở tiềm thức không thể *xuất lộ* thành ý thức và do đó được an tâm là người không có tội trong ý thức. (1)



CHO nên người đàn bà giác ngộ, tất nhiên phản kháng cái tình cảnh mà đàn ông đã tạo nên cho mình bằng cách tố cáo những *ngụy trang* của người đàn ông.

(1) Tâm lý đó không những chỉ thấy trong tương quan giữa đàn ông đàn bà, mà còn giữa người với người nói chung. Cho nên phải hoài nghi những người hay tố cáo đối phương và hay nói đến Đạo đức, tôn trọng những giá trị tinh thần, tự do v.v... Sự tố cáo đó phải chăng cũng là một tự thú. Chúng ta đang sống ở một thời đại, mà những danh từ hòa bình, tự do, nhân phẩm v.v... được nói đến nhiều hơn hết, nhưng thực sự cũng là một thời kỳ mà những giá trị đó bị chà đạp hơn bao giờ hết. Sự tố cáo lẫn nhau và quá quyết lý thuyết kia phải chăng biểu lộ một tình trạng bạo động, tội lỗi của chính mình và do đó, có một sự thiếu sót lớn lao những giá trị đó ngày nay trong nhân loại?

Bị giản lược vào mặt đồ chơi, một vật dễ được nhìn và hiển dăng cho đàn ông, người đàn bà mất tự do xác định mình là một người, một chủ thể. Nếu chỉ là một đồ chơi luôn luôn cần được tô điểm, không thể cấm đàn bà là vật dễ ngấm cho mọi người, vì con người nàng vẫn có thể kêu gọi thêm muốn nơi những người khác. Nói cách khác, người chồng không sao giữ độc quyền được vợ, nếu người vợ chỉ là một cái dễ hưởng thụ, một vật sở hữu.

Do đó, trong hoàn cảnh bị áp bức, người đàn bà giác ngộ, muốn đòi lại quyền làm người tự do chỉ có một cách chấm dứt tình cảnh « bị coi như sự vật » là ngoại tình.

Ngoại tình trong mơ ước, trong hành động. Trong ca dao, các phần lớn nói về tương quan đàn ông đàn bà là ngoại tình xuất hiện như một tổ cáo lòng ích kỷ của đàn ông được luân lý, pháp luật mà họ làm ra che đậy, và phản kháng tình cảnh bất công mà người đàn bà phải chịu.

Đây là những ý nghĩ và ước muốn của đàn bà đang khi có chồng ở bên cạnh :

« Anh đánh thì tôi cũng chịu đòn
 Tính tôi hoa nguyệt mười con chẳng chừa
 — Chính chuyên chết cũng ra ma
 Lẳng lơ chết cũng đem ra cánh đồng
 — Có chồng càng dễ chơi ngang
 Để ra con thiếp, con chàng, con ai.
 — Em thấy anh, em cũng muốn chào
 Sợ anh chồng cũ, hấn dưng bờ rào hấn trông
 Hấn trông thì mặc hấn trông
 Đã quyết một lòng, ta quyết lấy nhau ».

Lúc chồng vắng nhà :

« Hai tay cầm hai quả hồng
 Quả chát phần chồng, quả ngọt phần trai
 Nằm đêm vuốt bụng thở dài
 Thương chồng thì ít, nhớ trai thì nhiều.

Và không sợ hãi, đi vào ngoại tình lúc chồng vắng lâu ngày :

*« Hỡi cô mặc yếm qua tầm
 Chồng cô đi linh, cô nằm với ai
 Có nằm có để thằng bé con trai
 Chồng về chồng hỏi con ai thế này
 Con tôi đi kiếm về đây
 Có cho nó gọi bằng thầy thì cho,*

Đàn ông lúc xa nhà, tự cho mình có thể bậy bạ vì hành động ngoại tình không để lại một dấu vết gì trong thân thể. Thân xác đàn ông không phải là cái mồi dễ bị chiếm đoạt và biến đổi do người chiếm đoạt. Người đàn ông trước sau hành động vẫn là mình, nguyên vẹn. Đàn bà thì trái lại. Có lẽ vì thế mà xã hội đàn ông không cho đàn bà cái quyền của kẻ ở vị trí ưu đãi. Sau khi chồng chết, đàn ông được dễ dàng tái giá, đàn bà phải theo con, thờ chồng. Vẫn là luật của kẻ ưu thế. Nhưng :

*Hỡi thằng cu lớn, hỡi thằng cu bé
 Cu tí, cu tị, cu tỉ, cu ti ơi.
 Con dạy con ăn ở với bà
 Để mẹ đi kiếm một vài con thêm
 Bố con chết đi, trong bụng mẹ đây, nó hãy còn thêm
 Mẹ xem quả bói, vẫn còn đàn em trong bụng này
 Con ra gọi chú vào đây
 Để mẹ giao trả cái cơ nghiệp này mẹ đi*



TRONG thái độ phản kháng trên của người đàn bà, rung động ước mơ thực hiện một dự phóng căn bản xác định đàn bà như một cứu cánh tự tại.

Do đó, không có phận đàn bà là đi theo tùy thuộc như thế một định mệnh. Mở đầu cho bộ sách về phái thứ hai (le deuxième sexe) Simone de Beauvoir đã viết : « Người ta không sinh

là đàn bà, người ta trở thành đàn bà » (On ne naît pas femme, on le devient). Chính đàn ông đã dựng nên những hoàn cảnh lệ thuộc, tạo ra những lễ nghi, thần thoại để biện chính, che giấu sự lệ thuộc. Đàn ông đã tạo ra một hoàn cảnh trong đó người đàn bà không thể không thụ động, rồi tuyên bố, giải thích đàn bà là thụ động, như thể thụ động là bản tính của người sinh ra làm đàn bà.

Tất cả sẽ thay đổi nếu thay đổi hoàn cảnh. Hãy coi đàn bà như một dự phóng căn bản và công nhận dự phóng đó bao hàm ngay trong sự hoàn tất cuộc đời riêng biệt, tự lập của họ ; rồi tạo ra những hoàn cảnh được qui định bằng những căn bản pháp lý, luân lý, chế độ (institution) để người đàn bà có thể thực hiện dự phóng căn bản của họ, người ta sẽ thấy sụp đổ những thần thoại lâu dài hàng thế kỷ mà đàn ông đã hịa ra để buộc người đàn bà vào một hoàn cảnh bế tắc và đề nghị một giải pháp cho họ là chấp nhận thụ động như một thân phận. Dĩ nhiên không phải chỉ tuyên bố bình đẳng, tự do trên giấy tờ hay trong những bài diễn văn, nhưng thiết thực đem những giá trị đó vào trong hoàn cảnh sinh sống, để cho đàn bà có thể thực hiện được những dự định của họ ; không phải là cái có thể, theo nghĩa trừu tượng, nhưng là cái có thể thực sự có thể. Đừng bắt chỉ làm bếp, vá may và để cho đàn bà đi học, họ cũng sẽ thông minh và thành công rực rỡ chẳng kém gì đàn ông. Đừng giam họ trong nhà, hãy để họ vươn ra ngoài xã hội, trường đời, tranh đấu, họ có thể làm được mọi cái đàn ông làm như đàn ông, tuy làm cách khác đàn ông. Hãy cho họ môi trường hoạt động, họ sẽ không thiếu gì sáng kiến và óc tranh đấu. Chẳng có địa vị nào hiện nay đàn ông đang chiếm giữ mà đàn bà không thể vươn tới, miễn là để họ thực sự có điều kiện vươn lên.

Và thế là hết hình ảnh của kẻ « tháp tùng » chỉ biết đi theo.

Xã hội ngày nay đang tiến về một hình ảnh lứa đôi như hai bạn đường, mỗi người theo đuổi một dự phóng căn bản của đời mình nhưng đi chung với nhau về một phương trời : Cả hai đều tự do lựa chọn nhau để cùng đi chung, ít sự khác

biệt và **thiên** kiến về tuổi, địa vị xã **hội**, **học** lực, cùng làm việc, giải tri, du ngoạn chung cùng chia xẻ **việc** nội trợ, **sản** sóc con cái, cùng tham gia vào những sinh hoạt xã **hội**, hay **hội** đoàn câu lạc bộ (1).

Do đó người đàn bà cũng có thể xây dựng sự nghiệp, đạt tới công danh, cùng với đàn ông. Ý nghĩ đích thực về sự dựng nên đàn ông đàn bà trong kinh Thánh là một công tác giữa những bạn đường cùng hướng về một đích. Đàn ông đi một mình thì buồn, cần có bạn đường cùng đi, nhưng bạn đường khác hẳn người tháp tùng. Đàn bà là người bạn đường, không phải người tháp tùng chỉ « đi theo » để phục vụ người **minh** theo.

PHẬN LỬA ĐÔI

ĐẾN đây, người ta thấy rằng những phận định ngôi thứ cao thấp, vị trí ưu thế không thuộc về bản tính của đàn ông hay đàn bà như là thân phận làm người. Không ai sinh ra bó buộc ở phận hèn cả. Sự phân định đã xảy ra trong lịch sử lửa đôi cũng như sự phân chia giai cấp giữa người với người nói chung, đều do những hoàn cảnh mà con người hoặc đàn ông đàn bà đã tạo lẫn cho nhau. Hoàn cảnh thuộc phạm vi ngẫu nhiên không có tính cách tất yếu và vì thế có thể thay đổi. Trong lịch sử, đàn ông đã tạo ra một hoàn cảnh xã hội trong đó đàn bà chỉ là người « tháp tùng » phục vụ đàn ông và người đàn bà chỉ có hai lối cư xử, hoặc là chấp nhận thụ động như phận bầm sinh và tìm hạnh

(1) Bên Âu Mỹ, rõ ràng hơn ở Việt-Nam. Người đàn bà không thiết yếu bị gò bó ở nhà. Cùng đi làm chứ không ngồi cả ngày đợi chồng đi làm về, thể thao chung với nhau; con cái có thể gửi ở vườn trẻ. Sự biến đổi đó bộc lộ trong y phục phụ nữ Âu Mỹ. Không phải lúc nào họ cũng môi son má phấn, quần áo ~~lướt~~thướt, giày dép cao gót để xuất hiện chỉ như một vật để nhìn; nhưng những lúc đi làm, họ bận đồ rất gọn, tiện, giữ gìn sức khỏe (mặc cốt ấm, đi giày bít tất.) Đàn bà Việt-Nam chưa tới chỗ đó tuy cũng đã đi làm như đàn bà Âu-Mỹ. Y phục phụ nữ Việt-Nam kể không tiện cho sự làm việc, hơn nữa càng ngày càng đi đến chỗ bất tiện, trong khi đàn bà càng ngày càng tự đòi lấy nhân phẩm bằng cách đi làm. Nhất là lối mặc đồ mỏng nửa kín nửa hở. Người ta thường cho đàn bà Việt Nam ăn mặc kín đáo, nhưng sự thực lại kêu gọi hơn cả Âu-Mỹ nhiều, vì không gì kêu gọi bằng cái nửa kín nửa hở dù có che khắp cả thân hình.

phúc lễ sống trong phạm thấp kém đó hoặc là phản kháng bằng ngoại tình trong mơ ước hay hành động (rất hiếm trong xã hội cũ).

Ngày nay, người ta đang có thể vươn tới một hoàn cảnh đồng đều mà đàn ông đàn bà đều có những may mắn, những điều kiện như nhau để thực hiện những dự phóng xác định là người, là một cứu cánh tự tại, tuy với cách thể riêng biệt ở đời của mình với tư cách đàn ông hay đàn bà. Như thế đã hẳn không ai sinh ra là lệ thuộc. Người ta chỉ trở thành vật cho người khác hoặc là vì tự mình buộc lấy cho mình hay tự mình nhận chịu sự ép buộc của người khác. Mọi người đều có thể là cứu cánh tự tại; tuy trên đường thực hiện dự phóng cuộc đời của mình, họ đi chung với nhau và cộng tác với nhau.

Nhưng hình ảnh về một lứa đôi gồm đàn ông đàn bà cộng tác với nhau trong tự do yêu đương và bình đẳng tôn trọng lẫn nhau cũng như hình ảnh về con người với người nói chung cộng tác với nhau trong tình nhân loại tự do bình đẳng v.v... phải chăng chỉ là lý tưởng, một viễn ảnh mà con người muốn vươn tới? Thiết thực, có thể tránh khỏi hoàn toàn tình cảnh phóng thể mà người ta hay đòi lứa tạo cho nhau không?

Người ta thấy rằng ngay cả nơi hoàn cảnh đồng đều thực hiện đến mức độ cao nhất, vấn đề đàn ông đàn bà vẫn đặt ra và nhiều khi một cách rất gắt gao bi đát, như thể là bắt nguồn từ một cái có thể gọi là huyền nhiệm của phái tính. Ở dưới những hoàn cảnh ngẫu nhiên, hình như có một hoàn cảnh chung nền tảng mà cả hai đều tham dự. Hoàn cảnh nền tảng đó là đàn ông đàn bà cả hai cùng đi một đường, sát cạnh nhau, cần thiết cho nhau dù chỉ để mà có thể nói lên « Trời đẹp » như Bachelard đã nhận xét (*Il faut être deux pour nommer que le ciel est beau*).

Trên con đường đi chung đó, họ muốn hiểu nhau và hợp nhất trong yêu đương; và bao giờ thì cũng là ước muốn một sự hiểu biết đầy đủ. Hợp nhất hoàn toàn, nghĩa là ước muốn cái vô hạn trọn vẹn và tuyệt đối. Nhưng vấn đề là có thể có một sự

hiều nhau và yêu nhau hoàn toàn, trọn vẹn tuyệt đối không?

Chúng ta thấy rằng không có tình yêu nào không hướng về sự trọn vẹn, vì yêu mà chỉ yêu nửa chừng, hay tính toán bớt một thêm hai không phải là yêu. Nhưng tình yêu không thể không gắn liền với ước vọng cái trọn vẹn cũng bao hàm những mâu thuẫn nội tại mà nếu tìm cách xóa bỏ đi, thì cũng tiêu diệt luôn cả tình yêu. Đàn ông đàn bà không thể không tìm gần gũi nhau. Không thể gần gũi nhau mà không mong muốn một sự gần gũi trọn vẹn. Sự gần gũi trọn vẹn không thể không bao hàm những mâu thuẫn nội tại, không thể xóa bỏ những mâu thuẫn đó mà không tiêu diệt tình yêu. Đó là hoàn cảnh nền tảng của thân phận lửa đôi,

Trong yêu đương hai người như một, tuy vẫn phải là hai. Ý muốn đoàn tụ, kết tạo thành một không xóa bỏ sự khác biệt, sự hiện diện của người khác mình, dù là vẫn ở ngay bên cạnh.

Họ không thể không đồng nhất hóa vì thiết yếu cần nhau. Tình yêu bộc lộ sự cần thiết đó và ý nghĩa sau cùng của yêu đương là gì nếu không phải là phối hợp. Những đồng nhất hoàn toàn lại không còn phải là hai người như hai nhân vị có cứu cánh tự tại. Thành ra họ gần nhau mà vẫn như xa nhau, Vừa gọi nhau vừa loại nhau. Phải đi với nhau để dễ dàng thực hiện sứ mệnh làm người. Thiết yếu cần người khác để cùng đi đường mà lại không được biến bạn đường thành phương tiện cho cứu cánh của mình. Đó là hoàn cảnh nền tảng của đàn ông đàn bà trên con đường trăm năm của họ, con đường đi dưới dấu hiệu của tình yêu và oán ghét, của đoàn tụ và phân ly, của hy vọng trọn lẫn ảo vọng. Trình bày hoàn cảnh nền tảng đó tức là đem lại một giải thích chính yếu cho những hoàn cảnh ngẫu nhiên diễn ra ngoài mặt trong lịch sử lửa đôi.



TÌNH yêu kết thành lửa đôi. Ý hướng yêu đương nhắm vào một người phái khác. Và yêu là muốn được yêu. Nhưng muốn

được yêu không phải là biến người yêu thành một sự vật như yêu một vật đẹp vô tri vô giác. Yêu là muốn được một người yêu như là một người có thể biết yêu và tự do yêu. Yêu một đồ vật chưa phải là thông cảm hoàn toàn vì thiếu tương giao. Cho nên yêu là muốn « có » người yêu như một ý thức và một tự do. Hơn nữa người yêu cũng phải là lý tưởng tuyệt đối, cái gì không thể so sánh vượt quá hay xác định được. Người yêu không phải là một giá trị bên cạnh những giá trị khác, nhưng là nền tảng mọi giá trị.

Tình yêu cũng không phải chỉ đem lại một ý nghĩa cho cuộc đời muôn mặt, nhưng là cái cho cuộc đời toàn diện có một ý nghĩa và đáng sống. Người yêu là cả cuộc đời của người được yêu. Người yêu lý tưởng cũng không phải là người đã được chọn, nhưng vượt mọi sự lựa chọn ; vì chọn là gì nếu không phải là chọn một trong muôn vàn và chọn trong muôn vàn bao hàm người được chọn cũng lẫn lộn trong đám đông mà tình cờ mình đã gặp trong khi đi tìm. Người yêu lý tưởng phải là người như đã được gắn bó với mình từ thuở đời đời, như thể là hai người sinh ra để sống cho nhau. Yêu nhau từ thuở lên ba !

Nhưng sự thực rất khó thực hiện được ý hướng yêu đương muốn « có » người yêu như một ý thức và một tự do. Người được yêu không thể bằng lòng một tình yêu ép uổng, bó buộc. Và tình yêu càng cao quý, đượm vẻ tôn trọng nhau, nếu người yêu càng không muốn gây một ảnh hưởng hay một áp lực gì để thúc đẩy người mình muốn yêu yêu mình dù chỉ là lời nói, hay một cử chỉ mời gọi. Họ muốn một tình yêu tự nhiên mà có, không phải do kế hoạch hoặc van nài ăn xin. Nhưng chính thái độ muốn tôn trọng tuyệt đối tự do đáp lại của người mình muốn yêu lại thường là một cách mạnh mẽ và hiệu nghiệm nhất để được người yêu đáp lại. Cho nên càng làm ra vẻ tôn trọng tự do người yêu lại càng ảnh hưởng và quyết định trên tự do của người ấy. Không thể quan niệm yêu đương mà lại không phần nào quyết định hộ người mình yêu, nghĩa là chạm đến tự do của người yêu.

Hơn nữa, chính ý hướng muốn có người yêu như một tự

do là một ước vọng rất khó thực hiện được. Nhưng người nào đi vào con đường yêu đương cũng đều muốn như thế để tự lừa dối và lừa dối người khác mà không biết.

Tôi không thể an tâm trong tình yêu nếu tôi không chắc chắn là người yêu hoàn toàn thuộc về tôi, nghĩa là bị trói buộc. Thực sự tôi chỉ cảm thấy an tâm một phần nào khi người yêu ngủ, vì lúc ngủ người yêu hoàn toàn là của tôi như một vật tự nội (en-soi) không bao hàm một khả thể gì cả tuy sự an tâm đó cũng không hoàn toàn vì lúc ngủ người yêu vẫn có thể mơ mộng với những ý nghĩ ước muốn xuất phát từ tiềm thức. Nói cách khác, tôi chỉ an tâm khi có người yêu như một sự vật nghĩa là không những tôi muốn thân xác, mà cả ý thức, ước muốn của người yêu cũng thuộc về tôi. Còn nếu tôi muốn có người yêu như một tự do, nghĩa là một ý thức luôn luôn có thể dự phóng, và ở đây, trong yêu đương, một ý thức luôn luôn có thể nhắc lại lời thề hứa và quyết định lại sự lựa chọn, làm sao tôi không khỏi lo lắng. Vì đã nhận tự do, thì cũng phải nhận sự có thể phản bội, sự có thể thay đổi trong quyết định thề hứa. Nhưng chính sự có thể phản bội gắn liền với ý hướng yêu đương xác định sự cao quý của tình yêu. Nếu yêu mà chắc chắn là không bao giờ thay đổi được như đinh đóng cột một cách tất yếu, nếu yêu mà không còn cần cố gắng, trung thành thì tình yêu chẳng có giá trị gì nữa. Như thế tình yêu nào cũng đơm lo lắng và không bao giờ để người yêu an nghỉ trong Tình yêu vì lúc nào Tình yêu cũng có thể gọi lên những ngờ vực. Như Alain nói *« Yêu ai, là thề hứa, và quả quyết nhiều hơn mình biết về người đó sau này »* (aimer quelqu'un, c'est jurer, et affirmer plus qu'on ne sait sur ce qu'il sera). Yêu nhau là hiến cả cuộc đời trước mặt cho nhau như một quả quyết về một viễn tượng vô hạn. Nhưng thực sự người yêu không thể tự hiến từng ý nghĩ, tình cảm, ước muốn mỗi giây phút cuộc đời và hề bao giờ người yêu cảm thấy bị bó buộc như thế tức khắc tình yêu không còn.

Vậy làm sao có thể an tâm và tin tưởng vào một quả quyết vô hạn một thể ước vĩnh viễn khi chỉ được căn cứ vào một số những biểu lộ, minh chứng có hạn ?

Tình yêu gắn liền với lo lắng và người yêu phải sống trong

một tình trạng bất an thường xuyên, luôn luôn người yêu là tự do và có thể xao nhãng, thay đổi quyết định. Nỗi lo lắng trong yêu đương cũng thiết yếu bao hàm sự có thể Ghen Tuông.

Yêu là phối hợp và phối hợp một hiện diện ở bên cạnh liên tục, một hiện tại vĩnh viễn. Nhưng đó cũng lại là một ước vọng không thể thực hiện toàn vẹn được. Có những lúc, những nơi chốn nhất định nào đó dựng lên tình yêu. Thời gian và không gian là yếu tố cấu tạo vũ trụ của Yêu đương.

Cho nên không thể có sự đồng hóa hòa điệu hoàn toàn giữa những người yêu nhau. Có một phần đời của người yêu đã qua đi mà ta không ở bên cạnh, ta đã vắng mặt trước khi ta gặp gỡ người đó và ngay cả bây giờ vẫn có những mảnh đời của họ mà ta cũng không có đấy. Người yêu nghĩ gì, thấy gì và muốn gì những lúc mà ta không ở bên cạnh? Do đó tất cả những cái gì người yêu thấy mà ta không thấy đều có thể là những cái nhìn phản bội vì quãng cách đã ly gián ta với người yêu.

Thời gian và không gian là nguồn gốc phân ly, cách biệt vì là nguồn gốc vắng mặt và do đó là nguồn gốc lo lắng và ghen tuông.

Đôi khi ngay cả lúc lại gần nhau, họ cũng vẫn thấy xa và lo lắng :

*« Có một bạn, em ngồi xa anh quá
Anh bảo em ngồi xích lại gần hơn
Em xích gần thêm một chút, anh hờn
Em ngoan ngoan xích gần thêm chút nữa
Anh sắp giận. Em mỉm cười vội vã
Đến kề anh và mơn trớn « em đây »
Anh vui liền, nhưng bỗng lại buồn ngay
Vì anh nghĩ : thế vẫn còn xa lắm ».*

(THƠ THƠ) Xuân-Diệu

Cho nên Tình yêu nào cũng xen lẫn với lo lắng, ghen tuông và giận hờn. Có một ý nghĩa sâu sa trong sự hờn giận. Người yêu đôi khi có ý tưởng tượng ra những lý do để mà giận hay dễ dàng

coi mọi cử chỉ của người mình yêu là bội phản để ghen tuông như thể *thích* hờn giận, ghen tuông. Hờn giận, ghen tuông là *tự* làm khổ đồng thời làm khổ người yêu và như thế phải **chẳng** hờn ghen chẳng qua chỉ là một cách thể làm tăng thêm yêu đương. Càng ghen, càng tỏ ra yêu nhiều ; nhưng vì vậy càng yêu nhiều cũng càng khổ nhiều. Cho nên, những người yêu nhau sống một tình yêu là hờn giận, một hờn giận là tình yêu và một hạnh phúc là đau khổ, một đau khổ là hạnh phúc.

Đàn ông đàn bà phải đi chung một con đường, phải sống bên nhau mà không thể không yêu nhau, nhưng cũng không thể yêu đương mà không lo lắng hoài nghi hờn giận. Đó là hoàn cảnh nền tảng, sự huyền nhiệm của phái tính. Nhìn đàn ông đàn bà trong hoàn cảnh nền tảng đó, sự phân định cao thấp, ở những hoàn cảnh phiến diện nếu có thể có thực, thì không là bao nhiêu hay chẳng đáng kể vì qua tình yêu, cả hai đều bày tỏ sự yếu đuối triệt để của mình. Yêu là gì nếu không phải là một *tự thú*, tự thú cái thiếu sót về bản tính của lòng mình.

Nhưng bởi vì con người yêu đương bao giờ cũng hướng về tình yêu lý tưởng cao cả mà mỗi người phải tự do đi vào gặp nhau trong tình yêu ấy, nên đàn ông đàn bà thường làm ra vẻ không cần nhau, tuy ý nghĩa của sự làm ra vẻ không cần nhau chính là vì thực sự cần nhau, vì nếu không muốn cho người khác đề ý đến mình, thì tại sao phải làm ra vẻ không cần họ ? Chỉ người lãnh đạm mới thực sự không cần gì cả. Còn đã muốn làm ra vẻ không cần thì chính sự cần thiết muốn được đề ý, yêu đương là nền tảng, ý nghĩa của thái độ làm ra vẻ không cần đó.

Đôi khi thái độ đó có thể tạo ra một bầu khí giả tạo gây hấn. Đàn ông đàn bà làm cao chê bai nhau, cố ý làm ra vẻ không cần nhưng thực sự mong muốn cho bên kia biết như thế. Cho nên hình như số phận của hai người là phải cùng đi, cần nhau và thực hiện sự cần nhau bằng cách làm ra vẻ không cần nhau. Thực sự muốn gần nhau mà lại ra vẻ xa nhau. Đó là hoàn cảnh nền tảng của những thái độ lưỡng tính kỳ quặc (ambigus) trong tương giao giữa hai phái. Họ chê những cái ở nơi người khác trong khi chính những cái đó làm cho họ gần người khác. Họ

ghét ở nơi người khác cái mà họ yêu. Ví dụ đàn ông thường chê đàn bà yếu ớt, đa cảm, nhỏ nhỏ, e lệ dẹt dẹt nhưng chính những cái đó làm cho đàn ông gần và yêu đàn bà khi họ được hân hạnh bảo vệ, nâng đỡ đàn bà. Còn đàn bà thường chê đàn ông cứng rắn, bạo động, hung dữ ăn to nói lớn, nhưng chính mình vẫn mơ ước những cái đó như khi con gái thân nhau thích gọi nhau bằng những tiếng (cậu, tớ...) hay công nhận sự cần thiết quý báu của những đặc điểm đó như khi phải xách vali, đẩy xe, làm việc nặng nhọc. Đàn ông có thể nhẹ dạ, đa cảm, ủy mị cũng như đàn bà có thể cương quyết, và bền chí v.v...

Thành ra đàn ông đàn bà sống với nhau như vừa tố cáo nhau vừa đồng lõa với điều mình tố cáo. Họ ghét cái họ yêu hay yêu cái họ ghét.

Tại sao thế ? Tại sao đàn ông đàn bà gần bó lấy nhau đồng thời vẫn như phân ly ? Tại sao gần mà như xa, yêu mà như ghét ?

Phải chăng:

« Đôi ta là nợ là tình

Là duyên, là kiếp đôi mình kết giao »

Tất cả hai « cũng lặn dạn bên trời một lứa, » cùng liên đới trong một thân phận làm người như một và vẫn là hai.

« Mình với ta, tuy hai mà một

Ta với mình tuy một mà hai »

Câu thơ của Tản-Đà đã biểu lộ đầy đủ yếu tính chân thực của tình yêu là một bài toán không thể có một giải đáp độc nhất được : một với một vừa là một, vừa là hai không thể chỉ là một, hay chỉ là hai nhưng phải cả vừa là một, vừa là hai một trật. Tình yêu đưa tới đoàn tụ nhưng vẫn chứa đựng sự phân cách như nền tảng của đoàn tụ. Sở dĩ như vậy là vì tình yêu nào tự nhiên cũng bao hàm ý muốn được người yêu thuộc về mình. Nhưng thuộc về mình mà vẫn là một tự do, một giá trị tự tại, vì tình yêu không thể là chiếm đoạt nghĩa là giản lược người

yêu vào sự vật, một đồ dùng, đồng hóa người yêu như cốc nước hôn tan miếng đường, nhưng là *thăng cấp* suy tôn người yêu, làm nổi bật cái vẻ đẹp đặc biệt của người yêu như là một giá trị tự tại khác biệt, và nhất là tôn trọng người yêu như một người tự do.

Chính ở điểm tìm cách chiếm lấy mà vẫn phải tôn trọng như không phải của mình mà tình yêu là một cái gì thiết yếu gắn liền với ghen tương, băn khoăn, lo lắng, hy vọng, đau khổ. Không có tình yêu sống thực nếu không có băn khoăn, lo lắng, đau khổ. Vì thế mà người yêu nào cũng thường mơ ước xóa bỏ băn khoăn lo lắng đau khổ để tìm một tình yêu thanh bình, chắc chắn có thể an nghỉ vĩnh viễn trong tình yêu đó. Nhưng chỉ tình yêu chiếm đoạt mới là tình yêu thanh bình chắc chắn. Mà tình yêu chiếm đoạt lại không còn phải là tình yêu đích thực. Do đó, không thể xóa bỏ luôn cả tình yêu. Nhưng chấp nhận một thực tại như vậy đòi hỏi một cảnh giác và những nỗ lực thường xuyên vì luôn luôn người muốn yêu có thể sa vào những nguy hiểm đe dọa tiêu diệt cả người mình yêu và tự tiêu diệt khi đi vào tình yêu chiếm đoạt, giảo lược người yêu vào sự vật, vào đồ dùng của mình.

Sự đe dọa trên trở thành thiết thực trong hôn nhân. Hôn nhân cũng là cái đích tất nhiên những người yêu nhau muốn đi tới vì họ coi hôn nhân như một biện pháp có thể bảo vệ và duy trì tình yêu lửa đôi của họ. Nhưng đồng thời hôn nhân cũng có thể là một đe dọa thiết thực của tình yêu.

Chính vì muốn xóa bỏ sự có thể thay đổi, mà người ta nại đến người làm chứng, dựa vào khế ước, pháp lý xã hội. Nhưng những biện pháp đó cũng có thể trói buộc tự do và hơn nữa biểu lộ một ngờ vực nhau ngay từ lúc định sống chung với nhau. Phải chăng tình lửa đôi là cái gì rất sâu xa nhưng cũng rất mong manh nên cần phải trói buộc nhau trong khi tình bạn hữu giữa người cũng phải đôi khi cũng rất sâu xa, mà không cần chứng nhân, khế ước, mà thường lại ít có phản bội hơn tình đôi lứa?

Cho nên Hôn nhân có thể tiêu diệt Tình yêu khi biến người yêu thành một vật sở hữu. Tôi có quyền trên người vợ, người chồng sẽ là của tôi cũng như cái bàn, chiếc xe của tôi. Tôi có quyền sở hữu nghĩa là quyền xử dụng và kiểm soát toàn diện đời sống của người thuộc về tôi, đời sống tinh thần, thể xác, bên trong bên ngoài, ý nghĩ, tình cảm, ước muốn. Nhưng nếu đời lứa là một đời hỏi thông cảm, chia sẻ, thì đời lứa cũng vẫn là hai, nghĩa là mỗi người vẫn có một số phận riêng biệt chỉ mình trách nhiệm không ai thay thế được. Do đó có những cảm nghĩ, đau khổ, thuộc về cái phận riêng tư, cái cô đơn thiết yếu của mỗi số phận không thể đụng chạm tới mà không xúc phạm đến bản ngã sâu thẳm của nhân vị con người.

Như thế, theo một ý nghĩ sâu sa của Kierkegaard, tình yêu chỉ tồn tại trong hôn nhân khi hai người vẫn thực hiện được mỗi lúc cái mà Kierkegaard gọi là sự « nhắc lại » (la répétition) lời thề hứa đầu tiên khi lấy nhau trong bầu không khí lắng đọng và hy vọng, vì theo Kierkegaard, khi người ta tưởng có thể an nghỉ trong một tình yêu có chắc chắn ; không còn cần nỗ lực, cố gắng để có một tình yêu như lúc nào cũng cần phải tranh đấu mới có, lúc đó không còn tình yêu đích thực nữa. Cho nên vì sợ một an nghỉ trong tình yêu sẽ tiêu diệt tình yêu đích thực, mà Kierkegaard đã từ chối không cưới vị hôn thê của ông là Régine vì yêu Régine.

Rút cục, đàn ông đàn bà biết rằng họ phải cùng đi chung một con đường nhưng tại sao phải đi chung mà vẫn là riêng, và nhất là đi như thế để làm gì, đi về đâu ? Họ có cả cuộc đời trước mặt, thời gian hành hương để tra hỏi và giải đáp. Ngay từ bây giờ trong khi đi, họ có thể yêu nhau cái yêu ghét hay ghét nhau cái ghét yêu và tạo cho nhau hay cho mình những tự cao tự đại tưởng tượng những hy vọng pha trộn ảo vọng như thể yêu ghét, hy vọng ảo vọng thiết yếu dệt cuộc đời lứa đôi của họ. Tuy vậy, điều quan trọng không phải là đã trải ảo mộng trên đường đời, nhưng là biết tra hỏi ý nghĩa của nó. Nếu tình yêu biểu lộ sự liên kết lứa đôi ta cũng đã thấy ý hướng yêu đương không thể không xâm phạm đến người mình yêu hay ít ra ảnh hưởng

quyết định trên tự do của người khác như trên ta đã thấy : ta càng làm ra vẻ tôn trọng tự do quyết định của người ta. Muốn yêu càng thúc đẩy người đó đến chỗ quyết định đáp lại ta. Cho nên qua tình yêu, đàn ông đàn bà hoặc là *thực sự* tiêu diệt hoặc là *đe dọa* tiêu diệt tự do của nhau đồng thời *thực sự* hoặc *đe dọa* tiêu diệt tự do của chính mình trong sự tiêu diệt đó.

Thiết thực hai người sống trong tình cảnh phóng thê (alienation) hoặc đe dọa phóng thê. Một tình yêu không pha trộn lo lắng, đau khổ một hòa hợp không căng thẳng bao giờ cũng chỉ là viễn ảnh và giả thử có lúc người ta tưởng đạt tới thì cũng là lúc không còn Tình yêu hay hòa hợp đích thực.

Hai người đi vào đời, làm người ; nhưng làm người với tư cách đàn ông hay đàn bà Không thể không đi đôi với nhau, nhưng cũng không thể là một. Trong tương đồng vẫn có dị biệt. Giữa lòng thân mật, vẫn còn bóng dáng kẻ xa lạ. Đó là hoàn cảnh nền tảng của lửa đôi. Tại sao có tình cảnh phóng thê hay đe dọa phóng thê xác định cuộc sống chung của lửa đôi ? Chỉ có hai giải đáp. Đó là một thân phận như một định mệnh hay chỉ là kinh nghiệm đưa về Hy Vọng một Tình Yêu không xao xuyến và một Đoàn tụ không ly biệt ở một cuộc đời sau ?

Cuộc đời lửa đôi là dịp đề tra hỏi và giải đáp cũng sẽ bắt đầu từ cuộc đời đó.

Sớm muộn, trước sau thế nào cũng phải tìm ra một giải đáp. Và cái cốt yếu là làm sao tìm thấy giải đáp chân thực.

NGUYỄN VĂN TRUNG

PHƯƠNG TẤN

Huyền nhiệm của ái tình

ÁI tình là gì ? Có phải là những giờ tha thiết, những lúc ghép đôi, những phút ngắt đi trong khoai lạc ? Hay Ái tình là những ngày tháng tương tư, những cuộc chận đón, những buổi giận ghen và rồi khóc trong thông cảm và nhận biết nhau hơn ? Tất nhiên khi nói Ái tình, chúng ta nghĩ ngay đến thứ tình yêu mạnh mẽ nhất và thấm thía nhất : tình yêu phu phụ. Tình yêu này, ai cũng tưởng mình biết yếu tính nó là gì, thế mà khi hỏi ra mới thấy rằng đa số nhân loại chưa hiểu thấu thế nào là Ái tình chính thực.

Chúng tôi muốn tìm hiểu yếu tính của Ái tình chính thực.

Chính thực không có nghĩa là chân thực, thành thực : tình yêu rất có thể chân thành mà không chính thực. Ông hoàng tử yêu cô bé Lọ-Lem, yêu đến mức có thể bất chấp giai cấp, bất chấp lời cản ngăn của cha mẹ, quyết một lòng cưới người con gái lê dân đó làm vợ, làm bà hoàng : tình yêu đó nhất định chân thành, nhưng chưa chắc là một tình yêu chính thực. Nếu ông hoàng tử chỉ yêu cô bé vì nhan sắc, vì tình tình dụ hiên, thì rất có thể cô bé nhà quê kia chỉ là đối tượng của một tình thương hại hoặc yêu thích, chưa phải là một trong hai sợi dây kết thành Ái tình chính thực. Cô bé là của ông,

chưa phải là ông. Vậy mà Ái tình chính thực chỉ xuất hiện nơi hai người ý hiệp tâm đồng, hai mà một và một mà hai : « Cả hai sẽ trở thành một xương thịt » (*Sáng thế Ký* II, 24). Nói thế, chúng ta hiểu ngay : ái tình chính thực chỉ nảy nở nơi hai người hoàn toàn bằng nhau, chồng là vợ và vợ là chồng. Cách xưng hô của dân ta giữa vợ chồng rất ý nghĩa : chồng gọi vợ là « *mình* », và vợ cũng gọi chồng là « *mình* ».

Vậy không phải yêu chân thành đã là yêu chính thực. Tình yêu chính thực là một cái gì mầu nhiệm, khó hiểu và khó đạt tới quá, thành thử có thể những đôi vợ chồng sống từng chục năm mà vẫn chưa hưởng được những ngày sống trong ái tình chính thực.

Chọc thủng bí nhiệm ái tình : chúng tôi biết đó là một công việc khó khăn. Những hiền triết như Platon, những nhà tâm lý học đầy kinh nghiệm như Gina Lombroso, những triết gia như Max Scheler, đều đã để lại những thiên nghiên cứu về tính chất của Ái tình. Nhưng màn huyền nhiệm vẫn chỉ mới được vén lên một góc. Chúng tôi không có tham vọng

hơn các bậc vĩ nhân đó, mà chỉ muốn nương theo đà suy nghĩ của các ngài để tiến lên một cái nhìn đích thực hơn về yếu tính của tình yêu.

Chúng ta sẽ theo phương pháp giảm trừ (*réduction*), dần dần bỏ bớt những quan niệm không hoàn toàn đích thực, để rồi kết cục có thể thấy sót lại những gì là giá trị đích đáng.



THẾ nào là một ái tình chính thực? Đặt câu hỏi như thế, sợ không thực tế, và không dẫn tới những câu trả lời hữu ích ; cho nên, thay vì đặt câu hỏi cổ điển đó, chúng ta hãy đưa mắt nhìn thực trạng xã hội và tìm xem có bao nhiêu hình thái tình yêu được thực hiện ở đó. Theo như quan sát của Gina Lombroso thì có đến bảy tám thứ tình yêu khác nhau : ái tình ích kỷ tìm thỏa mãn một nhu cầu, ái tình vị tha tìm giúp ích cho người khác, ái tình nhục dục tìm thú vui giác quan, ái tình tinh thần nói lên sự kính phục và quý trọng, ái tình đam mê làm ta say mê một cách nghiện ngập, ái tình chinh phục làm ta sung sướng tung hết sức lực ra để chiếm

đoạt, ái tình chiếm đoạt biến người yêu thành một sở hữu của mình, và sau cùng là ái tình thơ mộng thúc ta bay theo những vần thơ và điệu nhạc thông cảm của một tâm hồn giống hệt tâm hồn ta.

Sau khi đã kể ra từng ấy thứ ái tình, Gina Lombroso đề cập đến ái tình theo quan điểm người đàn ông và quan điểm người đàn bà : « Người đàn ông quan niệm ái tình là sức thu hút họ lại gần người đàn bà, sức thu hút gây nên bởi hình sắc và duyên dáng, cử chỉ và giọng nói người đàn bà. Họ tiến lại gần người đàn bà, như để chiếm lấy một đồ vật mà họ sẽ sử dụng để làm tăng uy tín và quyền hành của họ » (Gina Lombroso, *L'âme de la femme*, Payot, Paris 1959, p. 353). Như vậy, theo bà, thì người đàn ông chỉ biết có thứ ái tình chiếm đoạt đó thôi : trong ái tình, người đàn ông chỉ nhằm một sự vật đẹp mơn mớn và giọng nói thanh thanh, và họ chỉ yêu người đàn bà vì người đàn bà có khả năng làm thỏa mãn những nhu cầu sinh lý và tâm lý của họ. Không cần suy nghĩ sâu xa, cũng thấy ngay ái tình này rất ích kỷ và thiển cận. Trong ý đó, Gina Lombroso đã kê khai những

đặc tính của ái tình theo phương diện người đàn ông như sau : đó là ái tình xây trên khoái lạc, đam mê và tình cảm. Tác giả nhấn mạnh rằng : ái tình nơi người đàn ông « không bao giờ đặt nền trên lý trí », cho nên « người đàn ông thường bỏ sự quý trọng ra ngoài lề ái tình ». Và bởi vì không đặt yếu tố *quý trọng* trong sự kiện *ái tình*, cho nên, — vẫn theo Gina Lombroso, — người đàn ông thường không yêu những người đàn bà họ quý trọng, và đi yêu những cô họ không kính trọng hoặc cả những cô mà họ khinh rẻ trong thâm tâm.

Trong khi người đàn ông đầy lý sự lại không đặt yếu tố lý trí trong việc ái tình, thì người đàn bà, theo Gina Lombroso, lại xây dựng ái tình trên lý trí. Người đàn ông không coi trọng ái tình và không dùng lý trí để sống cuộc đời ân ái, thì trái lại « người đàn bà đặt nền tảng ái tình trên lý trí, cho nên người đàn bà nhất định muốn giữ trọn vẹn những lời thề ước ái ân » (*Sách dẫn*, trang 358). Sau đó bà liệt kê những đặc sắc của ái tình theo phương diện người đàn bà : quý trọng và xả kỷ. Nghĩa là hai điểm ngược hẳn với hai đặc điểm trên đây của người đàn ông :

thiếu quý trọng và đầy ích kỷ. Người đàn bà xây ái tình trên niềm *quý trọng*, vì không bao giờ họ cưới một người đàn ông mà họ không kính phục (mà ta biết, theo bà Lombroso, thì người đàn ông không bao giờ cưới một người đàn bà họ kính phục, và chỉ cưới những cô họ không phục và đôi khi còn khinh bỉ nữa). Nhưng yêu là hiển mình cho người mình yêu : người đàn bà đã yêu ai, thì hiển trọn tâm hồn và sức lực cho người đó. Yêu chồng, yêu con. Chết vì chồng, chết vì con : đó là ý nghĩa của *xả kỷ*.

Tóm lại, theo Gina Lombroso, đàn ông và đàn bà mỗi bên đều có một quan niệm khác nhau về ái tình : người đàn ông không cần ái tình phải hợp lý, còn người đàn bà thì lại nhất thiết đòi ái tình phải đi đôi với lý trí.

Không biết bạn đọc nghĩ gì về quan niệm ái tình của bà Gina Lombroso. Riêng tôi thấy bà có lý đề chủ trương rằng đàn ông đàn bà quan niệm về ái tình hai cách khác nhau, nhưng tôi tưởng không khác nhau như kiểu bà Lombroso đã viết. Bà đã chỉ đứng ngoài đề nhìn vào đời sống ái tình, hoặc đã chỉ nhìn ái tình

qua lăng kính riêng của đời sống bà thôi. Ngay một sự cho rằng người đàn bà xây ái tình trên lý trí và người đàn ông ném lý trí ra ngoài đời ái tình, phải, nguyên một quả quyết đó cũng đủ cho chúng ta hồ nghi về giá trị của những đặc tính mà bà nhận thấy trong ái tình người đàn bà : quý trọng và xả kỷ. Chúng tôi sợ chữ quý trọng đây có bao hàm ý nghĩa một sự nương tựa, và xả kỷ có màu sắc một sự đòi đòi phương phải thuộc hẳn về riêng một mình mình.

Trước khi đi sâu vào sự phê bình tổng quát ý kiến của bà Gina Lombroso, chúng tôi muốn xem qua ý kiến của truyền thống triết học. Truyền thống này đi từ Platon đến Max Scheler, và đã được ông M.C. d'Arcy trình bày một cách tổng quát trong cuốn *The Mind and the Heart of Love, A Study in Eros and Agape* (Trí và tâm của ái tình, một biên thảo về Eros và Agape). Sách này đã được dịch ra pháp văn dưới nhan đề *La double nature de l'amour* (Lưỡng tính của ái tình).

Hai tính chất của ái tình thường được tượng trưng bằng hai chữ Hy-lạp : *Eros* (Ái tình chiếm đoạt) và *Agape* (Ái tình

thông hiệp). Hai ái tình này thường bị coi là không thể cộng tồn (đó là ý nghĩa đoạn văn của Platon mà chúng tôi sẽ trích dẫn sau đây), nhưng thực ra đó chỉ là hai thái cực hoặc hai điển hình không bao giờ có trong thực tế ; ái tình của con người xương thịt là một pha trộn của hai kiểu ái tình đó. Và ái tình càng hòa hợp được hai yếu tố đó một cách kỳ diệu, thì càng tốt đẹp và chính thực.



HAI bản tính của ái tình. Hai yếu tố cấu tạo nên con người : Trí và Tâm, Lý trí và Tâm tình. Con người là cả hai, trí và tâm, cho nên ái tình của con người cũng mang nặng hai sắc thái đó. Khi ái tình chỉ là một trong hai thì không phải là ái tình chính thực, nhưng chỉ là những hình thức quái đản của ái tình mà thôi. Hai hình thức rõ nhất là ái tình tính toán và ái tình đam mê, một chỉ là trí và một chỉ là tâm.

Platon là triết gia đầu tiên suy nghĩ về bản tính của ái tình và ông đã đề lại riêng một thiên khảo luận về ái tình : *Le Banquet* (Bữa tiệc). Theo Platon thì có hai ả Tuyệt Sắc (Aphro-

dite), một Tiên và một Trần. Nàng Tuyệt Sắc Tiên là con của Trời : nàng không có mẹ, và chỉ có cha là Trời. Còn nàng Tuyệt Sắc Trần là con thần Zeus (Chúa tể chư thần) và nữ thần Diane (*Banquet* 181d-e) và đã có hai ả Tuyệt Sắc thì cũng có hai chàng Ái tình. Tất nhiên Ái tình của nàng Tiên là một vị thần, « vị thần trẻ nhất trong chư thần » (*Banquet* 195c). Còn anh chàng Ái tình của nàng Trần thì kỳ quá ! là đứa con hoang của thần Phương Sách (Expédient) và nữ thần Thanh Bần (Pauvreté). Câu chuyện như sau : Hôm sinh nhật của Tuyệt Sắc Trần, cha mẹ cô khoản đãi chư thần một bữa tiệc thực say sưa. Thần Phương Sách, con thần Phát-Minh (Invention) cũng có mặt trong đám tân khách. Sau khi đã say mềm Phương-Sách lè xác ra ngủ ngoài thượng uyển. Vừa lúc đó nữ thần Thanh-Bần đến để ăn xin : trông thấy Phương-Sách nằm đó, nàng liền mon men lại gần và nằm với Phương-Sách. Nàng thụ thai và sinh hạ Ái-tình (*Banquet* 203b-c). Platon nghĩ Ái-tình này không có bản tính thần linh như Ái - tình người yêu của nàng Tiên nhưng có bản tính quỷ thần.

Chúng tôi xin tạm gọi hai Ái tình này là Ái tình Thần và Ái

tình Quỷ cho tiện việc trình bày dưới đây.

Chúng ta biết : thực sự Platon không chủ ý bàn về bản tính của ái tình, nhưng ông đã mượn câu chuyện thần thoại để trình bày quan niệm của ông về tình yêu tinh thần và tình yêu xác thịt, tình yêu đi tìm sự khôn ngoan triết học và tình yêu chỉ biết mải miết với nhục dục. Cho nên ông đã viết những câu như : « Những người đầy sinh lực xác thịt thì chỉ biết đi tìm đàn bà để đẻ con... Còn những người đầy sinh lực tinh thần thì đi tìm những tâm hồn xinh đẹp để thông hiệp, và do mối tình này tâm hồn họ đã xinh đẹp lại càng xinh đẹp hơn » (*Banquet 208e-209d, tóm tắt*).

Dẫu không chủ ý, Platon cũng đã đưa hai hình ảnh của ái tình. Hai hình ảnh này sẽ trở thành cở điển trong tư tưởng triết học Tây phương. Hai hình ảnh này còn được Platon tô cho những nét thực là đậm màu trong tác phẩm cuối đời ông, cuốn *Les Lois* (Pháp-Luật) như sau :

« Một là con người si tình vì thấy cái thân thể đẹp, đói khát muốn cắn lấy chiếc hoa xuân đón như cắn một trái ngon vừa chín mọng. Nó chỉ hăm hở nuốt lấy cái thân hình mỹ

miều đó, không chút chi màng tưởng tới tính chất của linh hồn người yêu. Hai là con người biết để cái đói khát nhục dục xuống hàng thứ hai : nó khát khao và say đắm linh hồn người yêu, và nó coi sự lấy xác để thỏa tình xác nó là một điều thất thứ (*désordre*) ; nó ý thức sâu xa và trọng kính những tâm tình cao thượng và sự chính đính của tâm tư ; nó giữ mình trong trắng để xứng với người bạn trong trắng. » (*Les Lois VIII 837c*)

Ái tình Thần và Ái tình Quỷ, cả hai thứ ái tình cùng đã được vẽ bằng những nét lịch sử của Platon. Qua các sách vở của ông, người ta thấy ông luôn luôn quan niệm hai ái tình đó như hai sinh hoạt khác nhau và biệt khỏi nhau. Thần và Quỷ. Hai cách sống. Hai cách thể hiện ái tình.

Platon chủ trương như thế, vì ta biết triết học của ông nhận có hai cõi thể giới : Thế giới Linh tượng (*Idées*) tức thể giới của Chân Thiện Mỹ, và thể giới Biến dịch tức thể giới mà chúng ta đang sống đây. Ông muốn những ai muốn trở thành hiền triết, tức muốn trở thành bằng hữu của Khôn ngoan, dần dần phải lìa xa thể tục, xa những cái bất toàn của

thể giới biến dịch đề rồi có thể vươn tới chỗ chiêm ngưỡng các Linh tượng và thực hiện đời sống toàn thiện như chư thần.

Thuyết của Platon quá đẹp, cho nên cũng quá cao siêu, không mấy ai nghĩ đến việc thi hành. Vì thế mới có kiểu nói văn chương : « ái tình theo kiểu Platon » (*amour platonique*) có nghĩa là ái tình không bao giờ được thực hiện.

Vậy chúng ta lại một lần nữa bị nghiền lối. Platon không thể dẫn chúng ta tới một ái tình chính thực.

★

CON đường Platon đã bị cùng, vì Platon quan niệm ái tình kia như hai thể giới khác biệt: Thần và Quỷ. Nhưng chúng ta, những con người, chúng ta không phải là Thần và cũng không phải là Quỷ. Có lẽ nói chúng ta là cả hai mới đúng. Vì thế quan niệm của các triết gia về sau cho đến Max Scheler là : ái tình luôn luôn có đủ hai mặt, *Eros và Agape*. Chiếm đoạt và Thông hiệp. Càng đi tới Thông hiệp, ái tình càng chính thực, vừa nồng thắm vừa sâu xa.

Như vậy chúng ta cũng chủ trương hai bản tính, hay nói

cho đúng hơn, lưỡng tính của ái tình. Nhưng thay vì coi đó là hai bờ sông đối lập, đàn ông và đàn bà, như chủ trương của bà Gina Lombroso, chúng ta coi Ái tình là chính nhịp cầu nối liền hai giới Nam và Nữ. Và thay vì coi Ái tình như có hai thể hiện vô cùng cách biệt, Thần và Quỷ, chúng ta sẽ nhìn thẳng vào ái tình của những đôi vợ chồng lý tưởng để nhận ra ở đó cả hai tính chất thanh bình và say đắm của tình yêu.

Trí và Tâm. Tình yêu phải trả lời đầy đủ tất cả những đòi hỏi của Trí và Tâm con người. Thường tình, con người ta chỉ đề ý đến Tâm mà thôi, tức chỉ chú trọng đến những yếu tố xúc động cảm giác. Ấy là nói về thời mới của chúng ta. Thời cha ông chúng ta, thời cổ, lại chỉ chú trọng đến Trí : đó là nguyên nhân sinh ra những cuộc hôn nhân theo lý trí, bất chấp những vấn nạn của tâm tình, miễn sao cho hợp lý của gia tộc và của những giòng mối xã hội. Hôn nhân theo lý trí Hôn nhân theo tình cảm khi chỉ theo một trong hai, thì con người sẽ khổ vô cùng. Làm sao ái tình nồng thắm có thể nảy ra giữa tôi và « người mà bố lấy cho »? Đàng khác nếu tôi lấy vợ như

bị sét đánh (bị thối miên vì sắc đẹp của người con gái), thì chắc chắn tôi đã làm một việc điên rồ nhất đời tôi : cuộc sống ái tình sẽ là một địa ngục cho tôi, vì ái tình xây trên cảm giác là ái tình xây trên phiêu lưu và đồ vỡ.

Vậy ái tình chính thực nhất thiết đòi phải có đủ cả hai yếu tố : Trí và Tâm, Apollo và Dionysos. Theo thần thoại Hy-Lạp Apollo là vị thần Ánh sáng, tượng trưng cái đẹp nghiêm trang của thân thể người đàn ông ; Dionysos là vị thần của say sưa, tượng trưng cho những cuộc truy hoan bằng men rượu và men tình. Như thế nghĩa là ái tình phải nồng thắm, ái tình chưa phải là ái tình. Rồi ái tình phải đoan trang : thiếu đoan trang, ái tình sẽ rất dễ đi tới chỗ đáng điểm, mà đáng điểm không phải ái tình nữa rồi.



SAU vài lời xác nhận tổng quát đó về vai trò thiết yếu của Trí và Tâm, bây giờ chúng ta thử đi sâu vào yếu tính của tình yêu xét như là sự phối hợp giữa Nam và Nữ. Chúng tôi nói sự *phối hợp* vì ái tình là chính sự Thông hiệp đó : ái

tình không phải là đàn ông, và cũng không phải là đàn bà, nhưng là cái mà người đàn ông thiếu và đi tìm trong người đàn bà, và cũng là cái người đàn bà cảm thấy thiếu và đi tìm nơi người đàn ông. Tôi nói *người đàn ông, người đàn bà* ; tôi không nói xác đàn ông, hay xác đàn bà. Người đàn bà không phải chỉ là cái thân thể : Nếu người đàn bà chỉ là thể, thì ái tình nhất định sẽ chỉ là ái tình nhục dục, một thứ *tà dâm hợp pháp lý* mà thôi. Ấy là khi nói nó diễn ra giữa cặp vợ chồng. Ái tình thuộc lãnh vực siêu hình, lãnh vực tinh thần. Ái tình là sinh hoạt tinh thần của chung hai người Nam Nữ. Vì thế tôi đã nhấn mạnh trên chữ *người*, vì người không phải chỉ là những giá trị thể xác. Phần chính yếu của con người là tinh thần của nó.

Ái tình là sự phối hợp giữa hai người Nam và Nữ. Trong sinh hoạt phối hiệp này, Nam và Nữ mỗi bên đều đóng góp cái phần đặc biệt của mình. Theo Scheler, thì phần đóng góp của đàn ông là *Phân cách*, và phần đóng góp của đàn bà là *Hòa đồng*. Người đàn

ông tượng trưng cho thái độ giữ vững nhân vị của mình, luôn luôn muốn ngồi lên trên làn sóng tình để khỏi chết ngộp. Người đàn bà là yếu tố Vô ngã : Người đàn bà dễ dàng lịm đi trong tình yêu, và thường muốn lờn cả người yêu của mình vào chỗ hư vô của Vô ngã. Các nhà Tâm lý học ngày nay thường nhấn mạnh về điểm người đàn bà không có Dự phóng và không có bản ngã như người đàn ông. Dầu ở những nước văn minh nguyên tử, người đàn bà vẫn là đàn bà, nghĩa là *để làm vợ ông X. hay ông Y.* Khi đã làm vợ rồi, người con gái bỏ tên riêng của mình để nhận tên của chồng, bỏ bản ngã của mình để trở nên một với người chồng. Xin nói ngay : Vô ngã đây không có chi hèn kém hết, trái lại chính sự hiến dâng và bỏ mình của người đàn bà là bảo đảm cho sống còn và hạnh phúc nhân loại.

Xin giải nghĩa lại hai đặc tính Phân cách và Hòa đồng tức hai thái độ của đàn ông và đàn bà trong sinh hoạt ái ân. Vai trò của người đàn bà là Hòa đồng : hòa đồng trong đời sống thường nhật và hòa đồng trong giờ phút giao hoan.

Chúng tôi đã nói trên đây rằng thái độ Hòa đồng này làm cho người đàn bà trở thành sinh lực vô song của Vô ngã : trong giờ phút hoan lạc, người đàn ông sống trong tình trạng xuất thần (extase), quên hẳn vũ trụ, quên luôn cả chính mình. Nói đến đây, tự nhiên chúng ta nghĩ đến những lễ nghi của phái Yoga và phái Tantra bên Ấn-độ : vì chủ trương rằng sự giải thoát ở tại chỗ con người bỏ hẳn được ý thức về tiểu ngã, tức bản ngã của mình, cho nên hai học phái này thường dùng những nghi lễ giao hợp Nam Nữ để thực hiện sự ngắt đi trong Đại ngã. Khi con người ngắt đi (vì sướng quá, hay vì đau quá), con người không còn ý thức chi nữa : và thế là, theo hai phái đó, con người đã kết hiệp thực sự với Đại Ngã, y như thẻ chiếu binh sư võ thi không gian trong binh liên tan hòa vào đại không gian.

Như vậy, người đàn bà là yếu tố say sưa (Dionysos), và là yếu tố hiệp nhất. Trong thực tế, các nhà tâm lý học nhận xét rằng người đàn bà ít bị kích thích ; trái lại họ là sức kích thích ghê sợ đối với người đàn ông. Người đàn ông thường bị

say mê điên đảo vì một người đàn bà ; ít thấy đàn bà say đắm vì đàn ông. Người đàn bà có thể điên cuồng vì ghen, nhưng không điên cuồng vì yêu. Mà chúng ta biết : ghen là tình cảm khác hẳn ; *ghen không phải là yếu* mặc dầu ghen vì yêu. Vậy đàn bà là men nồng, là sức làm say sưa đàn ông. Học phái Tantra ở Ấn-độ dành cho Nữ tính một vai trò vô cùng quan trọng : mỗi vị thần linh, khi muốn hành động, đều phải phối hiệp với *Sakti* của mình. *Sakti* được tượng trưng bằng một Nữ thần : mỗi vị thần lớn của Ấn-độ đều có « nội nhân » của mình. Các Nữ thần này được thờ chung một chùa với một vị thần, và nhiều khi nghệ thuật điêu khắc cho ta thấy các Nàng đang cặp kè với vị thần mà mỗi Nàng là Tinh lực (Đó là ý nghĩa chữ *Sakti* : Tinh lực). Thần Visnu ôm nàng Laksmi, thần Siva ôm nàng Durga, thần Krisna ôm nàng Râdhâ v.v... Thậm chí phái Kim cương Thừa của Phật giáo cũng kiếm cho Phật Thích-Ca một nàng *Sakti* : những tượng đồng của Viện Bảo tàng Guimet ở Paris cho ta thấy Phật đang phối hiệp với *Sakti* của ngài. Như vậy người Ấn-độ đã nhận định rất đúng

vai trò chủ động của phụ nữ trong sinh hoạt ái ân y như chúng ta vừa nói đến trên đây.

Chính sức phối hiệp này làm cho người đàn bà trở thành sức lôi ta vào hố Vô ngã : trong tình trạng xuất thần của ái ân, hai người đã trở nên một, và không phải là một người (nếu là một người thì là ai ? là đàn ông hay đàn bà ?), nhưng chỉ là một cái gì vô ngã. Scheler gọi đó là sức vũ trụ (*force cosmique*) và hai người đã hòa đồng với Vũ trụ. Thế là Vô ngã.

Về điểm này Max Scheler đã đưa ra một nhận định như sau : « Trong ái tình, Phật chỉ đề cao sự xả kỷ, bỏ quên mình đến mức từ chối mình. Như vậy trong Phật giáo không có tình yêu Thượng-Đế, vì Phật không nhận có Thượng-Đế ; và cũng không có tình yêu mình, bởi vì không có mình nào hết, không có bản ngã tinh thần để trao đổi tình yêu với một bản ngã tinh thần khác ». (Max Scheler, *Nature et formes de la sympathie*, Payot 1950, p.122). Ở một đoạn sách khác, và vẫn trong chiều hướng đó, Max Scheler đã so sánh hai thái độ ái tình Đông phương và Tây

phương, và ông nghĩ rằng « Ái tình theo nghĩa Tây phương đề cao nhân vị con người tinh thần và ít chú ý đến phương diện hòa đồng với Vũ trụ, còn Ái tình theo nghĩa Đông phương (nhất là Ấn độ) thì quá nghiêng về chỗ hòa đồng với Đại Ngã của vũ trụ cho nên thiếu sót về phương diện nhân vị tinh thần của con người ». Và ông hô hào một sự sửa chữa hai quan điểm đó hông đi tới một thể quán bình đẹp đẽ (Ibid.p.162).

Tôi không có ý nhận xét gì về cách Max Scheler giải nghĩa quan niệm ái tình trong Phật giáo, nhưng chỉ muốn lấy đó làm đà tiến để đi sâu vào sự tìm hiểu ý nghĩa của ái tình, nhất là về Vô ngã của ái tình, tức là về Hòa đồng do đàn bà mặc cho ái tình. Bản tính đàn bà Vô ngã, thiếu Dự phóng căn bản. Điều này rõ quá : trong khi cậu học sinh đệ ngũ đã mơ tưởng vai trò xã hội của cậu sau này (cậu sẽ làm giáo sư trung học, hoặc làm Bác sĩ, làm giáo sư đại học, làm chính trị gia, làm kỹ giả v.v.), thì một cô sinh viên Đại học vẫn chưa biết rồi mình sống thế nào. Như vậy trời cho người đàn ông có Dự phóng căn bản,

và cho người đàn bà Dự phóng tùy thuộc, nghĩa là thuộc về một người đàn ông. Hai Dự phóng khác nhau xa quá : một được gọi là căn bản, và một được gọi là tùy tùng. Phải chăng chữ Tam Tông của người xưa vẫn có ý nghĩa tâm lý của nó, mặc dầu nó đã mất hết ý nghĩa xã hội và thực tiễn.

Tóm lại, bản tính người đàn bà là thiếu bản ngã. Đó là tính chất Vô ngã mà người đàn bà mang theo mình, mang cả vào trong sinh hoạt ái tình với người đàn ông.



SAU khi đã bàn sơ qua về tính chất Hòa đồng do đàn bà mang lại cho ái tình, bây giờ chúng ta phải tìm hiểu tính chất *Phân cách* do đàn ông mang đến. Thực sự chính tính chất này làm cho ái tình khỏi sa xuống vũng lầy của Vô ngã. Ái tình là một sinh hoạt biện chứng (dialectique), giằng co giữa Âm và Dương, giữa Trí và Tâm. Chính người đàn ông giữ cho mình và người yêu của mình khỏi rơi vào vô ngã là thứ tình yêu làm mất nhân vị. Nói đơn sơ hơn, chính người đàn ông giữ cho Ái tình bảo toàn

được chữ « một mà hai », cũng như người đàn bà đã làm cho ái tình muốn luôn luôn « hai mà một ». Chúng ta đã biết : Một thì không thể là ái tình nhân vị được, vì nếu một thì một đó là ai ? Cho nên khi một mà không còn là hai nữa, thì một đó là một đồng nhất của Vô ngã.

Như thế tính chất phân cách của người đàn ông là bảo đảm cho nhân vị của tình yêu. Trong cuốn « *Lưỡng tính của Ái tình* » (La double nature de l'Amour) mà chúng tôi đã có dịp nói đến trên kia, tác giả đã nhận định về tính chất phân cách này như sau : « Phân cách bao hàm một ý nghĩa tư kỷ, nhưng một chút tư kỷ như vậy là bảo đảm rất quý giá để tránh cho Ái tình khỏi sa vào những thái quá của tình yêu tận hiến. Thiếu chút tư kỷ này, Ái tình sẽ dễ dàng đi tới thái độ Phật giáo hoặc thái độ duy tâm (nghĩa là bỏ mất nhân vị). Cho nên tư kỷ chỉ xấu khi nào nó đi tới thái quá mà thôi. » (D'Arcy, Op.cit., p.222)

Bạn đọc vẫn chưa hiểu Phân cách là gì ? Chúng tôi biết đó là một điều không dễ hiểu lắm và mặc dầu những trình bày trên đây về Phân cách, chúng ta vẫn chưa dễ lãnh hội vai trò của yếu tố đàn ông đó nơi ái

tình. Thì đây, chúng tôi xin đặt tính chất đó vào đời sống người đàn ông. Chúng ta biết người đàn ông là người có Dự phóng căn bản và Dự phóng này là chính sinh hoạt xã hội của người đàn ông (làm bác sĩ, làm công chức, làm học giả, làm chính trị v.v.) : thành thử Ái tình chỉ chiếm một phần hoạt động của người đàn ông thôi. Đó là những giờ sống trong gia đình, sau những giờ tranh đấu ngoài xã hội (Trái lại, người đàn bà không có Dự phóng xã hội nào khác ngoài dự phóng của người chồng : có em sẽ là bà bác sĩ X. hay bà giáo Y.) . Vì thế người đàn ông không muốn suốt đêm ngày lẫn lộn với thê nhi ; người đàn ông cần phải đi ra, phải giữ chỗ đứng của mình ngoài xã hội, không thể cả ngày ngồi yên trong gia đình. Trái lại người đàn bà là nội tướng, giang san và quyền hành của đàn bà là giang san của Ái tình nghĩa là trong gia đạo : chỗ đứng của đàn bà là trong gia đình, và không thể lấy ai thay thế chỗ đó cho được.

Sự đi ra đó của người đàn ông không phải là truyện dễ. Cánh tay của Ái tình nhiều khi ôm chặt chẽ đến nỗi người đàn ông cả tháng cả tuần chỉ quanh quẩn bên cạnh bàn thờ Nữ thần

Vénus (Ái tình nhục dục). Thi hào Tagore đã nói lên sự đau khổ của những lúc rút ra đó :

« Thôi, xin gỡ tôi ra khỏi những dây ràng buộc của dục hiên,

Ái tình ơi, ta không muốn rượu nồng của những cái hôn nữa,

Khói của hương tình làm chết ngộp lòng ta.

Mở tung cửa ra, cho ánh sáng ban mai ủa vào ;

Ta bị chìm mất trong Em và bị giam trong xiềng ân ái :

Xin giải thoát ta khỏi bùa mê của Em,

Đề ta lấy lại chỉ ngang tàng,

Đề ta có thể dâng Nàng một trái tim thoát ách. »

(TAGORE, *Ca ái tình*, dẫn trong Max Scheler, *Nature et formes de la sympathie*, p.112).

Người đàn ông thấy mình bị ngắt đi, chết ngộp trong cánh tay của Ái tình : vì muốn dâng cho nàng một trái tim thoát ách, tức một trái tim sáng suốt và tự chủ, người đàn ông xin Ái tình đừng làm mê lòng mình nữa. Đó là ý nghĩa của mấy vần thơ Tagore trên đây. Người đàn ông không xin khỏi mê man để cố trốn xa người

đàn bà đầu, nhưng chỉ xin khỏi mê man để có thể dâng người yêu một trái tim tỉnh táo và tự chủ. Tóm lại, nhiệm vụ của người đàn ông trong cuộc đời ái tình chung sống với người yêu, là giữ sao cho tình yêu khỏi sa vào chỗ mê man của bùa Vô ngã, của hố Hòa đồng. Tính chất Phân cách của các người đàn ông là ngoi lên khỏi làn sóng tình muốn chôn vùi cả hai trong trạng thái mê.

Như thế chúng ta lại gặp lại Apollo và Dionysos, Ánh sáng và Men nồng. Tình yêu có đủ hai tính chất đó : ánh sáng của ý thức nhân vị, và men nồng của bùa vô ngã. Vô tình chúng ta đã trở lại quan điểm của bà Gina Lombroso : ái tình vừa hữu lý vừa vô lý. Chỉ khác một điều là chúng ta thấy thực tế luôn luôn cải chính lập trường của bà Lombroso : thực tế cho thấy không phải người đàn ông bỏ lý trí và ý thức ra ngoài đường tình, nhưng chính người đàn bà đã dùng men nồng và bùa mê của thân hình say đắm. Nàng dễ làm cả hai bên ngắt đi trong tình trạng xuất thần. Bản tính vô ngã của người đàn bà đã ghim ý thức người đàn ông vào biển ái ân để đến nỗi chính người đàn ông cũng mất ý thức của mình nữa. Cho nên

nếu có sự cố gắng nào để vươn lên khỏi tình trạng mê mẩn đó, thì cố gắng đó do người đàn ông, không do người đàn bà.

Trước sau, chúng ta vẫn thấy lưỡng tính của tình yêu, và qua tất cả những nhận xét của Platon, cũng như của Scheler và Gina Lombroso, chúng ta luôn luôn gặp sự hiện diện của Trí và Tâm, Ánh sáng và Men nồng, Lý trí và Vô lý. Hơn nữa với truyền thống Ấn-độ, chúng ta nhận định rằng vai chính trong cuộc sống ái ân là vai trò của người đàn bà : người đàn bà gọi tình, bủa lưới tình, và còn là dây bền bỉ của Ái tình. Người đàn bà là Hòa đồng.

Sau khi nhìn rõ tất cả bằng ấy phương diện của Ái tình rồi, bây giờ chúng ta có thể tiến thêm một bước nữa đi sâu vào huyền nhiệm của ái tình. Và đây là những kết luận thực hành của chúng ta.



NGƯỜI đàn bà là tiếng gọi, là Hiện dâng, là đối tượng trực tiếp của tình yêu. Platon đã viết trên kia : « Vì có hai ái Tuyệt sắc, cho nên cũng có hai chàng Ái tình » (Nên nhớ : trong văn chương Hy-lạp và Tây-phương sau này, Ái tình

bao giờ cũng là vị thần của Nam giới : Ái tình (Nam) theo đuổi Tuyệt sắc (Nữ), và đó là câu truyện ái ân).

Nếu đàn bà là tiếng gọi, thì đàn ông là trả lời. Tiếng gọi càng ầm áp và thúc bách, tiếng trả lời càng tận tâm và mau mắn. Nghĩa là gọi thế nào thì trả lời như thế. Nếu tiếng gọi là Nhục dục, thì trả lời cũng chỉ là Khoái lạc ; trái lại nếu tiếng gọi là Tâm hồn, thì trả lời cũng tất nhiên là Yêu chính thực. Nói thế, chúng tôi chỉ nhắc lại một chân lý ngàn đời : Rau nào sâu nấy. Đức Jésus-Christ đã nói một câu thâm trầm : « Cái chi sinh bởi xác thịt là xác thịt, và cái chi sinh bởi tinh thần là tinh thần. » (Jean III, 6.)

Nhìn vào xã hội ngày nay, chúng ta phải thẳng thắn nhìn nhận rằng : đa số con người ta chỉ tôn thờ Ái tình Nhục Dục, Ái tình của Venus. Đây là thứ ái tình làm say mê lòng con người, khiến con người chệnh mảng nhiệm vụ làm người và thường khi bỏ qua những trách nhiệm lớn lao trong xã hội. Đây là thứ ái tình nhào luyến thuần bằng men say và giao cảm, nguyên chất men nồng, không một chút chi ánh sáng. Ái tình này là ái tình vô

ngã, vì phụ nữ tính trần ngập phim ảnh và đường xá chúng ta.

Những người bình tĩnh nhận xét bộ mặt xã hội con người thời nay đều phải thốt ra câu :

« Thời đại của Phụ nữ chủ nghĩa ». Phụ nữ không còn là Huyền nhiệm dành cho những kẻ bước vào trong thánh đường của ái tình nữa, nhưng ái tình được đem phát mại đầy đường phố. Apollinaire, nhà thơ của tình điên và rượu nồng, đã mơ thấy mình « bị ngọt ngạt, lảo đảo bước đi giữa một con đường ngồn ngàng những ly rượu và những bộ ngực đàn bà ».

Phim ảnh, chính phim ảnh đã làm mất nhân cách người đàn bà. Trên màn ảnh, những cô đào mệnh danh là nguyên tử đã để lộ tất cả những gì huyền nhiệm của phụ nữ, và để lộ một cách trơ trẽn. Cách ăn mặc và những cử chỉ đó, thoát tiên ai cũng cho là đáng điểm, lỗ mãng, nhưng dần dần quen mắt và được nhiều chị em phụ nữ tung ra làm « kiểu sống mới ». Họ tưởng đó là những bí quyết để thành công trong việc chinh phục đàn ông. Được lắm, họ chinh phục được, nhưng chỉ chinh phục những ai quan

niệm Ái tình là Nhục Dục như họ thôi. Một ký giả Pháp vừa viết : « Có nào cũng óng ả trong bộ y phục đẹp nhất. Khi tới bậc thang, mỗi cô đều phải dừng lại dó một lúc dưới những ánh đèn và chớp của máy ảnh : Có nàng cười duyên, hiển bộ ngực của cô, cái gáy của cô và cái lưng eo của cô cho ống kính phủ phàng... » (G. Hourdin, *Le cas Françoise Sagan*, Paris 1958, p. 50). Đó là nói về các cô đào xi-nê. Các người đàn bà, các thiếu nữ sống trong gia đình chúng ta thì khác, nhưng khác nhiều hay ít ? Dầu sao cũng phải nói rằng xã hội chúng ta đang bị khủng hoảng về ái tình : không bao giờ có nhiều thảm kịch ái tình như ngày nay. Các nhà kinh tế, mỗi khi có khủng hoảng kinh tế, thường nhận thấy rằng nguyên nhân đó do sự tăng giá quá nhiều giấy bạc (inflation : thối phồng lên). Có lẽ chúng ta cũng nên coi sự « thối phồng » người đàn bà lên là căn nguyên cơn bệnh xã hội ngày nay. Những giá trị xác thịt của thân xác người phụ nữ đã trở thành mối ám ảnh theo rồi người thanh niên khắp mọi nơi : ở trường học, ở thánh đường, ở công sở, ngoài đường phố, trong gia đình ; ấy là chưa nói

báo chí, sách vở, và phim ảnh.

Lỗi đó không do người đàn bà, nhưng thường do một ít người đàn ông. Những kiểu áo của mình tinh cũng như của các nhà may lớn nhất trên thế giới (như Christian Dior) không do đàn bà nhưng do đàn ông sáng tác ra ; những kiểu tóc cũng thế. Tóm lại thường khi người đàn bà chỉ là chỗ treo áo và treo những cách trang sức do đàn ông nghĩ ra. Xưa kia một nhà điêu khắc Hy-Lạp điên cuồng vì yêu pho tượng chính tay chàng tạo nên. Con người thời nay cũng thế. Cho nên nói dễ mà suy, không thể bắt lỗi ai hết. Bắt lỗi không bằng nhìn thẳng vào sự thực đã. Mà sự thực thì như thế đấy.

Để nói lên tình trạng đáng buồn của ái tình ngày nay, tưởng không gì bằng mượn bút của H. de Montnerlant, nhà văn hào lừng danh trên thế giới về bộ tiểu thuyết tâm lý phụ nữ của ông (bộ sách này đã được dịch ra 12 thứ tiếng và đã bán hết từng mấy triệu cuốn). Kết luận cuốn *Les Lépreuses* (Những cô gái hủi) là cuốn cuối cùng trong bộ sách 4 cuốn nhan đề là *Jeunes Filles* (Các cô gái), tác giả viết những dòng sau đây về cái thế giới bị phụ nữ hóa của chúng ta :

« Khi người đàn ông *thành thực* yêu một người đàn bà, anh chàng thường cho cô ta một thứ tình yêu khác tình yêu mà cô ta mong đợi : đàn bà thường tìm cách làm hư tình yêu mà đàn ông mang lại cho họ. Chính đàn bà đã làm cho Ái tình trở thành một thứ bệnh thần kinh : đó không còn là thứ ái tình tức một tình cảm thần thánh đầu khi nó trở thành âu yếm, có pha hay không pha dục tình, — nhưng đàn bà đã làm nó trở thành cái quái dị nực cười mà chúng ta gọi là *Ái-tính* (l'Hamour). *Ái-tính là ái-tình theo quan niệm đàn bà : ngớ ngẩn, ghen, thích sinh truyện. Tóm lại Ái-tính là sản phẩm ghê tởm nhất của con người, trăm ngàn lần dơ bẩn và tác hại hơn sự thanh nhã của cuộc giao hoan : ái-tính là chỗ nấu ừn của đàn bà và của đàn ông để chống lại lý trí và chống lại lương tâm. Ái-tình là chứng bệnh của Tây phương là bệnh uất máu ghê gớm của Tây phương. (Les Lépreuses p.237.238) (1).*

Tôi sợ thứ ái tình tồi tàn mà Montherlant đã phải tạo ra một danh từ quái dị (Hamour, ái tính) để gọi này, không còn là

(1) Tác giả dùng chữ Hamour thay chữ Amour (ái tình) để tỏ rằng ái tình ngày nay không đáng là ái tình nữa. Tôi dịch Hamour là ái tính nghĩa yêu cái tính dục.

bệnh riêng của Tây-phương nữa. Nó đang lây sang Việt-Nam như một trận dịch tả. Tự ít lâu nay, Tây-phương không còn là khu riêng của tình trạng « thối phồng » đàn bà như người ta nghĩ nữa, Việt-nam chúng ta (ít là các thành thị lớn) không tràn ngập phụ nữ tính là gì ? Nhìn vào không khí sặc sụa phụ nữ tính của ít thành phố chúng ta tạm hiểu được tại sao Montherlant đã viết những dòng sau đây để phản kháng sự kích thích gần như liên lý về sinh lý do đàn bà gây nên :

« Sao người đàn bà không nhận thấy rằng họ thuộc vào giống đáng thương hại ? đàn bà là người luôn luôn kêu xin, luôn luôn có nhu cầu, luôn luôn như chim non gãi để xin mớm. Họ luôn luôn cần được yêu, được hôn, được ôm ấp : thực là một thứ bệnh. Sao họ không xấu hổ về thái độ cả đời chỉ kêu xin đó ? Chính vì cảm thấy tự ti cho nên họ có thái độ như vậy. Rồi do đấy họ có khuynh hướng muốn ghìm người ta, giữ cho chặt, và luôn luôn đòi thêm những bảo đảm : chúng ta có cảm tưởng như đàn bà luôn luôn sợ thiếu cái gì. » (Ibid.p. 239).

Tuy nhiên, nghĩ lại, nếu người đàn bà luôn luôn kêu

xin, điều đó cũng do sự họ linh cảm thấy rằng sự kêu gọi và khiêu gọi đó có một sức mạnh ghê gớm, và dễ có hiệu quả trực tiếp : họ dễ dàng kiếm được một người đàn ông dễ yêu, dễ chung sống

Nhắc lại những ý tưởng của Montherlant, chúng tôi không có ý giảm giá trị thẩm mỹ của thân thể người đàn bà. Ai cũng phải công nhận rằng thân xác con người, và nhất là thân thể người phụ nữ, là tác phẩm tuyệt mỹ nhất của tạo hóa. Tuy nhiên, thân thể chưa phải là tất cả con người, và nếu ta đề cao những giá trị thể xác, thì chúng ta nhất định xô con người xuống hàng sự vật, một sự vật đẹp để có khả năng làm thỏa mãn những nhu cầu giác cảm. Thế giới này sẽ tẻ nhạt biết bao nếu vắng bóng người phụ nữ ?

Như vậy, người phụ nữ là màu sắc vui tươi của sinh hoạt con người, là dịu hiền để xoa những vết thương mà người đàn ông không thể tránh được trên trường tranh đấu. Người phụ nữ là Men nồng, là Tinh lực (Sakti) phấn khởi sức đấu tranh của chàng hiệp sĩ. Người phụ nữ là Hòa đồng. Tóm lại người phụ nữ giữ vai trò phối hiệp của Ái tình, nhưng đồng thời người phụ nữ là sức Vô

ngã và bùa mê. Người đàn bà phải ý thức điều đó, họ mới chu toàn sứ mệnh ái tình của họ đối với tình yêu. Quá chú trọng về những giá trị thân thể (tức chất Men nồng), người đàn bà sẽ sớm đưa người đàn ông đến chán nản và thất vọng.

Tại sao chán nản ? Tại sao thất vọng ? Tại một lẽ rất giản dị và chân thực : tại vì *Ái tình là một giá trị tinh thần*. Chúng ta không thể nói con bò đực yêu con bò cái : chúng ghép đôi dễ dễ, nhưng chúng không thể có ái tình theo nghĩa thiêng liêng của con người. Các nhà tâm lý học đã lưu ý chúng ta về điểm này : trong các loài động vật, chỉ có loài người biết dùng sự giao hợp để tổ tình yêu và tăng cường tình yêu. Các loài vật khác chỉ giao hợp mỗi kỳ sinh con mà thôi. Như vậy đủ tỏ rằng sự phối hiệp thân thể chưa phải là ái tình, và cũng chưa phải là phần quan trọng của ái tình. Người ta chóng chán và nhiều khi thất vọng đến ly dị, vì người ta đã xin Venus (Ái tình nhục dục) những hồng ân mà Nàng không có cho nên không thể cho ai được. Người ta tưởng Venus sẽ làm thỏa những nhu cầu tâm hồn, tức những nhu

cầu của sinh hoạt con người, không ngờ Venus chỉ có khả năng làm thỏa những nhu cầu sinh lý mà thôi. Ái tình không thể là một suy tưởng trừu tượng như chủ trương của Platon ; ái tình càng không thể chỉ là những xúc động của thần kinh. Con người không phải là thiên thần, và càng không phải là xác thịt. Con người là cả hai : Trí và Tâm, Tinh thần và Xác thịt.

Tục ngữ ta có câu : « Miếng trầu là đầu câu truyện ». Theo ý đó, chúng ta nên coi những giá trị say sưa của thân thể người đàn bà như miếng trầu dẫn đưa vào câu truyện. Truyện gì ? Truyện ái tình. Và, theo các điều chúng ta đã thấy trên đây, câu truyện ái tình nhất định không phải là sự giao hợp (vì giao hợp vẫn là miếng trầu). Câu truyện ái tình là chính sự thông hiệp giữa hai tâm hồn, càng ngày càng tìm hiểu những lo toan của nhau, những dự tính của chung nhau và như vậy là giúp nhau cùng thể hiện cái định mệnh cao cả của mỗi người. Đứng thế, ái tình chính thực chỉ nảy nở giữa hai nhân vị, hai người, vợ và chồng. Định mệnh đó là hai định mệnh riêng biệt : định mệnh

phải làm người toàn hảo ở kiếp này và làm thánh ở kiếp sau. Không có định mệnh chung, không có định mệnh vô ngã. Chỉ có định mệnh nhân vị. Trong viễn tượng này, ta thấy không bao giờ người đàn bà sợ người đàn ông biến mình thành đồ chơi : người đàn bà luôn luôn được kính yêu và tôn trọng như là bạn đường của người đàn ông ; đồng thời người đàn ông tự coi là bạn đường của vợ mình.

Ái tình là một Huyền nhiệm vô tận, cả đời cũng không bao giờ khám phá ra hết những vẻ đẹp và những nghị lực quý giá. Những nhân vật tiểu thuyết của Françoise Sagan (nhất là cuốn

Dans un mois, dans un an (Một tháng nữa, một năm nữa), đi tìm Huyền nhiệm Ái tình trong xác thịt : họ tìm đủ cách, nhưng càng tìm càng thấy chán ngán và nôn mửa. Xác thịt chỉ có thể tìm mãi cũng chỉ thấy mãi thế.

Kết luận bài này, chúng ta thấy rõ như ánh sáng rằng có hai thứ ái tình, một chân và một giả. Ái tình chính thực là mối liên kết và thông hiệp giữa hai tâm hồn. Hai tâm hồn có thể nói truyện với nhau muôn đời cũng chưa hết truyện, vì câu truyện đó nhằm cách thể hiện cuộc sinh hoạt nhân vị của hai người và đồng thời là cách thể hiện Định mệnh thiêng liêng của mỗi người trong cộng đồng gia thất.

PHƯƠNG TẦN

Phần thứ hai

*Phần thứ hai của Văn Hữu số 14 này hoàn thành với sự cộng tác của
qui bạn: Tuấn Huy — Thái văn Kiềm — Duy Anh — Sĩ Trang — Đỗ Tấn—
Nguyễn hữu Dung — Tường Linh — Hoài Khanh...*

TUẤN HUY

Ốc hoang

UYÊN xuống xe, trời đã sẫm tối. Những ngọn đèn mờ vàng trên cư xá Hỏa xa như những con mắt u buồn bệnh hoạn. Anh nghĩ tới cuộc hành trình vừa qua nhưng quên hết mệt mỏi đường xa. Người con gái cùng đi chuyển xe đồ buổi chiều và nụ cười duyên dáng của nàng bắt Uyên nhớ đến một khuôn mặt quen thuộc cũ. Phải rồi, khuôn mặt của Thi, người nữ y tá trong bệnh viện ngày xưa, hồi Uyên chớm bị lao. Bây giờ Thi đã chết rồi. Những mũi tiêm và những viên thuốc không thể cứu chữa gì được người thiếu nữ hiền dịu ấy. Hằng ngày, Thi phải gần gũi, chung đụng với những con bệnh có đôi lá phổi nám đen, thủng nát; hàng ngày nàng phải săn sóc, an ủi hàng chục, hàng trăm người mong cho tất cả vùng thoát ra khỏi sự phá phách của thứ vi trùng ác nghiệt... đề rồi cuối cùng chính nàng lại quy ngã bởi sự săn sóc và an ủi ấy.

Uyên thấy ngùi buồn. Một lời khuyên xưa kia của Thi văng lên : « Đừng bao giờ tuyệt vọng, phải kiên nhẫn mà tin tưởng. » Lời khuyên tâm thương đó đã nhiều lần Uyên tưởng chừng quên khuấy đi trước thực tại phũ phàng của cuộc đời, bây giờ lại sống dậy, nhắc nhở day dứt Uyên. Anh lên hết dốc. Cây mimosa đầu vườn như một vệt sáng nhờ nhờ. Uyên ngừng lại và thấy tim đập mạnh. Yếu đuối thật. Chưa tròn ba chục tuổi đầu mà mới trèo hơn hai mươi bậc đá đã mệt — phờ như

đứt hơi. Thành phố chật chội, nóng bức dưới kia, những người đàn bà phấn hương dày dạn, những lo nghĩ buồn nhớ thường xuyên... Tất cả đã làm tiêu hao sức lực. Uyên thấy hối tiếc và tự giận mình một cách chân thành. Anh nhìn xuống khu ga : Tòa nhà lạnh lẽo im lìm. Năm con đường sắt nằm dài dặt buồn bã như xa cách hẳn những toa tàu đen ngòm cảm nín. Giấy nhà nhân viên với những mái tôn, những ô cửa sổ thấp thoáng ánh đèn. Bao nhiêu mảnh đời nhỏ bé ở dưới ấy, có an phận với cuộc sống phẳng lặng của mình hay cũng luôn luôn đòi hỏi hăm hực, luôn luôn trông ngóng những cái viên vông hào huyền như anh ?

Uyên không thể trả lời. Anh lại lầm lũi đi trên con đường sỏi gạch. Nhà chú Văn hiện ra với ống khói của chiếc lò sưởi vừa quét vôi trắng xóa. Lòng anh dịu lại như đang trở về tổ ấm quê nhà. Cha mẹ anh ở tận một phương trời xa. Bảy năm bỏ đi, bảy năm thiếu thốn những tình thương ruột thịt. Nơi đây chỉ còn một người chú nghèo và một người chị đông đầy con cái. Chú Văn ở trên này cặm cụi làm việc đề tháng tháng gửi về cho các con dưới Saigon gần trọn số lương. Chị Hạnh thì suốt năm suốt tháng chỉ thấy eo sèo vì ghen tuông, công nợ. Uyên buồn chán tự coi mình như chẳng có ai thân thích họ hàng. Anh rời xa hết cả và mặc những lời khuyên rằng nấn nỉ. Anh đã sống trong cái anh có, không nương nhờ ai và không chia sẻ cho ai. Ngay đến Duyên, một người đàn bà hết lòng yêu thương anh muốn mời về ở chung, anh cũng chối từ. Cái thái độ ngang bướng ấy, mọi người lầm tưởng là nhỏ nhen ích kỷ. Nhưng thực ra, anh đã cố tránh cho họ những bức bối buồn phiền. Bệnh hoạn nguy hiểm ngày xưa có thể trở lại phá phách bất ngờ. Thêm vào đấy, cái linh tình sắt đá cần cỗi của anh đã như một cố tật, có lẽ chẳng một ai chấp nhận nổi, dù người đó có rộng lòng tha thứ đến đâu...

Tới đầu vườn, Uyên thấy một thiếu nữ đang đứng rửa chân chỗ máy nước. Anh hơi sửng sốt khi nhận rõ thiếu nữ đó là Hương — cô con gái ông bạn đồng sự của chú Văn, nhà kế bên — Mới có mấy năm mà cô bé đó cao vọt lên rồi. Anh chào Hương. Nàng thẹn thùng :

— Kia anh Uyên ! Đã lâu lắm anh mới lên...

Uyên nhìn hai bàn chân trắng nhỏ của nàng đang lồng vào một đôi guốc cao gót :

— Vàng, tại tôi bận quá. Hương vẫn đi học chứ. Năm nay Hương học lớp mấy rồi ?

Hương vắn vỏi nước lại :

-- Em học đệ nhất. Niên học vừa rồi em mới đậu phần một.

— Ồ, Hương học giỏi quá. Ông bà bên nhà mạnh không ?

Hương có vẻ bẽn lẽn vì cái nhìn chăm chú của Uyên. Nàng vuốt mấy sợi tóc :

— Dạ mạnh. Kỳ này anh ở lại lâu không ?

Uyên khẽ gật đầu.

— Tôi sẽ ở lại ít ngày.

Hương vui vẻ :

— Vậy ư ? Mai mời anh qua nhà em chơi.

Uyên mỉm cười. Anh nhìn theo bóng Hương khuất sau bức tường xám dài và thoáng nhớ lại một mùa hè cách đây đã lâu. Năm ấy, anh lên ở với chú Văn hai tháng. Đạo đó, Hương còn bé, anh thường dắt nàng thơ thẩn chơi trên mấy ngọn đồi. Có hôm hai người xuống tận trại Hầm mua mận ăn. Vậy mà bây giờ cô gái bé bỏng ấy đã cao bằng anh và đẹp hơn xưa nhiều lắm.

Uyên bước vào nhà giữa những tiếng tiếng chó sủa ầm ĩ, (hú Văn chạy ra và mừng rỡ khi thấy anh. Cái nắm tay xiết chặt nụ cười bao dung nở trên môi người làm anh thẳng thốt nhớ đến hình ảnh cha già.

— Chà, đến gần hai năm nay chú mới gặp cháu đây.

Uyên đáp thật ngoan :

— Vàng. Hồi này chú có được mạnh không ạ ?

— Cũng thường thôi. Năm ngoái chú bị tè cánh tay trái mất mấy tháng.

— Dạ, cháu có nghe các em nói.

Ông Văn đưa Uyên vào buồng khách, và chỉ một chiếc ghế:

— Cháu ngồi đây. Không thấy cháu viết thư, chú tưởng đã đi đâu xa rồi.

Uyên đặt cặp da xuống đất. Anh khẽ thở dài:

— Cháu vẫn sống lang bang dưới Saigon.

Nét mặt ông Văn buồn hẩn đi. Ông mở hộp lấy trà cho vào ấm. Đôi mắt hấp hiu và vàng trán hẩn lên nhiều vết nhăn tư lự ưu phiền. Uyên thấy mũi lòng thương xót chú. Cả một đời người chắt chiu, dè sẻn để cuối cùng bỏ cả cơ nghiệp mà đi. Bây giờ, anh thấy hối hận về những điều ngộ nhận ngu muội ngày trước. Sự oán trách chủ và hờ hững với các em của cha mẹ anh và của ngay chính anh bắt nguồn từ những ganh ghét thấp hèn. Tại sao khi thấy người ta lành lặn no đủ hơn mình lại dễ tâm thù giặc. Mà gia đình chú Văn nào có dư dả gì. Cũng phải chắt bóp tần tiện, thức khuya dậy sớm. Làm lụng vất vả cực nhọc mới tạo nên nổi một cơ nghiệp nhỏ bé, mới kiếm đủ cơm ăn áo mặc cho con cái đông đàn. Vậy mà ngày xưa, oán thù vẫn ngăn cách hai gia đình. Cha mẹ anh cho rằng chú Văn đã khéo khôn bòn nhặt hết của cải của bà nội. Vì thế, khi bà nội anh chết; từ thành phố dắt díu vợ con về thừa hưởng gia tài, cha anh đã nặng lời quy hết tội lỗi cho người em trai nhỏ. Ông nhìn gian nhà lá dột nát của mẹ để lại và tòa nhà gạch ngói to lớn của em, giọng giận hờn cay đắng: « Bảo thẳng Văn nó mang hết cả về. Tao không cần, không cần ! » Người ngoài họ, xấu bụng, thấy anh em bất hòa, nói thêm những lời xúc xiểm. Nhiều chuyện xấu xa tồi tệ được bịa đặt. Những là « chú Văn đã định khiêng cái chum, cái thống này đi », « bà cụ chỉ chậm một ngày thì cái bể kia đã bị phá và sân gạch này cũng bị đào hết lên rồi ».

Cha Uyên nông nổi nên càng căm tức. Ông bắt đầu có thành kiến không tốt về người em trai út đó. Ông thường bảo các con « Chú thím Văn không ra gì đâu. Nồi cơm của nhà này nếu đập được ra thì chú thím ấy cũng chẳng từ ». Từ đây, Uyên nhìn chú Văn bằng đôi mắt hận thù oán ghét. Trong trí óc non

nét của anh bấy giờ, anh mặc nhiên cho rằng chú Văn rất xấu. Phải rồi, cứ so sánh cách sống của nhà anh và nhà chú ấy anh cũng đủ thấy. Anh chị em anh thì chui rúc trong một gian nhà ẩm thấp, bần thiêu, còn vợ chồng con cái chú ấy ở một biệt thự rộng rãi thông thoáng. Từ bát cơm anh ăn, đến bộ quần áo anh mang trên người, từ cách đối xử khinh thị của các em, đến cái nhìn dừng dừng xa lạ của chú thím. Dù không muốn, Uyên cũng cảm thấy xót xa tủi nhục. Thêm nữa, bao lời rêu rao chì chiết của cha mẹ, những ngày đói khổ thiếu thốn của gia đình... Uyên thấy có đủ quyền coi chú Văn như một người dưng nước lã....

Ông Văn khoan khoái cầm chiếc ấm nhỏ bé chiết nước ra chén tống, rồi lại khoan thai xể từ chén tống vào chén hạt mít đưa cho Uyên. Uyên đỡ lấy và chậm rãi uống.

Hương vị thơm ngon tinh khiết của trà khiến tâm hồn anh như lắng xuống. Anh nhớ đến những buổi sáng mùa đông xưa kia, khi còn ở với gia đình ngoài Hà-Nội, anh thường được cha anh gọi cho uống một chén. Tuy năm đó, anh mới có mười ba mười bốn tuổi, nhưng đã phải rời bỏ sách đèn. Anh đi học nghề sắp chữ tại một nhà in với số lương mười hai đồng một ngày. Làm quần quật từ mười giờ sáng cho đến bảy giờ tối, vất vả khổ cực như con chó. Nhưng chẳng bao giờ anh than thở một lời, tuy đôi khi có hơi bực bội vì không được theo đuổi học hành như chúng bạn, nhưng gia cảnh nghèo nàn, cha mẹ yếu đuối, anh biết làm sao ? Một hôm, anh bị ốm nặng, mẹ anh bảo rằng : « Nếu họ hàng bố mày tốt thì đâu đến nỗi ». Thoảng một phút, anh thấy những lời mẹ nói là vô lý. Tại sao lại cứ phải trông nhờ vào sự giúp đỡ của người khác. Tại sao không cố gắng tạo lấy cuộc sống no đủ cho chính bản thân mình và gia đình ? Uyên định cãi mẹ, nhưng cơn sốt kéo đến làm anh mê thiếp đi...

— Ít lâu nay cháu có được tin gì của cậu mợ cháu không ?

Tiếng ông Văn vang lên nho nhỏ giữa những âm thanh rì rạc của ấm tách chạm nhau. Uyên buồn bã :

— Thừa chú không.

— Chắc cậu mợ cháu già lắm rồi.

— Vàng, năm nay cậu cháu đã bảy mươi mấy.

— Chẳng biết là sống với ai, có no đủ không ?

— Dạ, có lẽ vẫn ở với chị cháu.

— Anh Cầu thì hẳn chết rồi.

Uyên cúi đầu. Anh nhìn xuống chiếc chén nhỏ bé. Nước trà màu xạm vàng sóng sánh trong lòng bàn tay run rẩy nghiêng trào ra. Nước mắt anh cũng muốn trào ra như thế. Sự nhắc nhở của chú Văn làm Uyên đau nhói ở tim. Người anh độc nhất của Uyên biệt tăm từ ngày chiến cuộc bùng nổ. Những bạn bè đồng đội với anh Cầu nói rằng anh ấy đã chết ở ngay ngoài trận địa rồi. Uyên chợt hình dung đến khuôn mặt khôi ngô tuấn tú của người anh ruột và những kỷ niệm thăm thiết giữa hai anh em. Ngày Uyên còn bé dại, những đêm trời rét căm căm, anh Cầu nằm ôm chặt lấy Uyên trong tấm chăn dạ cũ. Anh Cầu thương Uyên lắm, thường dành cho Uyên nhiều món quà vặt : từ chiếc « harmonica » bắt được trong vườn hoa Canh nông, những con ốc màu và chiếc bè đan bằng nứa khi anh Cầu được theo trường ra bãi biển Sầm-Sơn nghỉ hè, đến những bút chì xanh đỏ và chiếc lồng chim xinh xắn... Làm sao Uyên quên được những tối anh Cầu giảng bài, hoặc bắt Uyên phải làm xong một con tính đồ khó khăn rồi mới cho đi ngủ. Cũng như Uyên còn nhớ rõ nụ cười hề hễ của anh ấy khi biết tin Uyên đã thi đậu tiểu học... Những kỷ niệm ấy xa rồi, xa lắm rồi. Anh Cầu bỏ đi, say mê những chuyện trời biển đầu đầu, quên bằng mất đứa em trai sống những ngày mòn mỏi ở trong gia đình cực khổ...

— Năm nay cháu đúng bao nhiêu tuổi nhỉ ?

Uyên ngừng lên. Anh lúng túng một giây vì thực ra anh không còn nhớ rõ cái con số quái ác của thời gian đã đè nặng xuống đôi vai mình :

— Dạ, hai mươi chín hay ba mươi gì đấy.

— Chồng thật. Một phần ba đời người rồi ! Sao cháu không tính chuyện vợ con đi ?

Uyên đặt cái tách vào khay. Anh móc túi lấy một điều thuốc lá, vội vả chăm diêm và hồi hả hút. Phải mượn cái hơi cay đẳng này lấp đầy khoảng cách vừa mở ra. Một phần ba hay một nửa, hay đã là sắp sửa lụi tàn ? Anh nào có bao giờ để ý đến. Kéo dài mãi cuộc sống đẳng cay, khổ cực với chuỗi ngày vô vị tẻ buồn, thực tình Uyên đã quá chán ngán... Vậy mà những người chung quanh cứ hồi giục anh phải lập gia đình, Một người đàn bà, hừ ! chỉ có nghĩa là phải cộng thêm những niềm âu lo và nhận gấp đôi sự túng nghèo, đói rách. Mà chắc gì đã chia sẻ an ủi được nhau ?

Ông Văn thấy cháu lặng im, giọng ôn tồn :

— Cháu nên nghĩ đến cảnh hiem hoi của nhà ta. Sống lòng bòng mãi chỉ khổ cho mình, và làm cậu mợ cháu buồn tức.

Uyên vút mẩu thuốc lá vào ống phồng. Anh thấy quá bứt rứt khi phải nghe lại những điệp khúc quen thuộc ấy. Từ cha mẹ, chú thím, các em chị, và ngay đến bạn bè, tất cả đều đồng tình muốn anh lấy vợ. Dù họ chẳng thấu hiểu những nỗi dày vò khắc khoải mà anh hiện có. Một người con trai ba mươi tuổi, sông độc thân dẫu phải là dấu hiệu của sự chơi bời nhảm nhí. Hình như một lần anh đã bảo Duyên rằng :

« Tại sao cứ phải lấy vợ, có con, cuộc sống của mình mới thăng bằng được ? Anh thiết tưởng sự thăng bằng của tâm hồn mới là cần thiết nhất. Giữa lúc tinh thần anh bị xao động đến cực độ như lúc này, gấn bó với ai chỉ làm khổ thêm người ấy, có ích lợi gì đâu ? »

Bây giờ anh muốn nhắc lại lời đó với chú Văn, nhưng chắc hẳn chú sẽ không hài lòng. Anh đáp bằng những tiếng mết mỏi :

— Vâng, cháu sẽ cố. Từ giờ đến cuối năm, nếu tìm được người vừa ý, cháu xin nhờ chú thím.

Ông Văn gật đầu :

—Ừ, chú cũng chỉ mong cháu sớm có gia đình.

Uyên đứng dậy, xin phép ông Văn sang buồng riêng. Anh không bật đèn, để nguyên quần áo, ngả lưng xuống giường. Căn buồng lâu ngày không có người, xông lên một mùi ẩm mốc. Uyên nằm nghiêng nhìn ra khung cửa kính : Ngoài kia trăng thượng tuần mờ lạnh và không gian hàn bạc như phủ sương. Xa xa, nóc trường Yersin cao vút mờ hồ. Uyên nhớ đến những đêm đông ở Hà-Nội, anh thường đi lang thang một mình trên những con đường khuya vắng của thành phố, nhìn vào những căn buồng ấm đỏ ánh đèn. Lúc đó, thực tình anh chẳng mong thêm gì một cuộc sống an nhàn sung sướng. Những tiếng súng từ xa vọng về nhắc nhở Uyên rằng chiến tranh còn bao phủ quê hương. Nếu không có cha mẹ già yếu, có lẽ anh đã rời xa thành phố tù túng ấy. Anh thường bức bối vì còn ít tuổi, không thể bỏ đi, theo đuổi những việc lớn như anh Cầu, như những người trai khác. Niềm tủi buồn day dứt từ đó, Uyên sống như một cái bóng. Cho đến một ngày có anh công nhân lớn tuổi rủ anh đi xa. Anh bằng lòng ngay và háo hức mong mỗi một cuộc đời hoạt động sôi nổi khác. Nhưng mới ra đến ngoại ô, bọn anh đã bị giữ lại. Những người kia bị bắt hết, còn anh, vì quá bé dại nên bọn Pháp tát tai cho mấy cái rồi đuổi anh về..



MỘT tuần lễ trôi qua với những trận mưa dầm dai dẳng. Uyên ngồi chán lại nằm. Chú Văn hai buổi đi làm, ngôi nhà trở nên quá vắng vẻ trống trải. Uyên mở một cuốn tiểu thuyết. Nhưng câu chuyện tình nhảm nhạt và giả tạo khiến anh đọc không hết được mười trang. Bất giác, anh nghĩ đến mối tình tan vỡ của mình : Thảo ở lại Hà Nội. Nàng như chìm dần vào một hố sâu tăm tối. Anh nhớ hôm cuối cùng hai người hẹn nhau ở cửa trường Bác cổ. Thảo mặc chiếc áo xanh màu rêu. Chiếc khăn quàng bằng voan trắng buộc ở cổ nàng bay phấp phới. Uyên đã ngắm Thảo si mê như những ngày gặp gỡ ban đầu. Anh ngập ngừng không dám cho nàng biết ý định đi xa của mình. Hai người chậm bước dọc con đường bờ sông. Gió cuối thu thổi

dồn những lá sấu bên hè. Tới chỗ gần bệnh viện Đồn Thủy, Uyên tìm bàn tay Thảo. Những ngón tay nhỏ nhắn, mềm mại... Anh hỏi Thảo về ý nghĩ của nàng trước những biến cố dồn dập của đất nước. Thảo đáp giọng buồn : « Em nghĩ rất nhiều nhưng chẳng quyết định được gì hết. Mọi việc phải tùy thuộc ở gia đình. Còn anh, anh sẽ đi khỏi thành phố này phải không ? ». Uyên không dấu được Thảo nữa. Anh nhìn đôi mắt đen dài của người yêu, khẽ gạt đầu. Thảo tiếp : « Em rõ thế nào anh cũng đi. Em muốn theo anh nhưng chắc chắn là không thể được » — « Tại sao ? » — « Anh dư biết những lý do kìm giữ em lại rồi. Từ mấy ngày nay em đã suy nghĩ chín ». Uyên tha thiết : « Em hãy đi với anh. Chúng ta còn trẻ, lo gì không làm nổi tương lai của mình, chúng ta đi tìm một chân trời mới... ». Thảo ngoảnh mặt để dấu giọt nước mắt đang lăn chảy dài xuống má : « Em biết. Nhưng vấn đề không phải ở chỗ ấy. Em muốn gặp cậu em. Cậu và hai anh em sắp về. Thật ra mọi em cũng muốn vào Nam lắm nhưng chẳng lẽ xa nhau bao nhiêu lâu, bây giờ có dịp gặp nhau lại bỏ đi ». — « Em đành quên anh sao ? » — « Không bao giờ. Anh cứ vào trước, nếu có thể, em sẽ vào sau. Lúc đó... ». Thảo ngừng lại. Có lẽ nàng biết là khó khăn. Uyên cũng thấy sự việc xảy ra sẽ không dễ dàng gì. Hai người rời nhau sau một cái hôn cay đắng. Đoàn xe vận tải của quân đội viễn chinh ở khu nhà rượu rầm rộ bốn bánh về phía cầu Long Biên. Bóng Thảo bị xóa nhòa sau lớp bụi đường và khói xe mịt mù, nhưng Uyên còn nhìn rõ đôi mắt đậm lệ của người yêu ngoảnh lại... Cả đêm hôm đó, Uyên không ngủ. Trên chuyến phi cơ vào Saigon sáng sớm hôm sau, anh thờ thần như người mất hồn. Bây giờ Thảo đã già trong niềm cay đắng giữa Hà-Nội u buồn, sầu thảm !

Châm điều thuốc lá cuối cùng, Uyên vợ lấy chiếc áo «veston» rồi đi xuống phố. Trời đã lạnh mưa. Mây sáng đang dần lên ở ngọn núi xa. Chiếc xe ca vắng người lao vun vút qua những con đường trơn ướt. Anh nhìn xuống hố lớn : mặt nước phẳng lặng như một tấm gương mờ vĩ đại. Hình ảnh đó gợi cho Uyên hình ảnh hồ Hoàn-Kiểm những buổi sáng tàn thu. Những hàng liễu xanh ròn và tháp Rùa mờ ảo dưới màn sương xám đục... Khi quay lại, Uyên thoáng thấy Hương ở chuyến xe đi ngược về ga. Hương cũng trông thấy anh và bàn tay nàng vẫy lên vui

mừng vội vã. Uyên hơi ân hận, là từ hôm lên anh chưa hề sang chơi bên nhà nàng như đã hứa.

Xe đồ khách ở đằng sau chợ cũ. Uyên đi bộ quanh khu thương mại mới được sửa sang. Những căn hàng nhỏ bé ngầu nắp, những tà áo len xạm màu và những đôi má ửng hồng.. Thành phố cao nguyên này có vài nét giống hệt thủ đô miền Bắc xa xôi. Anh thoáng ngậm ngùi. Hà-Nội có lẽ mãi mãi trở thành một bóng hình trong trí nhớ. Buông rời nó ra đi, là mất hết rồi. Thảo của anh cũng mất hút theo. Và bây giờ cả hai chỉ còn hiện về trong những giấc mơ vụn gầy.

Uyên vào một quán cà phê ở cuối dốc. Thủy ngồi sau quầy hàng, ngược lên nhìn anh ngỡ ngàng. Anh gật đầu chào nàng. Thủy vắn nhỏ máy hát lại :

— A, lâu lắm mới thấy anh lên đây. Anh dùng gì, anh Uyên ?

Uyên ngồi xuống chiếc bàn sát quầy :

— Thủy cho tôi một cà phê phin như lệ thường.

Thủy mỉm cười tinh ranh :

— Thật đậm.

Uyên lại gật đầu :

— Vâng thật đậm.

Nhạc nổi lên gờn gợn như xoắn chặt lấy tim. Uyên ngã lưng vào thành ghế, nhìn những cuộn khói thuốc lá bay tản mát. Anh định hỏi chuyện Thủy, nhưng không biết hỏi thế nào. Đôi mắt của nàng vẫn ướt đẹp tuy có vẻ buồn hơn nhưng cũng nồng nàn hơn. Anh nhớ một đêm đã say rượu ở đây. Những ly whisky nối tiếp nhau rồi anh loạn choạng ngã. Thủy phải dìu anh vào buồng sau, đặt nằm lên giường nàng. Chiếc khăn tay ướt mát đắp trên vầng trán nóng. Anh đã ngủ vui với những cơn mê sáng hỗn loạn. Và khi mở mắt ra, Thủy vẫn ngồi gần bên lo âu : — « Anh làm Thủy sợ quá ». — « Tôi rất hồ thẹn, mong Thủy đừng chê cười » — « Em chắc anh có chuyện

gi buồn. Cả đêm anh chỉ nói mê và nhắc đến mãi tên Thảo »
— « Đó là người yêu của tôi. Nàng không vào đây ».

— Thế nào, anh vẫn mạnh chứ ?

Câu hỏi đột ngột của Thủy lời Uyên quay về hiện tại :

— Vâng. Còn Thủy ? Cửa hàng này sửa chữa đẹp lắm.

Giọng Thủy trầm hơn những tiếng đàn :

— Em sắp bán lại về Saigon đấy.

Uyên xoay phin cà phê. Anh không ngạc nhiên trước lời Thủy nói. Anh biết sớm muộn nàng cũng trở về với nếp sống xưa cũ của nàng. Thủy còn quá trẻ. Nàng chưa thể kéo dài đời mình sau chiếc quây hàng và những ly cà phê buồn tẻ này. Hơn nữa, những người như Thủy khó khăn lắm mới rời xa vĩnh viễn được cái « thế giới » đầy ánh đèn màu và những tiếng kèn thê thiết. Cái « thế giới » như có sức hút của đá nam châm với những người con gái đã lẫn lộn với nó.

— Sao, anh lại im lặng ? Thủy về Saigon là phải chứ anh nhỉ ?

Uyên bật một que diêm :

— Tôi không có ý kiến về việc này. Chắc Thủy đã cân nhắc kỹ trước khi quyết định ?

Thủy nhún vai :

— Em chẳng cân nhắc gì hết. Hoàn cảnh của gia đình buộc em phải kiếm thật nhiều tiền. Bán thứ này thật nhanh từng năm mươi đồng, em thấy sốt ruột quá.

Uyên thở dài. Anh chưa nói gì Thủy lại hỏi :

— Đạo này anh có hay đi chơi không ? Em nghe nói T.D. và M.P. lại đông khách lắm.

— Tôi cũng nghe nói thế. Nhưng làm nghề ấy cũng chán lắm.

Thủy nhìn xuống những viên gạch hoa, buồn rầu :

— Ồ, chán thật. Nhưng ngồi đây còn chán hơn nhiều. Lắm lúc em tưởng cứ sống thế này thì có thể phát điên lên được.

Uyên chế thêm nước sôi vào tách. Ánh nắng gay gắt buổi trưa hắt vào khung kín chói lòa. Thủy đã cởi áo len ngoài. Thân hình nàng vẫn lồ lộ những đường cong bắt người khác nhìn thấy phải bối rối. Bỗng nhiên, cảnh Thủy « *be-bop* » trong các vũ trường hiện ra rõ rệt trước mắt Uyên : Nàng đi chân không mái tóc xỏa xuống trông thật man dại, những bước chân nhún nhảy giữa những hồi trống loạn cuồng. Cả những nhịp vỗ tay và những tiếng reo hò của bọn trai trẻ chung quanh ..

Giữa lúc đó, năm sáu thiếu niên bước vào quán, với thái độ ngang bướng càn dỡ. Tiếng cười của họ làm rung động lớp dây thần kinh đang căng thẳng của Uyên. Anh uống cạn ly cà phê đen đắng. « Tuổi trẻ không lý tưởng sống phi phạm như một lũ mèo hoang. Cái không khí ngọt ngào của những nước đang bị chiến tranh đe dọa, nhiễm độc hết thảy mọi người ! » Vừa nghĩ thế, anh vừa đứng lên và chào Thủy bằng mắt.

Nàng chạy lại :

— Anh về ngay sao ?

— Vâng, tôi về.

— Chiều hay tối anh ra đây, em nói chuyện nhiều với anh.

Uyên nhẹ cười rồi ra khỏi quán cà phê của Thủy. Những tiếng la hét nghịch ngợm quần quýt đuổi theo. Anh cầm đầu treo lên những bậc gạch. Nặng động từng mảng dài dưới những hàng hiên hai bên phố. Anh trở về nhà khi đã quá trưa. Chú Văn chắc đã nằm nghỉ trong buồng riêng sau bốn giờ rưỡi vật lộn với những chồng hồ sơ và những con số. Uyên vòng ra khu vườn. Những ý nghĩ không nguôi về đời sống, về thân phận con người lại bùng lên trong đầu óc. Anh ngồi bệt xuống bãi cỏ. Đất như còn bốc hơi và ngai ngái mùi ẩm hoang. Hôm nọ, anh đã phác vẽ cho mình một chương trình đề chuyển này về Saigon sẽ tổ chức lại đời sống : làm việc, học hành, nếu sau này đủ phương tiện thì lập gia đình. Nhưng lúc này anh mới hiểu, có một trạng

thái bình thường như mọi người không phải dễ dàng gì. Anh giống hệt một kẻ lạc lõng đang tìm kiếm một điểm tựa nào đó để bầu vịu mà đường đời cứ mở ra mãi mãi những ngã ba, ngã tư... và anh bị xô đẩy giữa những đợt sóng bùng bùng hỗn độn.

Ngửa mặt nhìn một giải mây trắng trôi ngang sườn núi, Uyên chợt thấy tiếng cười của Hương. Tiếng cười vang lên ròn rã trong cái tịch mịch của buổi trưa đầy nắng ấm. Anh ngoảnh sang : bóng nàng thấp thoáng sau hàng găng xanh. Nhắm mắt lại, anh muốn tận hưởng cảm giác êm ái vừa len thấm vào tâm hồn. Cho đến khi những bước chân của nàng dẫm trên cỏ khô xào xạc, Hương đã tới gần, giọng nàng thật dịu nhẹ :

— Sao anh lại ngồi đây, anh Uyên ?

Uyên mở mắt ra :

— Từ hôm tôi lên, bữa nay mới có nắng..

Hương cướp lời :

— Anh không ngủ vì sợ mất một buổi trưa nắng đẹp chứ gì ?

— Có lẽ đúng. Hương cũng không nghĩ trưa ư ? — Hương lắc đầu. Nàng như chợt nhớ ra :

— À, để em về lấy mận cho anh ăn. Ban sáng em xuống chợ tìm mua bằng được mận Trại Hàm đấy.

Uyên nhìn Hương dăm dăm. Ở người thiếu nữ này như không còn một vết tích gì của cô gái bé bỏng cách đây sáu năm trước. Mái tóc đã uốn theo kiểu mới, thân hình đã nảy nở đầy đặn, áo quần đã chải chuốt tươm tất, đôi mắt mơ mộng hơn và miệng nói cũng duyên dáng hơn.

Hương then thùng :

— Anh ngồi đợi em một lát nhé.

Uyên giữ tay nàng lại :

— Đừng. Đề lúc khác tôi sẽ ăn. Hương ngồi xuống đây nói chuyện với tôi đã.

Hương lưỡng lự một phút rồi cũng ngoan ngoãn ngồi xuống. Uyên thấy bàn tay của nàng run run trong tay mình. Anh buông rời bàn tay ấy với một thoáng hối hận :

— Hôm nay Hương không đi học sao ?

— Dạ, chưa hết hè mà anh.

— Ủa, tôi quên khuấy cả rồi.

Hương nhìn Uyên :

— Trong anh gầy và đen hơn trước. Sao chẳng bao giờ anh viết thư cho em ?

Uyên bút một ngọn cỏ :

— Tôi ngại viết thư nhất. Chú Văn cũng thường trách mắng tôi về cái tính lười biếng đó, nhưng nó đã trở thành một cố tật không thể sửa đổi được.

Hương chớp mắt :

— Em thì luôn luôn nghĩ tới anh, và lắm lúc muốn viết hồi thăm nhưng chẳng biết anh ở đâu.

Uyên cảm động :

— Tôi tệ quá. Vậy mà tôi cứ tưởng Hương quên tôi rồi.

Hương lặng im. Nàng nhặt một chiếc que vẽ những hình nguyệt ngọc lên mặt đất. Uyên nhớ đến bức tranh « thiều nữ trong vườn » của một họa sĩ nổi danh. Nhưng những đường nét sống động trước mắt khiến lòng anh rộn rã hơn nhiều :

— Anh xin lỗi Hương,

Hương ngừng lên. Nàng hỏi thật nhanh :

— Anh sắp lấy vợ phải không ?

Uyên bật cười :

— Đâu có. Ai bảo Hương thế ?

— Em thấy bà Văn nói với má em.

Uyên chột hiệu :

— À, dám cô giáo bèn địa dư ấy à. Anh chưa định gì cả và cũng chưa biết mặt cô ấy.

— Xinh lắm. Nếu anh lấy vợ, em mừng cho anh.

Uyên thở dài :

— Việc vợ con làm anh rức đầu. Mọi người thúc giục quá khiến anh khó chịu. Có lẽ anh ở vậy lại hơn.

Hương cúi thấp mặt xuống :

— Anh lập gia đình là phải chứ. Ở trong này một mình, anh cần có người săn sóc, an ủi. Mấy năm trước anh sống bừa bãi lắm phải không?

Uyên nhìn chiếc cổ trắng và đôi vai tròn trĩnh của Hương. Anh không ngờ Hương có những lời nói như một người lớn. Thời gian trôi thoảng mau và đã thay đổi nàng hoàn toàn. Nhưng điều làm anh xúc động nhất là nàng đã lưu ý nhiều đến cuộc sống của anh :

— Anh không chối cãi. Nhưng nếu Hương biết rằng mấy năm nay anh quá đau buồn. Anh chán nản hết và có lúc đã để mặc đời mình ra sao thì ra...

— Em hiểu anh. Anh bị dày vò bởi anh không tìm ra cho mình một lý tưởng như một lần anh đã nói với em xưa kia.

— Hương vẫn nhớ ?

— Vâng em ghi vào một cuốn nhật ký. Những điều anh nói dạo đó em chưa hiểu gì, nhưng khi khôn lớn rồi, giở ra xem mới thấy anh có lý một phần n' o.

—Ừ, bọn trẻ chúng ta thường bị những nỗi buồn phiền vô cơ xâm chiếm, tuy vậy anh nghĩ rằng đôi khi những nỗi buồn phiền ấy cũng nâng được ta lên như ánh sáng.

Hương đuổi chân ra :

— Em tưởng, dù sao cũng phải có ý chí quyết định tương lai của mình.

Uyên dựa lưng vào một gốc cây. Quanh anh, những tia

nắng lách qua cành lá, rập rờn trên cỏ xanh như những chùm hoa trắng lung linh. Anh nhìn Hương đang ngồi bất động giữa những chùm hoa trắng, và thấy nàng đẹp hơn bao giờ. Hương lại tiếp :

— Nếu có mất mát thất bại, rồi cũng có ngày phải thành công, tìm được. Chứ chán nản chỉ giết lần mòn tài năng và làm uổng phí bao tháng ngày quý báu...

Những lời Hương nói có một tác động mạnh mẽ không cùng. Uyên khoanh tay trầm ngâm. Anh chợt nhìn thấy một con ốc nhỏ đang bám vào một thân cây phủ rêu. Chính lúc đó, anh nhận chân được ý nghĩa cuộc đời, vì hiểu rõ thân mình. Không thể là con ốc hoang thu mình trong cái vỏ cứng cô độc lẻ loi. Phải chui ra hòa chung với nhịp sống càng ngày càng sôi nổi như thác lũ của dòng đời. Giọng anh trầm ấm bên tai Hương :

— Anh hiểu rồi. Anh sẽ làm lại đời anh.

Hương ngược lên. Đôi mắt nàng chứa chan niềm thông cảm. Uyên nắm chặt tay Hương. Hai người đứng dậy, cùng sánh vai nhau âu yếm đi vào nắng ấm...

TUẤN HUY

NGUYỄN HỮU DUNG

Đường đời

*N*ỮA đời rồi, tôi đi trên đường ấy
Đầu hoa râm, giờ là bãi tha ma
Chôn chặt bao tai nghe bao mắt thấy
Bao dư âm vọng tới tự phương xa.

Bao ảo tưởng góp công xoay vận nước
Bao ước mơ được thỏa trí tang bồng
Bao tiếng quốc gọi dân đêm oi bức
Bao mừng thầm khi ừng sáng miền đông.

Bao thán phục dưới gầm trời Âu Á
Bao nhủ lòng khi về đất quê hương
Bao chịu đựng đến tai ù mắt lóa
Bao giật mình thao thức cảnh tha phương.

Bao tan hợp bao ngậm ngùi tiễn biệt
Khóc mẹ tôi thương xót đã từ tôi
Cầm tay bố nghẹn ngào giây vĩnh quyết
Đưa bao người thân quyến vội qua đời

Bao cảm giác thấu canh đùa tới sáng
Bao say sưa với bè bạn sắt son
Bao hò hẹn yêu đương thời trai tráng
Bao ấm vui cùng vợ với đàn con.

*Trên đường ấy tôi đi khi dừng đỉnh
Ngắm trời xanh thả tưởng tượng lông bông
Quyền hành tới, rườm tai nghe hót phỉnh
Túi còn tiền, nhàn rồi cũng chơi nông.*

*Lại có lúc tôi cắm đầu vùi vã
Nhắm mục phiêu tiến thẳng, bước dồn chân
Không dám nghĩ, lau mồ hôi lã chã
Hết quãng đường, khóa sồ, tạm yên thân.*

*Có quãng đường quanh co nhiều bụi cát
Có quãng đường sang trọng sửa sang luôn
Có quãng đường hoa thơm hương tỏa mát
Có quãng đường hôi hám lợm buồn nôn.*

*Mỗi quãng đường thường gặp người quen biết
Nhắc cho tôi tri ngộ những ngày qua
Tình thẳng thắn hồn nhiên và thắm thiết
Khuyến khích tôi vững tiếp quãng đường xa.*

*Trên đường ấy trồng một cây bóng mát
Khắc vắn thơ gửi gắm tặng non sông
Hay mưu vọng những phát minh to tát
Hay trau dồi đạo đức với âm công.*

*Là những việc người đời thường mơ ước
Tùy bản năng tâm tính của trời cho
Duy một niềm ngát hương lòng mỗi bước
Là cảm tình để lại lúc ra đi.*

*Cảm tình là hứng thú là niềm vui
Là di ảnh bộ hành qua một quãng
Là lời của của cuộc sống đầy vơi
Là ánh sáng dịu dàng soi đi vắng*

Là chứng thư ăn ở vẹn nhân tình.

N. H. D.

THÁI VẤN KIỂM

Triều đại Tây-Son qua ca dao

C H Ú N G ta thường nghe người Tây-Phương nói : « Tất cả đều kết thúc bằng ca dao » (Tout finit par des chansons). Bên Á-Đông ta và nhất là ở Việt-Nam, thì ngược lại, nghĩa là : Tất cả đều khởi đầu bằng ca dao» (Tout commence par des chansons).

Đặc biệt hơn nữa là bên ta, thì ca nói chung và ca dao nói riêng, luôn luôn phản ánh đời sống nhân dân của một thời đại, tâm lý của họ, phản ứng của họ đối với thời cuộc, đối với nhà cầm quyền đương thời.

Trong kho tàng ca dao rất phong phú của nước ta, chúng ta có thể tìm thấy một số khá nhiều có tính cách địa lý và lịch sử, khá dễ làm bằng chứng

của thời xưa, thay thế tài liệu lịch sử và có một giá trị đặc biệt vì nó phát xuất từ nhân dân, là phần tử chính yếu đã cấu tạo nên lịch sử, dưới sự lãnh đạo của các vị anh hùng dân tộc.

Những ca dao lịch sử thay thế phần nào những tài liệu lịch sử thể hiện bằng vật chất như thư tịch, bi ký, cổ vật v.v... và nhờ những ca dao lịch sử mà chúng ta có thể trả lời đầy đủ cho Xương-Lê-Bá Hàn-Dũ (768-824) đã từng nói rằng : « Thói người Việt không thích xưa, có lưu truyền thì lại làm mất sự thật » (Việt tục bất hiếu cổ, lưu truyền thất kỳ chân).

Nhờ những ca dao lịch sử mà chúng ta có thể tìm hiểu được những thời đại xưa, những

nhân vật rất xưa, và đó là điều kiện tất yếu để tiến bộ như Ernest Penan đã nói: « Những người thật là tiến bộ, khởi điểm bằng sự kính trọng dĩ vãng. » (Les vrais hommes de progrès sont ceux qui ont pour point de départ un respect profond du passé).

Lại nữa, lòng yêu nước chân chính không phải chỉ biết yêu đất nước mà phải biết yêu dĩ vãng, biết kính trọng những thế hệ đã đến trước ta như Fustel de Coulanges đã nói. (Le véritable patriotisme n'est pas seulement l'amour du sol, c'est encore l'amour du passé, c'est le respect pour les générations qui nous ont précédés).

Sau khi đã nhận định như thế rồi, chúng ta sẽ cùng nhau ôn lại những ca dao lịch sử của một thời đại có thể nói là hỗn loạn nhất và cũng là vẻ vang nhất của lịch sử nước ta : ấy là Thời Đại Tây-Sơn.

Trước hết, vì đâu có danh từ Tây-Sơn ? Tây-Sơn là tên một cái trại về ấp Kiến-Thành thôn An-Khê, ở cạnh núi Hòn Một, gần đèo An-Khê, trên đường đi Pleiku-Kontum, nay thuộc huyện Bình-Khê, tỉnh Bình-Định. Chủ trại Tây-Sơn àl

Hồ-Phi-Phúc Họ Hồ gốc làng Thái-Lão, huyện Hưng-Nguyên xứ Nghệ-An, về sau di cư vào phường Chính - Tửu, thuộc huyện Phù-Ly (Phù-Cát), phủ Qui-Nhơn, tỉnh Bình - Định bây giờ.

Từ phường Chính-Tửu, Hồ-Phi-Phúc bèn dời về phía núi non thuộc ấp Kiến-Thành và lập tại đây một nông trại lấy tên là trại Tây-Sơn. Các sách sử không thấy nói tại sao Hồ-Phi-Phúc đã chọn danh từ Tây-Sơn, nó nghĩa là núi miền Tây. Theo chúng tôi, hai chữ Tây-Sơn, có ẩn nghĩa gì đây và có lẽ bắt nguồn ở sự tích Bá-Di Thúc-Tề không phục nhà Châu bèn rủ nhau lên ẩn ở núi Thù-Dương, hái rau vi mà ăn và có làm bài ca Thái Vi, trong đó có hai chữ Tây-Sơn :

*«Đặng bĩ Tây-Sơn hê, thái kỳ
vi hỉ.*

*Dĩ bạo địch bạo hê, bất tri
kỳ phi hỉ.*

*Thần-Nông, Ngu Hạ, hốt yên
một hê, ngã an thích qui hỉ
Hua ta tổ hê, mệnh chi suy
hỉ.»*

tạm dịch :

*« Ta lên núi Tây-Sơn
Ta hái khóm rau vi,*

*Kẻ bạo thay kẻ bạo,
Còn biết phải trái gì.
Đời cờ thoảng qua rồi,
Biết đâu mà quy y
Than ôi ! đành chết vậy,
Thật vận mệnh ta suy. »*

Chúng ta có thể ước đoán rằng Hồ-Phi-Phúc không phục nhà cầm quyền đương thời, nhất là lòng thần Trương-Phúc Loan, bèn rút về miền núi lập trại, dạy võ và chiêu mộ nhân tài để mưu đồ việc lớn.

Hồ-phi-Phúc lấy bà Nguyễn-Thị-Đồng sinh được ba con là Nhạc, Huệ và Lữ. Ba con đều theo học ông Trương-Hiến, tức Giáo Hiến, con của Trương Văn-Hanh, một lương thần của chúa Nguyễn, bị quyền thần Trương - Phúc-Loan ám hại. Trương-Hiến bèn bỏ Phú-Xuân vào Bình-Định dạy học và dạy nghề võ.

Nhân thời bấy giờ có câu sấm : «Phụ Nguyễn tri thống » (Giúp nhà Nguyễn mà dắt dân) nên ba anh em Tây-Sơn mới đổi họ Hồ ra họ Nguyễn là họ mẹ. Đồng thời, giáo Hiến có nhắc lại cho đệ tử Văn Nhạc câu sấm :

«Tây đánh giặc, Bắc thâu công».

Tây đây ý nói là Tây-Sơn,

Bắc ám chỉ nhà Lê chẳng ?

Vì chịu ảnh hưởng những câu sấm đó, vì lòng công phần đối với chính quyền, vì đã nuôi ý chí lập biển và trời, làm nên sự nghiệp hiển hách để lưu danh muôn thuở, nên ba anh em Tây-Sơn nhất quyết khởi nghĩa vào năm 1771, dưới quyền lãnh đạo của anh cả là Văn-Nhạc, với quân sư là giáo Hiến. Ngoài ra còn có hai tướng tá Hoa-Kiều là Lý-Tài và Tập-Đình giúp sức với hai đạo quân Trung - Nghĩa-Quân và Hòa-Nghĩa-Quân.

Sau đây, chúng ta sẽ nhắc lại những sự kiện lịch sử chính yếu để đặt những cái mốc cho Triệu-Đại Tây-Sơn.

1771 — Khởi nghĩa.

1773 — Văn - Nhạc lấy Qui-Nhơn.

1774 — Văn-Nhạc được vua Lê chúa Trịnh cử làm Trấn-Thủ Quảng-Nam.

1778 — Nguyễn - Nhạc xưng đế tại Qui-Nhơn lấy hiệu là Thái-Đức.

1786 — Nguyễn-Huệ đánh lấy Thuận-Hóa.

— 28 tháng 4 (1) : Nguyễn-Hữu-Chỉnh khuyên Huệ ra lấy

(1) Ngày, tháng âm lịch từ đây trở xuống

Bắc - Hà, vì Thời thế cơ, tức Thiên địa nhân (tam tài) đều thuận lợi cả. Hơn nữa, tướng ở biên cương tự ý quyết định, vì từ xưa đã có câu : « Trương phu xuất cương », để làm phương châm hành động.

— 14 tháng 5 : Huệ lấy Đồng-Hới.

— 26 tháng 5: Huệ lấy Thăng Long.

Nguyễn-Huệ đã có tài và có công chấm dứt tình trạng hỗn độn của vua Lê Chúa Trịnh (Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong), mà ngày nay còn lưu lại nhiều câu ca dao châm biếm mỉa mai như :

*« Nợ bu quanh như Chúa
Chồm*

*Rượu ly bì như nghề móm
làng Đoài*

Dưới trời dễ có mấy ai,

*Công danh phú quý bỏ ngoài
thế gian. »*

Câu này ở Bắc nhiều ông cổ lão truyền rằng : về thời Lê mạt, có Trịnh - Tạc lúc chưa được phong làm vương, người ta gọi ông Chúa Chồm. Ăn chơi phung phí cờ bạc, thiếu nợ đủ phổ phường. Mỗi lần Chúa Chồm ngồi xe đi qua các cửa Ô thì các chủ nợ chạy theo đón xe đòi hỏi. Sau chúa Chồm được lên ngôi Vương, chúa mở cửa kho trả tiền các chủ

nợ suốt trong 3 ngày.

Còn ông nghề Móm cũng đồng thời với chúa Chồm, tên ông là Ngô-Đôn-Tổ, thi đỗ tiến sĩ nhưng không chịu ra làm quan với Trịnh, chỉ uống rượu say tối ngày, đi đâu cũng vui chơi thú uống rượu ngâm thơ.

Sinh trưởng làng Đoài, từ nhỏ đến lớn không mọc răng, nên miệng móm, người ta gọi « ông nghề Móm ». Người ông cũng phóng khoáng, thích thảng như Trịnh-Tạc, không màng đến công danh tước lộc. Cả hai đồng một thời, một tâm chí, nên sĩ phu đặt câu ca dao này để nhớ tình tình hai ông.

Lại còn những hành động thời nạt của Đặng-Thị-Huệ, vợ Trịnh-Sâm, tức mẹ Trịnh-Cán :

*« Trăm quan có mắt như mờ
Đề cho Huy Quận vào rờ
chính cung (1) »*

★

*Đục con nên giữ lấy « tông »
Cuốc đà long « cán » còn
mong nổi gì ? (2)*

(1) Huy Quận là Hoàng-Đình-Bào. Chính cung là Đặng-thị-Huệ.

(2) Tông là Trịnh-Tông tức Trịnh-Khải bị Nguyễn-Huệ ra Bắc-Hà ví chạy lên Sơn Tây. Khi đi qua sông An-Lãng, Trịnh-Tông phải một mình vừa chống vừa chèo, cho nên có câu :

« Một mình vừa chống vừa chèo
Không ai tác nước đỡ nghèo một khi l»

*Dầu xáy chín cặp phù đồ
Chi bằng làm phúc cứu cho
một người (3)*

★

*Thiên hạ mất chuông kêu
như vạc
Hoàng thượng đốt phủ ắt
không đền (4)*

Việc thứ hai quan trọng không kém là Nguyễn-Huệ lấy Ngọc-Hân Công chúa.

— 11 tháng 7 : Huệ cưới Ngọc-Hân Công chúa, con thứ 21 của vua Lê Hiền-Tông và Nguyễn-Thị-Huyền quê xã Phù-Ninh (làng Nành) tổng Hạ-Dương, phủ Từ-Sơn, Tỉnh Bắc-Ninh, Ngọc-Hân con thứ 21 và là con gái thứ 9, thường gọi là Chúa Tiễn.

Vua Hiền-Tông mất : Cháu là Mẫn-Đế Duy-Kỳ lên ngôi, đặt niên hiệu là Chiêu-Thống.

— 17 tháng 8 : Huệ rời Thăng-Long, bỏ lại Nguyễn-Hữu-Chỉnh. Vua Lê trọng dụng Chỉnh. Chỉnh lộng quyền.

— Tháng 11 : Vũ-văn-Nhậm cùng Ngô-Văn-Sở, Phan-Văn-Lân ra Bắc phạt Chỉnh. Nguyễn-Hữu-Chỉnh bói :

« Quốc hữu đại địch
Nguyễn nhưng bại tịch ».

(Nước có giặc lớn,
Chủ tướng bại to)

Nguyễn-Hữu-Chỉnh lại bị ong cắn, sưng cổ, nhức nhối chịu không nổi.

— 1 tháng 12 : vua Lê và Nguyễn-Hữu-Chỉnh bỏ thành chạy. Vũ-Văn-Nhậm lộng quyền Ngô-văn-Sở mật tấu về Thuận-Hóa.

Nguyễn-Huệ lật đặt ra Bắc giết Vũ-văn-Nhậm là rể của Nguyễn Nhạc. Mầm chia rẽ giữa Huệ và Nhạc càng trầm trọng. Huệ mất Vũ-văn-Nhậm nhưng lại được Ngô-Thời-Nhậm, người làng Tả-Thanh-Oai, Tỉnh Hà-Đông con của Ngô-thời-Sĩ, tác giả Nam-Sử tục biên (cùng với Lê-Quý-Đôn). Lúc nhỏ Nhậm lấy viết thêm vào tên cha (仕) để làm thành tên mình (任).

1788 :

— 25 tháng 11 : Bắc-Binh-Vương đắp đàn ở núi Bàn-Sơn, đặt ra Nghi-vệ Thiên-tử, làm lễ cáo Trời Đất, lên ngôi Hoàng-Đế, đặt niên hiệu là

(3) Đây nói về Đặng-Thị-Huệ bắt Lê-Duy-Vĩ, con trưởng vua Lê-Hiến-Tông, phải thất cổ, sau ăn năn hối hận, mới sai lập đền chùa làm việc tu hành từ thiện.

(4) Đây nói về vua Lê trưng dụng chuông chùa để đúc tiền và đốt phá những phủ đền đã bị hư hại trong thời loạn lạc.

Quang-Trung. Đến Nghệ An, Quang-Trung triệu La-Sơn Phu-Tử. Phu-Tử khuyên nên đánh gấp.

1789 :

— 1 tháng 12 : duyệt binh hơn 10 vạn và 100 thớt voi.

— 30 tháng 12 : đến Thọ-Hạc (Thanh-Hóa).

— 3 tháng 1 (tết) : lấy Hà-Hồi.

— 4 tháng 1 : lấy Ngọc-Hồi

— 5 tháng 1 : lấy Thăng-Long. Đuổi Tôn-Sĩ-Nghị và Sầm-Nghi-Đống đại bại 20 vạn quân Thanh ở trận Đống-Đa. Sầm-Nghi-Đống treo cổ chết. Bọn Hoa-kiều ở Thăng-Long có làm đền thờ ở ngỏ Sầm-Công, sau Hàng - Buồm. Hồ-Xuân-Hương có làm bài thơ :

*« Ghé mắt trông ngang thấy
bảng treo*

*Kìa đèn Thái - Thù đứng
cheo leo,*

*Vì đây đổi phận làm trai
được,*

*Thì sự anh hùng há bấy
nhiều ».*

Vua Lê Chiêu-Thống cùng mẹ các trung thần chạy sang Tàu nên có câu ca dao :

*« Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng
cay »*

Theo cụ Nguyễn-văn-Mại, tác giả Việt-Nam Phong-sử thì câu ấy nói về chuyện Lê Mẫn-Đế, Hoàng - Thái - Hậu và Nguyễn-Thị-Kim. Cây cải chỉ Hoàng - Thái-Hậu ; trời chỉ Trung-quốc (thiên triều), rau răm chỉ Nguyễn-Thị-Kim. Sau khi mất nước, Lê Mẫn-Đế cùng Hoàng - Thái - Hậu chạy sang Tàu, Nguyễn-Thị-Kim là vợ của Mẫn-Đế không đi theo kịp nên phải ở lại và chịu trăm bề cay đắng.

Ngoài ra, dân gian cũng có làm một câu ca dao để chia sẻ sự đau đớn của bà :

*« Sông Nhị-Hà nước xanh
như tàu lá*

*Thành Thăng-Long bia đá
vẫn còn.*

*Đường xa xăm con mắt đã
mòn,*

*Chúa tôi cách biệt chồng con
đâu rồi ! »*

Sau khi cả phá quân Thanh, vua Quang-Trung sai cháu là Nguyễn-Quang-Hiển sang Yên-Kinh xin tạ tội rồi lại sai Phạm-Công-Trị thay mình sang yết

kiến vua Càn - Long đề thọ phong chúc mừng vạn thọ bát tuần vua Càn Long.

1792 : Vua Quang-Trung mất, thọ 40 tuổi (1752-1792) vì chứng huyết vận (xâm xoàng) có lẽ là chứng tăng huyết áp (hypertension). Con là Quang-Toản lên ngôi lấy niên hiệu là Cảnh-Thịnh.

1793 : Nguyễn-Nhạc mất tại Qui-Nhơn.

1793 : (16 tháng 10 âm-lịch) : Vua Lê Chiêu-Thống mất bên Tàu.

1799 : (Gia-Khánh tứ niên) : Bà Lê-Thái-Hậu mất, tức là vợ của Lê Duy-Vỹ (con trưởng của Lê Hiền-Tông).

1801 : Nguyễn-Ánh khắc phục thành Phú-Xuân.

1802: Nguyễn-Ánh lấy Thăng-Long bắt vua Cảnh-Thịnh và thống nhất sơn hà.

Theo niên biểu trên kia, chúng ta thấy rằng :

1) Nguyễn - Nhạc làm vua được hơn 14 năm (1778-1793) như có nhà chiết tự đã nhìn trong hai chữ Thái-Đức 泰德 có nghĩa là :

Tam nhân tranh nhất thủy

三 人 爭 一 水

Thập tứ niên vong

十 四 年 亡

2) Nguyễn-Huệ tức Quang-Trung, làm vua từ năm 1788 đến năm 1792 thì mất, tiếp đó là vua Cảnh-Thịnh làm vua từ năm 1788 đến năm 1802 thì bị vua Gia-Long dứt nghiệp ; cộng cả thấy hai đời cũng được 14 năm, đúng như câu sấm :

« — Đầu cha lấy làm chân con

Mười bốn năm tròn hết số thời thời.

— Cha nhỏ đầu con nhỏ chân Đến năm Nhâm-tuất thì thân chẳng còn ! »

Sở dĩ người ta nói : đầu cha lấy làm chân con là vì trong chữ Quang 光 (Quang - Trung) và chữ Cảnh 景 (Cảnh-Thịnh), đều có chữ Tiều 小, khi thì ở trên đầu khi thì ở dưới chân.

Khi ở trên thì là nhỏ đầu, khi ở dưới thì là nhỏ chân, còn năm Nhâm-tuất chính là năm 1802 vậy.

Bây giờ chúng ta hãy trở về đất Bình-Định là nơi phát xuất của Tây-Sơn vốn là một nơi dân tình hiền lành, như câu ca dao đã phác họa :

« Quảng-Nam hay cái,

*Quảng-Ngãi hay co,
 Bình-Định hay lo
 Thừa-Thiên ních hết !*

Bình - Định hay lo, nên thường năm sưu thuế vẫn nộp đủ, chỉ trừ năm 1771 là năm Biện Nhạc tiêu hết tiền thuế có lẽ vì ông đã dùng số tiền này để chiêu mộ binh sĩ, chống lại một chế độ quan quân thối nát. Nhưng chúng ta phải nhận rằng nhân dân quê quán Bình-Định thật tình chưa dám tự ý bạo động, mà phải đợi tiếng còi của Biện-Nhạc là người gốc gác Nghệ-An mới dùng dùng nổi dậy để đập tan xiềng xích.

Từ đó về sau, truyền thống võ nghệ của dân Bình-Định là một sự kiện lịch sử, cho nên mới có những câu :

*« Ai về Bình-Định mà coi,
 Con gái Bình-Định bỏ roi
 đi quyền ! »*

Ngày nay, khi nói đến tỉnh Bình-Định, người ta nghĩ ngay đến hai việc là hát bội do Đào-Duy-Từ mang đến và võ nghệ do trại Tây-Sơn rèn luyện. Xét ra, thì trong môn hát bội, ca kịch sĩ phải hiểu chút ít võ nghệ thì điệu bộ mới điều luyện, đường đi nước bước mới vững vàng thuần thục.

Đó là một trạng thái văn hóa mỹ thuật đã chịu ảnh hưởng của phong trào Tây-Sơn từ gần hai thế kỷ nay.

Còn nói đến cái nguyên nhân thành công và thất bại của nhà Tây-Sơn chung qui ở lòng dân. Anh em nhà Tây-Sơn từ địa vị áo vải nơi một thôn xóm sơn cước tỉnh Bình-Định đã trở thành những người anh hùng cầm vận mệnh một nước, trong tay có bá vạn hùng binh, làm sụp đổ ba ngai vàng cổ kính chẳng qua vì đã biết đứng vào vai trò « thế thiên hành đạo », thay dân phạt tội. Nhưng kịp đến khi nhà Tây-Sơn đi vào những vết xe cũ, vấp vào những lùm lổ trước, không thỏa mãn những nguyện vọng thiêng liêng của dân, và say sưa trong làng xa mã, thì người dân bắt đầu chán ghét và từ bỏ ; khi đó thì dù có quyền binh, có quân đội, có đất đai cũng không thể duy trì được lâu. Nhìn lại lịch sử triều Tây-Sơn, từ khi khởi nghĩa (1771) cho đến khi sa cơ (1802), trong vòng ba mươi năm trời, dân chúng Việt-Nam luôn luôn theo dõi, hoặc đề phê phán, hoặc đề tán thưởng ca ngợi, hoặc đề chê trách mỉa mai. Và cho đến ngày nay, những lời phê phán ấy vẫn còn

lưu truyền trong văn học bình dân của nước ta.

Như ta đã biết, thân sinh ba anh em Nhạc, Huệ, và Lữ là Hồ-Phi-Phước, vốn là một nông dân chất phác, mới vào lập nghiệp tại Ấp Tây-Sơn. Ấp Tây-Sơn lúc bấy giờ nằm bên cạnh những làng người Thượng cho nên họ Hồ phải nghĩ đến việc đề phòng người Thượng bằng võ lực cũng như phải khéo léo trong việc giao thiệp. Những hoàn cảnh khá đặc biệt này đã thúc đẩy ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ ngoài việc làm ăn còn phải đi tìm thầy học chữ và học võ. Thời đó, một số võ sư danh tiếng là Trương-Hiển, con của Trương-Văn-Hạnh bị Trương-Phúc-Loan giết chết, bèn vào Nam mở trường dạy võ ở làng An-Thái, làm cho tên làng này nổi tiếng: « Trai An-Thái, gái An-Vinh. » Có lẽ trong lúc luyện tập, chuyện trò, Giáo Hiển đã nhiều lần nói đến Trương-Phúc-Loan, bàn về thế nước ngửa nghiêng lúc bấy giờ, và nhân lúc cao hứng lại ngâm câu ca dao một lời đôi ba nghĩa :

*« Cửa của trời ai chăm thì
được,*

*Việc việc trời ai trước thì hơn
Tội gì ăn trắng mặc trơn,*

*Làm người gánh vác giang
sơn mới là... »*

Cái nghĩa kín đáo, mà Giáo Hiển không cần nói ra, ba anh em Tây-Sơn cũng dư hiểu, chỉ có thể là câu thúc dục họ « gánh vác giang sơn ». Những lời thúc dục từ miệng thầy dạy, cũng như những đồng đạo truyền tụng trong dân gian lúc bấy giờ, đã làm cái ngòi đầu tiên xúi dục họ phải mạnh bạo, liều lĩnh, biết thì gan năm lấy cơ hội. Những câu sấm mơ hồ « Tây đánh giặc, Bắc thâm công », hay « Phụ Nguyễn trị thống » đối với một người đã có chủ định, thì phải cắt nghĩa thế nào cho có lợi đối với anh em Tây-Sơn. Và họ đã thấy rằng có thể dựa lên những mảnh khoe ấy để phát khởi đại sự. Rồi họ tung ra những câu ca dao, những lời sấm khác ám chỉ về họ. Kết quả là dần dà trong vùng Bình-Định, ba anh em Nhạc trở nên những bậc chánh vương ra đời cứu dân độ thế, đem lại hòa bình cho nhân dân.

Đây là lúc mà vì hoàn cảnh bắt buộc ba anh em Tây-Sơn phải hòa hợp vào sinh hoạt và tâm hồn của dân chúng, để thực hiện những nguyện vọng chính.

đáng của dân chúng. Cho nên chợt khi họ khởi quân, thì một phần các võ sinh của Giáo Hiến một phần đình tráng trong vùng đã nô nức hưởng ứng chẳng mấy lúc quân số lên hàng ngàn hàng vạn.

Những mảnh lời của Biện Nhạc đề thúc đẩy nghĩa binh là những đề tài vui thích trên cửa miệng của mọi người, họ nhìn thấy ở đó cái mầm phản kháng lại chính quyền hà khắc. Dân chúng không nhận việc Biện Nhạc thâm lạm tiền thuế mà chê trách, trái lại họ còn cho đó là một việc làm lý thú một cách trả miếng thay họ đối với nhà cầm quyền. Dần dà xung quanh Biện Nhạc và ba anh em Tây-Sơn, một thứ hào quang rực rỡ được xây dựng lên, bằng những câu chuyện phóng đại, những lời sấm có nhiều nghĩa, nhưng ca dao đã có sẵn hay do chính phe cánh Biện Nhạc tung ra. Nghĩa là anh em Tây-Sơn, vào thế kỷ XVIII, đã biết dùng đến một thuật mà ngày nay ta gọi là thuật chiến tranh tâm lý, hay thuật tuyên truyền. Hồi bấy giờ giấy má ấn loát khó khăn, hiếm hoi, vả lại người biết đọc biết viết cũng ít thì phương tiện

hiệu nghiệm nhất chỉ còn cái lối miệng rỉ tai, một đồn mười qua những ca dao ngạn ngữ.

Đến khi Biện Nhạc khởi quân chiếm thành Bình - Định và Qui-Nhơn, tổ chức Quân đội, kiến trúc lầu các, bắt đầu xa dân chúng để chạy theo vinh hoa phú quý, thì dân chúng cũng bắt đầu nghiêm khắc quan sát và phê bình những hành vi của anh em Biện Nhạc. Dân chúng đã không tiếc lời oán trách những cơ lính hỗn hợp và thiếu kỷ luật của Biện Nhạc :

*« Trách lòng Biện Nhạc, Từ
Linh.*

*Làm cho con gái thất kinh
hãi hồn.*

*Trách lòng Biện Nhạc, Nhiều
điều*

*Làm cho con gái lảo đảo
phiền lo ».*

Những cơ lính Từ-Linh và những cơ lính Nhiều điều (chít khăn đỏ) đây có thể là những cơ lính thủy bộ mộ ở các miền sơn cước hay những quân tàu o thất tán đến đây đầu quân. Danh tiếng nhất là hai đội quân của Tập - Đình và Lý-Tài, gồm những người Hoa-Kiều to béo lực lưỡng, ở

trần đóng khố, tóc gióc bím, tay cầm đại đao hay mã tấu, chỉ trông thấy cũng đủ làm nhiều người khiếp vía. Tính tình họ lỗ mãng, đem mạng sống đổi lấy lương tiền, và chắc hẳn những khi đi vào làng mạc mới chiếm đóng, họ không khỏi cướp bóc nhiều nưong.

Chiến tranh loạn lạc cứ kéo dài mãi, những người lính ra đi không trở lại. Những phiên lính thú trên các đèo ải, các yếu điểm chiến lược, phải ở hết năm này qua năm khác không được đổi phiên, làm cho người chinh phụ khóc than :

« Đói ta như ngô đồng với
phụng,
Nỡ lòng nào để phụng lìa cây !
Muốn cho có đó có đây,
Ai làm nên nổi nước này
chàng ơi ? »

Người chinh phụ không thể nín lòng được mãi, sự chờ mong cũng có hạn, và nàng khẩn gúi lên đường tìm chồng. Mỗi lần thấy bóng quân nhân cứ ngỡ là chồng mình, mỗi khi thấy cơ binh nào thì chăm chú nhìn xem có chồng mình trong đó không :

« Tiếng ai trên núi véo von,

*Phải chăng chú lính treo hòn
Cù-Mông ?*

*Xa xa em đứng em trông,
Thấy đoàn lính mộ hỏi chồng
em đâu ? »*

Nhưng mà ai trả lời được cho câu hỏi ấy, nếu rủi ro người chồng đã bỏ mình nơi chiến địa : lúc ấy chinh phụ chỉ biết ngậm ngùi :

« Mây Nam ngắt mấy từng
non nước, trông bờ cõi nhớ lối
chinh hành.

*Gió Đông vẫy muôn lớp cỏ
hoa, đổi ngày tháng thương
người lao碌.*

(PHAN-HUY-ÍCH)

Đối với người dân, chiến tranh chỉ có tính cách tạm thời và có mục đích duy nhất là bảo vệ đất nước và văn hời hòa bình sớm ngày nào hay ngày nấy. Chứ chiến tranh mà cứ kéo dài thì đất nước hư hao, dân tình khổ cực, cho nên hời ấy dân chài lưới có lời than van rằng :

« Mồ cha đưa đốn cây bần
Không cho ghe đậu ghe lầ
ghe đi. »

Khi Ngô-văn-Sở, Đò-đốc Tây-Sơn, hạ lệnh đốn những cây bần hai bên bờ sông Ninh-Chữ

(Ninh-Thuận) đề cho quaug
đăng chỗ chiến thuyền đậu, có
nghĩ rằng nếu hành động đó
có lợi nhất thời cho chiến thuật
thì lại có hại lâu dài cho dân
chăng ?

Ngoài ra anh em Tây-Sơn đã
có lần xích mích với nhau trầm
trọng đến nỗi Nguyễn-Huệ kéo
quân vào vây thành của Nhạc
ngghiêm nhậ, hai bên cầm cự
hàng tháng (1787) làm cho Nhạc
phải khóc lại tiếng khóc của
Tào-Thực (Tào-Tử-Kiến) khi bị
Tào-Phi uy hiếp :

*« Chủ đậu nhiên đậu cơ
Đậu tại phủ trung khắp
Bản thị đồng căn sinh,
Tương tiên hà thái cấp »*

*(Giấy đậu nấu hạt đậu,
Đậu ở trong nồi khóc,
Ta ngươi cùng rễ sinh,
Chiến nhau chỉ quá gấp !)*

Rồi sợ rằng Huệ chưa cảm
động, Nhạc nhắc lại một sự
tích thông thường hơn đối với
dân chúng ấp Tây-Sơn : lấy da
nai làm nồi để nấu thịt nai
trong lúc săn bắn không đem
nồi niêu theo :

*« Da nai mà nấu thịt nai,
Việc đời như rửa ai không
động lòng.*

*Thịt nai mà chín bên trong,
Da nai cũng cháy còn mong
nổi gì ?*

Tuy rằng Huệ cảm động lui
quân, nhưng từ đó mầm chia
rẽ đã có sẵn, nên chỉ sau này
bọn tướng tá của Huệ đã kết
thúc hành động này bằng cách
nhân đem quân vào thành Diên-
Khánh đánh đuổi quân Nguyễn-
Ánh, bèn chiếm luôn đất nước
của Nhạc, làm cho Nhạc uất
lên thổ huyết mà thác (1893).

Và loạn lạc cứ vẫn tiếp tục,
nhất là khi Quang - Trung
Nguyễn-Huệ chẳng may mất đi
(1892). Các tướng tá tranh giành
nhau.

Nhìn vào thế nước và chính
sự trong triều ngoài quận,
không cần là thánh sống cũng
có thể tiên đoán được ngày bại
vong :

*« Đầu cha lấy làm chân con,
Mười bốn năm tròn hết số thi
thời. »*

Những lời cảnh cáo nghiêm
khắc của dân gian, cũng như
lời khuyên can của La-Sơn
Phu-Tử Nguyễn-Thiếp vẫn
không đủ để cảnh tỉnh triều
thần và vua tôi (Ảnh-Thịnh.
La-Sơn Phu-Tử đã nghĩ đến

linh gửi gắm của Quang-Trung, dạy cho một câu sấm :

*« Song nguy thủy thiên,
Nguyễn thị hồi hương. »*

Nhưng mọi người còn mãi lục đục với nhau vì chút danh vị, có ai đủ sáng suốt để thấy rằng đại cuộc đang hư vì sự chia rẽ của họ ! Mọi người vẫn luẩn quẩn trong những toan lo nhỏ nhen không thấy cái đe dọa càng ngày càng gần. Cái đe dọa đó không phải ở Nguyễn-Ánh, mà chính ở trong hành vi và tư cách của những người kế vị vua Quang-Trung đã làm lu mờ những hình ảnh chiến thắng oai hùng của vua Quang-Trung thuở nọ. Dân chúng thỉnh thoảng nhớ lại những hình ảnh chiến thắng vinh quang của Nguyễn-Huệ, cũng là chỉ để chê trách và oán than vua tôi Cảnh-Thịnh, làm cho một sự nghiệp gầy dựng khó khăn như thế nay phải tan tành :

*« Quán độ hà vừa mới qua
sông Đây,*

*Muốn nghìn quán chiếc (1)
hoảng chạy cong đuôi.*

*Bắc - Bình - Vương vừa mới
giao phong một trận,*

*Tôn-Sĩ - Nghị đã quay xuôi
về Tàu. »*

Triều thần vua tôi Cảnh-Thịnh không cố gắng vớt vát lại thời cuộc, trái lại đem ra cái mảnh lời mua quan bán tước, làm cho không còn kỷ cương gì nữa :

« Đò đốc tam thiên đò đốc,

Chỉ huy bát vạn chỉ huy,

*Trung úy vệ úy chẳng kẻ làm
chi,*

*Cai đội phó đội lấy tàu mà
chở. »*

Danh dự và danh giá vốn là hai động lực tinh thần làm cho người ta biết hy sinh tính mạng để bảo vệ đất nước. Thế mà bây giờ triều thần vua tôi Cảnh-Thịnh không biết nghĩ xa, coi rẻ danh dự và danh giá, thì còn lấy gì để khích lệ lòng người chiến đấu cho mình nữa ? Những lầm lỗi ấy mới chính là nguyên nhân làm cho nhà Tây-Sơn bại vong. Nguyễn-Ánh chỉ là cái cơ hội, cái giọt nước cuối cùng làm tràn ly đó thôi. Không có Nguyễn-Ánh này thì sẽ có Nguyễn-Ánh khác nổi lên chống lại và đánh đổ, một khi lòng dân đã chán ghét triều đại Cảnh-Thịnh.

Ngoài ra, chúng ta tự hỏi : Nguyễn-Huệ là một người được xem như rất sáng suốt, tại sao

(1) Chữ Chiếm do chữ Thúc (là chú) mà người Phúc-Kiến đọc là Chiếm.

lại nhằm lần 5 lần quan trọng nhất trong đời ? : lần thứ nhất là đã vô tình hay cố ý đẩy Nguyễn-Hữu-Chỉnh vào một thế bất buộc phải làm phản. Lần thứ hai là nghe nịnh thần dèm pha mà giết Vũ - Văn - Nhậm, là con rể của Nguyễn - Nhạc, làm cho triều Tây-Son về sau mất hết tướng tài, lấy ai phò ấu chúa, lấy ai làm rường cột nước nhà ?

Nhắc lại Nguyễn-Hữu-Chỉnh là người làng Đông-Hải, huyện Chân-Phúc, xứ Nghệ-An. Cha là Nguyễn-Mẫn, khi mất, được mai táng nơi núi Công-Bằng. Tục truyền khi còn nằm trong nôi, Chỉnh khóc luôn trong 3 tháng. Sau có người thiếu nữ láng giềng, tuy ở nơi thôn dã, nhưng nhan sắc mặn mà, bèn xách nôi ru một hồi thì Chỉnh mới nín. Câu hát như thế này :

*Rau răm (1) một cụm ba
đồng,*

*Anh đi xứ Quảng xứ Đông
chưa về.*

*Khi nào răm mọc rậm rì,
Anh ra đất Bắc mang yếm
đào về cho em ! »*

Đến khi Chỉnh đã khôn lớn, thi đậu hương Cống, nên gọi là Cống Chỉnh, lúc bấy giờ theo Hoàng - Ngũ - Phúc, nhưng vì loạn kiêu binh hoành hành ở

Bắc-Hà, nên Chỉnh đánh vào Nam giúp Tây-Son, rồi trở ra Bắc, phò Lê diệt Trịnh, lập nên sự nghiệp cao sang. Đùng một cái, Chỉnh bị Huệ bỏ rơi tại Bắc-Hà, và khi « bưng con mắt dậy thấy mình tay không » Chỉnh lật đật xuống thuyền dong buồm chạy theo Huệ vào Nam, mà than rằng :

*« Đi cùng bốn bề chín chu,
Về ngó trong bể chuột chủ
cẩn chân. »*

Mặc dù sóng to, thuyền Chỉnh may ra cũng vượt khỏi cửa Thần - Phù là cửa biển nguy hiểm có tiếng, cho nên thời bấy giờ mới có câu :

*«Lênh đênh qua bể Thần Phù
Khéo tu thì nổi vụng tu thì
chìm ! »*

Tuy thuyền Chỉnh không chìm, nhưng một số thuyền khác chở đầy ngọc ngà châu báu của vua Lê chúa Trịnh đã bị sóng vùi, cho nên sau này những người chài lưới vùng duyên hải Thanh-Hóa, đã tìm ra Kho Vàng Sầm Sơn trong số đó có mấy khẩu súng có khắc tên Cơ Thôn Hầu (機村候) là tước của Nguyễn-Hữu-Chỉnh.

Dùng được hạng như Chỉnh

(1) Rau răm : Polygonum odoratum (Polygonacées).

tuy rằng khó, nhưng không phải là không thể được. Và lại Chính vốn hiểu cái thế của mình không thể không nương vào Huệ, nên Chính đã thành tâm hợp tác với Huệ, và không một lần nào tỏ ra có lòng phản trắc, cho đến lúc chính Huệ đẩy Chính đến thế phản. Tại sao Huệ không cho Chính một chức quan tương ở vùng Đàng Trong, xa với Bắc-Hà, để dứt cái cơ hội tạo phản của Chính? Rồi khi mới thoát nghe những lời đồn đại :

« Hồ tỵ Tây-Sơn xuất

Long tông Đông-Hải (1) lai. »

hoặc là :

« Mở khếp càn khôn có ra
tay mới biết,

Ra vào khanh tướng thử liếc
mắt mà coi. »

Huệ đã không tìm hiểu những ẩn trắc trong câu chuyện, mà tin ngay lời người dèm pha, phải chăng trong thâm tâm, Huệ cũng lo sợ, và đổ kị với cái tài của Chính không kém mình bao nhiêu. Như vậy thì Đức của Quang-Trung chưa lớn. Đức lớn không đổ kị tài năng người khác, mà mừng cho người tài, thành thật cầu hợp tác với người ta.

Vi bị Huệ ruồng bỏ, Chính đành ở lại Nghệ-An, chiêu mộ binh sĩ để gây thế lực cho mình. Chính bèn tung ra một câu ca dao :

« Đường đi xứ Nghệ xứ
Thanh,

Non xanh nước biếc như
tranh họa đồ (2)

Ai vô xứ Nghệ thì vô. »

Câu ca dao này của Bằng-quận-Công Nguyễn-Hữu-Chỉnh đặt ra để hiệu triệu quân sĩ Bắc-Hà. Vì lúc ấy, Nguyễn-Hữu-Chỉnh toan lấy quân đội Bắc-Hà vào Thanh-hóa, Nghệ-an, thành một đại đội, để kéo vào Thuận-hóa phản công. Nhờ lời hiệu triệu ấy mà nhân-sĩ Bắc-Hà bỏ quê hương theo Nguyễn-Hữu-Chỉnh về Nghệ-An thành một lực lượng hùng hậu chống Tây-Sơn.

(1) Đông-Hải là làng của Nguyễn-Hữu-Chỉnh.

(2) Gáo đây Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu có làm bài thơ « Chơi Huế » trong đó thi sĩ có nhắc lại mấy câu trên :

Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ,
Yêu em anh cứ anh vô,
Kệ trường nhà Hồ, mặc phá Tam-Giang
Xe hơi đã tới đèo Ngang,
Ấy qua Hà-Tĩnh đường sang Quảng-Bình

Danh Sơn gặp khách hữu tình
Đèo Ngang ơi hỡi là mình với ta.

Rồi Chinh được vời về làm quân sư cho vua Lê, làm mưa làm gió ở đất Bắc, làm cho Nguyễn-Huệ phải một phen nhọc nhằn lo âu, nên người thời bấy giờ có làm ca dao chế Nguyễn-Huệ thất sách :

*« Ai đem con sáo sang sông,
Cho nên con sáo sồ lồng sáo
bay ! »*

Nguyễn-Huệ đã luôn luôn lo sợ Chinh phản, và chính sự lo sợ đó, với những nghi kỵ, những đề phòng làm cho Chinh không yên tâm được, luôn luôn sống dưới một đe dọa bất thần đã chịu một tình trạng tinh thần căng thẳng tột độ giữa lòng chân thành muốn hợp tác, và sự lo sợ phải bị hại, đã đẩy Chinh đến chỗ tạo phản.

Những câu nhử nhủ của Huệ qua ca dao là những cái bẫy để giết Chinh :

*« Ai ra ngoài Bắc nhử chim
bằng
Lông cánh bao nhiêu dằm vẩy
vùng
Lồng lộng lưới trời sao thoát
đặng,
Rồi xem ta bắt bỏ vô lồng ».*

Và con chim bằng Nguyễn Hữu-Chinh, vì không thể làm

cách nào khác được — chạy theo thì bị đuổi, đầu hàng thì không được tha, chạy trốn thì không có nơi nào, ẩn dật cũng không được phép — đành trau lông rửa cánh mong chống lại Huệ, và thoát khỏi lưới trời lồng lộng đang đe dọa chụp lên mình. Chinh chắc hẳn đã chép miệng, cười ngạo nghễ với đời mà than :

*« Xác không vốn những cây
tay người
Khôn khéo làm sao nữa cũng
rơi,
Kêu lắm lại càng tan tác lắm,
Chung qui chỉ một tiếng mà
thôi. »*

Vả lại trò đời hồi nào đến giờ vẫn thế :

*«Giảo thảo tử : tàu cầu phanh,
Cao điều tận : lương cung tàn
Địch quốc phá : mưu thần
vong. »
(Thỏ khôn chết rồi : chó săn
cũng toi.
Chim cao đã hết : cung xếp
một nơi,
Nước đã phá : mưu thần xong
đời !)*

Về sau cái tội và cái vạ của Chinh lại đổ lên Vũ-Văn-Nhậm

là người đã cố ý hại Chính từ khi Chính vào hợp tác với Tây-Sơn. Nhưng Huệ há quên rằng những sự hẹp hòi ấy của mình đã cho La-Sơn Phu-Tử Nguyễn-Thiếp e ngại không tham dự triều chính của Tây-Sơn, tuy có nhiều thiện cảm với Huệ ? Và nho sĩ thời bấy giờ có nhiều người nhìn gương Chính, Nhậm đã nghĩ và hành động như Nguyễn-Thiếp ?

Đề phê phán những nhầm lẫn của Huệ trong việc dùng người, dân chúng đã truyền tụng ca-dao :

*« Rủ nhau đi gánh nước thuyền
Quang dứt chính vỡ, gánh liền
xuống sông. »*

Người chủ trương, người cầm giềng mối là Quang-Trung mất mà những kẻ phò tá tài ba lỗi lạc, về văn thì như Chính đã bị hại, Nguyễn-Thiếp ngần ngại không ra tham dự ; về võ thì Vũ-văn-Nhậm bị tử hình : thử hỏi triều thần Tây-Sơn còn được mấy ai lỗi lạc để gánh vác giang sơn giúp vua Cảnh-Thịnh. Những sĩ phu thì e ngại không ra, bắt chước Nguyễn-Thiếp, hay là giữ một thái độ trùm chần, ở ẩn dật nơi thôn dã hay chốn lâm tuyền, ngồi yên xem

hai con cọp tranh mồi, ca câu của Bá-Di Thúc-Tề :

*« Ta lên núi Tây,
Ta hái khóm rau vi,
Kẻ bạo thay kẻ bạo,
Còn biết phải trái gì ?
Đời cỏ thoát qua rồi,
Biết đâu mà qui y,
Than ôi, đành chết vậy,
Thật vận mệnh ta suy. »*

Cuộc hôn nhân, giữa Quang-Trung và Ngọc-Hàn tưởng chừng tượng trưng được cho cuộc phối hợp giữa hai miền Nam Bắc bị chia đôi từ mấy trăm năm. Nào ngờ thời gian còn sớm quá, cuộc kết hợp không đi đến đâu cả. Khi còn Quang-Trung thì phía nhà trai là miền Nam lẫn át, chận thế tiến thân của nho sĩ Bắc-Hà, khi Quang-Trung mất thì bên nhà gái là một giới nho sĩ Bắc-Hà muốn giành lấy thế chủ động. Bùi-Đắc-Tuyên định chuyên chế lộng hành cho cả mười mấy năm luồn lụy, nhưng sớm bị bọn võ tướng miền Nam giết chết. Cuối cùng phối hợp, đúng như sự xét đoán sâu sắc của dân, là một cuộc phối hợp miễn cưỡng, không chân thật, không bền bỉ, và giữa đường phải dứt gánh, nửa chừng xuân thoát gãy cành thiên hương.

Ngọc-Hân Công - Chúa dù khéo léo đến đâu, dù khôn ngoan đến đâu, như khi mới lấy Nguyễn-Huệ (1786) đã từng thốt ra câu :

« Trai tay không : không ăn nhờ vợ

Gái chín đụn cũng phải nhờ chồng ».

Cũng đã ngậm đắng nuốt cay, sau khi chồng mất (1792) cho nên cuộc đời của Ngọc-Hân và hai con là Quang-Đức và Ngọc-Bảo đã kết liễu một cách bí mật vào năm 1799, có lẽ do những âm mưu ám hại của phe Bùi-Đắc-Tuyên và Phạm-Thị.

Nàng công chúa nhà Lê đã phải ngậm ngùi nhận thấy rằng cái ngai vàng của họ Lê bây giờ chẳng khác cái hư vị của thiên tử thời Chu mạt Hán sơ. Chính địa vị của Ngọc-Hân cũng rất khó khăn, đã có lần phủ Tôn-thần nhà Lê muốn xóa tên bà đi, vì lẽ bà đã khuyên Quang-Trung bỏ hẳn ngôi vua Lê, và nắm lấy tất cả mối nước Hoàng-Thân-Vượng quận công đã nặng lời trách :

« Đích tôn không được lập thì thiên hạ ắt loạn, mà nhà Lê tắt mất. Việc này bởi công

chúa làm ra cả. Nèn xóa tên công chúa trong danh sách các Tôn-thần đi, cho về Tây-sơn mà hưởng phú quý. Trong họ không có người ấy phỏng đã làm sao ? »

Mọi người tuy biết rằng không thể nào dùng hư vị nhà Lê để làm chiêu bài thống nhất đất nước, nhưng không ai cả gan đi tìm một chiêu bài khác chính đáng hơn, vì lúc đó lòng dân cũng hoang mang vô cùng không biết nên theo về với ai. Nguyễn-Ánh, Nhạc hay Huệ ? Lê hay Trịnh ? và còn vai trò của Trung-Hoa lù lù ra đó nữa ? Người dân Việt thời ấy đã đau lòng nhìn giòng sông ranh giới mà ca :

« Khi trông lên đò Trạm (1)

Khi ngó xuống lũy Thầy (2)

Đố ai, ai biết ;

Dạ này thương ai ? »

Hay lên giọng thiết tha hơn, ngụ trong câu trao gửi một tình nhân. Nhưng tình nhân đây là một minh quân, một vị thánh vương đủ tài đức đem lại ấm no an lạc cho trăm họ :

(1,2) Đò Trạm tức là đò Châu-Thủy (Quảng-Bình) — Lũy thầy là lũy Đào-Duyệt.
Tư xây năm 1631

« *Tiếng hát ngư ông giữa
sông Nhật-Lê,*

*Tiếng kêu đàn nhạn trên áng
Hoành-Sơn*

*Một mình em ngồi dựa mạn
thuyền dưới nước trên trăng*

*Biết cùng ai trau duyên gởi
phận cho vừa lòng thế gian ? »*

Nhìn lại tất cả những nhân vật của thời thế, những tên tuổi lịch sử — những gã tình nhân có thể kết duyên giai ngẫu với dân tộc Việt-Nam — người dân cũng còn lưỡng lự chưa biết theo ai. Ngay như bà mẹ Nguyễn-Du cũng có dặn con rằng :

« *Chim khôn tránh bầy tránh
dò,*

*Cá khôn tránh lưới tránh
nỏ mới khôn ».*

hay trong câu khuyên bảo của bạn bè :

« *Khoan khoan hỏi ả chèo đò,*

*Ới anh cầm lái dặn dò trước
sau. »*

Nhưng phải đến lúc kẻ sĩ chọn lựa hành động và thái độ của mình. Tất nhiên hành động và thái độ đó, theo cái khôn thông thường chỉ có thể là chiều theo gió mạnh, xuôi theo con nước :

« *Hồi nhược nhược,
Trăng khuya đã mọc,*

Độ nước đã lên,

Chèo sang bên gềnh,

Bơi năm ba chỗ,

Họa may trời họ,

Đặng cá ông voi,

Tiền ngó đầy doi,

Gạo năm ba thúng... »

Cái cơ và cái thế thất bại của nhà Tây-Sơn như chúng ta đã thấy, một phần nằm trong những nhầm lẫn ở chính sách dùng người, một phần nữa nằm trong việc càng ngày càng đi xa lòng dân, đun đầy dân tộc những chiến tranh họ hàng, vào sự tranh đánh danh vị của các chúa tướng. Nhưng phần nào nó cũng ở vào cái « thời, thế và cơ », nếu đã có thể nâng nhà Tây-Sơn từ địa vị áo vải, lên địa vị quốc vương, thì trái lại nó cũng có thể hạ từ địa vị quốc vương xuống địa vị một người vong quốc.

Tuy nhiên, chúng ta phải công nhận rằng cái cơ hội thống nhất đất nước một lần đã được hiến cho Tây-Sơn nhưng họ không biết nắm giữ lấy lâu bền. Tuy vậy Tây-Sơn là những tay thợ đã dọn quang

đăng những chương ngại vật đề sau này Gia-Long thành thang đi đến thống nhất. Quang-Trung có hủy hư vị của nhà Lê và ngôi chúa của họ Trịnh, Quang-Trung có thúc đẩy mạnh mẽ, thì Nguyễn-Ánh mới đem tất cả tâm huyết, tất cả tài đức ra đề thống nhất nước Việt. Do đó, cái ý nghĩa rằng Quang-Trung là người đã gieo hạt giống Thống-Nhất, đề cho Gia-Long vun quén, và hái những quả chín mùi.

Xét về cách dụng binh thì Nguyễn-Huệ hơn Nguyễn-Ánh; còn xét về cách dụng nhân thì Nguyễn-Ánh hơn Nguyễn-Huệ. Nói về dũng lược, thì Nguyễn-Huệ hơn Nguyễn-Ánh mà nói về trí nhân thì Nguyễn-Ánh hơn Nguyễn-Huệ. Nguyễn-Huệ thì nóng nảy thường chém giết công thần khi chưa hoàn thành đại sự.

Mặc dầu là hai kẻ tử thù, Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Ánh đều là những tay thợ giỏi của nền thống nhất quốc gia. Người lo đào móng xây nền, (infra-structure), kẻ lo đặt sườn xây vách (superstructure)

Theo nhà văn Bửu-Kế vừa mới tìm thấy trong gia phả của Nguyễn-Phước-Tộc tại Huế, thì

vua Gia-Long đã kết duyên với em Ngọc-Hân Công-Chúa, tên là Lê-thị-Bình và đã được 4 con với Ngài : 2 trai là Quảng-Oai và Thường-Tín và 2 gái là An-Nghĩa và Mỹ-Khê. Như vậy Quang-Trung và Gia-Long là anh em cột chèo, không phải cùng một lúc mà là kẻ trước người sau là vì Nguyễn-Ánh thua Nguyễn-Huệ đến gần 10 tuổi, hơn nữa Nguyễn-Ánh khi xưng đế năm 1802 thì Nguyễn-Huệ đã mất từ 10 năm trước (1792).

Cả hai bậc kỳ tài đều nhận định rằng trong thời loạn, gấp lúc « giải Hoành-Sơn tam liệt ngũ phân » (Trạng-Trình), chỉ có quân đội anh dũng mới giải quyết được vấn đề thống nhất, và chống nạn xâm lăng, cho nên cả hai đều chú trọng về binh bị như Tôn-Tử đã nói trong mục Kế-Thiên : « Binh giả quốc chi đại sự » (Binh bị là việc lớn của quốc gia).

Cái ý chí thống nhất đó, dân tộc ta đã hun đúc từ lâu cho nên mới thốt ra những câu như :

*« Năm nơi bốn chốn một nhà,
Đàng Trong đậu gạo, Bắc-Hà
đậu nhân.*

*Nắng sương chưa chịu Trời
chung một,
Sông núi đừng cho Đất xẻ
hai. »*

(Trịnh-Hoài-Đức)

Cái ý chí bảo toàn lãnh thổ chống xâm lăng chia xẻ đã được các bậc anh hùng dân tộc thực hiện trong những giờ phút cực kỳ nghiêm trọng, đúng với lòng dân đã đánh mà cũng hợp với binh pháp của Tôn-Vô-Tử đã từng nói trong Thiên Mưu-Công là :

*« Phàm dụng binh chi pháp
Toàn quốc chi thượng
Phá quốc thứ chi. »*

(Phàm phép dùng binh : trước tiên phải giữ nước toàn vẹn, rồi mới nói đến việc đánh phá).

Sở dĩ Nguyễn-Ánh đã thắng được Cảnh-Thịnh, một phần

lớn là nhờ dựa vào cái địa thế « phụng chữ lân châu » và « long bàn hồ cử ». Trịnh-hoài-Đức của miền Nam, rất thuận lợi để làm bàn đạp cho cuộc Bắc tiến, nhằm mục tiêu nhất thống lãnh thổ, và ngày nay, dân ta và vị lãnh tụ của ta đã nắm được cái bàn đạp miền Nam tức là cái yếu tố quyết định để tái diễn công cuộc vĩ đại của Nguyễn-Huệ — Nguyễn-Ánh ngày xưa, như thể mới hợp với tinh thần câu ca dao :

*« Chim bay lưng trời mà còn
có tổ,*

*Cá lội giữa vòng vẫn có hố
hang»*

*Người trên đời đã có tổ quốc
giang san,*

*Tinh thần ý chí phải nhịp
nhàng với non sông ! »*

THÁI VĂN KIỀM

ĐỖ TẤN

Đợi chờ

Nhà ai đổ tám giờ,
Đợi em từ sáu tối ;
Nói với anh, em nói :
Anh không phải mong chờ.
Mà sao anh phải đợi ?

Đợi em, anh cứ đợi
Nửa giờ nữa trôi qua
Mưa lộp lộp mưa sa
Gió vẫn gào thảm thiết
Phải chi mình quen biết
Trước đây chừng năm năm
Có đâu phải âm thầm
Mong nhau từng canh vắng
Đường không dài không ngắn
Mà sao gió lê thê
Mưa từng trộ mưa về
Đợi em, anh vẫn đợi.

Nói với anh, em nói :
Anh không phải đợi chờ.
Mà sao anh phải đợi ?

Nhà ai đổ chín giờ
Đường cảm tôi lặng lẽ
Đèn nhà ai chưa ngủ
Để anh thấy bơ vơ
Thấy tình buồn đan dở
Phải chăng yêu là nợ
Nên anh sợ rồi đây
Đường không ngắn, không dài
Gió mãi sầu than thở.

Phải chi anh biết em
Từ trước mấy mùa xuân
Từ những ngày thơ dại
Nhưng nếu từ thơ dại
Em đã biết nói gì
Biết sao câu mãi mãi.

Bây giờ em lớn khôn
Em biết cười biết nói
Em bảo anh không đợi
Nhưng anh phải đợi chờ.
Vì yêu gió yêu mưa
Hay là yêu mong đợi ?

DUY ANH

NHỮNG KỲ QUAN CỦA VŨ TRỤ

Những cái vô hạn

MÀN đêm bao phủ vạn vật...

Yên lặng trên không trung, yên lặng giữa đồng nội.

Ngon suối nỉ non dưới cành rêu hòa vọng với tiếng dế, thành một khúc nhạc kỳ lạ bí hiểm. Chốc chốc một đợt gió thổi mạnh đánh dạt dào nghìn lá, và dần dần cũng trở về yên lặng. Dưới vòm trời uy nghiêm và rục rịch, chỉ có yên lặng và mệnh mông yên lặng.

Lạ thật, không hiểu bởi đâu cứ mỗi lần tôi ngược mắt nhìn tinh tú trên trời, cảnh huy hoàng của vũ trụ như đem lại cho tâm hồn tôi một thứ rung động man mác, vô biên, không thể tả ra lời ...



ĐÂY, giải Ngân hà... một con sông bạc chạy ngang trời. Ai không biết, tưởng đấy là những khóm mây loảng, chất lại thành một đường vòng thiên lý. Nhưng nếu nhìn trong ống viễn kính, tôi thấy như muôn triệu cánh tuyết đang lác đác rơi chung quanh tôi, và mỗi cánh tuyết ấy là một thế giới mệnh mông vô hạn.

Ai có thể đếm được tinh tú trên trời ? Với những thiên lý kính khổng lồ như ở núi Wilson, các nhà thiên văn học tính số sao thấy được vào khoảng 1500 triệu. Nhưng con số ấy chỉ được trong muôn một, vì còn có ức triệu khối sao mệnh mông nhưng ở cách xa ta quá chỉ giải thấu cho ta một ánh sáng mờ mờ, thiên lý kính mạnh mấy cũng không thể phân tích nổi. Một ngày kia, khoa học có thể dò xét được tất cả những bí nhiệm mệnh mông của vụ trụ chăng ? Câu trả lời vẫn còn là một sự bí mật.

Những vì tinh tú ấy lớn hơn hay nhỏ hơn quả đất ta ? Nguyên chỉ trong thái dương hệ, mà quả đất ta là một « hội viên » tầm thường, con số tỉ lệ đã rất khủng khiếp rồi. Chung quanh mặt trời có 7 ngôi hành tinh luân chuyển. Lấy quả đất làm đơn vị, sao *Thiên vương* (Uranus) lớn hơn 14 lần, Sao *Thủy vương* (Neptune) 17 lần; sao *Thổ tinh* (Saturne) 93 lần, và sao *Mộc tinh* (Jupiter) 1278 lần. Nhưng, những tỉ lệ ấy sánh với mặt trời chưa thấm vào đâu cả. Mặt trời lớn hơn quả đất 1 triệu 300 nghìn lần (1.300.000), nghĩa là với thể tích của mặt trời, ta có thể làm ra non một triệu rưỡi quả đất. Thí dụ, nếu bây giờ đem quả đất đặt vào chính giữa mặt trời, và cho mặt trăng quay chung quanh quả đất như xưa nay, quỹ đạo của mặt trăng vẫn còn lưu hành rất dễ dàng trong đường kính, của mặt trời !

Hơn nữa, sao *Thiên-Lang* (Sirius) còn lớn hơn mặt trời đến 12 lần ! Vậy những ngôi sao lấp lánh trên không trung bề ngoài trong như nhỏ bé, vì chúng cách xa ta quá nhưng kỳ thực mỗi ngôi sao đối với quả đất là một con số mịt mù.

Trí khôn ta có thể tính con đường từ các tinh tú ấy đến quả đất dài bao nhiêu, nhưng trí tưởng tượng không tài nào hình dung được. Kia mảnh trăng vàng sau cảnh thông đang nhìn xuống ta và như lắng tai nghe ta nói chuyện, bạn có biết nó cách xa ta bao nhiêu chăng ? 384.400 cây số. Một chiếc xe tốc hành chạy trung bình mỗi giờ 100 cây số, phải dùng 170 năm mới lên thấu mặt trăng. Còn ánh sáng — không gì đi nhanh bằng ánh sáng — phải dùng đến hơn 1 phút đồng hồ.

Vì không thể dùng đơn vị « cây số » để đo con đường từ các ngôi sao đến chúng ta, vì như thế, phải viết những con số dài

đằng đẳng, nên các nhà thiên văn học lấy cái đơn vị « một năm ánh sáng » để làm nền tảng. Ánh sáng chạy trung bình mỗi giây 300.000 cây số. Vậy mỗi năm ánh sáng là quãng đường dài mà ánh sáng dùng để chạy suốt trong một năm.

Đã có bao giờ bạn đề ý nghĩ đến tốc lực mịt mù của ánh sáng chưa ? Muốn chạy giáp một vòng ở đường xích đạo của quả đất ta, chiếc xe Jeep tốc lực một giờ 60 cây số phải chạy đúng một tháng trời không nghỉ. Nhưng ánh sáng trong một giây đã được 8 vòng quanh đường xích đạo ấy.

Vậy sao Alpha (dùng chữ alpha = α của chữ Hy Lạp để chỉ ngôi sao lớn nhất trong một chòm sao) của chòm Nhân mã (Centuare) ở phía nam, bên cạnh sao chữ Thập, ánh sáng của nó phải đi 4 năm 4 tháng mới đến quả đất. Sao Alpha của chòm Nhân mã là ngôi định tinh gần chúng ta nhất. Nhưng đối với mặt trời, nó còn xa đến 260.000 lần hơn ! Và bạn có biết từ quả đất đến mặt trời bao nhiêu cây số chẳng ? 149 triệu 480 nghìn (149.480.000) cây số ! Vậy tính lại : ngôi sao gần quả đất nhất là 260.000 lần 149.480.000 cây số ! Bạn thử tính bài tính nhân ấy xem !

Vậy giả sử ai muốn du lịch bằng xe lửa tốc hành từ quả đất lên thấu sao Alpha của chòm Nhân mã, phải chịu khó đi trong 40.000.663. năm, bắt đầu đi từ phút này !

Kìa xem sao Thiên lang (Sirius) linh động nhấp nhánh ở phía lưng trời ! Nó cách ta đến 8 năm rưỡi ánh sáng. Thế mà còn rực rỡ như một hạt kim cương : tỏ rằng Thiên lang là một vì sao rất lớn. Sao Chức nữ (Véga) cách quả đất đến 36 năm ánh sáng, và sao Bắc đẩu đến 40 năm rưỡi. Nghĩa là giả sử trong giây phút này sao Chức nữ bỗng vụt tắt, dưới đất này ta vẫn còn nom thấy ánh sáng nó cho đến 36 năm nữa.

Chẳng những vậy, sao Chức nữ còn chuyển vận trên không gian theo một tốc độ, trung bình 24 cây số một giây. Quả tạc đạn do súng đồng nhả ra chỉ đi được nửa cây số trong vòng một giây mà thôi. Theo tốc lực của sao Chức nữ, giả sử sao ấy tìm quả đất bay xuống, nó phải đợi 280.000 năm mới đến ! Tốc lực của sao Đại giác (Arcturus) còn khủng khiếp hơn nữa : Trong

một giây nó chuyển vận đến 674 cây số. Đây là những sự kỳ lạ trong trời đất mà các nhà thiên văn học đã khám phá ra và đã được khoa học chứng minh cách chắc chắn.

Sao *Anh tiên* (Persée) lại cách ta đến 170 năm ánh sáng. Năm 1911, các nhà thiên văn học nhận thấy một ngôi sao khác thường trong chòm Anh tiên. Ngôi sao mới ấy giải một ánh sáng mỗi lúc mỗi rực rỡ trong vòng ít hôm, rồi lu đi dần dần. Sau quãng thời gian một năm rưỡi ánh sáng nó cứ mờ đi mãi và liệt vào hạng sao thứ mười hai, và cứ thế mãi cho đến ngày nay. Vậy có sự lạ gì đã xảy ra trong chòm sao ấy ? Các nhà thiên văn học cắt nghĩa rằng : Nguyên nơi ấy có một vì sao đã tắt. Rồi một hôm kia ngôi sao tắt ấy chạm phải một ngôi sao khác và phát hỏa. Hai ngôi sao ấy húc phải nhau vào quãng năm 1731, nhưng đến 1911 ta mới nhận thấy trận hỏa tai. Thế thì chúng xa ta đến mức nào ?

Có lẽ bạn tự hỏi : « Không hiểu sau chòm sao Anh tiên cách ta đến những 170 năm ánh sáng, khoa học còn tìm thấy gì nữa chẳng ? Hay là vũ trụ ngừng lại đây ? »

Nhờ những ống thiên lý kính mỗi ngày mỗi tinh xảo, khoa học còn khám phá mãi những vì tinh tú mới. Ở trong tầm kính, ánh sáng của các vì sao xa xăm ấy chỉ hiện ra lơ mờ, vì có những khóm xa hơn sao Alpha của chòm Nhân-mã đến 2300 lần.

Bạn hãy nhìn giải Ngân hà... Ước triệu vì sao trong cái khối mịt mù ấy cách quả đất đến 20.000 năm ánh sáng. Nhưng cũng chưa hết đâu : sau giải Ngân hà của ta, các nhà thiên văn vẫn còn tìm thấy mãi vô số giải ngân hà khác... và sau cái vòm trời xanh ngắt kia, vô số vũ trụ mênh mông khác đang vận chuyển.

Tri chúng ta cứ đi mãi... Đi cho đến đâu ? Đến giới hạn nào thì hết tinh tú ? Không ai trả lời được. Chòm sao *Rua* (Pleiade) cách ta đến 500 năm ánh sáng. Nhưng nhà thiên văn học Seeliger thấy sao 7 vì sao do cặp mắt tốt có thể nhìn được, còn những đám sao khác, hiện lơ mờ trong ống thiên lý kính và cách ta đến 86.000 năm ánh sáng. Và xa hơn những đám sao mờ mờ ấy, còn nhiều đám khác mờ hơn, chưa có ống thiên lý kính nào đủ mạnh

để phân tích ra được. Từ những đám sao xa muôn trùng, ánh sáng phải dùng từng triệu năm mới đến mặt đất. Các nhà thiên văn quả quyết rằng ánh sáng của những khối sao hình tròn ốc ở hai chòm sao *Tiên nữ* (Andromède) và *Thường trần* (Chien de Chasse) phải chạy một quãng đường dài 6 triệu năm ánh sáng mới thấu quả đất... Và có khi còn biết bao ngôi sao từ tạo thiên lập địa mà nay ánh sáng vẫn chưa đi đến cõi trần này !

Nếu những vì tinh tú cách xa ta thế kia mà vẫn còn giải chiếu một ánh sánh rực rỡ và linh động, phải biết nhiệt độ của chúng cao đến mực nào ! Có những ngôi sao đã già cỗi, và đã chết đi vì lạnh. Nhưng trái lại, bên cạnh những vì sao chết còn ức triệu vì sao khác là những khối lửa mênh mông cuộn cuộn.

Bạn có biết nhiệt độ của mặt trời ta bao nhiêu chẳng ?

— 4000 độ ngoài lớp vỏ. Còn ở trung tâm bao nhiêu thì không ai biết. Nhưng nhờ những thời kỳ mặt trời phọt bắn lửa ra ngoài người ta mới dám phỏng đoán thôi. Thỉnh thoảng : người ta nhận thấy từ mặt trời có những luồng lửa vọt ra xa đến hàng trăm nghìn cây số. Các nhà thiên văn gọi là những núi phun lửa của mặt trời. Có lúc đã phun ra những luồng lửa xa nửa triệu cây số. Theo Secchi và Ericson, nhiệt độ của các hỏa diệm sơn ấy trung bình không dưới 5 hay 6 triệu độ.

Vậy cái nhiệt độ khủng khiếp của mặt trời bởi đâu mà có ? Ai đã nhen cái lò lửa 5,6 triệu độ để cho cả mặt trời thành một biển lửa cuộn cuộn từ ngàn xưa ? Thế vẫn chưa hết. Nhiệt độ của sao Thiên lang đến 30 lần gấp mặt trời !

Sau khi đã biết các tinh tú trong vũ trụ xa nhau đến bậc nào, ta hãy thử thu nhỏ các con số khổng lồ ấy thành một tỉ lệ cho dễ hiểu. Nếu quả đất ta bị thu nhỏ lại bằng một hạt cát và chạy vòng tròn theo đường kính 1 phân, ta phải đặt ngôi sao Alpha của chòm Nhân-mã ở chỗ nào ? — Cách hạt cát ấy 1 cây số rưỡi ; sao Thiên lang cách 3 cây : sao Chức-nữ 12 cây số : sao Bắc-đẩu 13 cây và sao Canopus, vì sao sáng nhất của bầu trời nam bán cầu, phải đặt xa 60 cây số !

Trong giây phút này, chúng ta cùng với tất cả vũ trụ đang cuốn đi trong không gian với một tốc độ vô cùng nhanh chóng. Nhưng ta chờ đợi tưởng bao nhiêu vì tinh tú kia cứ quay cuồn hỗn độn không tiêu chuẩn. Trái lại, sự chuyển vận của vì tinh tú này tùy ở vì tinh tú kia, và ta có thể nói được rằng như, có một bàn tay vô hình nâng đỡ và chỉ đường cho những vì sao vô trí thức ấy. Vũ trụ không phải *hỗn độn* (chaos) nhưng vô cùng *trật tự* (kosmos); vũ trụ không phải một khối động lực chông chát bừa bãi lên nhau, nhưng chính là bộ máy thực sự, kiến trúc với những phương pháp rất tinh vi, và vận hành theo một định luật trật tự bất hủ. Nhờ vậy mà các nhà thiên văn mới có thể tính trước được ngày giờ ẩn hiện của các vì sao.

Năm 1846, nhà thiên văn học Le Verrier quan sát thấy những cái bất thường trong con đường chuyển vận của một vài ngôi hành tinh. Ông ta tự bảo :

— Bởi đâu mà lại có sự rối loạn bất thường này trong cái trật tự tuyệt vời của vũ trụ ? Hay là còn một ngôi hành tinh nào nữa đây ta chưa tìm thấy ?

Rồi ông ta bắt đầu tìm... Kết luận : Cách xa mặt trời bao nhiêu triệu cây số, phải có một hành tinh với ngàn ấy trọng lực... Xin các nhà thiên văn học cố sức tìm. Sau cùng, chính ở nơi do Le Verrier đã chỉ, người ta tìm thêm một ngôi hành tinh mới, và đặt tên là *Thủy vương tinh* (Neptune). Nhờ theo cũng một phương pháp như Le Verrier, các nhà bác học cũng vừa tìm ra được một đơn chất mới trong hóa học. Bấy lâu nay, trong bản thống kê các đơn chất của Mendeléeef còn một chỗ trống : Vậy các nhà bác học luận đoán ở giữa hai đơn chất tiếp giới, phải có một chất chưa tìm ra nhưng phải có đặc tính này đặc tính kia nhất định... Ít lâu sau, nhờ phân tích quang phổ ánh sáng mặt trời, người ta tìm thấy một đơn chất mới có những đặc tính như các nhà hóa học đã dự đoán trước và đặt tên cho nó là Hélium.

Ta biết quả đất xoay chung quanh mặt trời trung bình 30 cây số một giây. Còn ngôi sao *Tất* (Aldébaran) chạy trên

không trung 49 cây số giây, sao *Ngưu* (Pollux) 53 cây số, và sao *Đại giác* (Arcturus) 674 cây.

Nhưng lạ, nếu quả đất quay tít theo một tốc độ kinh khủng ấy, bởi đâu ta không cảm thấy gì hết ? Không một cành lá rung chuyển, không một ngọn cỏ lay động, thế mà bấy nhiêu sự vật, lẫn cả chúng ta đang bay trong không gian nhanh hơn cả phi cơ phản lực tối tân nào hết. Ai là người cầm lái ? Ai chỉ huy ? Ai điều khiển ? Ai đã giải quyết như trở bàn tay các vấn đề mệnh mông về động lực trong vũ trụ ? Ai đã tìm lời giải cho các bài *tính vi phân* (Calcul différentiel) trong trời đất ?



THEO luật tiến hóa, vũ trụ ngày nay là kết quả của một động lực vô cùng phát triển mãi từ nghìn xưa. Chính thật vậy. Nhưng còn một thắc mắc này nữa : Nếu có tiến hóa, tất nhiên phải *tiến* đến nơi nào và phải *hóa* thành vật gì. Vậy luật tiến hóa cần phải nhắm một chuẩn đích. Nhưng dân chúng khác, khối vật chất có đặc tính tự nhiên tìm tĩnh trạng. Vậy ai đã chuyển động lực cho vật chất và khiến nó luân chuyển xoay vần mãi theo thứ tự lớp lang để đi đến một cảnh huy hoàng xinh tốt của vũ trụ ngày nay ?

Khối vật chất, tự nó *bất động*, cũng như động lực tự nó *mù quáng*. Vậy phải có một *mãnh* lực tinh thần ở trên và chế ngự tất cả cái vũ trụ vô hạn và vô tri này. Và chính Tinh thần *chủ* tể ấy đã chỉ định cho nó một tiêu chuẩn.

Ta càng xác tín thêm về điều này, nếu ta nhìn mực thước bất hoặc của những định luật thiên văn. Ta có thể tính từng giây từng phút. Ta có thể biết trước ngày nào, giờ *nào*, phút *nào*, giây nào mặt trăng sẽ che lấp ánh mặt trời và xảy ra *nhật thực*. Ta có thể tính hiện trong giờ phút này quả đất đang *nằm* ở điểm nào trong vũ trụ, và ngôi sao chổi Halley hiện giờ ở phương trời nào và bao lâu nữa sẽ gặp quả đất ta lại.

Ta phải công nhận rằng ai tính được những bài tính khó khăn ấy phải là những bậc thông thái siêu phàm. Nhưng nghĩ kỹ lại các nhà bác học chỉ ngồi nhận xét và ghi chép các định luật luân chuyển trong vũ trụ: không phải chính họ đã đặt ra những định luật ấy.

Một ông giám đốc sở hỏa xa phải dùng đến mấy tuần lễ trọn để tính giờ ngày cho đoàn xe lửa của hãng. Ông ta thú thật phải nghĩ nát óc, phải tính cho thật châu đáo, xe lửa mới có thể chạy đúng giờ và khỏi húc chạm phải nhau. Nhưng ta xem, đầu sáng suốt và công tâm đến đâu cũng có đoàn tàu chạy trễ, và xảy ra những tai nạn thảm khốc. Trái lại trên không trung, hàng muôn triệu chuyến xe tốc hành lẫn theo một tốc lực mịt mù, thế mà không chiếc nào húc chạm phải chiếc nào, không chiếc nào chạy trễ một phút một giây.

Sao *Thủy-tinh* (Mercure) dùng 87 ngày 969 để quay giáp một vòng chung quanh mặt trời; sao *Kim-tinh* (Vénus) dùng 224 ngày 701; quả đất ta dùng 365 ngày 256, v.v... không khi nào một giây khuy khuyết.

Nhà bác học Newton, sống sót trước bấy nhiêu kỳ công của Tạo hóa, đã viết: « Chỉ một trí tuệ vô cùng thông minh và phép tắc mới có lập nên được sự liên hệ vô cùng tinh xảo và chặt chẽ ở giữa các tinh tú. Và nếu mỗi ngôi sao là một trung tâm điểm của hệ thống như thái dương hệ chúng ta, thì chỉ có một trí thông minh phi thường mới có sức sắp đặt tinh tú theo một khuôn mẫu nhất định: Trí khôn ấy là *Đấng Toàn Năng*, chế ngự cả vũ trụ, không phải như cái linh hồn của vũ trụ, nhưng là Chủ Tể. « Một trong muôn nghìn dấu vết chứng tỏ sự an bài tuyệt diệu ấy, chính là sự Duy nhất của những định luật trong trời đất (luật hấp dẫn, luật hóa hợp các thể chất, luật luân chuyển). Dầu ở mặt đất, dầu ở trên trời, dầu ở các vì tinh tú xa xăm, dầu đâu cũng thấy nhất luật không bao giờ có luật trừ. Trong vũ trụ, không có chống cưỡng, không có bất phục... và đâu đâu cũng chỉ phục tùng... »



ĐÊM nay tôi thao thức...

Tôi tưởng tượng đang nằm trong một chiếc nôi đang nhẹ nhàng đưa giữa tiếng hòa âm tuyệt diệu của muôn sao lấp lánh...

Chưa lần nào tôi tự thấy bé bỏng và hư vô như đêm nay, sau một giờ lắng ngấm bầu trời tinh tú. Nhưng lòng tôi cảm thấy tràn ngập một mối vui là lạ. Tôi cảm thấy như có một bàn tay ấp yêu, man mác như quan phòng, che chở, nâng niu và âu yếm tôi như một người mẹ từ lúc mới chào đời.

DUY ANH

ĐÃ PHÁT HÀNH

VĂN HÓA NGUYỆT SAN SỐ 64

NỘI DUNG PHONG PHÚ

Dày 167 trang,

giá 12 đồng

TƯỜNG LINH

Tôi yêu miền Nam

Quê hương tôi đất cần, đá sỏi
Miền thùy dương tuy đẹp, mà nghèo
Đầu gỏi Trường-sơn nhạc suối, sương đèo
Bình-sa trắng đêm đông choàng gió bắc.
Theo bước người xưa
Mang mang tình đất
Tôi vào Nam như ai đã vào Nam.

Tôi yêu miền Nam
Yêu những cánh đồng cò bay thẳng cánh,
Yêu những dòng sông chở nặng phù sa
Buổi sơ giao quen điệu hát Biên-Hòa
Ngọt ngào duyên xứ bởi
Bên Sài-Gòn gió chiều vờn vợi
Ai ngóng chờ ai bên Thủ-Thiên ?

Đường về Hóc Môn, Bà-Điểm quê em
Xinh xinh dáng trúc
Ao cá đêm thanh mảnh nguyệt chìm.

Tôi rời đô thành, như một cánh chim
Tình Hậu-giang ngọt lẫm
Ước có nhiều lá thắm
Để thơ mà thả xuôi giòng
Lá sẽ ngừng trắm bên nước Cửu-Long
Lời thăm hỏi trao người chưa biết mặt.

Ở đây, mùa đông không gió bắc
Nắng hanh vàng cho lúa trở đồng to
Chiều vơi, sóng lúa không bờ
Có chàng thi sĩ làm thơ, đợi mùa.

Xa Trà-Vinh nhớ dưa hấu đỏ
Sau về Trung biết có hay không ?
Lái-Thieu măng cụt rậm hồng
Sữa căng vú-sữa, hương nồng sâu-riêng
Cần.Thor, thuyền chạt bền hiền,
Bình-Dương cô gái chờ duyên mộng đầu.

Tôi biệt Cà-Mâu,
Trở về Gia-Định
Ngừng xe Lục-tĩnh
Tôi ghé Tân-An
Muốn ăn canh cá lóc
Nghe vọng-cổ hoài-lang
Khói bếp hoàng hôn chui vách nhà sàn
Xóm tiếp xóm âm tình thôn dã.
Chiếc lược đôi-mối Hà-Tiên, Rạch-Giá
Món quà xa lạ có cả thương yêu
Quạ nay còn nói với diều :
« Cù-lao ông Chương thiếu gì cá, tôm » ?

Tình tôi gửi bóng thuyền bướm
Ra thăm Côn-Sơn, Phú-Quốc
Tù ngục trăm năm phải mất
Vì đêm lui, ngày đã hừng rồi.

Phù-sa tốt lúa, vui đời
Cành cây trái ngọt đón người xa quê
Miền Nam dễ ở, khó về
Chưa vãng mà mắc, chưa thể mà vương.

Mai sau, dù đến ngàn phương
Lòng tôi vẫn nhớ quê hương Lúa Vàng.

SĨ TRUNG

Trăng sơn cước

Có những mẫu chuyện rất thương tâm mà suốt đời người ta khó quên được và mỗi lần nhắc đến là mỗi lần khóc hết nước mắt. Thời gian chỉ có đủ năng lực làm sông cạn đá mòn, thời gian không thể xóa nhòa kỷ niệm yêu dấu trong tâm khảm con người. Chỉ khi nào không còn hiện tại nữa, dĩ vãng và tương lai—hai đầu mối của cuộc sống—mới không còn được nhắc đến nữa và biết đâu trong cuộc sống huyền nhiệm của những linh hồn thoát xác kỷ niệm cũng không tan biến, không bốc thành hơi hòa tan vào không khí. Những dòng họ, thế hệ nối tiếp nhau nhắc mãi chuyện thương đau ngày trước... Tôi, ngày nay, mỗi lần nhìn Mai-Anh lớn dần theo năm tháng, nhớ đến Nga, người mẹ và người vợ vô phúc của hai cha con tôi đã chết hơn tám năm trời nay trong một trường hợp vô cùng đau đớn. Càng muốn quên đi, hình ảnh người xưa càng hiện rõ trong tâm tưởng, kỷ niệm cũ càng ray rứt tâm hồn tôi mỗi đêm buồn cô đơn, sầu quạnh.

Ly loạn xô đẩy tôi rảo bước khắp các nẻo đường đất nước. Miền Trung là mảnh đất có nhiều dấu chân tôi nhất — Phan-Thiết, Phan-Rang, Nha-Trang, Phú-Yên, Bình-Định, Quảng-Ngãi ... nơi nào tôi cũng có sống qua và mỗi nơi ghi vào đời tôi nhiều kỷ niệm êm đềm ; duy chỉ có Phú-Yên lại mang đến cho tôi một trời tang tóc. Bây giờ nhắc tới tôi tưởng chừng như chuyện hôm qua.

Năm ấy vào năm 1953, tôi được lệnh dời ra thị xã Tuy-Hòa sau sáu tháng phục dịch tại bệnh viện Nha-Trang. Thuở ấy binh lửa còn đang lan tràn, mặt trận Tuy-Hòa càng ngày càng ác liệt hơn như người ta muốn kết thúc mau chóng, một cuộc chiến tranh vô lý hay chấm dứt thật sớm cuộc sống của người lính cuối cùng. Thành phố tan nát, những đồng gạch vụn bốc khói khen khét như mùi thịt cháy; mỗi sáng ra thấy trên bờ gáy kẽm gai hàng chục xác chết nằm vắt ngang qua như con thịt nằm trên cái vỉ nướng. Có những trận đánh giữa ban ngày không kém phần ác liệt như những mặt trận dàn ra thường xuyên ở ban đêm. Tiếng bom nổ, tiếng súng máy quạt mòn tan hơn cả tiếng pháo đêm ba mươi, máu đỏ thịt rơi, cuộc sống nhẹ tựa lông hồng. Tôi sống trong địa ngục trần gian, tâm thần bị bắn loạn trước cảnh hãi hùng, hai bàn tay cứ ướt đầm máu tươi đề hàn gần hằng trăm vết thương ghê tởm mỗi ngày, tai nghe bom đạn nổ, tai nghe tiếng người rên siết, đầu óc tôi quay cuồng với ý nghĩ chán đời, tuyệt vọng. Sống nơi đây kẻ như là bỏ đi rồi. Sáng ngủ dậy mở mắt ra còn thấy ánh mặt trời mới biết mình hãy còn sống. Tôi bắt đầu chán cái nghề băng bó thương tích và có ý tự trách mình ngày trước đã vô cùng vô lý chọn học cái nghề gớm ghiếc này, chẳng khác nào việc làm của dã tràng xe cát. Tôi càng băng bó, người ta càng mở rộng vết thương của con người. Chiến tranh tàn khốc làm lở lói thân thể và linh hồn của nhân loại. Đôi khi tôi không muốn tìm hiểu nguyên nhân cảnh tàn sát làm gì mà chỉ lo tròn tròn phận một người y tá, nhưng con số chết chóc quá hãi hùng làm tôi kinh hoàng trước thực cảnh diễn ra hằng ngày.

Tôi vừa có ý định đào ngũ trốn vào Nam để tránh lò thuốc súng Tuy-Hòa, tránh cái chết vô lý do một nguyên nhân vô lý đưa đến, thì giữa năm 1954, chiến sự chấm dứt, tiếng gầm thét của tử thần cũng không còn nữa, kẻ chết an phận, người sống mất hết nửa linh hồn. Con người, sau đó phờ phạc như mất tri, tai còn văng vẳng nghe tiếng động bạo tàn đáng ghét, đáng buồn nôn. Người ta tỉnh sỗ lại thì con số người chết gấp đôi con số sanh sản. Thị xã Tuy-Hòa xơ xác như một trận thiên tai hãi hùng nhất lịch sử trên mảnh đất

cần côi này. Mặt trận Tuy-Hòa, mồ chôn hằng vạn quân sĩ đói bần và thương dân vô tội. Tôi cố sống cho hết những ngày thừa thãi vô vị trong thời bình biến.

Giặc giã đã tạm yên, người ta lo kiến tạo lại cuộc sống tại thị xã Tuy-Hòa. Nhưng người ta cũng bắt đầu lao vào các cuộc truy hoang ; cuộc sống bị bế tắc sau bao năm tháng khói lửa, như muốn nổ tung ra ; trong tâm tưởng mọi người ai ai cũng đồng quan niệm vui chơi thỏa tình để « trả thù » những ngày sống kham khổ, nhọc nhằn, khốn nạn hơn con vật. Tôi cũng là nạn nhân của quan niệm sống mới, một cuộc sống gần như cố định của các quốc gia sau chiến tranh. Mấy ngàn bạc lương mỗi tháng không đủ cho tôi tiêu xài trong vài đêm trác tán, truy hoan. Đầu tháng một tây cuối tháng năm tây, công nợ ngày thêm chồng chất, cuộc đời mất hết cả lạc thú. Sau một tháng trời nằm bệnh viện, tôi quyết định rời thị xã Tuy-Hòa dời lên mạn ngược : Sơn-Hòa , một vùng rừng núi hoang vu đầy đầy thú dữ, giặc cướp, cuộc sống của người lạ mặt mang trọng trách như đèn treo trước gió. Nhưng tôi lại thích dẫn thân vào một phiêu lưu hiểm nghèo.

Tôi giả lữ Tuy-Hòa vào một buổi sáng ngập đầy sương mù, trời gió rét căm căm như vùng bắc cực. Chiếc xe hàng xưa cũ « thời chiến quốc » gập ghềnh tiến lên triền núi, mang theo tất cả những gì lưu luyến của người khách xa đó thị về với núi đồi, rừng sâu, thung lũng kinh dị hãi hùng. Ngồi trên xe lắc lư như vũ khúc loạn cuồng, hồn tôi nhập định vào khung cảnh đất trời hùng vĩ. Xe đưa tôi về miền sơn cước để mở đầu cuộc sống mới và đem đến cho tôi cuộc tình duyên lỡ làng, thương tâm đầy nước mắt.



Cảnh hoàng hôn miền sơn cước đẹp hơn cả bài thơ trữ tình, đẹp hơn cả ngàn lời ca tâm tình. Những vệt nắng chạy dài trên đồi cây cao vút tận trời xanh, tiếng gió ngàn thổi vi vút như điệu nhạc trầm buồn, chiêm rùng gọi nhau như ngàn khúc nhạc đệm mê hồn. Khách lữ hành lạc bước đâu đây

sẽ không cảm lòng chạnh nhớ móng lung mà không buồn cho số kiếp.

Những chiều buồn trên rừng núi, những bức tranh tuyệt tác của vũ trụ, tôi đứng trong nắng chiều, đón gió hoang hôn mà cứ tưởng chừng như lạc vào cảnh thiên thai. Về Sơn-Hòa hơn nửa tháng rồi, tôi chưa ra khỏi quận. Lệnh cấm người mới đến đi xa, chôn chân tôi tại trụ sở y tế với công việc bận rộn suốt ngày. Người dân mạn ngược mắc bệnh nhiều quá, kết quả của chế độ khắc khe, cảnh sống nghèo nàn làm cho sơn dân cần cỗi, bệnh hoạn, yếu đuối trông thật đáng thương tâm. Những người giải phóng hôm nay, bắt tay dốc cả tâm lực, khả năng để hàn gắn những vết thương thể chất, chống trả với bệnh tật. Song với sức lực nhỏ bé, tôi cũng đành bỏ tay không làm được gì vĩ đại có thể gây tin tưởng mãnh liệt cho dân chúng nghèo khổ ở đây, vào một tổ chức bác ái cũng nghèo, khổ.

Một ngày nọ, người ta mang đến cho tôi một con bệnh sốt rét trầm trọng. Đó là một thiếu nữ trạc độ đôi mươi với mái tóc dài buông xõa ngang lưng. Trong hình hài tiêu tụy, tôi đoán chừng thiếu nữ ấy trước đây đẹp mặn mà. Khuôn mặt trái xoan bây giờ hốc hác, đôi môi mọng đỏ dợt và nứt nẻ, đôi mắt bồ câu lơ dờ, mất cả thần sắc, sâu thẳm và thâm đen, thân hình nhỏ bé bơi trong bộ đồ nâu rộng phồng phình. Tôi đưa mắt nhìn thiếu nữ với tất cả niềm thương hại, nàng vườn phải bệnh rét rừng lâu ngày nên hình hài mới chằng chường như thế. Tôi động lòng trắc ẩn, dốc cả sức lực chạy chữa cho nàng. Hai ngày đầu người nhà còn đưa nàng đến trụ sở của tôi, nhưng tôi đành cho nàng quyền ưu tiên và biệt đãi, tôi đến tận nhà thăm bệnh và lo than thuốc cho nàng. Đối với người lâm trọng bệnh, lương tâm nghề nghiệp khiến tôi tận tình cứu chữa mà trong thâm tâm không hề có một hậu ý gì ngoài bổn phận và trách nhiệm.

Sau một tháng trời chạy chữa, nàng thuyên giảm rất nhiều, sự sống như cầm chắc trong tay nàng rồi. Bắt đầu từ đây, tôi không lui tới nhà nàng nữa để giữ một tác phong đẹp đối với gia đình nàng và đồng bào xung quanh. Một buổi chiều cuối nhật,

tôi thả bách bộ theo dọc bờ sông Hình thơ mộng. Thuyền chài, ngư ông thu xếp ra về với cá tôm đầy thuyền, đầy giỏ. Sông Hình có tiếng là nhiều cá nhất tỉnh Phú-Yên nên được dân địa phương quen gọi là « Cọp núi Lá, cá sông Hình » để quận Sơn-Hòa mang một đặc tính. Gặp tôi, mọi người đều gọi là « ông bác sĩ ». Tôi cảm thấy thẹn quá nhưng không làm sao cho họ đừng gọi tôi bằng danh từ vĩ đại ấy; tôi chỉ nhận là người y tá quên và khản khoản yêu cầu gọi tôi là thế để tôi đỡ tủi thân và xấu hổ. Mọi người xem tôi như là một vị ân nhân nên có lẽ họ gọi tôi bằng danh từ ấy để trả ơn cứu chữa họ. Trả ơn không bằng tiền thì gọi tôi là « ông bác sĩ » cũng chẳng thiệt thòi gì cho họ. Một ông lão vác lưới đi lên bờ, chào tôi :

— Thưa bác sĩ, lâu lắm mới thấy ông đi dạo chơi. Không dám nào mời ông quá bộ đến nhà tôi chơi.

Tôi nở nụ cười cười mở :

— Xin cảm ơn cụ đề khi khác, chiều nay tôi phải về sớm. Chuyển hôm nay, chắc các cụ kiếm được nhiều cá.

— Dạ thưa, chỉ nhờ tháng nước ròng thôi. Chúng tôi sống quanh năm nhờ con sông Hình này. Ngày nào có cạn đi thì tui tôi chết đói hết.

Trước câu nói chân thành ấy, tôi liền nghĩ đến một vấn đề khác : thói thường người ta hay lo sợ mất nguồn lợi dồi dào đang thụ hưởng, người ta mong thụ hưởng đến bạc đầu. Ngay đến nguồn lợi thiên nhiên, như sông Hình này, bác thuyền chài vẫn sợ ngày nào đó, nó sẽ cạn đi, cá tôm không còn nữa, đời bác sẽ khổ sở. Tôi vói chào người ngư phủ chất phác ấy và tiếp tục đi về phía phà. Giữa đường vắng vẻ, tôi giật mình dừng chân lại, trước mặt tôi, một người con gái gầy ốm, quần áo thùng thum đi xuống bờ sông. Đường dốc làm nàng đi nhanh như muốn chạy, người ngựa về phía sau để giữ thăng bằng. Tôi thoáng nhìn thấy mái tóc thề xỏa ngang lưng với gương mặt trái soan của người thiếu nữ. Tôi nhớ lại một dáng người quen quen. Tôi nhớ ra rồi, tôi cất tiếng gọi :

— Cô Nga !

Người thiếu nữ đã xuống đến chân dốc, dừng bước quay nhìn lại. Nàng tái mặt, trở mắt nhìn tôi, rồi mở lời rất khó nhọc :

— Kia, ông bác sĩ !

Tôi tiến đến, nói lời trách móc :

— Cô liều lĩnh quá, mới vừa khỏi bệnh đã làm chuyện nặng nhọc. Trong cô còn yếu lắm, sao không thuê người gánh cho. Để khỏi cô trở bệnh lại.

Má Nga ửng hồng, nàng chớp nhanh đôi mắt còn thâm đen :

— Thưa bác sĩ, tôi cũng biết thế, song gia đình đơn chiếc quá không có ai. Ba má già yếu không làm nặng nhọc nổi. Ở đây việc nhà ai nấy lo, ít có người ở không để gánh nước mướn. Thành ra tôi phải liều thế này.

Trong một phút xúc động trước gia cảnh người đàn bà khổ hạnh, tôi nói :

— Không được liều nữa, lỡ đau lại thì nguy đến tính mạng. Nga hãy để tôi giúp cho một tay.

Nga bẽn lễn, run run hỏi :

— Ông ... ông giúp bằng cách nào. Lỡ ra người ta ...

Tôi cười, nói rất tự nhiên :

— Nga không phải sợ, giúp đỡ một người ốm đau chẳng phải là chuyện xằng bậy. Nga lên đứng trên kia, tôi xách hộ lên khỏi dốc rồi Nga gánh về nhà. Quầy đôi nước nặng treo lên khỏi dốc này ngay đến tôi còn thấy đuối sức, huống hồ gì Nga bệnh hoạn yếu đuối.

Nga bẽn lễn, mở nụ cười hiền diệu, nàng đề đôi thùng xuống rồi cầm móc và đòn gánh đi ngược lên dốc. Tôi vén tay áo, ông quần lội xuống bờ sông, hai tay xách hai thùng nước đầy đi nhanh lên dốc đặt xuống vệ đường. Nga gắng sức đứng lên, đôi thùng nước nặng quần đòn gánh như muốn ghi lệch nàng xuống đất. Nga bước đi nặng nề, đôi thùng nước nhún nhảy trên đôi vai gầy của Nga như hai đòn cân. Tôi đứng nhìn

theo nàng mà lòng tẻ tái. Chiều hôm ấy, tôi xách giúp nàng ba đôi nước và cứ mỗi chiều tôi lại ra chỗ cũ tiếp tục công việc nhân nghĩa ấy.

Tôi và Nga trở thành đôi bạn và thắm thoát chúng tôi quen nhau đã gần hai tháng. Nga không còn gọi tôi là « ông bác sĩ » nữa mà đã gọi tôi bằng anh và xưng em. Gia đình nàng xem tôi là ân nhân. Sự lui tới của tôi hẳn là điều mong muốn của cha mẹ Nga. Ban đầu người chung quanh còn dòm ngó, xầm xì nhưng lâu dần, không còn ai chú ý đến sự đi lại của tôi nữa, cảm tình của tôi đối với họ đã lấn át tính tò mò của họ, vả lại tôi chẳng có một ý nghĩ đen tối gì trước lòng tốt của Nga hoặc của gia đình nàng.

Núi rừng đã ngát hương sim chín, rừng mít ngào ngạt mùi vị dè mê. Tiết trời trở lạnh, sương mù thêm dày đặc vào hai buổi bình minh và hoàng hôn; cao nguyên Sơn-Hòa thêm thơ mộng và quyến rũ khách ly hương. Tôi sống ở Sơn-Hòa đã một năm qua.



Tôi quyết định cưới Nga làm vợ. Ý nghĩ thật là táo bạo làm các bạn đồng sở và đồng bào địa phương ngạc nhiên, đồn đãi xa gần. Tôi, người con trai chưa vợ, còn Nga thì... Nhưng tôi không chú ý đến điều ấy, vì Nga và tôi hợp nhau trong cách sống và trong quan niệm về cuộc đời. Tôi cố vượt qua mọi trở ngại để mong đi đến mục tiêu.

Trăng rừng thật huyền ảo. Gió rừng thổi vi vu làm xao động ngàn lá lấp lánh dưới ánh trăng như ngàn ánh đèn. Những con đường mòn trắng xóa dẫn vào rừng sâu, cong queo, khúc khuỷu. Buổi lễ đính ở xã Sơn-Hà đã bế mạc, mọi người lũ lượt ra về tứ tán. Tôi đi bên cạnh Nga. Tôi đi chậm lại, Nga hiểu ý cũng lời dẫn bước, đám đông phía trước xa dần chúng tôi.

Nhìn Nga dưới ánh trăng, nhìn mái tóc buông xõa ngang vai bay bay theo chiều gió, lòng tôi xao xuyến. Tôi cảm thấy Nga đẹp như pho tượng. Giữa cảnh bốn bề vắng vẻ về đêm, đi sát

gần Nga, tôi tưởng mình lạc vào chốn đê mê nào. Nga quay sang nhìn tôi, nở nụ cười duyên dáng :

— Anh nhìn gì em đấy.

— Nhìn mái tóc, khuôn mặt, đôi mắt dịu dàng của em. Anh nhìn để đoán xem em đang nghĩ gì ?

Nga càng đi chậm hơn như muốn dừng chân lại. Nàng hỏi tôi :

— Vậy anh có biết em đang nghĩ gì không ?

— Em đang nghĩ về chuyện chúng mình.

— Chỉ đúng một phần. Ý nghĩ em đâu giấu diếm đến thế.

Tôi nắm tay Nga kéo nàng dừng lại :

— Nga, chẳng chuyện chúng mình thì còn gì nữa. Anh yêu em, anh muốn chúng mình lấy nhau. Em bằng lòng chứ. Em yêu anh không ?

Nga cúi mặt xuống, tay nàng để yên trong lòng bàn tay tôi. Ánh trăng đi vào mây, một màu đen giăng ngang qua đầu hai tôi. Nga ngược lên, nhìn thẳng vào mắt tôi khiến tôi thấy chói vói, như bị một dòng điện mạnh chạm vào mình. Nàng chớp nhanh đôi mắt và nói với giọng buồn thảm :

— Em yêu anh, tình của em đối với anh không đủ trả cái ơn cứu tử của anh. Gia đình em chịu ơn anh quá nhiều. Anh lại quá tốt đối với em nữa thì làm sao em lại không yêu anh mà phải hỏi. Nhưng em nghĩ...

— Thế nào, em nghĩ gì chứ ?

— Em nghĩ... rằng em không xứng đáng làm vợ của anh. Đòi em đã bỏ đi rồi, em không đáng là người bạn đường của anh nữa.

Nga ôm mặt khóc, đôi vai nàng khẽ rung động, mái tóc nàng đổ dồn ra phía trước phủ kín lấy bàn tay nhỏ bé của nàng. Tôi nắm vai nàng lay động, dồn dập hỏi :

— Tại sao em lại bảo thế. Ai ngăn cản em, ai đã nói gì về anh với em. Tại sao em không xứng đáng, tại sao vậy chứ ?

Nga nín lặng không đáp lời tôi. Mấy phút trôi qua, tôi giục nàng nói nhưng nàng vẫn không chịu giải thích. Nàng ngước mặt lên nhìn tôi đăm đăm, hai gò má lúm nhún trên má. Nga ngả đầu vào ngực tôi khóc thút thít. Tôi vuốt tóc Nga, vỗ vánh và cố gạt hỏi cho ra lẽ. Tôi biết Nga đang bị xúc động mạnh nên không nói được thành lời. Giữa giờ phút này, dù có cố hỏi, Nga cũng không bình tĩnh được mà nói rõ ngọn ngành những điều uẩn trong lòng. Tôi nắm tay dịu dàng di. Trăng ra khỏi mây, rọi sáng vạn vật, làm hai bóng chúng tôi nổi bật trên đường mòn. Ra khỏi khu rừng, chúng tôi đi trên đường trải đá. Đám đông đã mất biệt rồi. Chúng tôi im lặng tiến bước còn hơn hai cây số nữa thì về đến nhà. Nga thỉnh thoảng hỏi tôi :

— Anh muốn biết chuyện khi nãy chứ ? Được rồi, để em kể cho anh nghe. Làm anh thắc mắc em không yên lòng và thấy có lỗi với anh. Vâng, em xin kể hết, kể ra rồi dù anh có nghĩ gì về em, em cũng đành chịu, em không muốn giấu anh khi anh quá thật tình với em, em không muốn là vợ của anh mà em còn giấu anh một dĩ vãng đau buồn, nhục nhã của đời em. Ở đời, người ta không kính trọng nhau và dễ xa nhau vì một trong hai người có giấu chuyện ngày trước. Lấy nhau rồi mới hay biết dĩ vãng đen tối của người mình yêu, ái tình sẽ vỡ tan và hai người sẽ trở thành kẻ thù của nhau. Em sẽ không giấu anh một điều gì.

Tôi không nói thêm gì, im lặng bước theo nàng và lắng tai nghe nàng kể : « Cách đây hơn 3 năm, khi Nga vừa được 17 tuổi, giặc già nổi lên tàn phá xóm làng. Cuộc đời thơ ngây trong trắng của Nga đã sớm bị vùi dập tan vỡ. Một ngày nọ, giặc tràn lên bắn phá, khói lửa ngút trời Sơn-Hòa, phe du kích và lực lượng hùng mạnh của giặc chạm nhau dữ dội. Dân trong làng tản cư vào núi, nhà cửa bỏ không cho giặc hủy diệt. Gia đình Nga, đào hầm ẩn trốn. Giặc ruộng bố khắp cùng. Bầy chó giặc đánh hơi được chỗ trú của gia đình Nga. Linh Pháp bắt tất cả người trong nhà nhốt vào buồng, định đốt nhà để thiêu sống. Một tên quan hai trông thấy Nga vừa đến tuổi dậy thì, thân hình nõn nang đều đặn. Hắn thêm đến nhiều nước dãi. Hắn xông đến bế xốc Nga lên, cất tiếng cười ghê rợn. Hắn đem Nga ra ngoài bụi rậm dở trò bỉ ổi. Tiếng Nga hét lên trong đau đớn, giận dữ. Người anh trai

của Nga tông cửa chạy ra ngoài, nhảy tới cầu cổ con quỉ dâm dục, **xiết mạnh, xiết mạnh...** nhưng một tên lính hầu cận vội chạy đến rút lưỡi lê, đâm soạt **vào** lưng người anh điên tiết ấy; một tiếng rú lên, một thấy người yếu đuối ngã **ngửa** ra trợn tròng đôi mắt. Tên lính bời thêm một bá súng vào đầu, làm chiếc đầu nhỏ bé **vỡ** tung ra như quả vừa khô, óc trắng phều trào ra. Nga trông **khấp đảm**, ngất lịm đi.

Giấc đi rồi. Nga vừa mất những gì quý nhất trên đời. Nga vô cùng đau đớn, nhưng nàng đau đớn **không** bằng hai kẻ bạc đầu đang khóc nức nở trước thân thể tàn tạ của đứa con gái yêu dấu và thi hài đầm máu của người con trai độc nhất, cột trụ của gia đình. Ngày đưa xác anh đến phần mộ cuối cùng, Nga không đi được, nàng chỉ nằm nhà khóc tí tẻ, khóc cuộc đời ngắn ngủi của người anh trai vì nóng lòng em gái bị giặc làm nhục, làm đau đớn mà phải thác oan. Sau ngày tai biến thảm khốc ấy, Nga và mẹ nàng lâm bệnh. Con khủng hoảng trầm trọng của gia đình đã **tưởng** làm mẹ nàng chết theo người anh trai bạc số ấy. Suốt một tháng sau, quân đội liên hiệp Pháp ồ ạt tiến lên cao nguyên Sơn-Hòa. Hơn ba tiểu đoàn nằm dọc theo sông Hinh vô số xe tăng, thiết giáp chạy ngược xuôi khắp chốn. Thế giặc mạnh làm quân du kích rút lui vào rừng rậm và chỉ dùng chiến thuật đánh đêm để phá rối địch. Tiểu đoàn đóng tại quận lỵ do một đại úy người Việt lai Pháp chỉ huy. Đại úy ấy vừa đẹp trai, vừa to lớn, tánh tình không đến nỗi « nói ra khói, hét ra lửa », chàng lại rất nguy hiểm trong lối sống và kỹ thuật tác chiến. Nhờ đó mà mấy xã gần quận lỵ được yên ổn làm ăn. Song tình hình sắc dục vẫn là **cái bệnh** của người tướng sĩ giặc Pháp, chàng cho **lính** đi săn gái về **làm** vật giải trí sau những cuộc hành binh bố ráp. Sơn-Hòa đất núi cằn cỗi, không có nhiều gái đẹp. Những **nàng sơn nữ** sống nơi miền rừng thiên nước độc và trong cảnh loạn lạc **tơi** bời như bị thời gian làm già đi trước tuổi. Trong vùng, người ta coi Nga là hoa hậu, là người đẹp **nhất** quận Sơn-Hòa. Tiếng đồn dãi ấy lọt vào tai viên đại úy. Một ngày nọ, đại úy **đỗ** xe trước nhà Nga và cùng hai tên vệ sĩ kéo vào nhà. Nga và cha mẹ nàng hoảng hốt toan bỏ chạy thì hai tên vệ sĩ cầm súng gần lưỡi lê xông vào cản lại,

trên gương mặt của mỗi đứa lộ vẻ hân học ghê tởm. Chúng bắt cả nhà ngồi vào ghế và viên đại úy hiên ngang ngồi trên bộ ván giữa, hất hàm hỏi cha của Nga :

— Ông cụ bà cụ và cô đây định chạy đi đâu. Tội tôi có gì đáng sợ đâu mà các người ghét dơ đến thế. Tội tôi đến đây để hỏi thăm ông cụ, bà cụ một điều quan trọng.

Cha Nga, vừa sợ vừa giận đáp :

— Chúng tôi xin cảm ơn Ngài, chúng tôi không dám ghét quý Ngài, nhưng chúng tôi bị mặc cảm chiến tranh nên đã có cử chỉ kém lịch sự với Ngài.

Đại úy cất tiếng cười khanh khách :

— Ông cụ nói nghe hay quá. Chúng tôi là bạn của các người, chúng tôi đến đây đuổi cổ bọn phá hoại, đội lớp kháng chiến phỉnh gạt mấy người. Đáng lý ra mấy người nên xem chúng tôi là bạn mới phải.

Nga đứng dựa bên cột, đưa mắt nhìn viên đại úy với tất cả sự căm tức. Nàng bấu môi trước câu nói đầy vẻ hách dịch của viên đại úy ; nàng nói lớn lên :

— Gia đình chúng tôi và ngay cả đồng bào của chúng tôi không cần đến quý ngài, không cần đến bọn người kia nữa. Chúng tôi đang sống yên lành, hai bên tranh giành quyền lợi với nhau, đánh giết nhau và mang lại tai họa cho chúng tôi. Các người đã làm được gì cho chúng tôi chưa ?

Mẹ Nga vội vàng đỡ lời nàng :

— Thưa Ngài, con gái tôi mắc bệnh thần kinh nên ăn nói không giữ lời, mong Ngài thứ lỗi cho.

Đoạn bà quay sang bảo Nga :

— Nga à, con đi ra sau đi con, để bà má tiếp chuyện với quý ông đây. Đi, đi con.

Nga cúi đầu chào lấy lệ, rồi bỏ ra nhà sau. Viên đại úy và hai tên vệ sĩ đều lộ nét giận dữ, nhưng không biết làm gì hơn. Đại úy ra về lịch sự, ôn tồn nói với cha mẹ Nga :

— Hai cụ không phải lo, bản tính tôi vốn ôn hòa, những lời nặng nề của cô nhà không làm tôi giận đâu. Cô nhà càng giận, tôi thấy cô càng đẹp thêm ra. Thật quả tiếng đồn chẳng sai chút nào.

Chàng lộ vẻ chưa hài lòng lắm về câu tán tỉnh của mình nên thêm :

— Cô đẹp lắm, đẹp hơn cả gái thành thị. Ước gì...

Cha mẹ Nga thất sắc trước câu nói của chàng. Cha Nga đứng lên nói :

— Thưa Ngài, cháu nó còn nhỏ dại, được ông khen tặng chúng tôi lấy làm sung sướng lắm, song cháu nó không xứng đáng như thế.

Đại úy nở nụ cười khoái trá, nói như truyền lệnh :

— Thưa hai cụ, tôi thoáng thấy cô nhà, lòng tôi đã xao động. Tôi muốn... hỏi cô nhà làm vợ, hai cụ có bằng lòng không? Tôi sẵn sàng bảo bọc gia đình hai cụ chu toàn, đời cô nhà sẽ được sung sướng như bà hoàng.

Nga từ ngoài sau chạy vụt lên la lớn :

— Tôi yêu cầu Ngài giữ lệ độ, tác phong của một sĩ quan như Ngài cho phép Ngài ăn nói sỗ sàng thế sao? Tôi không bằng lòng, tôi không muốn làm bà hoàng, tôi không muốn làm vợ Ngài, xin Ngài hãy về cho.

Nga vừa nói dứt lời thì hai tên vệ sĩ tiến tới định đánh Nga bằng bá súng, nhưng viên đại úy đã ngăn lại :

— Các anh không được hỗn. Cô ấy nóng nên nói thế đấy thôi. Tôi không lấy gì khó chịu đâu.

Đoạn chàng xây qua phía Nga ôn tồn bảo :

— Cô à, tại sao cô lại đuổi xô tôi, tôi mến cô và muốn hỏi cô làm vợ, một chuyện làm rất thông thường và hợp lẽ, không trái đạo lý và đúng theo lễ giáo. Tôi có gì đáng để cô chê đâu.

Nga càng làm dữ :

— Ngai chưa nhận rõ tác pho^{ng}ng sô sàng của Ngai ư? Ngai có biết tôi bằng lòng Ngai chưa mà mở lời hỏi cha mẹ tôi một cách trắng trợn như vậy. Tôi không chê Ngai nhưng tôi sợ hiện tại của Ngai, mong Ngai đừng tiến tới nữa.

Đến đây viên đại úy đã bắt đầu bực mình, trên gương mặt lộ nét giận dữ. Hắn đứng lên nói :

— Tôi đã nhường nhịn cô hơn một lần rồi, xin cô đừng đi xa hơn nữa. Tôi đã dùng lời nhã nhặn nói chuyện với hai cụ, đối với riêng cô tôi tránh dùng đến thái độ cứng rắn. Thôi tôi không muốn nói nhiều, tôi mong cô thay đổi ý kiến, chiều mai tôi lại đến đề đón lấy quyết định của cô. Hai cụ đây chắc đã nghe qua địa vị và quyền hành của tôi tại quận này rồi. Vậy mong hai cụ cho tôi biết ý kiến vào chiều mai nhé.

Nói xong hắn và hai tên hộ vệ bước ra về với những tiếng cười đắc thắng.

Trong ngôi nhà bé nhỏ, ba người đau khổ nhìn nhau, mắt chan hòa những lệ. Nga thì quyết định từ chối thà chết chứ không để lọt vào tay con người Việt gian bẩn thỉu ấy. Nhưng cha mẹ nàng sợ sệt, tiên đoán một tai họa lớn lao sẽ xảy đến cho gia đình này nếu Nga không ưng thuận lấy hắn. Với lòng tàn bạo và với tâm tính dâm loạn, hắn có thể ám hại cha mẹ Nga và bắt cóc nàng về làm vợ nữa. Nga khóc hết nước mắt và định trốn đi vào rừng sâu, nhưng trước cảnh gia đình cha già mẹ yếu Nga không đành lòng ra đi. Cha mẹ nàng hết lời khuyên giải nàng nên lấy hắn để cứu vãn gia đình. Chính Nga cũng không còn thiết tha gì cuộc sống và thân xác nữa. Đời nàng đã bỏ đi rồi, trinh tiết của nàng đã bị vui dập mất rồi. Nga liều thân để cứu mẹ cha.

Chiều ngày sau, viên đại úy lại đến với rất đông vệ sĩ súng ống nghiêm chỉnh. Cả bọn bước vào nhà rần rộ như đi bắt đối phương. Viên đại úy cất tiếng hỏi Nga đang ngồi ủ dột trên bộ ván gỗ gần buồng riêng của nàng :

— Sao cô đã nghĩ kỹ chưa ? Tôi hứa bảo đảm đời cô và cả gia đình. Tôi hứa một lời danh dự. Nhân đây, xin cô bỏ qua cho những lời nói kém lịch sự của tôi ngày hôm qua.

Nga ngồi lặng yên không đáp, Cha Nga vội đứng lên đáp lời :

— Thưa Ngài, chúng tôi đã quyết định rồi. Con Nga của chúng tôi bằng lòng... theo Ngài...

Nói đến đây ông để rơi hai gò má lệ, tức tử tiếp lời :

— Nhưng, chúng tôi mong ngài thương lấy nó. Đời chúng tôi chỉ còn có mình nó. Rồi có bề nào chúng tôi chết mất. Xin ngài bao bọc con gái tôi.

Viên đại úy xuyết xoa đôi tay, nở nụ cười khoái trá, nói lia lia như không kịp thở :

— Dạ vâng, thưa hai cụ, tôi xin giữ lời hứa. Cô Nga sẽ là người tôi yêu quý nhất đời này. Tôi xin hứa chắc chắn như vậy.

Nói xong, hắn tiến đến bên Nga vuốt tóc nàng và nắm tay nàng kéo đứng lên. Nga buông tay ra chạy đến bên song thân quì xuống khóc nức nở :

— Con xin tạ cha mẹ, thêm một lần nữa đời con bị sa vào tay giặc, con là đứa con bất hiếu nhất trên đời này. Con đã làm anh thác oan, làm cha mẹ khổ đau. Cha mẹ hãy xem con như đã chết thuở mới chào đời.

Nàng đứng lên ôm mẹ khóc mùi mẫn. Hai mái đầu trắng, đen sát vào nhau, đôi vai rung động, mắt mờ những lệ. Nga từ từ rời tay mẹ, nhìn cha già rồi lui ra cửa. Viên đại úy tiến theo nàng, lòn tay qua lưng nàng dìu đi ra xe díp đậu ngoài ngõ. Bọn vệ sĩ cất tiếng cười tàn bạo như tiễn nàng dâu về với nhà chồng.

Trước cửa nhà, hai bóng hình già yếu nhìn theo, đứa con gái thân yêu khuất dần sau màn lệ. Hoàng hôn đỏ xuống núi đồi, ngàn cây ủ rũ dưới sương chiều.



NGA trở thành bà đại úy và bị giam hãm vào bốn bức thành kiên cố. Đời Nga tàn tạ theo ngày tháng buồn trôi, thân xác nàng toi bời dưới sức tàn phá của viên đại úy cuồng dâm. Ba tháng sau, nàng ốm nghén và mang thêm bệnh đau gan khá nặng. Lúc ấy thì viên đại úy cũng vừa nhận được lệnh chuyển về Nam. Nga được tin ấy như nhận một lát búa bổ vào đầu. Nga sợ hãi bỏ nàng ở lại với bụng mang dạ chửa thể này. Nhưng điều nàng lo sợ đó là sự thật. Hai ngày sau hắn âm thầm bỏ ra đi vào lúc nửa khuya.

Nàng bị đuổi ra khỏi đồn ngay sau đó. Nga lại khóc hết nước mắt, nàng định nhảy xuống sông Hinh tự vẫn nhưng nàng muốn về thấy lại mặt cha mẹ già đang mòn mỏi ngóng trông. Thấy lại mặt con sau hơn nửa năm trời xa cách, cha mẹ Nga mừng đến rơi nước mắt. Nga đem chuyện vừa qua kể lại cho cha mẹ nghe và đòi tự tử để khỏi nhục và đỡ lo cho cha mẹ. Nhưng nàng được cha mẹ khuyên giải hết lời, ngăn cản nàng đi tìm cái chết.

Đời Nga thật lắm nỗi truân chuyên !

Độ ba ngày sau thì tai biến lại xảy đến cho nàng. Vào giữa đêm tối trời, một bọn người lạ mặt võ trang đến bắt nàng dẫn đi vào rừng và đánh đập nàng vì họ cho rằng Nga theo giặc, lấy chồng giặc, phản dân, phản nước v.v... Sau mấy ngày khảo tra, Nga bị xảo thai và chết lịm đi, đến lúc này họ mới chịu tin lời khai thật của Nga. Họ thôi hành hạ thân Nga thì Nga đã kiệt sức rồi.



NÓI đến đây, Nga ôm mặt khóc và tôi cũng không cầm được nước mắt. Tôi ôm Nga vào lòng vỗ về an ủi. Tôi khẽ hỏi nàng :

— Rồi làm sao, em về được đây ? Em trốn đi hay là họ thả em ?

— Họ thấy em lâm trọng bệnh thể nào cũng chết, nên một đêm họ, cách đây hơn nửa năm, họ đem em về trả lại cho cha

mẹ em. Rồi kịp đến ngày dinh chiến có phong trào giải phóng em mới gặp anh và nhờ anh cứu khỏi chết đó.

Nga lại khóc, nhưng lần khóc này có pha trộn một niềm sung sướng. Nàng áp đầu vào ngực tôi thúc thích. Tôi vuốt tóc Nga và nói :

— Anh cảm ơn em đã kể anh nghe hết cuộc đời quá đau khổ của em; em chẳng hiểu anh điềm nào. Anh buồn thay cho cuộc đời em. Em đã nghĩ đến dĩ vãng sâu thẳm của em nên em cho là không xứng đáng với anh. Nhưng anh không nghĩ như vậy, anh càng biết rõ đời em chừng nào, anh càng yêu em tha thiết chừng nấy. Đời của em là hình ảnh của chiến tranh vô lý này, em là cô gái điển hình cho muôn ngàn đời phụ nữ khác, nạn nhân của binh lửa, của tự ái loài người. Thôi em đừng khổ nữa. Em sẽ là vợ yêu quý nhất của anh. Chúng ta đừng nghĩ đến dĩ vãng nữa. Tương lai mới là điều quan trọng đáng cho chúng mình nghĩ đến.

Nga ghì chặt lấy tôi, ngược mắt nhìn tôi, hai gò má lúm lúm tròn trên đôi má nàng. Nga nhấp máy đôi môi mọng đỏ :

— Anh, em thành thật cảm ơn anh. Em thờ phượng anh suốt đời em.

Tôi đặt chiếc hôn nhẹ nhàng lên trán Nga, mỉm cười sung sướng, Nga im lặng mỉm cười. Hai chúng tôi đi sát vào nhau, hai bàn tay đan ngón vào nhau, siết mạnh. Dưới bóng đêm loang loáng ánh trăng, hai chúng tôi đi nhẹ nhàng như lướt trên ngọn cỏ. Sương xuống nhiều, khí trời lạnh lạnh, tiếng côn trùng kêu rả rít như một điệu nhạc mê hồn, nhạc mừng hạnh phúc của hai tôi. Từ trong xa vắng, tiếng người đuổi cò vang lên vọng vào rừng núi đồi và kéo dài ra đến vô tận.



MƯỜI ngày sau đó, chúng tôi làm lễ cưới đơn sơ. Tiệc cưới không có gì sang cả lắm : một con mễnh làm năm món, một con bò con thui, mấy quầy rượu cần mua từ thôn Xuân-Sơn, mùa sim chín đánh dấu ngày cưới của chúng tôi. Nga và tôi nhớ mùa sim chín để kỷ niệm ngày trọng đại của đời mình.

Hàng ngày tôi đi làm, Nga ở nhà lo việc trong ngoài, trồng hoa quả, rau cải. Cuộc sống của hai tôi cứ thế kéo dài đã hơn năm tháng. Nga cũng đã có thai gần bốn tháng rồi. Vào tháng mười năm 1954 tôi được lệnh vào Sài Gòn theo lớp tu nghiệp trong vòng sáu tháng. Được tin ấy tôi nửa mừng nửa lo. Mừng vì được học hỏi thêm nghề nghiệp, lo vì trong lúc Nga sanh nở tôi không có mặt ở nhà để chăm nom, săn sóc. Nghề nghiệp y tá của tôi rất cần cho Nga lúc ấy. Về phần Nga thì nàng lại khuyến khích tôi lên đường mặc dầu trong đôi mắt nàng ẩn chứa một nét buồn điệu vợ. Cha mẹ vợ tôi cũng khuyên tôi vào Nam tu nghiệp để tạo một tương lai sáng lạng cho đời tôi và cho vợ con tôi sau này. Ở nhà đã có ông bà lo liệu cho vợ tôi sanh nở chu toàn.

Tôi cảm thấy yên tâm một phần nào, nhưng tình yêu đang mặn nồng khiến tôi không hoàn toàn tin tưởng khi chồng Nam vợ Bắc thế này. Ngày lên đường, chúng tôi chia tay nhau với nhiều nước mắt. Biết rằng khóc là yếu đuối, nhưng tạm biệt nhau giữa hai kẻ yêu nhau đắm đuối, tôi cho rằng khóc không xấu hổ chút nào. Tôi tự nhận tôi là con người nên cảm thấy khóc là một điều hợp lý vì khi khóc lòng mình thấy trải rộng mệnh mong thương người vô hạn. Thế nên khóc với người mình yêu là việc làm phải lẽ, hợp với nhân tính biết chừng nào.

Giờ phút nghiêm trọng của cuộc tiễn đưa đẹp hơn tất cả thời gian trong cõi đời này; nhưng cảm giác bùi ngùi xúc động làm chúng tôi quên hết cảnh vật xung quanh, chúng tôi chỉ thấy có hai tôi. Tôi ôm Nga vào lòng, hôn lên khuôn mặt điệu hiền ấy ngây ngất. Tôi cố siết chặt Nga sát gần tôi hơn nữa, nhưng cái bụng của Nga cản lại làm thành một khoảng cách « đáng yêu » nhất của con người. Nga khóc, tôi khóc, chiếc xe đồ gồng ghềnh lăn bánh trên triền dốc dài thẳng tắp. Nga đưa khăng tay trắng phất nhẹ nhàng, xe chạy xa lắm rồi tôi ngoảnh lại còn nhìn thấy một đốm trắng lay động.



SƠN-Hòa cách trở với đồng bằng, một lá thư gửi xuống tỉnh lỵ cũng đã lâu ngót nửa tháng. Từ ngày vào Sài Gòn, sau hai tháng tôi mới nhận được một lá thư của Nga gửi trả lời thư của tôi gửi đi từ hai tháng trước. Cả nhà bên vợ tôi bình yên và cái thai của Nga, giọt máu của tôi được bình thường làm tôi yên dạ theo đuổi việc học hành. Tiền lương hằng tháng tôi nhờ người bạn lãnh hộ rồi giao cả lại cho Nga. Ở Sài Gòn, nhớ nhà, nhớ những kỷ niệm nơi miền sơn dã, tôi không buồn đi chơi đâu, suốt ngày ở trong trại nên số tiền phụ cấp cũng đủ cho tôi tiêu xài vật vạnh.

Hai tháng sau tôi lại được thư của Nga, gửi tin báo cho biết là bụng đã lớn và ngày sanh nở cũng sắp gần kề. Đọc thư ấy tôi vui mừng không cầm được nước mắt. Hình ảnh một đứa con, chao ôi, đẹp làm sao ! Kết quả của mối tình chúng tôi. Còn hai tháng nữa tôi mãn khóa trở về Sơn-Hòa; lúc ấy gia đình chúng tôi sẽ có thêm một người nữa, một đứa con kháu khỉnh, một hòn ngọc của vợ chồng tôi và của ông ngoại bà ngoại nó. Suốt ngày tôi hình dung đứa con đầu lòng ấy và tìm một cái tên thật đẹp, đẹp hơn cả tên mẹ nó nữa. Tôi tìm đủ thứ danh từ ghép để tạo một cái tên cho con, nhưng tên nào tôi cũng thấy chưa xứng đáng, nào là Sơn-Nga, nào Thanh-Nga, nào Linh-Sơn v.v... Nhưng tất cả đều không làm tôi hài lòng. Cuối cùng tôi quyết định chọn một cái tên mà bây giờ tôi nghĩ lại nó không có nghĩa gì. Ừ, tên Mai-Anh thật là vô nghĩa. Mai-Anh là nghĩa gì ? Nó không có nghĩa gì hết, song nó đến với tôi trong lúc tôi viết thư về cho Nga dặn dò mọi thứ khi nàng sanh nở. Tôi dặn nàng đặt tên cho con là Mai-Anh nếu là con gái và Sơn-Dũng nếu là con trai. Thấm thoát đã một tháng nữa trôi qua, bức thư dày 10 trang giấy tôi đã gửi về cho Nga. Mỗi mòn chờ đợi nhưng tôi không được thư nhà gửi vô cho biết là Nga sanh chưa, đứa con là trai hay gái và Nga có mạnh giỏi không ? Càng trông tin lòng tôi càng nóng như lửa đốt. Tôi mong thời gian qua thật nhanh, mau đến ngày mãn khóa để tôi mọc cánh thành chim tung mây lướt gió bay về quê nhà gặp lại mặt vợ, con yêu dấu.

Sao lòng tôi hồi hộp lạ kỳ, linh cảm báo cho tôi biết có một sự gì không may vừa xảy ra cho Nga, cho tôi, cho gia đình tôi. Nga sanh khó ? Nga bị xảy thai hay Nga đã... chết sau khi sanh ? Ấn tượng về sự nguy hiểm của người đàn bà sanh con sơ cù ám ảnh tôi ngày đêm không phút nào buông tha. Tôi muốn « đào ngũ » trốn về nhà để biết rõ sự thật. Suốt tháng cuối cùng của khóa tu nghiệp, tôi không học được gì, thờ thần suốt ngày làm các bạn đồng khóa lấy làm lạ. Nếu không nhờ Minh người bạn thân nhất lớp hiểu rõ hoàn cảnh và tâm trạng của tôi trình bày với ban giám đốc thì tôi có thể bị nghiêm phạt.

Sau buổi thi cuối cùng, không cần chờ nghe kết quả, tôi xin phép ban giám đốc về trước. Chuyển tàu tốc hành chạy vun vút mà tôi cứ tưởng đang ngồi trên chiếc xe bò nặng trĩu.



Tôi khóc suốt ba ngày tưởng không còn nước mắt nữa. Quì bên ngôi mộ còn xanh cỏ, tôi ngược mặt nhìn trời xanh kêu lên « Trời đã bắt công, nỡ cướp mất người yêu quý nhất đời tôi ! ». Nga, vợ yêu quý của tôi đã chết mất rồi. Cái chết đau đớn, nhục nhã của nàng càng làm tôi uất nghẹn muốn chết theo nàng. Tôi sẽ ít đau đớn hơn khi Nga chết vì đau ốm hay sinh nở khó khăn, nàng chết theo lẽ thông thường của sinh vật trên trái đất này. Nga chết vì bị người ta giết, người ta giết chết nàng vì cho rằng lấy chồng cán bộ, theo « đối phương » (!). Người ta khupon định tình cảm của Nga từ ngày Nga bị bắt vào rừng sau khi viên đại úy bỏ rơi nàng về Nam. Người ta đã lên án nàng sau cuộc tình duyên ngang trái với người lính Pháp ấy, người ta đã tha nàng lần ấy thì bây giờ người ta phải thanh toán nàng ở lần này vì Nga đã lấy tôi, một cán bộ y tế theo đoàn quân giải phóng quận Sơn-Hòa sau hiệp định đình chiến. Thật là tàn nhẫn, thật là oan uổng cho Nga biết chừng nào. Tình yêu cũng bị khupon định nữa thì cuộc sống còn bị gò bó đến thế nào nữa và còn nghĩa lý gì ! ?

Vào một đêm tối trời, đêm cuối cùng của đời Nga sau ngày sinh nở được 10 hôm, một tốp người mặc bà ba đen tống của

vào nhà trói Nga lại đẩy nàng ra ngoài cổng giữa tiếng khóc thảm thiết của cha mẹ vợ và tiếng oa oa the the của con gái tôi. Sau mấy câu tuyên án cộc cằn « Đền tội đã theo giặc » một tiếng súng nổ, Nga ngã xuống đất nặng nề và bọn người lạ mặt biến vào đêm tối. Nga nằm sấp, đầu vỡ tung ra, một dòng máu tươi chảy ra hòa vào lòng đất quê hương.

Buổi sáng hôm sau, xác Nga được mai táng sau nhà, mấy người bạn tôi đến tiễn đưa. Mai-Anh được 11 ngày cũng được chích một vành khăn trắng tiễn người mẹ vô phúc, trên tay của bà ngoại tiều tụy vô vàn.

Sương chiều xuống đã nhiều xây thành bức tường trắng xóa vây kín người tôi với ngôi mộ, nơi an nghỉ ngàn thu của Nga người sơn nữ diệu hiền, đẹp nhất miền cao nguyên Sơn-Hòa. Tiếng khóc oa oa của Mai-Anh trong nhà, kéo tôi về thực tại, tôi trở về nhà nhìn đứa gái mồ côi mẹ từ thuở năm nôi, đang đòi sữa mẹ, cựa quậy đôi tay như đi tìm vú mẹ.

Tôi cúi xuống hôn vào má con còn thơm mùi sữa, lệ đầu cứ doanh trùng, rơi xuống từng giọt nhỏ tan vào da thịt của đứa trẻ khốn nạn.

Từ đây, tôi lãnh phần « gà trống nuôi con » cho đến trọn đời.



MỖI lần nhớ đến Nga là mỗi lần tôi không cầm được nước mắt. Mai-Anh càng lớn càng giống mẹ nó. Phải chăng hình ảnh của Nga biến vào thân xác của con để giữ mãi tình yêu của tôi với người sơn nữ bạc số nơi đất Sơn-Hòa. Chuyện thương tâm đã 8 năm qua rồi mà tôi cứ tưởng chừng như vừa xảy ra hôm qua, những chi tiết vụn vặt còn in rõ nét trong ký ức.

Chao ôi ! Càng nhớ đến, càng buồn day dứt !

TRỤ VỮ

Bên thêm

*TÔI không dám động nữa
Sợ tan ánh trăng rằm
Tôi cũng không dám thở
Hình em e biển tắm*

*Tôi cũng không dám hôn
Sợ tuổi mười lăm mất
Tôi cũng không dám ôm
E mộng thành sự thật*

*Tôi cũng không dám ngừng
Nhưng dòng tình lệ lại
Vì em sẽ quay lưng
Khi thuyền tôi lơi mái*

*Tôi cũng không dám ngỏ
Những câu chuyện của lòng
Tôi sợ mà em rõ
Mắt em chẳng còn trong*

*Tôi sợ em từ chối
Mà sẽ bảo rằng không
Tôi sợ em nghe vội
Sẽ nói : « Em vui lòng »*

*Tôi sợ em từ chối
Lá thu sẽ rụng bằng
Tôi sợ em nghe vội
Còn chi tuổi mười lăm ?*

T.V.

Phần thứ ba

Phần thứ ba của Văn Hũu số 14 này hoàn thành với sự gom góp tin tức, tài liệu trong, ngoài nước của các bạn : Hàm Anh — Phong Vũ — Đức Hạnh — Hoàng Lan...

Gió Đông... Gió Tây...

TRONG NƯỚC

DIỄN THUYẾT

Ông Dương-Kiên sáng 26-8, tại rạp Thống Nhất đã nói về đề tài :

« So sánh nền giáo dục miền Bắc và nền giáo dục miền Nam »

Diễn giả lần lượt trình bày thực trạng giáo dục miền Bắc qua lời tuyên bố của Bộ Trưởng bộ Quốc gia giáo dục Việt cộng, đã gọi trường Đại học như một công cụ để thực hiện xã hội chủ nghĩa; tại miền Bắc hiện nay cũng như tại các nước chư hầu cộng sản, học sinh bị nhồi sọ bằng lý thuyết vô sản Mác Lênin, và phải học để phục vụ giai cấp thống trị hơn là học để mở mang trí tuệ.

Dưới chế độ cộng sản, nền giáo dục chỉ chú trọng đầu độc

học sinh bằng cách lợi dụng một thứ quốc tính, một thứ lao động tính giả tạo, nhằm hủy diệt giá trị cổ truyền của các dân tộc và nền văn minh nhân loại.

Nói về miền Nam tự do, diễn giả, coi nền giáo dục của chúng ta có đầy đủ tư thế độc lập đúng chủ trương của các nước dân chủ, đúng như lời tuyên bố của chuyên viên giáo dục Liên-hiệp-Quốc đã công nhận sự hoàn hảo trưởng thành của nền giáo dục miền Nam.

Rồi ông kết luận : Nền giáo dục miền Bắc đã đưa các phần tử trí thức đi từ tình trạng tự do đến tình trạng nô lệ. Quan điểm này khác hẳn với chủ trương khai phóng của các nước tôn trọng tự do, đã hướng dẫn nền giáo dục của

minh đi từ tình trạng thấp kém đến tình trạng văn minh hơn.

Tiếp đến là một sinh viên vượt tuyển trình bày hiệu quả của chính sách giáo dục nô dịch ngoại lai của Việt cộng sau 6 năm áp dụng tại miền Bắc.

Ông cho biết hiện nay trong các trường, đảng cộng sản đã bố trí một hệ thống mật thám để kiểm soát hành vi và điều tra tư tưởng học sinh. Chế độ này nhằm tách rời thanh thiếu niên khỏi gia đình, lợi dụng họ làm công vụ phá hoại nền tảng xã hội. Có lẽ cộng sản cũng hiểu rõ chính sách quá hà khắc của họ, nên đã tìm cách thiết lập một kỷ luật chặt chẽ để tránh sự phản ứng của sinh viên, như vụ giáo sư thạc sĩ Trần-dức-Thảo định dùng Đại học văn khoa làm thao trường chính trị chống Đảng. Trên bình diện sử học, khoa học, mỹ thuật, các sáng tác từ xưa đến nay của các nhà bác học Tây phương đều bị cộng sản bóp méo để gán cho các học giả Nga-Hoa. (Ví dụ như định lý Pythagore và định lý Lavoisier). Ông kết luận : hiện nay ở miền Bắc không có một nền giáo dục cổ truyền của chúng ta, mà chỉ thực hiện

một nền giáo dục theo Nga Hoa mà thôi.

★

Linh mục Raymond de Jaegher, trước một số thánh giả và 13 giáo viên Mỹ, hiện đang thăm viếng Việt-Nam, đã trình bày về :

« *Âm mưu của cộng sản xâm chiếm vùng Đông Nam Á* ».

Diễn giả cho rằng cộng sản dùng Ai-Lao làm căn cứ để dần dần tiến đến Việt-Nam Cộng-Hòa, Thái Lan, và các nước khác. Ông đề cao ý chí bền bỉ của dân tộc Việt-Nam chiến đấu chống cộng trên mọi địa hạt dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô-đình-Diệm. Ông kể lại những điều mắt thấy tai nghe ở Trung-Hoa lục địa nơi mà ông đã sống rất lâu, hồi trước và sau khi cộng sản đến.

Sau đó, giáo sư Nguyễn-cao-Hách, trình bày về : « *Chính sách của cộng sản để vô sản hóa dân chúng* ». Ông nói rõ về chi tiết của cách tổ chức những buổi tự phê bình kiểm thảo, thúc đẩy người ta viết giấy thú tội... mà cộng sản áp dụng để kiểm soát chặt chẽ quần chúng.

★

— « *Đường lối ngoại giao của Hoa-Kỳ* », đó là đầu đề câu chuyện của giáo sư Stanlez Millet nói tại Hội Việt-Mỹ tối 15-5. Millet hiện đang dạy tại trường luật khoa Saigon, trước kia ông đã từng dạy môn xã hội học tại Brisroliff Collège ở Nữ-Uớc.

★

— Linh mục Thanh Lãng hôm 1-10 đã nói về :

«Thử nghĩ về thái độ của giới sản xuất cái đẹp và giới tiêu thụ cái đẹp trong nghệ thuật».

Sau khi trình bày tổng quát về quá trình lịch sử của nghệ thuật, từ khung cảnh cổ điển, đến khung cảnh mới nhất, điển giả phân tách những vai trò của các nhân vật trên sân khấu nghệ thuật. Ông cho rằng giới sản xuất cái đẹp ngày nay đã phá vỡ những nguyên tắc cổ điển để đi vào những cái mới lạ, đôi khi lập dị. Họ có thái độ bất bình, khinh thường trước con mắt soi bói của thế nhân. Khi thấy người ta muốn tìm hiểu tác phẩm của Picasso, người chủ trương môn phái lập thể đã hỏi lại rằng : « Tại sao không tìm hiểu tiếng của chim ; tại sao tạo hóa sinh ra con kiến ? »

Người tiêu thụ bao giờ cũng nhìn tác phẩm bằng cặp mắt phân tách đem đối tượng ra khỏi « xã hội tập đoàn » của tất cả các tác phẩm khác, và so sánh với các nguyên tắc cổ điển tạo lập cho các nghệ sĩ khác đặt ra từ xưa. Và cũng như thế, nhà phê bình như một anh lái đò luôn luôn nhìn lại giòng sông cũ, họ kêu lên khi thấy nghệ sĩ đi vào những giòng sông lạ.

Sau khi nhận định về hiện tình sinh hoạt nghệ thuật nước nhà, ông cho rằng các nghệ sĩ đã làm lại các món ăn nguội, còn nhà phê bình thử khoác chiếc áo đen dài lê thê của quan tòa, đi vào lâu đài nghệ thuật như đi vào pháp đình và ngồi thưởng thức trên ghế chánh án.

Như xã hội loài người, tác phẩm nghệ thuật cũng có mục sống, cũng họp thành tập đoàn, vì vậy, theo điển giả, nhà phê bình phải có ý thức của một nhà nhân chủng học, tìm hiểu, thông cảm, cộng tác, đối thoại, phân tách, nghiên cứu tác phẩm một cách đại thể, chứ không là một anh đồ tể chỉ biết mổ sẻ, hoặc thái độ một quan tòa chỉ biết tuyên án. Vì phê bình

tức dự phần vào công cuộc sáng tác nghệ phẩm, còn nghệ sĩ là sáng tác, và đó là nghĩa vụ cao quý nhất. Ông kết luận: Thế hệ văn nghệ hiện tại sẽ vượt lên khi tương quan giữa các nhà phê bình và nghệ sĩ được qnan niệm đúng mức.



— Tại Trung tâm văn học Pháp, ông Henri Haussen giáo sư đại học khoa học ở Toulou-se, hồi 9 giờ tối 2-10 đã nói về đề tài : « *Jeunesse et Évolution* ».



— Tối 5-10, tại phòng họp của hội Việt-Mỹ, và tối 19-10 đã có cuộc nói chuyện về hai đề tài : « *Quan niệm của phụ nữ Việt-Nam và Hoa-kỳ qua thời gian và không gian* », và « *Làm thế nào để sống lâu một trăm tuổi* ».



— Ông Roger Caillois, trưởng ban văn chương của tổ chức Văn Hóa Liên hiệp quốc, hôm 12-10, hồi 9 giờ tối đã nói tại tòa Viện trưởng Đại Học, về đề tài : « *Des contes de fée à la science fiction* ».



— Tối 11-10, tại trụ sở Pháp văn đồng minh, ông L. Shaffer đã diễn thuyết về : « *Thần thế và sự nghiệp của văn hào Hemingway* ».

Diễn giả đã nói về cuộc đời của Hemingway từ khi xuất thân ở trường Trung học cho đến khi chiếm được giải thưởng văn chương Nobel năm 1954.

Ông phân tách rất nhiều tác phẩm và cuốn tiểu thuyết cuối cùng « *Le vieil homme et la mer* » trong đó mô tả cuộc chiến đấu của người chiếm lại sức mạnh vô địch của thiên nhiên.

Hemingway là một đại văn hào của Mỹ, tác phẩm của ông được hàng triệu người trên thế giới đọc, khi ông chết đi, còn để lại nhiều tác phẩm chưa xuất bản, vì tác giả rất giàu không cần tiền, đó là theo lời diễn giả Shaffer.



— Bà Chalon, giáo sư trường đại học văn khoa Sài-gòn, tối 19-10 đã nói tại Trung tâm văn hóa Pháp về :

« *De Paris au cap Nord, vacances au soleil... de minuit* ».

Trong buổi nói chuyện, có chiếu một cuốn phim về phong cảnh, và hình màu.



— Hồi 8 giờ tối hôm 20-10, ông Lê-văn-Lắm đã nói lại câu lạc bộ báo chí về « *tương lai nền giáo dục mỹ thuật* ».

NHẠC

—Tối 1-9, tại Trung tâm Văn hóa Đức - quốc dưới sự điều khiển của Nhạc sĩ Otto Soellner, các nhạc sĩ Việt-Nam của trường Quốc gia Âm nhạc đã biểu diễn một chương trình hòa nhạc đặc biệt.

Với phần đệm dương cầm của Giáo sư Soellner, các bạn Phạm-nguyên-Hùng, đã độc tấu vĩ cầm, Nguyễn - Gia đại vĩ cầm, Nguyễn-văn-Thanh clarinette các bản « Sonate en Ré majeur » của Haendel « Sonate en Fa majeur » của Beethoven và « Concerto en Mi bémol Majeur » của Weber.

Bạn Phạm-nguyên-Hùng còn độc tấu vĩ cầm một khúc tấu khúc và một bản « Allégro en Mi mineur » của Pugnami-Kreisler.

Sau hết cô Như-Mai đã trình bày một bản Valse và một nhạc điệu Tây-ban-nha, cũng do Otto giữ phần phụ họa.



— Tại Trung tâm văn hóa Pháp, tối 20-9, Ông Maurice Michel Saussol đã giới thiệu nhạc phẩm của Hector Berlioz.

Ông nói đến những bản La

Symphonie fantastique, La fuite en Égypte, Tuba Mirum. Ông cũng nhắc đến cuộc sống, và cả đám taug của nhạc sĩ Berlioz.



— Tối 21-10 giáo sư Alain Lambert, giải nhất âm nhạc Viện Ba-Lê, đã đoạt nhiều giải thưởng ở Pháp, hiện đang dạy tại trường quốc gia âm nhạc Saigon, đã độc tấu đại vĩ cầm tại thính đường trường âm nhạc để lấy tiền giúp hội từ thiện.

Buổi độc tấu gồm có các tác phẩm của J. Rameau-Maréchal (Cortège d'Eglé). Schumann (Fantasiesticke) Gabriel Tauré (2^e Sonate en sol mineur) Maurice Ravel (Suite populaire Espagnole).



-- Tổ chức « Presidents Music Comittee People to People program » cho hay một cuộc thi quốc tế về dương cầm sẽ được tổ chức vào ngày 24-9-62 tại Port Worth thuộc tiểu bang Texas.

Cuộc thi lấy tên là « The Fort Worth Quadrennial International Piano Compétition » do các tổ chức sau đây bảo trợ :

— Nationnal Guild of Piano teachers.

— The Fort Worth Piano teachers.

— Forum Texas Christian University.

— The Fort Chamber of Commerce.

Các nhạc sĩ tuổi phải từ 17 đến 28, không phân biệt quốc tịch. Đơn nhận đến ngày 1-5-62.

Muốn biết thêm chi tiết, xin hỏi tại trường quốc gia âm nhạc.



—8 giờ 30 tối ngày 14-10, ông Đoàn-châu-Bảo, nhạc sinh lớp của bà Nguyễn-khắc-Cung đã độc tấu dương cầm tại phòng hòa tấu của trường quốc gia âm nhạc. Đây là lần đầu tiên một nhạc sinh biểu diễn dương cầm trước công chúng, kể từ ngày trường Quốc gia âm nhạc thành lập.

Ông Bảo đã trình bày những tác phẩm « Fantaisie chorati-que » của Bach « Sonate pathétique en Ut mineur » của Beethoven « L'étude de concert No 1 (Dans les bois) của Liszt, và sáu nhạc khúc của Chopin.



HỌA

— TRIỀN LAM HỌA-PHẨM TẠI HUẾ.— Chiều 24-10 đã khai mạc phòng Triển lãm hội họa của sinh viên cao đẳng mỹ thuật Huế.

Có chừng hơn sáu mươi họa phẩm sơn dầu, bột màu, vẽ trên lụa, với nhiều đề tài về phong cảnh, chân dung v.v...



Thứ năm 27-10 tại hội quán Pháp văn đồng minh đã khai mạc cuộc triển lãm họa phẩm của sinh viên của các trường mỹ thuật.

Có ba khu dành cho các trường Quốc gia cao đẳng mỹ thuật Huế, và trường trung học nghệ thuật trang trí Gia-dịnh.



— Hồi 6 giờ chiều 24-10, tại tòa Đô-chính Saigon đã khai mạc phòng triển lãm hội họa. Số lớn họa sĩ trong nước đã gửi tranh tham dự.



— Bốn thiếu nhi Việt - Nam đoạt giải thưởng hội họa quốc tế.

Bốn học sinh Việt-Nam đã chiếm được bốn giải thưởng hội họa dành cho thiếu nhi

trưng cuộc thi quốc tế « Shankor 1960 » tại Tân-đề-li (Ấn-Độ). Đó là các em Hồ-văn-Hiến, Đặng-minh-Du, Trịnh-văn-Phúc và Trần-văn-Minh, tuổi từ 9 đến 12.

Cuộc thi « Shankor » tổ chức hàng năm chỉ dành riêng cho học sinh dưới 15 tuổi trên thế giới. Năm nay ban tổ chức đã nhận được 70.000 bức tranh của khắp các nước gửi đến. Nhật Bản là nước chiếm nhiều giải thưởng nhất, với 34 giải

Người ta còn được biết thêm rằng tổ chức Shankor đã có gửi tặng Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam 300 bức tranh để giúp cho thiếu nhi Việt-Nam thêm kinh nghiệm dự cuộc thi năm 1961 của tổ chức Shankor.



HIỆN CÓ 1361 SINH VIÊN MỸ THUẬT.— Số sinh viên ngành mỹ thuật ngày càng tăng. Năm nay có 219 người theo học trường Mỹ nghệ trang trí Gia-định, 136 người ở trường Mỹ nghệ thực hành Biên-Hòa và 200 người ở trường Mỹ nghệ thực hành-Bình Dương.

Tại trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật có 179 sinh viên và

trường cao đẳng Mỹ thuật Huế 35

Cũng nên kể trường Quốc gia Âm nhạc và kịch nghệ có 535 học viên.



—Hồi 5g.30 ngày 18-9 đã khai mạc phòng Triển lãm tranh của Ngô-Kiện, họa sĩ Trung-Hoa, tốt nghiệp trường mỹ thuật Thượng-Hải.

Trước đây đã lâu ông có tổ chức triển lãm tranh của ông tại Hà-Nội, Hải-Phòng, và hồi 1956 tại trụ sở Pháp văn đồng minh hội.

Ông du lịch nhiều, nên đề tài của ông phần nhiều là những cảnh thiên nhiên. Lần này, ông trưng bày khoảng 135 bức, vẽ hoa lá, tĩnh vật, phong cảnh, thú vật v.v...



—Họa sĩ Trần-đình-Thụy đã trưng bày 30 tác phẩm tại trụ sở hội Việt-Mỹ đường Phùng-khắc-Khoan.

Số lớn tranh vẽ theo lối Thủy thái và một ít vẽ bằng phấn tiên, vài bức sơn dầu. Trước đây, Trần-đình-Thụy đã từng mở nhiều cuộc triển lãm tác

phẩm của ông ở Sài Gòn, Huế Nam-vang.

★

— Văn-Nên, một họa sĩ trẻ tuổi đã trưng bày gần một trăm tác phẩm, là công trình làm việc trong mấy năm của ông, tại phòng Thông Tin, từ hôm 4-9.

Hầu hết là tranh sơn dầu với những đề tài phong cảnh, người, linh vật. Số lớn tranh, tác giả mô tả những cảnh đau khổ những hạng người bần hàn trong xã hội, nét vẽ và màu sắc khắc khổ, không làm đẹp mắt, song cũng gây được sự rung động trong lòng người xem.

★

— Từ 30-9 đến 8-10 có cuộc triển lãm tác phẩm của họa sĩ Văn-Đen.

Văn-Đen nguyên tốt nghiệp trường mỹ thuật Ba-lê, ông đã từng trình bày tranh tại Pháp, và rất nhiều lần ở trong nước. Ông đã đoạt huy chương vàng trong cuộc triển lãm hội họa mùa Xuân 1960 và tham dự trong Hội đồng giám khảo Hội Họa mùa Xuân Tân Sửu, trong Ủy ban tuyển lựa tranh Triển lãm lưỡng niên Hội họa ở Pháp.

Kỳ này Văn - Đen đem ra

trình diện với công chúng 80 bức sơn dầu, vẽ về phong cảnh, chân dung, linh vật... Tài nghệ già dặn của ông đã gây được nhiều thiện cảm với người xem tranh. và đem lại cho ông một kết quả tốt đẹp về tiền bán tranh.

★

— *TRIỂN LÃM NGHỆ THUẬT VIỆT - NAM TẠI HOA - KỲ.*— Cuộc triển lãm nghệ thuật và đồ cổ Việt-nam trong mùa hạ, tại viện Bảo tàng thành phố Saint-Louis thuộc tiểu bang Missouri Hoa-kỳ đã thu hút người đến xem đông vô kể.

Các sản phẩm mỹ thuật và đồ tích trưng bày tại đây là một phần của một số rất lớn các sản phẩm Việt - Nam gửi tới Hoa-Kỳ.

Ngày Quốc-Khánh 26-10-60, cuộc triển lãm này đã được tổ chức tại viện Smithsoniani tại Hoa-thịnh-đốn.

Sau cuộc Triển lãm tại Hoa-thịnh-Đốn, các sản phẩm mỹ thuật được chia ra làm hai phần : một lưu động qua các trung tâm đại học mỹ thuật ; phần khác đem trưng bày trong các Bảo tàng Viện của các thành phố lớn, như Baltimore

Philadelphia, Cleveland, Saint Louis, Portland.

Ông Merrill Rueppel phó giám đốc viện Bảo tàng Saint-Louis đã tuyên bố rằng cuộc triển lãm mỹ thuật và đồ cổ Việt - Nam được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt, và nó đã tiêu biểu cho một gạch nối liên quan trọng giữa Đông và Tây.



TRIỂN LÃM NHIẾP ẢNH QUỐC TẾ LẦN THỨ II. — Để kỷ niệm ngày Quốc Khánh 26-10-61, Văn Hóa Vụ đã tổ chức cuộc triển lãm nhiếp ảnh quốc tế lần thứ hai.

Năm nay có 598 nhiếp ảnh gia của 37 nước bạn gửi 2110 tác phẩm tới dự :

Argentine, Australie, Autriche, Belgique, Brésil, Cambodge, Canada, Chili, Chine Nat, Danemark, Angleterre, Espagne, Finlande, France, Allemagne Ouest, Grèce, Hollande, Hongkong, Inde, Italie, Japan, Corée Sud, Laos, Macao, Malaisie, Norvège, Nouvelles Hébrides, Phillipine, Portugual, Sarawath, Suisse, Suède, Afrique du Sud, Thailand, U.S.A. Việt-Nam.

Một Hội đồng gồm toàn nhiếp

ảnh gia quốc tế sau nhiều kỳ đã chọn lựa được 255 tác phẩm để trình bày, và quyết định tặng những giải thưởng sau đây :

Huy chương vàng :

Ảnh số 951, nhan đề « RAINY DAY » của K.C., CHEW, Hongkong

Huy chương bạc :

Ảnh số 1435, nhan đề « LA MERE », của GILLES BOINET, France ;

Ảnh số 1773, nhan đề « HUNG UP TO DRY » của MARK KAR WENG, Thailand, Germany

Huy chương đồng :

Ảnh số 188, nhan đề « RA KHOI » của NGUYỄN - VĂN - THÔNG, Việt-Nam

Ảnh số 1372, nhan đề « ARRIVAGE DU COTON » của JACKY MICHAUD, France

Ảnh số 446, nhan đề « BO PEEF » của ANN MRIE GRIPMAN, Sweden

Ảnh số 1246, nhan đề « TRISTE CAGE » của R. MANARD, France

Ảnh số 336, nhan đề « MARINA » của SPINA LIUGI, Italie

Ảnh số 49, nhan đề « MARIA, MODERN ARTIST » của MATTI. A.PITKANEN, Finland

Ảnh số 1354, nhan đề « ETUDE » của Claude DAY, France

Tưởng lệ danh dự :

— « At the evening of life », W. LUTHY, E.F.I.A.P. (Suisse)

— « Avocet », RUDOLF HERBERT BERGER (Austria)

— « Fish-up » HUI FOOK MING (Hong-Kong)

— « Fleur de printemps », VITTORIO RONCONI, A.F.I.A.P. (Italia)

— « H-urra », VICTOR SKIFFA, A.F.I.A.P., H on Focus (U.S.A)

— « Hafen romantik », LEOPOLD FISCHER, E.F.I.A.P., F.N.S.P.F. (Austria)

— « Modernistic » WELLINGTON LEE, F.P.S.A. (U.S.A.)

— « Maché a dakar », JACKY MICHAUD, E.F.I.A.P. (France)

— « Masque », GILLES BOINET, E.F.I.A.P. (France)

— « Nỗ lực », NGUYỄN VĂN CHIÊM (Việt-nam)

— « One more blow », PELLE PETE SWENSSON (Canada)

— « Portrait study », T. MIDLETON, F.R.P.S. (England)

— « Présence » DE CONINCK MARCEL (Belgium)

— « Presseschau », EDMUND FRINS (Germany)

— « Portrait », ECKART SCHUSTER (Autria)

— « Quạt nồng » TRẦN CAO LĨNH, A.R.P.S (Việt-nam)

— « Still life », K.F. WONG, F.R.P.S., F.I.B.P., E.F.I.A.P. (Sarawak)

— « The Artist », LOKE LOH HONG, A.R.P.S. (Malaya)

— « The Route », Dr. RAIMO GAREIS (Germany)

— « The lone rickshaw », HO CHUNG HEI, F.R.P.S., F.C.P.A (Hong-kong)

★

— *NHIẾP ẢNH GIA PHẠM VĂN-MÙI ĐOẠT CÙNG LÚC 2 GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ CAO NHẤT Ở HỒNG-KONG*— Ngày 22-10-1961, Hội Đồng Giám Khảo Triển Lãm Quốc Tế Nghệ Thuật Nhiếp Ảnh lần thứ 16 tại Hong-Kong đã tuyển lựa xong số ảnh đen trắng và đã ấn định tặng giải thưởng gồm có Tượng (Trophies) và huy chương (Medals) cho những tác phẩm giá trị nhất.

Trong cuộc so tài quốc tế này, Việt-Nam đã đoạt một lúc 2 tượng đồng (Bronze trophies)

nhờ 2 tác phẩm đặc sắc : « Suối Tóc » và « Nát Óc » đều của nhiếp ảnh gia Phạm-văn-Mùi, một nghệ sĩ lên tuổi quen thuộc của giới Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật Thủ Đô Saigon.

Một lần nữa, Việt-Nam lại nêu cao màu cờ xừ sở trong phạm vi nghệ thuật trên trường quốc tế, đem lại vinh dự chung cho bộ môn Nhiếp Ảnh và phần thưởng riêng cho nhiếp ảnh gia Phạm-văn-Mùi trong một trường hợp hãn hữu : một người đoạt luôn 2 giải thưởng quan trọng một cuộc triển lãm Nhiếp Ảnh Quốc Tế.



THI NHIẾP ẢNH. — Hiệp hội du lịch Thái-bình-Dương có tổ chức cuộc thi nhiếp ảnh du lịch với đề tài :

— Đề cao tinh thần của vùng Thái-bình-Dương.

Khuyến khích du khách viếng vùng Thái-bình-Dương.

— Góp phần vào việc tìm hiểu vùng Thái-bình-Dương.

— Góp phần vào hòa bình thịnh vượng và thông cảm của các dân tộc trong vùng Thái-bình-Dương.

Có ba giải thưởng : 300, 150 và 50 Mỹ kim.

Ảnh cỡ 18x24, gửi đến 153 Kearny Street San Francisco 8 California U.S.A, hoặc 3 đường Tự-Do Sài-gòn, trước ngày 30-11-61.



« ĐÔI MẮT NGƯỜI XƯA » LÊN MÀN ẢNH. — Không phải « Đò dọc » của Bình - nguyên - Lộc được quay thành phim, nhưng sự thực thì « Đôi mắt người xưa » đã được hãng « Liem film » điều đình với tác giả là Ngọc Linh để đưa lên màn ảnh.

« Đôi mắt người xưa » tác phẩm đầu tay của Ngọc Linh là một thiên tiểu thuyết tả cảnh éo le của xã hội chứa đựng nhiều tình tiết nên được quay thành phim hẳn sẽ được sự hoan nghênh của khán giả cũng như độc giả.

NGOÀI NƯỚC

VĂN HẢO NAM-TU (YOUGOSLAVIE) IVO ANDRITCH VỪA ĐƯỢC TẶNG GIẢI VĂN CHƯƠNG NOBEL 1961. — Ông sinh ở Bosnie năm 1892 và lớn lên ở Sarejevo, ở Zagreb. Ông là tác giả những cuốn « Le pont sur la Driva », « Les Consuls » v.v... ông đã từng làm đại sứ Nam-Tur ở Bá Linh.

Giải văn chương Nobel năm nay được 250.231 couronnes, ông Andritch là người Nam-Tur đầu tiên đoạt giải văn chương Nobel.

Cũng nên biết thêm giải Nobel năm nay về vật lý học chia đồng đều cho giáo sư Robert Hofstadier thuộc đại học đường Standford (Californie) và giáo sư Rodolf Moessbauer ở Munich (Đức).

Giải thưởng này trị giá 250.232 couronnes, chừng 250.000 phật lạng mới.

Giải thưởng Nobel hóa học, Hàn Lâm viện khoa học Thụy Điển tặng cho giáo sư người Mỹ Calvin tại đại học đường Californie.

CỨU VĂN NHỮNG NGÔI ĐỀN TỐI CỠ AI-CẬP SẮP BỊ XỤP ĐỒ. — Trước đây hơn 4 ngàn năm, vua Ramsès II có xây một đền thờ Abon Simbel ở miền Thượng Ai-Cập, giáp giới Ai-Cập—Soudan. Nhà vua không những có ý định khi xây đền thờ ấy tỏ ra sự lâu dài của triều đại Ramsès mà còn tỏ rõ một nền văn minh cực thịnh. Những ngôi đền thờ này ở dưới hầm đất, chống đỡ bởi mười pho tượng đá khổng lồ, ăn sâu xuống hốc núi, hiện đang ở trong tình trạng sụp đổ.

Ai-Cập là hội Viên của Liên-Hiệp-Quốc. Người ta đã đưa vấn đề cứu vãn những di tích lịch sử cổ đại quý giá này ra để Liên-Hiệp-Quốc bỏ tiền giúp đỡ tránh cho khỏi bị phá hủy những ngôi đền Ramsès.

Những nhà chuyên môn cho rằng phải nâng cao những ngôi đền lên 60 thước bằng những khối bê tông, nếu không thì trong một thời gian sẽ bị nước sông Nil làm tràn ngập.

Các nhà khảo cổ học, các nhà ngoại giao sẽ còn vấp phải nhiều khó khăn trong công việc cứu vãn những ngôi đền tối cỡ Ai-Cập hòng làm tồn tại những

di tích của một nền văn minh Đông-Phương.



ĐOÀN KỊCH CỔ TRUNG-HOA TRÊN ĐẤT MỸ. Hiệp hội kịch nghệ Trung-Hoa tại thành phố Nữu-Ước sẽ khai mạc trình diễn vào cuối tháng chín này.

Đây là mùa trình diễn thứ tư của Hiệp hội kịch nghệ Trung-Hoa. Sau khi trình diễn ở Nữu-Ước, đoàn sẽ đi lưu động ở nhiều đô thị lớn nước Mỹ.

Có tới 100 người gồm giáo sư thương gia sinh viên Trung-Hoa gia nhập đoàn kịch nghệ này. Đoàn sẽ trình diễn những vở cổ điển và hát bằng tiếng quan thoại. Trong số hơn 20 nam nữ diễn viên, chừng một nửa đã được huấn luyện ở Đài-Bắc, còn những người khác thì được huấn luyện lại ở Hoa-Kỳ. Một điều đặc biệt là không ai nhận tiền lương, tiền thu được dùng để mua thêm quần áo, dụng cụ chuyên chở, thuê hý viện. Đoàn nhằm mục đích giới thiệu nghệ thuật cổ điển sân khấu với khán giả Mỹ và Tây-Phương.



DỰNG MỘT NGÔI CHÙA ĐỒ SỘ Ở CỰU-KIM-SON. Đề phồ biến văn hóa Đông-phương,

một ngôi chùa Phật giáo Thế giới dựng trên đất Cựu-kim-Son, khởi công từ 9 năm nay, đã sắp hoàn thành công cuộc xây cất do 300 tín đồ hội viên của nhà chùa, mà nhân vật lãnh đạo là bác sĩ Paul Fund đảm nhiệm, với sự giúp đỡ của các bạn, và hàng xóm họ trong những giờ rảnh rỗi riêng.

Phần lớn hội viên là người Trung-Hoa. Ngôi chùa được dựng lên trên thửa đất đầy di tích của thành phố Cựu-kim-Son. Tất cả hội viên đều dành 5% tiền lợi tức, và 40 giờ làm việc mỗi tháng vào công cuộc xây cất chùa. Họ cũng được sự giúp đỡ của dân chúng Cựu-kim-Son, thuộc các tín ngưỡng, các ngành hoạt động văn hóa.



HỌA SĨ PHỐI HỢP VĂN SĨ.—Viện Bảo Tàng mỹ thuật Boston với sự hợp tác của Đại học đường Haward vừa trưng bày 320 cuốn sách đẹp và quý xuất bản trong vòng một thế kỷ, từ 1860 đến 1960. Đó là những tác phẩm văn chương, bản đặc biệt của những đại văn hào, do các danh họa của thời đại minh họa. Người ta thấy có những tên Manet, Braque, Redon, Segonzac, Corot, Picasos,

Ronault v. v... Người ta được thưởng thức như xem những cổ vật quý giá, tác phẩm của Beaudelaire, trong có nét vẽ của Manet, tác phẩm *La fille Elsa* của Goncourt do Lautrec minh họa.

Ở đây, sự phối hợp giữa họa sĩ và văn sĩ đã tạo nên những tác phẩm mỹ thuật vô cùng quý giá, và ở đây người ta thấy có sự nâng cao giá trị lẫn nhau của người viết và người vẽ.



NHẠC SĨ STRAVINSKY TRÌNH DIỄN TẠI BA-LAN.—

Nhạc sư nổi danh thế giới Stravinsky sẽ cùng với một đoàn ca nhạc sang thủ đô Ba-Lan Varsovie. Hai buổi đầu, nhạc sĩ Stravinsky sẽ điều khiển hai bản ca kịch « Persophonon » và « Oedipus Rex »; còn hai buổi sau sẽ là bản « The Ballad of Baby Dee » của Douglas Moore.



**TRIỂN LÃM NHẠC KHÍ
NĂM CHÂU.**— Liên đoàn các giàn nhạc đại hòa tấu Hoa-kỳ sắp thiết lập tại quận Fairfaxe, cách Hoa-thịnh-đốn 32 cây số, một trung tâm âm nhạc quốc tế cho 1.200 giàn nhạc.

Trung tâm sẽ mệnh danh là « Symphony Hill » (Đồi hòa tấu), gồm một khách sạn, một tòa nhà rộng lớn, một hội trường, một văn phòng quản trị và sẽ được xây cất trên một vùng đất có vườn và rừng cây,



TRIỂN LÃM NHẠC KHÍ.— Tại Viện bảo tàng nghệ thuật Nữu-ước, một cuộc Triển lãm lớn nhất từ trước đến giờ về những nhạc khí và nhạc cụ trên thế giới qua các thời đại vừa được khai mạc, và mệnh danh là cuộc triển lãm « Nhạc khí Ngũ Đại Châu ».

Người ta được thấy đủ cả nền âm nhạc Á-châu, Âu-châu, Bắc-Nam-Mỹ và Phi-châu từ thượng cổ đến thế kỷ 19.

Có gần 1500 nhạc khí được trưng bày từ những chiếc thụ cầm (harpe) Ai-cập thời thượng cổ, đến những chiếc đàn Hirpichord mạ vàng lá hoặc nhạc khí có hàng phím như dương cầm, thường được dùng từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18, và những cây vĩ cầm Stradivins.

Những nhạc khí Á - châu mang hình thú vật. Điều làm người ta ngạc nhiên, là nhiều nhạc khí Phi - châu làm bằng

sừng thú và sọ người. Một chiếc kèn làm bằng đất sét ở Pérou thuộc thời đại trước khi người Tây-ban-nha tới, mang hình một con lợn soán lại nhiều vòng.

★

ĂN TRỘM HỌA PHẨM CỦA GOYA ĐỀ DỪNG VÀO TỔ CHỨC CHỐNG VŨ KHÍ NGUYÊN TỬ.—Bức chân dung quận công Wellington do họa sĩ danh tiếng Goya vẽ, trước đây mấy tháng đem bán đấu giá ở Luân-Đôn. Một cự phú người Mỹ mua được với giá 140.000 bảng Anh, tức 392.000 Mỹ kim. Sau đó, ông ta lại bán cho Viện bảo tàng quốc gia cũng với giá ấy. Bức họa, không hiểu sao bị kẻ lạ mặt lấy trộm. Tên này, một hôm đã gọi điện thoại đến Viện Bảo tàng đòi một giá tiền chuộc cũng đúng là 140.000 bảng Anh.

Nhưng sau cùng, y lại gọi điện thoại đến một hãng Thông Tin bằng lòng hạ giá xuống 50.000 bảng Anh, vào khoảng 6 triệu đồng bạc Việt-Nam. Kẻ ăn trộm vô danh còn nói thêm, món tiền đó, y muốn người thay mặt y cúng vào Tổ chức chống vũ khí nguyên tử.

★

MỘT BỨC HỌA CỦA DEGAS 3.250.000 ĐỒNG.— Một bức họa của Degas : « Ba anh dô-kê » thực hiện năm 1889 bằng phấn màu, trong một cuộc bán đấu giá hồi tháng trước ở Nữu-Ước đã bán được với giá 3.250.000 đồng bạc. Bức tranh ấy hồi 1942, có người đã mua vào khoảng giá 1.120.000 đồng, rồi lại lọt vào tay bà Edward Robinson vợ một kịch sĩ trứ danh. Ở cuộc bán đấu giá này, bà Robinson còn bán đi một tác phẩm của họa sĩ Modigliani « Đứa trẻ mặc áo xanh » trước kia của Sacha Guitry, với giá 570.000 đồng.

★

— Văn hào S. Maugham vừa cho báo giới hay, ngoài một số di tặng, ông định dành hết cả tài sản của ông cho hội các tác giả. Ông nói : « Tôi muốn giúp ích cho các tác giả túng thiếu và tránh cho họ phải nghĩ đến chuyện cơm áo nhiều quá. »

Thật là một lời tuyên bố bằng vàng.

★

ĐÀO THẤY BỐN LÀNG CỎ Ở JORDANIE.— Người ta thấy bốn làng cỏ 6790 năm trước Thiên chúa giáng sinh ở gần

Pétra, cách phía nam Amman thuộc Jordanie.

Theo viện khảo cổ Anh thì các làng đó ở vào thời đại tân thạch khí, trước khi có đồ gốm.

Di tích những làng này còn thấy những cái sân bằng đất nện, dường như để nuôi gia súc, ngoài ra còn có nhiều dụng cụ bằng đá và xương loài vật.



NHỮNG SỰ THỰC KHÔNG ĐẸP ĐÃ XẢY RA TRONG CÁC GIẢI VĂN CHƯƠNG GONCOURT. — Giải thưởng văn chương Goncourt năm nay đã xảy ra một việc làm xôn xao dư luận không ít. Nhà văn được tặng giải thưởng Vintila Horia đã khước từ không nhận giải thưởng. Vì có một vài tờ báo nêu một vấn đề ông ta nguyên là đảng viên Đức quốc xã hồi thể chiến thứ hai, khi ông ta còn ở quê hương Lỗ-ma-ni. Muốn dập tắt dư luận, ông đã viết thư cho các ông Hàn Goncourt cho biết là không nhận giải thưởng nữa. Tuy nhiên cuốn *Dieu est né en exil* của ông cũng vẫn được độc giả tìm mua, cũng như trường hợp văn hào Pasternak với cuốn « *Docteur Jivago* » được giải thưởng Nobel vậy.

Đây chẳng phải là lần thứ nhất, đã xảy ra những rắc rối về giải văn chương Goncourt. Từ 1903 cho đến nay, đã xảy ra nhiều chuyện không đẹp dẽ lắm cho giải Goncourt.

Năm 1903, giải Goncourt đầu tiên, nhà văn Mirbeau ủng hộ Louis Philippe chống với Descaves. Hội đồng đã họp lần sơ khảo. Tờ báo « Gil Blas » công kích kịch liệt và trưng cầu ý kiến độc giả.

Louis Philippe được rất nhiều phiếu. Song kết quả Antoine Nau lại đoạt giải thưởng.

1910 — Octave Mirbeau lại đứng ra ủng hộ cuốn *Maria Claire* của M. Andoux không đoạt giải thì ông từ chức. Nhưng Louis Pergaud lại là người đại thắng. Mirbeau quên lời tuyên bố trên, không từ chức.

1923 — Một cuộc chiến sôi nổi gây ra giữa hai nhà văn Béraud và Billy. Billy chống với giải văn chương Goncourt mà ông cho rằng đó chỉ là « công việc chế tạo một cách máy móc sự vinh quang » và « phát triển sự buồn bán vụ lợi ».

1932. — Lucien Descaves đến

hộp, rồi bỏ phòng đi ra, vì ban Hội đồng đã không tặng giải cho Céline với cuốn « *Voyage autour de ma chambre* » do ông bênh vực. Cuốn « *Les loups* » của Guy Mazeline đoạt giải.

Trả lời một câu phỏng vấn, Descaves tuyên bố : « Không bao giờ tôi bước chân vào viện Hàn lâm này, đó chỉ là một cái chợ ».

1940.— Là năm đại chiến thứ hai xảy ra. Bốn ông Hàn ở trong vùng địch chiếm, năm ông chạy ra nước ngoài, vì thế không có giải thưởng.

1957.— Hội đồng tặng giải thưởng cho Jean Louis Curtis. Trong khi ấy Guitoy và Benjamin lại bỏ phiếu cho cuốn *Salut au Kentucky* của Kléber Haedens do nhà Laffont xuất bản. Ngoài bìa cuốn sách của Haedens, nhà xuất bản cũng cứ in dòng chữ : « Giải thưởng Goncourt như thường lệ. Các ông Hàn định đem việc này ra Hội đồng Quốc gia, hay tòa án. Hai ông Guitry và Benjamin không chịu ra tòa để trả lời về việc này.

1948—Vụ kiện nói trên được đưa ra xử tại tòa án trong phiên ngày 31-1 và 7-4. Ông Hàn

Sacha Guitry và nhà xuất bản Laffont bị phạt bồi thường thiệt hại cho «Hội văn Goncourt» một trăm ngàn quan, còn Benjamin được vô can.

1951 — Julien Gracq giáo sư sử địa, tác giả cuốn *Le rivage des Syrtes*, không gửi tác phẩm của ông đến Hội đồng giám khảo Goncourt, mà chỉ gửi đến cho ông Hàn Billy, bởi lẽ ông này là nhà phê bình văn chương chuyên môn. Billy nhờ nhà xuất bản gửi tác phẩm của Gracq đến cho các ông Hàn khác. Có nhiều ý kiến xung đột giữa các ông Hàn về việc phát giải thưởng. Gracq từ chối giải Goncourt, nhưng ông ta cũng không hoàn lại tám ngàn phiếu 5 ngàn quan là giá trị tiền thưởng, đồng thời ông viết một bài văn chế nhạo các giải thưởng văn chương với nhan đề « Văn chương cho dạ dày ».

Ông ta cũng không phản đối khi một nhà xuất bản ở Monaco in sách của ông, có đề ngoài bìa dòng chữ « Giải Goncourt ». Còn bản in ở Pháp, thì nhiều hiệu sách, vì muốn bán được sách, tự ý dán ngoài cuốn sách một băng giấy : « Giải Goncourt 1951 ».

1954—Nữ sĩ Simone de Beauvoir là người đoạt giải Goncourt. Bà lánh xa vùng quê lân cận Ba Lê, không đến dự tiệc với các ông Hàn hòm phát giải thưởng, không đến nhà xuất bản Gallimard để ký tên vào

tác phẩm cho các độc giả hiệu kỳ, và cũng không bao giờ đến nhận tấm ngân phiếu của Viện Hàn Lâm tặng.

Và cuối cùng là vụ Vintila Horria như các bạn đã biết ở trên.

HÀM ANH

TÀI LIỆU

NGHỀ GIÁN DIỆP HIỆN TẠI.— Hồi tháng 6 năm ngoái, một cơ sở gián điệp của Hoa Kỳ tại Hắc Lâm (Forêt Noire) bị bại lộ. Người ta khám phá được một mô hình khổng lồ trình bày đất đai Liên-xô. Nhìn vào mô hình, người ta thấy rõ ràng từng chi tiết y như nhìn trên màn bạc. Mô hình đó là kết quả tinh vi của những máy ra đa nhỏ xíu, những bản đồ ra đa, phi cơ trang bị ra đa tự tìm đường đến đất địch để quay phim.

Tất cả các vị chỉ huy cơ quan gián điệp quốc tế đều mơ ước có được một mô hình về các nước liên hệ giống như mô hình đó. Thế mà không một điệp viên nào được sử dụng vào công việc nói trên. Hoa-Kỳ đã dùng « mắt thần U 2 » loại phi cơ thám thính rất cao độ thường xuyên bay lượn trên đất Liên-xô. Từ trên 20 000 mét, máy quay phim viễn vọng được sắp xếp để thu vào ống kính từng mảnh một cho đến khi hoàn thành được bản đồ toàn diện đó. Tinh vi hơn nữa, ngày đêm còn có cả một hệ thống thám thính điện tử quốc tế hoạt động để kiểm soát tình phóng xạ và kiểm soát thượng tầng không gian, đến nỗi có thể nói được rằng không một ai « cử động » mà không bị bại lộ, không một vụ nổ bom nguyên tử, một vụ thí nghiệm hỏa tiễn nào trong vũ trụ mà qua mắt được Nga-sô hoặc Hoa-Kỳ.

Ở cái thời đại địa chấn kỷ tối tàn với các máy ra đa tinh vi phi cơ thám thính tối cao độ, còn cần đòi hỏi gì đến cơ quan gián

diệp công kênh và dây nguy hiểm nữa ? Có một người xem ra đã tán đồng ý kiến đó ; vừa được bổ nhiệm chỉ huy trưởng cơ quan gián điệp Hoa-Kỳ, tướng Bedell Smith trong buổi lễ tựu chức đã tuyên bố : « Chỉ có một điều đáng chúng ta quan tâm là biết được ngày giờ và địa điểm Nga-sô sẽ tấn công, ngoài ra, tất cả các vấn đề khác đều là thứ yếu ». Lời tuyên bố này đã làm cho tất cả các vị chánh sở tình báo phải mỉm cười, họ cho rằng hoặc là tướng Bedell Smith đưa ra một câu hóm hỉnh để thỏa mãn các câu chất vấn của các ký giả, hoặc ông ta là một thằng ngốc ». Đối với họ, địa hạt tình báo không có giới hạn. Biết được việc bố trí, giá trị trang bị quân sự của mỗi nước là cả một công việc vĩ đại. Lại còn phải biết được đường lối chính trị chung tất cả các nước để tiên đoán sự tiến triển. Muốn đạt kết quả, tất nhiên phải khảo sát tỉ mỉ thái độ, kế hoạch, dự án không những mỗi Bộ, mỗi đảng mà cả đến thái độ, kế hoạch, dự án của mỗi nhân vật.

Trong thời đại này chính trị không thể tách rời kinh tế, quân sự phải đi đôi với kỹ nghệ. Cơ quan tình báo phải biết được bảng thống kê chính xác nền kinh tế của tất cả các nước, theo sát trình độ kỹ thuật của mọi ngành kỹ nghệ. Do đó không phải chỉ hạn chế trong việc tìm hiểu cơ cấu chế tạo bom nguyên tử hoặc khí giới tối tân, mà còn phải theo dõi cả chương trình kỹ nghệ công cụ và máy điện tử của các nước nữa.

Theo mức độ đó, cơ quan gián điệp phải phát triển vô hạn định. Nó phải bám sát từng thành phố, từng xí nghiệp quan trọng, từng tổ chức chính trị, từng nghiệp đoàn. Phải thấu suốt dự án, kế hoạch của các thương cuộc kỹ nghệ, các cuộc thảo luận của các quốc gia, đời tư của tất cả nhân vật quan trọng. Nếu đạt được mức đó, cơ quan gián điệp quả là một lực lượng kinh khủng, giúp cho chính phủ quyết định được đường hướng chính trị, thiết lập được kế hoạch kinh tế hoặc quân sự dài hạn.

TÌNH BÁO : NGHỀ THIẾT YẾU

KHÔNG thể khoán trắng công tác này cho các sứ quán được. Có rất nhiều tin tức không thể phổ biến công khai, nhà đại

diện chính thức không thể trực tiếp tiếp xúc với mọi người, đó là vấn đề an ninh sơ đẳng. Ngoài ra, ngay trong việc tiếp xúc, có một số người xem ra chưa thiết dụng cấp thời, nhưng đến một ngày kia, trong thời chiến, thời cách mạng, khủng hoảng, họ sẽ trở thành những người thiết yếu. Nghề gián điệp là phải biết tiện liệu, dự phòng các phương tiện để làm áp lực, thông tin mà sứ quán không thể đảm nhiệm được. Chuyên môn của nghề tình báo là thu lượm ngàn vạn chi tiết, sự góp nhặt, chọn lọc, tổng hợp sẽ đưa ra một phản ảnh xác thực về mọi vấn đề mà chính phủ hoặc bộ tham mưu cần phải có để giải quyết. Công việc phải làm, hằng năm mới xem ra tưởng vô ích, nhưng đến một ngày nào đó, nó sẽ trở thành thiết yếu.

Trong khắp vũ trụ, những hệ thống, cơ sở gián điệp âm thầm hoạt động ngày đêm không ngừng. Thỉnh thoảng xảy ra một cuộc bắt bớ, một vụ bội phản như một đốm sáng loé lên chốc thúng trong chốc lát màn tối dày đặc, tố cáo sự hoạt động của họ. Nhưng rồi tức khắc hồ sơ xếp lại, tên tuổi bị lãng quên cơ sở tái lập, đời sống bí mật lại tiếp tục.

Những người bằng lòng nói thường là những người vì lý do này hoặc lý do khác để giải nghệ trở về đời sống bình thường. Ngoại trừ trường hợp rất đặc biệt có một người vẫn đang hoạt động lại bằng lòng tiết lộ cho chúng tôi biết về công việc của ông ta. Tuy nhiên trong khi tường thuật lại chúng tôi hết sức thận trọng để khỏi tiết lộ tổng tích danh tánh và chức vụ của nhân vật đó.

MỘT ĐIỆP VIÊN TIẾT LỘ TÂM SỰ

LÀM thế nào để được trở thành nhân viên của cơ quan vụ? Theo trường hợp mật của người này, ta tạm gọi là ông « X » chứng tỏ rằng trong nhiều trường hợp, hoàn cảnh đã lựa chọn giúp. Hồi năm 1939, Đức xua quân xâm lấn Tây Âu, mặc dầu học hành còn dang dở X phải bỏ học để gia nhập hệ thống tình báo của Đồng minh và trở thành nhân viên chỉ huy. Năm 1943 cơ sở bị tan rã, X phải tổ chức lại từ đầu. Bấy giờ X có ý định lợi dụng ngay số nhân công ngoại quốc của Đức tuyển mộ

đề làm điệp viên tung sang đất địch, chỉ cần chọn lựa thật kỹ và sắp đặt những phương tiện liên lạc thật chu đáo. Cuối năm 1944, Pháp và Bỉ được giải phóng, bộ chỉ huy Đồng minh thiếu tin tức và tình hình trên đất địch, X vẫn tiếp tục cộng tác với cơ sở mật vụ. Mãi đến năm 1945, X mới phải quyết định : cấp chỉ huy mời X tới khen ngợi về công việc và đề nghị X dứt khoát gia nhập tổ chức với nhiệm vụ chính yếu là lập tất cả hồ sơ tin tức về một trong các nước Đông Âu.

X phản đối vì chưa hề đặt chân lên đất đó. Thượng cấp trả lời rằng điều đó không cần, vì thiếu nhân viên và thượng cấp chỉ tin nhiệm có X thôi... Điệp viên cũng có đời sống riêng tư, trước khi nhận lời X còn phải về thảo luận với vợ con. Hai vợ chồng X đồng nhận chân rằng X không thể tiếp tục việc học vấn bỏ dang dở đã quá lâu, X cũng không thích đời sống quân đội, lại thiếu khả năng kỹ thuật chuyên môn, tóm tắt là tương lai sự nghiệp không lấy gì làm sáng sủa. Vả lại công tác được giao phó có phần hứng thú, hơn nữa chỉ phải tổ chức những việc xa xôi lâu dài... X nhận lời. Thế rồi một buổi sáng tháng 5 năm 1945 X đơn thương độc mã đặt bàn giấy, không một chỉ thị đặc biệt gì cả.

« Để khởi sự, X kể lại, tôi phải hiểu biết tổng quát về đất nước mà tôi sẽ hoạt động. Tôi lùng kiếm tập chỉ dẫn, tra cứu những bài báo mới nhất liên quan tới nước đó. Không cần chuyên môn lắm, tôi cũng khám phá được một trong các nguyên tắc căn bản của nghề tình báo là : phần lớn của công tác phải thực hiện từ những tin tức được công bố. Thật không thể lường được tổng số tài liệu công khai có thể giúp ta tìm hiểu về một vấn đề và về một nước, miễn là biết sưu tầm và xử dụng một cách khoa học những công việc của tôi không phải chỉ có thể thôi. Tôi phải tổ chức một hệ thống gián điệp trong nước này, mà tôi không có một ai quen biết. Chỉ còn đường lối duy nhất có thể được là tiếp xúc với các công nhân mà người Đức đã tuyền mộ để đẩy sang miền Rhur hoặc các nơi khác và họ đang chờ đợi được hồi hương về các trại tập trung rải rác khắp miền Westphalie, Bavière hay hên Áo quốc. Tôi chuẩn bị hành lý đến

gặp họ với tư cách nhân viên Pháp quốc phụ trách việc hồi hương. Nhưng phải chọn ai bây giờ ?

Buổi tiếp xúc đầu tiên giúp tôi ý kiến rất nhiều, quá sức tưởng tượng. Có những người không muốn hồi hương, thích ở lại vùng Tây Âu. Trong số này có thể thuyết phục được một vài người cho họ biết rằng trở về sẽ giúp ích hơn là ở lại, miễn là liên lạc mật thiết với tôi. Một số khác lại nóng lòng sốt ruột chờ ngày hồi hương. Nhưng theo dư luận, tính tình và phản ứng của họ tôi có thể tiên đoán có một số người sẽ nhận giúp tôi trong tương lai với điều kiện đừng ép buộc họ quá đáng, phải hành động từ từ kiên nhẫn và nếu cần phải tỏ ra đại lượng. Cuối cùng tôi quyết định rằng những người chắc chắn nhất sau khi, hồi hương chỉ việc bảo cho tôi biết địa chỉ và công việc của họ qua trung gian những người bạn ở lại nước Đức, một thỏa thuận đơn giản sẽ giúp cho việc liên lạc bằng thư từ được dễ dàng vô hại và không bị theo dõi : tôi chỉ đòi hỏi họ gửi cho 2-3 tấm bưu ảnh với những câu chúc : « kỷ niệm tốt đẹp » rất là khách sáo. Công việc thứ hai của họ là sẽ tiếp xúc thường xuyên với những người đồng hương xem ra có thể dùng được, nhưng tôi chưa dám kết nạp vội. Sau hết những người khá hơn đã vui lòng tri hoãn việc hồi hương càng lâu càng hay. Trong khoảng thời gian đó, tôi xếp đặt cho họ một hệ thống liên lạc để sau này có thể theo đường giây chuyền giữ được những tin tức, tài liệu quan trọng to tát hơn.

ĐIỀM KHÓ KHĂN : VẤN ĐỀ LIÊN LẠC

ĐÂY là vấn đề chuyên môn tôi phải giải quyết trước tiên. Không phải là vấn đề xử dụng máy thâu thanh, kinh nghiệm của những tổ chức bí mật. Thời Đức chiếm đóng đã giúp tôi biết rằng cuộc đấu tranh giữa máy thâu thanh và trắc giác pháp lúc nào cũng bấp bênh. Rốt cuộc các máy thâu thanh càng ngày càng bị khám phá. Nếu là thời bình, ta có thể xử dụng những phương thức gián tiện hơn và ít nguy hiểm. Thường thường các cơ sở liên lạc đều được nghi trang dưới hình thức một tiệm buôn hoặc xí nghiệp kỹ nghệ. Nhân viên phụ trách việc

liên lạc, chuyển thư từ có đủ mảnh khoe để bảo vệ cơ sở được rất lâu. Việc kiểm soát biên giới thường sơ sài, chỉ cần biết chờ thời và thận trọng tối thiểu là vượt thoát. Không có gì buồn cười bằng hề động nói đến chuyện gián điệp là y như cho rằng phải nhảy dù. Khi một điệp viên muốn di chuyển từ nước này qua nước khác, họ chỉ dùng đường xe lửa như mọi người khác...

Tuy nhiên có những trường hợp giấy tờ nhiều quá, trạm kiểm soát biên giới chỉ xét qua cũng đã bị bại lộ, tất nhiên bây giờ người ta phải xử dụng ngay loại vi phim ảnh.

Nhưng nếu biên giới bị canh chừng nghiêm ngặt, rất ít người vượt biên giới vì lý do riêng tư nhỏ nhặt thì phải xử trí thế nào ? Trong trường hợp ấy nhất thiết là phải nghiên cứu một loại nghi trang tinh tế hơn. Tốt nhất là có được một người giữ công vụ có quyền du hành thường xuyên. Ít khi có được cái may mắn đó. Phải mất rất nhiều thời gian mới có thể đặt được người thân tín vào đúng chỗ cần thiết. Phương pháp cơ điển là cho 2,3 nhân viên trong cơ sở tiếp xúc với sứ quán. Lịch sử chứng minh rằng đó là điểm tai hại nhất. Trong tất cả thủ đo trên thế giới, sứ quán là những cơ sở bị canh chừng nghiêm ngặt nhất. Lợi điểm của sứ quán là hành lý không bị khám xét, được phép dùng mật mã và đặt điện đài. Nhưng ngược lại cái hại cũng thường bất cập : tất cả những cuộc tiếp xúc với sứ quán đều nguy hiểm, tất cả những sơ xuất đều có thể đem lại những hậu quả chính trị tai hại. Theo ý tôi, muốn bảo toàn cơ sở, tốt hơn hết là đừng có tiếp xúc với nhân viên ngoại giao đoàn.

CƠ SỞ THIẾT LẬP

NHỮNG nhân viên đầu tiên lên đường. Tôi đã nhận được tin tức của họ, thế là họ đã bằng lòng cộng tác. Mấy tuần sau, những người cuối cùng cũng tiếp tục cho tin. Một số người đem theo máy vi phim ảnh, một số khác phải kiểm việc trong các công ty hàng không hàng hải hoặc vận tải đường bộ ; những phần tử ưu tú phải len lỏi vào các cơ sở trao đổi thương mại với

ngoại quốc. Tất cả điều mà tôi muốn nói là phải mất nhiều thời gian mới có thể thiết lập được một hệ thống liên lạc điều hòa và bảo đảm. Bây giờ tôi mới bắt đầu tiếp xúc theo chương trình. Tôi thăm dò ý kiến tất cả những người mà được tôi lưu ý: đừng tưởng là tôi đòi hỏi họ phải cung cấp những tin bí mật phi thường đâu, trái lại thường tôi chỉ yêu cầu họ cho biết về tình trạng kinh tế của vùng họ ở, tinh thần dân chúng, hoạt động bất ngờ của phe đối lập chính phủ, mức sản xuất của các công xưởng, sự hiện diện bất ngờ của bộ đội, việc tuyển mộ và trang bị của họ. Rất nhiều đề tài chỉ cần chuyện văn thông thường cũng có thể biết hết được. Khi cần đòi hỏi những chi tiết chính xác, bấy giờ cần phải có phúc trình đầy đủ tất nhiên phải đòi hỏi những chuyên viên cao cấp hơn, chỉ có họ mới có thể trình bày và chuyển đạt được.

Tất cả là vấn đề kiên nhẫn. Tốt hơn là nên có hàng trăm nhân viên tầm thường để cung cấp những tin vụn vặt, đã tốn tiền lương (có khi có một số cảm tình viên không lương). Tất cả những tin tức vụn vặt đó chấp nối lại có thể cung cấp được cả cục diện chính xác và chi tiết của cả một nước. Công việc khó khăn nhất dĩ nhiên là những tin tức thuộc phạm vi chính trị, quân sự, bí mật khoa học hoặc chuyên môn. Nhưng dù trong phạm vi đó, cứ có rất nhiều tài liệu là có thể thành công.

Khi có được 10,15 hoặc 20 báo cáo đều đặn hàng tháng hoặc 15 ngày về một nhóm lĩnh tụ chính trị, sau khi loại bỏ những điểm mâu thuẫn, cắt xén từng chi tiết ta có thể có được một mớ tài liệu tuyệt diệu. Cũng nhờ đó ta có thể đánh giá được các mật báo viên. Những người khá sẽ thưởng họ hậu hơn để khuyến khích và đồng thời cũng là để giúp họ gây uy tín ảnh hưởng ngay trong lãnh vực của họ.

Vì quá đặt nặng vấn đề báo cáo thành thử người ta hay đánh giá sai lầm các nhân viên mật vụ thực tế cảm tình, công tác hoàn toàn, giao tiếp thân thiện giữ một vai trò quan trọng hơn cả, không có lý do gì để vung tiền cho họ, cũng đừng có áp bức tinh thần hoặc vật chất họ. Chỗ nào cũng chủ trương hề giao tiền cho mật báo viên là phải đợi cho bằng được một giấy biên

lai để điều xử họ. Lạc hậu ! phương pháp đó sẽ làm cho nhân viên hoảng sợ, chạy đến cơ quan an ninh để xin bảo vệ, vô hình trung biến cơ sở thành mớ giấy lộn nguy hại. Đôi khi cũng phải dùng tới thủ đoạn dọa nạt bởi xấu đời công hoặc đời tư để ép buộc một người phải cộng tác. Nhưng đó chỉ là trường hợp hãn hữu. Tốt hơn hết nên chờ thời cơ để bành trướng cơ sở hơn là liều lĩnh cưỡng ép sự cộng tác. Sợ mà hoạt động chỉ là đưa đến đổ vỡ hư hỏng.

AI CUNG CẤP TIN CƠ MẬT ?

MỘT ngày kia tôi nhận được những tài liệu cực kỳ quý giá. 15 ngày sau, lại nhận tiếp được những tin tức mới mẻ giá trị tương đương. Rõ ràng là hệ thống của tôi mới bắt liên lạc được với một nguồn tin rất sát với chính giới, đây là thành công bất ngờ nhất trong đời gián điệp của tôi : mật điệp viên của tôi, phụ vụ tại một bộ nọ, tuy là nhân viên trung cấp nhưng vì lý do chuyên môn đã được làm việc với chính vị chỉ huy cao cấp nhất trong cơ quan. Dần dà cảm tình nảy nở, đôi bên tâm đầu ý hợp, tương phùng tương đắc. Điệp viên của tôi bắt đầu đề ý thấy rằng vị nọ đã âm thầm trở thành đối lập với chính phủ, anh ta bèn đề tâm theo dõi rất khôn khéo.

Trước tiên anh ta tung tin rằng anh ta vẫn có một số bạn hữu bên lầy Âu và vẫn thường xuyên trao đổi tin tức cho nhau. Rồi sau một thời gian hướng dẫn câu chuyện về vấn đề trao đổi tin tức : theo ý anh, Tây phương mù mịt không biết gì về thực trạng của nước anh cả.

Rồi cả 2 cùng đồng quan điểm là phải cho Tây phương biết những tin tức đúng đắn sẽ có lợi hơn. Câu chuyện này được mang ra tiếp tục thảo luận trong vài tuần. Ít lâu sau, anh ta tiến thêm bước nữa, anh ta đề nghị nên viết một bài ngắn về tình hình chính trị nội bộ trong nước vì anh ta có dịp gửi cho những bạn hữu rất có thế lực tại 1 nước Tây phương. Anh ta không phải thất vọng chờ đợi. Vị chỉ huy nọ (tạm gọi là ông R) chấp thuận ngay, không cần hỏi thêm chi tiết : đó là 1 bằng chứng quyết định.

Ít lâu sau, anh ta không còn do dự, yêu cầu R viết cho một bài đầy đủ chi tiết hơn thuộc thẩm quyền hiểu biết của ông ta. Thế là đôi bên ngày càng cộng tác mật thiết. R luôn luôn cung cấp cho những chi tiết quan trọng hơn, những điểm chính xác hấp dẫn hơn. Điều đáng chú ý nhất trong vấn đề này là không bao giờ đôi bên đã động tới hệ thống tổ chức mà cả đến tính chất mờ ám không thể chối cãi được công việc đó. Cả hai cùng ngẫm nghĩ, để tránh xoi mói ngờ vực, họ tiếp xúc liên lạc với nhau một cách thông thường và nghi trang dưới hình thức và lý do chuyên nghiệp. Tôi rất ngạc nhiên về phạm vi tin tức đã thân nhận được do nguồn tin này. Phối kiểm với các tin tức do nguồn gốc khác và của các nước khác đã minh xác chân giá trị của các tin tức đó. Rõ ràng là tôi đã gặp được may mắn dị thường.

LIÊN LẠC BẰNG MÁY THÊU THANH: HIỂM HỌA TRỌNG YẾU

Bỗng chốc chiến tranh Triều-Tiên bùng nổ. Tình hình thế giới cân bằng tốt độ. Tôi được triệu hồi và được lệnh khẩn thiết phải trang bị hệ thống bằng máy thêu thanh để có thể nhận tin hằng ngày tùy theo nhu cầu. Tất cả các phương tiện liên lạc khác rất có thể sớm muộn bị tiêu diệt.

Cho đến bây giờ tôi vẫn không thể tiết lộ về cách thức đã xử dụng để có thể thiết lập được rất nhiều đài phát và thu thanh cực mạnh. Công việc trơn xuôi tốt đẹp. Một hệ thống điện đài nhỏ, biệt lập hoàn toàn với hệ thống chỉ điểm bắt đầu hoạt động. Công việc vẫn điều hòa như thường lệ. Phải chăng vì chúng tôi đã xử dụng quá lâu điện đài. Có thể là như thế. Cần lưu ý rằng các phương tiện liên lạc khác cũng đều có những khó khăn nguy hiểm cá biệt do đó tôi mới quyết định tạm thời ngừng xử dụng các phương tiện đó một năm... và buổi sáng kia, cầm tờ báo tôi giật mình khi đọc tin R bị bắt và rất nhiều nhân vật quan trọng như R cùng bị tố cáo.

Tôi kinh ngạc vì cơ sở của tôi từ trước tới nay chưa hề bị chú ý. Tuy nhiên mặc dầu mối liên lạc cực kỳ bí mật và cá nhân

giữa R và một nhân viên độc nhất của hệ thống mà chúng tôi đã cố giữ thật bí mật cũng có thể tự giải thích được sự bất ngờ đó. Nhưng việc R và các đồng chí của ông ta bị bắt đặt thành vấn đề quan trọng. Tôi được mời đến dự hội nghị mật hoặc phải tìm gặp các vị chỉ huy các hệ thống gián điệp của các nước Tây phương cùng hoạt động với tôi trong nước đó. Tôi lưỡng lự khi được một bạn đồng nghiệp cho biết rằng R từ buổi thiếu thời đã gia nhập tổ chức cách mạng, khi bị bắt mới ngoài 20 tuổi. Bị đe dọa là sẽ bị kết án rất nặng, có khi đến tử hình, nên R đành phải nhận làm chỉ điểm cho mật vụ cảnh bị.

Viên chức giữ hồ sơ của R cũng thuộc cơ quan mật vụ Đức. Sau thế chiến, cũng như rất nhiều nhân viên thuộc hệ thống gián điệp Đức, ông ta cũng mất tích, mang theo luôn các hồ sơ trong số đó có cả hồ sơ của R. Sau một thời gian ngừng hoạt động, ông ta lại tiếp xúc với một hệ thống của Tây phương, nhưng chỉ ít lần sau cơ sở đó bị tan rã. Nhiều hồ sơ, cả hồ sơ của R bị lọt vào tay cơ quan phản gián của chính xứ sở R... Lời giải thích đó thật là hoàn hảo. Tôi cũng không còn cần phải tìm hiểu tại sao hệ thống điện đài của tôi vẫn tiếp tục gửi về những tin tức rõ ràng là của R khi mà chính R không hề cung cấp. Không một tin tức nào cho biết về tình trạng nguy ngập của hệ thống cơ sở của tôi.

Tôi quyết định phải đích thân đến tận nơi. Một vị đại diện ngoại giao của nước tôi được triệu hồi, người ta đã cẩn thận chọn lựa người giống tôi nhất. Tôi lên đường thay thế mà không cần phải hóa trang lắm. Nửa đêm tôi tới nơi, và ngay ngày hôm sau cho tung tin tôi bị ốm. Tôi bí mật rời khỏi sứ quán đi tiếp xúc với các cựu nhân viên của tôi, nhờ cách đề phòng cẩn mật này mà tôi đã thoát.

Trước đó mấy tuần họ đã mất liên lạc với hệ thống điện đài. Trắc giác pháp của cơ quan phản gián đã khám phá được địa điểm phát thanh của chúng tôi. Nhờ kiểm soát trên đường xá, lục soát hành lý trên xe lửa đã giúp cơ quan phản gián khám phá ra được các đài phát thanh và nhận ra các chuyên viên của chúng tôi, chỉ trong vài ngày tất cả cơ sở điện đài bị tan rã.

Nhưng nhờ sự cách biệt giữa hệ thống này với hệ thống chỉ điểm nên tai biến không bành trướng được. Các liên lạc với hệ thống điện đài đúng lúc nên tránh thoát khỏi bắt bớ. Khi đó mọi người đều rút lui vào bí mật.

Còn một số lớn điệp viên khác cũng bị đe dọa, nhưng không thể đưa họ lánh mặt đi nơi khác được, vì nếu làm như thế tức là vô hình trung tự tố giác với cơ quan phản gián và gây nghi ngờ thêm cho tất cả những người dã tiếp xúc với họ. Tôi cho buông xuôi hẳng năm gười, rồi mới trực tiếp tiếp xúc lại với các nhân viên chưa từng hề giao tiếp với hệ thống điện đài, gạt qua trong một thời gian khá lâu tất cả các nhân viên, xét ra có thể bị nghi ngờ và theo dõi. Trong hơn một năm trời năng xuất của cơ sở mới rất kém, nhưng dần dần được củng cố cho tới ngày hôm nay tôi có thể nói được là kết quả rất mỹ mãn không kém gì thời gian trước khi R bị bắt.

Câu chuyện rất tóm lược về cơ sở trên là một dẫn chứng điển hình, nêu lên đủ mọi vấn đề mà cơ quan gián điệp phải sẵn sàng đối phó.

Cơ sở này ~~tuýt~~ tan vỡ vì vấn đề nội gián. Đây mới là khía cạnh tinh tế, khó khăn và nguy hiểm nhất trong cuộc đấu tranh giữa các cơ quan gián điệp. Có những cuộc nội gián đã đưa lại những hậu quả lịch sử thời danh. Trước cuộc đổ bộ tháng 6 / 1944 Bộ chỉ huy tối cao Đồng minh đã có thể đánh lừa được Đức tin tưởng rằng đổ bộ chính yếu sẽ là miền Bắc nước Pháp. Mục đích là để địch quân dồn hết lực lượng càng xa Normandie càng hay. Muốn thế, phải cung cấp cho cơ quan gián điệp Đức rất nhiều tin tức vật vạnh sai lạc. Tất nhiên là không thể chỉ tung ra độc nhất một tin sai lạc quá quan trọng mà địch quân phải đề phòng. Muốn đánh lạc hướng phải bắt đầu cho họ những tin gần đúng và cả những tin xác thực nữa.

NGHỆ THUẬT TINH VI : NỘI GIÁN

NĂM 1939, một điệp viên Đức ở Hòa-Lan, điệp viên F. 479 bắt liên lạc với sở gián điệp Anh, và theo lệnh của Bá Linh

điệp viên này có nhiệm vụ phải làm cho Đồng minh tin rằng Anh sẽ có chân trong tổ chức tương tá âm mưu lật đổ Hitler. Mục đích là để Đồng minh đừng tấn công, cứ việc chờ đợi cuộc nội loạn tại Đức. Để duy trì lòng tin tưởng của các vị đại diện Anh, trước hết điệp viên F. 479 tổ chức một cuộc gặp gỡ với một sĩ quan bộ tham mưu Đức, sĩ quan này, chính thực là trưởng ban phản gián Quốc Xã, cải trang thành một sĩ quan tham mưu chính thống. Rồi lại tiếp tục tổ chức cuộc gặp gỡ khác, lần này với một vị sĩ quan cao cấp hơn. Tại Luân-Đôn, sở mật vụ Anh càng ngày càng có cảm tình, công việc còn có thể tiếp diễn lâu dài nếu tổ chức « chống đối » không thay đổi chiến thuật đột ngột : hạ lệnh bắt các điệp viên Anh thuộc cơ sở Hòa-Lan.

Một phân đội đặc biệt của tổ chức SS vượt biên giới để thực hiện việc bắt cóc các sĩ quan Anh. Đây là một trong các trường hợp tương đối hữu hạn mà sở Tình báo phải dùng tới các phần tử chuyên môn mệnh danh là « chiến đấu ». Theo nguyên tắc, biện pháp này chỉ áp dụng trong trường hợp thật đặc biệt, nhưng tất cả các nước đều có những đơn vị chuyên môn sẵn sàng đề can thiệp. Pháp có sở « ngoại vụ và phản gián » (viết tắt là S.D. E.C) có cả một đại đội nhảy dù đóng tại đảo Corse.

VỤ « HỒNG ĐÀI »

GUONG cơ sở của X chứng tỏ rằng cơ sở liên lạc điện đài là cơ sở dễ bị nội gián nhất, một khi đài phát thanh bị lọt vào tay cơ quan phản gián. Trong trận thế chiến vừa qua, cơ quan gián điệp của Nga-Sô đã bị nội gián trong một thời gian khá lâu. Mấy ngày sau khi Đức tấn công Nga-Sô, sở Hiệu thính Đức ghi được bản tin của đài phát thanh bí mật thứ nhất, rồi trong mấy tuần sau đó đài mật cứ tăng bội số. Cả một hệ thống thông cáo, hiệu triệu bí mật vang lên khắp nơi...

Giác trặc pháp Đức bắt đầu hoạt động, cuối cùng bao vây được đài phát thanh trong vùng Bruxelles. Cơ quan phản gián khám phá và tóm được trọn ở một cách bất ngờ. May mắn nhất là cơ quan phản gián Đức bắt được luôn cả các sách về mật hiệu

dùng để đánh mật mã. Và trên một mẫu điện tín mật mã đánh dở dang, phản gián đã tập trung hết khả năng để dò xem bức điện tín đó thuộc loại mật mã nào, tất nhiên họ đã khám phá ra được. Ngày nay máy tính điện tử còn giúp việc giải các mật tin dễ dàng nhanh chóng và giản tiện hơn gấp bội mặc dầu mật tin chỉ vẫn tắt có vài chữ, nhưng nguyên tắc để giải mật hiệu vẫn không thay đổi và áp dụng rất đúng nguyên tắc, sở phản gián Đức đã khám ra chìa khóa của các điệp viên Nga số vẫn sử dụng.

Từ đó, tất cả các đài phát thanh bị Đức bắt đều được sử dụng để gửi những tin giả tạo cho Nga xô. Số điện đài nội gián lên tới mấy chục. Nó đã giúp cho Đức thả dù tiền và người xuống tiếp tế, bổ xung cho các sở phản gián trên đất địch. Ngay tại nước Đức cũng xảy ra hàng trăm vụ bắt bớ, nhiều sĩ quan bộ tham mưu bị câu lưu. Tuy nhiên, cho tới cuối thế chiến, Nga-xô cũng kiểm soát được một số đài phát thanh tương đương. Người Đức đặt tên cho vụ này là « Hồng đài » Đó là một vụ nội gián kinh khủng thời danh nhất.

Nội gián không phải chỉ tương quan giữa các cơ quan mật vụ với nhau. Không phải là nước nào cũng cần những tin tức giống nhau. Họ có thể trao đổi tin tức cho nhau. Từ trước năm 1939 sứ quán Nhật ở Stockholm đã trở thành tấm gương phản chiếu cả một vòng hệ thống tình báo quốc tế rộng lớn, tung điệp viên vào khắp các nước Tây phương. Cơ quan phản gián Đức khám phá ra cơ sở này và theo dõi rất cẩn mật. Họ có thể nhận thấy rằng những tin tức mà sở tình báo Nhật ở Ba-lan nhận được đều được chuyển ngược lại cho cơ sở tại La-mã. Người Nhật chuyển một phần lớn tin tức của họ cho đồng nghiệp Nga-xô ở Stockholm. Đổi lại, Nga-xô cung cấp cho Nhật những tin tức về Anh quốc trong số đó có vài tin phải là xuất xứ từ các chính giới.

Đại thị trường tình báo quốc tế này giúp cho các cơ sở tồn tại và còn sống sót được sau các biến cố quốc gia. Trường hợp cơ sở Đức có được hồ sơ của R chứng tỏ cơ quan mật vụ

vẫn có thể tồn tại được sau khi đã mất hẳn liên lạc với chính phủ của họ. Chỉ cần phải sự liên lạc, điệp viên và hồ sơ, thời cơ đến, vị chỉ huy tiếp xúc với chính phủ có cảm tình với họ, cơ sở có thể « tái sinh » mà bành trướng tùy theo khả năng và số điệp viên của họ cho phép. Trường hợp điển hình nhất là tổ chức « Gehlen » một cơ sở kinh khủng của Đức, tập trung toàn những phần tử sống sót của các cơ sở gián điệp của Đức tại Đông-Âu. Trước khi hợp nhất với Đông Đức, cơ sở này đã hoạt động trực tiếp với các cơ sở của Mỹ trong một thời gian khá lâu.

TRẮC GIÁC PHÁP CHÔNG ĐIỆN ĐÀI

LẠI một lần nữa câu chuyện về cơ sở của X chứng tỏ kỹ thuật gián điệp đã thất bại trước kỹ thuật phản gián. Trong cuộc đấu tranh vô tận giữa điện đài và trắc giác pháp, luôn luôn điện đài bị phá vỡ. Chỉ còn nhờ ở số lượng và việc di chuyển không ngừng có thể cứu vãn được các đài phát thanh bí mật. Nhưng sử dụng điện đài luôn luôn vẫn là nguy hiểm. Trong thời bình, phần nhiều các cơ quan chuyển tin bằng khẩu lệnh hoặc bằng công văn. Nhưng khẩu lệnh có cái nguy hiểm là liên lạc viên dễ quên hoặc hiểu sai, mà công văn giấy tờ, ngoại trừ trường hợp mang ấn tín ngoại giao, lại gặp trở ngại là bị kiểm soát chặt chẽ. Các chuyên viên đã hoàn thành được một máy phát thanh, cực dặt, người không chuyên môn vẫn sử dụng được, nhưng tin tức phải toàn là thiết yếu nên phải cho họ một phương tiện riêng để liên lạc. Tôi đã được trông thấy máy đó. Lớn bằng bao thuốc lá nhỏ. Phía trước gắn một mặt tròn giống như mặt điện thoại và 3 nút. Chỉ cần cắm vào điện, vặn nút thứ nhất, đánh tin theo mặt mã trên mặt tròn như quay số điện thoại.

Bản tin được tự động chuyển vào băng kim loại từ hóa gắn trong máy. Băng này có thể nhận được 2 trang đánh máy mặt mã. Vặn nút thứ 2, thì đèn bật, khi sáng rõ tức là đã liên lạc được với máy thu tin của sở mật vụ chỉ định. Vặn nút thứ 3 tức là bắt đầu chuyển tin. Máy chuyển tất cả nội dung trong băng

kim khí không quá 3/5 giây đồng hồ. Do đó trắc giác pháp điện tử cũng không thể nào khám phá kịp, chỉ có mỗi điều bất tiện là phải sử dụng giây ăng-ten rất cao.

Liên lạc trực tiếp vẫn là phương tiện thông dụng. Để giảm bớt nguy hiểm, chỉ có một phương pháp là thu nhỏ tài liệu càng nhỏ li ti càng hay. Trái với tưởng tượng thông thường không phải điệp viên nào cũng có máy và sử dụng máy chụp đặc biệt. Thực tế chỉ có các điệp viên phụ trách việc chụp lại cả cuốn sách hoặc máy móc tối mật hoặc đặc biệt mới được sử dụng. Có những máy chụp ảnh đặc biệt không ai có thể nghi ngờ được đặt trong nút cài tay áo hoặc gắn trên khuy áo. Các nhân vật được mời thăm viếng nhà máy hoặc phòng thí nghiệm có nhiệm vụ chụp lại các cơ sở đó thường phải sử dụng loại máy ảnh tối tân này. Lại còn loại ống kính đặc biệt nữa : có thể thu hẹp khuôn khổ tài liệu tới mức độ vi ti, người ta đã chụp được cả một trang nhật báo thu hẹp lại bằng đầu đanh ghim. Toàn bộ hồ sơ có thể thu hẹp vào mẫu phim không dài quá một phân mét. Có điệp viên liên lạc đã dấu trong một cái răng giả.

Các nhà hóa học của cơ quan Mật vụ ngày nay đã dùng những thứ mực bảo đảm chống lại mọi loại phân chất hóa học hoặc tia hồng ngoại. Loại hiệu quả nhất là loại hỗn hợp huyết cầu tố. Khi cần dùng, điệp viên chỉ việc chích lấy một giọt máu rồi pha với dung dịch đã chế sẵn, thế là có được một thứ mực đỏ sẽ biến dạng trong 3 phút sau. Muốn đọc được phải dùng một thứ thuốc khác làm cho chữ viết xuất hiện thành màu xanh tươi ! . . .

Trong trận tuyến gián điệp, mảnh lời kỹ thuật thật là vô biên giới. Tuy nhiên gián điệp và phản gián đều là công việc của con người. Kỹ thuật sẽ không bao giờ thay thế được con người. Trong lịch sử các cơ quan gián điệp, thảm bại lớn lao nhất thường ít khi tại kỹ thuật. Chính con người đã đem lại chiến thắng vẻ vang nhất mà cũng chính tại con người đưa lại thất bại chua cay nhất.

TẤT CẢ ĐỀU TÙY THUỘC CON NGƯỜI

KH O Ả N G tháng 9-1945 một tùy viên sứ quán Nga-sô, Ignor Gouzenko tự nạp mình cho sở cảnh sát Gia-nã-đại. Nhờ Ignor tố cáo mới bắt được Ala Nunn May chuyên viên cao cấp về nguyên tử.

Bề ngoài không có vẻ gì là đáng nghi ngờ về hai nhân vật này. Gouzenko công dân Nga-sô cư trú tại Gia-nã-đại quyết định thay đổi trận tuyến vì dứt khoát là ông ta thích đời sống bên Gia-nã-đại hơn Nga-sô. Alan Nunn May cho rằng Nga-sô là đồng minh của Tây-phương chống Đức quốc xã tất nhiên phải có tài liệu cần thiết để c ế tạo bom nguyên tử. Cả hai đều đơn phương quyết định về sự sống chết của cơ sở chung. Mặc dầu cơ quan gián điệp Hoa-kỳ đã đặc biệt đề phòng cẩn mật cũng không thể cản trở được nhà bác học Anh, Klaus Fuchs tưởng nghĩ như giáo sư May rằng Nga-sô phải được chia sẻ với Hoa-kỳ về các bí mật nguyên tử. Tất cả các trường hợp đó đều chứng tỏ rằng cơ sở dù có tổ chức chặt chẽ đến đâu chẳng nữa, phần quyết định tối hậu vẫn tùy thuộc sự góp công góp sức của con người. Mong tưởng của tất cả các vị chỉ huy cơ quan gián điệp quốc tế là làm sao có được một bộ tham mưu, một phòng thí nghiệm ngay trong lòng chính phủ địch, nhưng con người như Alan Nunn May cuối nhờ một chai Whisky là đã cung cấp những bí mật quá sự mong ước của họ. Hàng ngàn điệp viên cũng không làm nổi được công việc của Richard Sorge đã giúp ích cho Nga-sô tại Nhật Bản. Sorge là một trong số nhân vật hãn hữu có thể tự hào là đã cung cấp cho chính phủ mình những tin tức chi phối những quyết định chính trị và quân sự đại qui mô. Ngay từ giữa năm 1941 Sorge đã báo cho Mạc-tư-khoa biết rằng Nhật chỉ chủ tâm chiếm vùng Đông-Nam-Á và Thái bình dương, chứ không bao giờ đánh Nga-sô. Chắc chắn vào tin tức của Sorge, nên Staline đã có thể rút gần hết binh lực ở Tây-bá-lợi-Á đúng vào lúc trận chiến Nga Đức gay go nguy kịch nhất mà Sorge cũng báo trước cho biết ngày giờ xác thực.

Khi một người chịu trách nhiệm vô hạn định trong một cơ sở gián điệp thì chỉ một quyết định cá nhân của họ sẽ đưa lại rất nhiều hậu quả... Không một ai có thể đoán được rằng đến một ngày kia người đó có thể thay đổi ý kiến, có thể từ bỏ lập trường bấy lâu đã tận tụy hy sinh để phục vụ cho một lý tưởng khác. Không tiết lộ cho một ai việc bội phản, sự chuyển hướng vẫn nằm trong vòng bí mật, nhưng hậu quả có thể là vô hạn. Cho đến nay vẫn chưa ai biết được đồ đốc Canaris chỉ huy cơ quan tình báo của Hitler ở Đức đã bỏ xứ sở đúng vào ngày giờ nào. Cũng không ai hiểu nổi vai trò xác thực của Müller chỉ huy trưởng cơ quan Gestapo vào mùa xuân 1943 đã thăm dò ý kiến một số chỉ huy cơ quan mật vụ Đức xem họ có tán thành việc hòa giải với Nga-Sô không. Các bạn tâm phúc không bao giờ dám nghi rằng ông ta đang âm thầm thay đổi chiến tuyến. Đến năm 1945 thì ông ta bỏ sang Nga-Sô, nhiều nhân chứng quả quyết rằng ông ta còn sống cho tới năm 1950.

Kỹ thuật sẽ không chế ngự được lương tâm của các điệp viên, những người có khả năng nhất cũng như những người kém cỏi nhất.

Trong nghề phức tạp gián điệp quốc tế không được coi thường một khía cạnh nào cả từ việc cải tiến hệ thống điện đài đến việc khai thác, canh chừng địch quân qui thuận. Chỉ có thời gian và kiên nhẫn mới có thể sửa chữa, khôi phục lại được các thảm bại, vì thế mà cơ sở mạnh nhất bao giờ cũng là những cơ sở kỳ cựu nhất. Sở dĩ Anh quốc làm chủ được tình hình ở Cận đông là vì từ hơn nửa thế kỷ nay họ đã xâm nhập vào được tất cả các cơ sở và có thể người của họ được vào đúng chỗ thiết dụng. Đức quốc xã cũng đạt được mục tiêu tương đương tại Đông Âu.

Để kết luận ta có thể nhắc lại phương châm của một vị chỉ huy cơ quan gián điệp quốc tế thời danh : « cơ sở gián điệp phải gây dựng lần hồi..., phải được bồi dưỡng như chăm sóc cây cối, có để cho nó đủ thời gian bén rễ thì cành lá mới tốt tươi hoa quả mới sung mãn ».

ĐỨC - HẠNH

(Theo Paul Marie de la Gorce).



KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI KHÔNG ĐỦ TẠO HẠNH PHÚC CHO CON NGƯỜI — KỸ THUẬT THÔNG TIN GIỚI HẠN CẢM QUAN PHÊ BÌNH CỦA CON NGƯỜI.— Thời đại chúng ta đang sống là thời đại của khoa học mà mức tiến đã lên đến tột độ. Bất cứ địa hạt nào cũng có bàn tay tiên của khoa học chạm đến. Khoa học khám phá con người, khám phá vũ trụ. Tất cả mọi người đều ít nhiều hưởng thụ sự áp dụng của khoa học trong nếp sống.

Nhưng nếu không phải chính mình là một nhà bác học, thì con người bây giờ biết gì về khoa học ? Trước thế giới, trước cuộc sống của con người, khoa học và kỹ thuật đứng ở cương vị nào, đó là vấn đề chúng ta có thể đặt ra.

Người của thế kỷ này, đứng ngay đầu đường đã va chạm với kỹ thuật mới. Ánh sáng đèn màu, quảng cáo chiếu bóng khêu gợi tính hiếu kỳ của quần chúng. Phương pháp quảng cáo đã trở nên một kỹ thuật dựa vào nhân sinh học, kinh tế, chính trị, thống kê, xã hội học, tâm lý học.

Người ta không còn tranh luận về vấn đề thị hiếu và màu sắc, mà người ta chỉ khảo xét một cách khoa học thôi. Khi đã tìm được rõ ràng phẩm chất của thứ hàng để bán cho một loại khách hàng nào, thì lúc đó người ta mới tìm hiểu thị hiếu của công chúng. Những câu hỏi sẽ được đưa ra để giúp cho biết số khách mua hàng sau này, song sự dò hỏi đó cũng không nói lên được tại sao công chúng mua hay sẽ không mua một thứ hàng nào đó. Người ta sẽ phải nhờ đến phương pháp tâm lý và tâm linh học thì mới biết được thái độ của khách hàng. Chẳng hạn, nhờ các nhà tâm lý học, mà người ta biết được rằng người Mỹ không mua quả mận, bởi họ gán cho thứ quả này một ý xấu xa : hình ảnh của những cô gái cần cỗi của những kẻ biền lận... Sự cố gắng của những nhà làm quảng cáo là làm sao cho dân chúng thấy hình ảnh cái tốt đẹp của quả mận : So nó với những cô gái đẹp khiến người ăn có thiện cảm với, khi thay được hình ảnh này bằng hình ảnh khác, tức là đã thu được kết quả tốt ở người ăn mận.

Giấy quảng cáo, cách quảng cáo trong vô tuyến truyền thanh, trong điện ảnh mang một tính cách tâm lý hòa hợp giữa khách mua hàng với sản phẩm đem bán.

Hiểu như thế thì quảng cáo thường là rất có công hiệu, nó là một yếu tố chính để phát triển kinh tế, song thực ra thì nó đưa gì đến cho con người? Nó làm công việc thông tin, cho biết thứ hàng kia bán ở đâu, như vậy đỡ mất thì giờ?

Những tin tức, những biến cố ở khắp thế giới được trình bày dưới nhiều hình thức: báo chí, vô tuyến truyền thanh, truyền hình, không những chỉ tin quan trọng, mà cả những chuyện lằng nhằng tầm thường. Đám cưới một tài tử màn bạc làm người ta không còn nhớ đến chuyện một minh tinh tự tử; một vụ bắt cóc làm cho người ta chú ý đến hơn là vụ động đất. Tin buổi chiều làm sai hẳn tin buổi sáng, chẳng khác áo mặc mùa thu làm cho áo mặc mùa xuân không còn hợp thời nữa.

Ý nghĩa về sự lâu dài bị thay thế bởi ám ảnh về sự đổi mới. Sự đổi mới, cảm giác mới chẳng khác những liều thuốc, mà mỗi ngày cứ phải gia tăng thêm cuối cùng thì ra con người cái gì cũng biết, mà chẳng biết được gì, và không phải người ta tìm sự hiểu biết, mà là những xúc động.

Xúc động trực tiếp và mạnh mẽ nhất gây ra là bởi hình ảnh. Hình ảnh tạo ra những chất, những cảm giác.

Hình ảnh gây ra một phản lực dịu dàng hay kinh khủng. Nhờ hình ảnh mà người ta có cảm tưởng hiểu biết dễ dàng, không có gì khó nhọc. Truyện bằng tranh vẽ trong các tuần báo lớn, chiếu bóng, vô tuyến truyền hình, đã cho người ta được xem, được dự vào trong cõi thực và hư. Ở một giới hạn nào đó con người sẽ trở thành một nhân chứng, một khán giả, mà thế giới cũng chỉ là một hoạt cảnh.

Như vậy, những kỹ thuật hiện tại lẽ ra phải giúp cho con người biết tất cả những việc xảy ra trên thế giới và những việc xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, thì thường lại chỉ cho họ

biết một cách hoa loa chúi ft. Rồi hóa ra họ không hiểu được chính họ, mà chỉ hiểu được cái phản ảnh tưởng tượng thôi.

NHỮNG SÁNG CHÉ, NHỮNG PHÁT MINH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯA CON NGƯỜI VÀO MỘT CUỘC THI ĐUA KHÔNG NGỪNG

TRƯỚC kia, con người dù là ở thành phố, được sống trong một thế giới thiên nhiên. Ở trong nhà, kèo, cột, đồ dùng bằng đá, bằng gỗ, người ta còn thấy cái hương vị của thiên nhiên. Bây giờ khoa học và kỹ thuật tạo ra một thế giới giả tạo buộc con người phải cố mà sống cho thích hợp và làm lạc hướng cảm giác của ta.

Những nhà bác học nghĩ rằng trong một tương lai rất gần có thể cung cấp cho những ai cần đến những chất có tính cách chịu đựng dai dẳng để dùng vào những việc nào nhất định. Chẳng hạn như bây giờ người ta sẽ chế ra những sản phẩm hóa học tổng hợp, dùng trong mọi công việc hàng ngày : ny-lông, rilsan v.v... những chất « plastiques » đã thay đổi rõ ràng cuộc sống con người, bởi lẽ nó đã thay thế cho nhiều dụng cụ mà ta đã dùng quen từ trước. Bông, len, gỗ có một hơi nóng biểu hiệu một sự có mặt linh động, các thứ bằng hóa học tổng hợp tuy tiện lợi, nhưng lạnh lẽo, bất động đối với ta như xa lạ.

Sự tìm tòi về khoa học tiến triển mau quá, khiến cho các ngành kỹ nghệ cũng như người ta, thích ứng theo một cách khó khăn ; nếu một xưởng máy mà không luôn luôn thay đổi thì sẽ bị đe dọa là lạc hậu. Vấn đề đặt ra không phải là máy móc chạy còn tốt không, nhưng xem năng suất của nó có tương đối với những máy mới không. Đặt ra cái yếu tố là sự sản xuất và sự cạnh tranh, người ta không nghĩ đến máy đã cũ hay còn tốt, song máy có còn hợp thời không hay cỗi lăm rồi. Ở một vài trường hợp, sự tiến triển của khoa học lại mang một tính cách ngược đời, muốn sản xuất ra một loại dụng cụ, trang bị cho một xưởng máy thì cần phải một thời gian, khi xong thì

những thứ này lại trở thành không hợp thời nữa. Tỷ dụ, một loại máy cày, một loại phi cơ vừa được đưa ra sử dụng; thì trong khi ấy, trong phòng nghiên cứu, các nhà kỹ sư đã lại sắp hoàn tất một thứ máy cày, một loại phi cơ tối tân hơn; cũng như người ta sẽ hiểu rằng nếu bây giờ dựng một trung tâm nguyên tử để sản điện lực, thì vài năm sau khi hoàn thành, sẽ lại không dùng đến nó nữa, ở chỗ nó đã thành cỏ rồi.

Vì vậy kỹ sư và kỹ nghệ gia đều luôn luôn phải nghĩ đến dùng những kỹ thuật mới luôn. Cảnh tượng chung quanh họ, và ngay cả công việc họ làm cũng luôn luôn thay đổi bộ mặt. Họ cũng hiểu được rằng những cái mà họ sáng tác ra, rồi cũng sẽ chết đi. Người kỹ sư quan niệm được rằng thứ mà họ chế ra, rồi cũng chết đi, như chính hình hài họ sẽ bị tiêu diệt vậy.

Chỉ thể giới thiên nhiên là tồn tại; văn minh kỹ nghệ và khoa học bị đặt dưới một hình thức của biến thiên.

Song cái thể giới giả tạo này lại là thể giới của chúng ta. Những đứa trẻ cũng không lấy điều làm lạ. Đối với chúng những sản phẩm của khoa học, cũng như thiên nhiên đều cùng thuộc vào một khối. Cái thể giới mà người ta đang sống rồi cũng sẽ trở thành thân thuộc. Đối với kẻ nào sống trong cái thể giới đang biến hóa thì cái thiếu của sự biến hóa ấy sẽ trở thành điều dị thường.

MỘT NỀN NHÂN BẢN CHO THỂ GIỚI HIỆN ĐẠI LÀ ĐIỀU CẦN THIẾT

DO sự tiến triển của khoa học, cuộc sống con người mỗi ngày được khá hơn lên.

Khoa học thay đổi cách thức và sự hòa hợp của cuộc sống con người nhưng không biến đổi được một cách sâu sa tâm tính họ. Trong khi khoa học vén màn bí mật vũ trụ, thì con người vẫn ở trong sự thần bí.

Điều làm cho nền văn minh của chúng ta đáng được chú ý là sự phong phú và mâu thuẫn của nó. Chúng ta sống ở cái thời đại mà sự tiến bộ phát triển vô tận, và mọi vấn đề đều được giải quyết bằng khoa học.

Khoa học và kỹ thuật đã hoán cải số phận con người. Họ ít chết yếu, hưởng thụ nhiều, mà làm ít. Máy móc giải thoát họ, khiến họ đỡ phải dùng đến sức lực, giải thoát cả những công việc về tinh thần (xếp đặt, kế toán v.v...) Những phương diện chuyên chở xê dịch, điện thoại, đưa con người gần lại với nhau và mở rộng tầm con mắt của họ.

Thế giới thay đổi, các tổ chức cố hữu của xã hội tiến triển. Những ý niệm cổ thời, chẳng hạn về tư hữu đã mất hẳn giá trị tuyệt đối. Tư tưởng chiếm hữu thay thế bởi tư tưởng sản xuất và tiêu thụ. Con người thụ hưởng những sản phẩm của mình một cách ngắn ngủi. Cuộc sống có vẻ dễ chịu, đầy đủ. Tuy nhiên con người vẫn thấy mình cô đơn, buồn bã, sợ hãi, mất thăng bằng. Trong cái thế giới, mà sự tiến hóa phát triển không ngừng, mà tốc độ đã trở thành một nguyên tắc, thì người ta phải cố tìm một cái gì để bám lấy, tìm một chỗ riêng cho mình.

Nếu khoa học và kỹ thuật mở cho chúng ta một thế giới mới, thì chính con người là ở trung tâm thế giới ấy, và chính vì con người mà thế giới này được dựng lên vậy.

Chẳng phải chỉ nên thắc mắc đến vấn đề cơm no, áo ấm cho đầy đủ, mà còn phải nghĩ đến cả phẩm giá, cả sự nẩy nở tiến triển ; các nhà xã hội học, giáo sư, y sĩ phải sẵn sóc đến sự bảo vệ cho con người, và làm sao cho họ thích ứng với cuộc sống hiện tại. Sự thích ứng ấy có nghĩa là làm cho họ có nhiều thì giờ rảnh rỗi, giải thoát họ khỏi nhiều hệ lụy vì máy móc. Muốn được thế phải cho họ phương tiện mới được.

Vậy vấn đề chính yếu của nền văn minh chúng ta là giáo dục và văn hóa. Nếu không thì con người sẽ cảm thấy mình lạ lẫm, bối ngỡ trước một thế giới mà chính họ tạo ra, họ sẽ

trở thành nạn nhân của những hình ảnh, của những thần bí. Văn hóa bao gồm cả khoa học ; Chính con người phải tự định đoạt số mệnh họ. Nếu văn minh không thể nào khác hơn là một công cuộc nhân bản hóa thường trực.

H.A.

(Theo Claude Bonnefог)



LOÀI KIẾN KHÔNG CÒN GÌ ĐỂ HỌC HỎI NỮ A.—
TỪ HÀNG TRIỆU NĂM TRƯỚC, CHÚNG ĐÃ BIẾT CẤU
KẾT MỘT XÃ HỘI, TỔ CHỨC MỘT CUỘC SỐNG RIÊNG.—
 Văn hào La Fontaine không may mắn đến khi ông lấy loài kiến làm mẫu mực cho đức tánh cần mẫn siêng năng. Từ 2.500 năm trước, Hoàng đế Salomon đã khuyên nhủ cận thần : « Nếu các khanh muốn tìm một bài học khôn, nếu các khanh muốn có tiết độ, khanh hãy quan sát loài kiến ». Trong cuộc sống hằng ngày, từ buổi ấu thơ, chúng ta còn ai lạ gì câu tục ngữ : « Kiến tha lâu đầy tổ ». Câu châm ngôn này thường được nhắc đến mỗi khi bậc phụ huynh muốn giáo hóa con em, nhà mô phạm muốn răn dạy đệ tử...

Loài kiến có mặt trên quả đất này từ trăm triệu năm trước. Thời đại ngự trị của loài thằn lằn quái đản khổng lồ, trước cả vết chân đầu của nhân loại. Lúc ấy, kiến đã biết tổ chức cuộc sống riêng của mình một cách qui cũ rồi, chúng đã biết cùng nhau đầu lưng lại, sáng lập một xã hội có ngăn nắp.

Từ đầu đệ tam kỷ, trong lúc thế giới động vật và thực vật tiếp tục thay hình đổi dạng hầu tiến đến hình dáng hiện tại, thì loài kiến đã đạt đến một hình dáng hoàn mỹ, một tổ chức đoàn thể tuyệt đích không cần phải sửa đổi nữa. Loài kiến đã giữ được những ưu điểm này đến nay.

Gia đình kiến là một đại gia đình, gồm trăm loài nghìn giống. Giống cơ sở nhất là giống « *Ponerina Myrmecia* », có

nhiều điểm rất giống loài ong vô vể. To lớn, hoạt động, luôn luôn cẩn thận, loài kiến ăn thịt này đã dùng chất nọc độc và tâm tính bạo tàn của mình làm lợi khi đẻ trứng trên những vùng đất bao la của châu Úc.

Dù có một hình dáng oai vệ, làm cho bạn láng giềng phải nể nang, kính sợ, loài *Ponerina* chỉ giữ được ưu thế ở Úc-đại-Lợi và hiện đang đi lần đến suy tàn.

NHỮNG CUỘC DIỄN CHINH KHÔNG LỖ XUYỀN QUA RỪNG SÂU NƯỚC ĐỘC

Vài phần tử của gia đình *Ponerines* đã biết hòa hợp hình dáng mình với điều kiện địa phương. Ở Mỹ, loài *Stigmatomma* đã hoàn toàn sống thu hình dưới đất, chúng không bao giờ nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Vì thế chúng gần như mù lòa. Loài kiến này không sao thoát khỏi nếp sống thành từng đoàn không đông lắm, và chỉ gồm toàn kiến săn mồi. Đây là 1 xã hội phôi thai còn ở vào giai đoạn ăn lông, ở lỗ. Trong thế giới tối của mình, dưới lòng đất sâu, mỗi chàng *Stigmatomma* phải tự tìm mồi lấy. Khi gặp mồi phải dùng nọc và cắn làm khi giờ để chế ngự.

Xã hội loài kiến đã bước 1 bước dài với giống kiến lưu động thường sống ở Mỹ và Phi Châu. Giai đoạn thô sơ không còn nữa, tự do cá nhân được tôn trọng, 2 loài *Domytus* và *Eciton* đã biết sống tập đoàn. Mỗi đoàn gồm cả trăm nghìn phần tử. Chúng ăn thịt sống và di chuyển từng đoàn. Dù mù lòa, đám kiến thợ cũng đã quen với cuộc sống hợp đoàn nên mỗi khi đi kiếm mồi, chúng cướp phá, vor vét cả cánh rừng và mang về căn cứ một số thực phẩm vô cùng to tát.

BỘ ÓC TO NHƯT SAU BỘ ÓC CON NGƯỜI

Ngoài các giống kiến trên, còn có những giống khác hợp thành từng nhóm không lồ sống theo 1 quy chế xã hội rắc rối.

Đông dơi loài *Ponerines*, khởi thủy từ Úc-Châu, đã chứng tỏ 1 khả năng thích ứng cùng hoàn cảnh hết sức lạ lùng. Nhờ những phương tiện liên lạc giữa côn trùng, nhứt là nhờ một bộ phận có khả năng phát và thâu tiếng động, chúng đã tập tành đoàn kết và tương trợ. Nhờ vậy chúng đã tổ chức được những « cộng đồng nông nghiệp, » mẹ đẻ của các tổ chức nông nghiệp đầu tiên trong thế giới loài người.

Ở thời đại xưa củ của hoàng đế Salomon, giống kiến *Messor* đã nổi tiếng trong việc thu góp và giữ gìn thóc lúa. Trong thế giới hiện đại, giống kiến *Parasols* tiến bộ rất nhiều. Chúng chuyên việc gặt lá và từ ngày Châu-Mỹ và Châu-Phi tách rời nhau, người dân miền nhiệt đới bắt đầu tập tành trồng trọt những vườn nấm *Mycètes* to rộng. Vì thế người ta đã dùng tên giống nấm này để gọi chúng. Thường thường lá cây rất cần cho sự dung dưỡng của gia đình « mycètes ». Chiều chiều gia đình « *Mycètes* » tụ họp lại từng đoàn rồi lên đường hái lá. Từng nhóm thợ đóng đúc, dầy kịch kéo đến tấn công một cây gần đấy, cắn lấy những miếng rộng và mang về tổ. Bên trong ổ kiến, những mảnh lá được nghiền nát rất lâu, rồi ngấm vào nước miếng trước khi được nhét vào vườn nấm.

Công cuộc trồng nấm được giữ gìn từ thế hệ này sang thế hệ khác nhờ một dụng cụ chuyên chở. Nữ hoàng kiến, trước hôn lễ đã giữ kỷ lại tất cả cận bả của buổi ăn gia đình cuối cùng trong một túi nhỏ nằm dưới miệng. Xong đâu đấy, khi đã thụ thai, hoàng hậu sẽ tự mình đào lấy một gian phòng, đặt tất cả cận bả của bữa ăn cuối cùng vào đấy, vun phân tưới nước và chờ đến ngày đâm chồi, nảy ngọn của lớp nấm *mycètes* để khai hoa nở nhụy. Chốn này sẽ là vị trí đầu tiên của thế hệ thanh niên.

Loài kiến khôn ngoan tinh xảo có lẽ vì chúng có bộ óc to hơn tất cả côn trùng khác. Thật vậy, trừ giống kiến đực, còn có một bộ óc chỉ to bằng óc con ong vô vể, với nhiều hạch thị giác và xúc giác nhưng chất não xám lại, rất ít giống kiến cái và nhứt là những nàng kiến chúa có một bộ óc đáng kể. Thần kinh hệ giống kiến tương tự thần kinh hệ loài trùng nhưng

công hiệu hơn nhiều. Dài theo thân mình, ở mỗi đoạn, dây thần kinh có một gút có thể hoạt động như một « bộ óc nhỏ » để điều khiển các bắp thịt của đoạn ấy. Vì lẽ này mà khi đứt đầu kiến còn có thể sống thêm một thời gian ngắn. Người ta từng được mục kích một chú kiến mất đầu sau một trận ác chiến vẫn có thể đi đứng và sống một cách bình thường trong 40 ngày nhờ những « bộ óc nhỏ ». Rốt lại chú kiến cắt đầu này cũng phải chết vì đói khát.

Điều đáng lạ là những kẻ đầu tiên biết sống có xã hội này lại tạo ra những xã hội tương lai một cách rất là cá nhân, không sự giúp đỡ nào của đồng loại. Thật vậy, trong xã hội loài kiến, những chàng kiến đực và những nàng kiến chúa sống rất nhàn hạ cho đến ngày cưới. Ngày cưới càng đến gần, chúng càng bị dao động kích thích...

NHỮNG CUỘC BÊ DẦU TRONG CUNG ĐIỆN

THẾ rồi ngày quan trọng ấy lại đến... Trong vòng vài phút, những nàng kiến chúa lần lượt giao hợp với nhiều kiến đực hoặc dưới đất hoặc trên không. Khi màn đêm phủ xuống trần gian là ngày cưới không còn nữa. Những chàng kiến đực giờ đây trở nên vô dụng, phải tìm nơi ẩn náu. Quá kiệt lực trong ngày cưới, chúng cất cánh trông thật nhọc nhằn, thều nhào... vài ngày sau chúng sẽ lìa đời vì không thể lê gót đi tìm thức ăn.

Ngược lại kiếp sống bạc bẽo của chàng kiến đực, nàng kiến chúa bắt đầu làm việc. Nàng sẽ đáp xuống đất, cố gắng vút bỏ cặp cánh tiên. Cử chỉ hy sinh này đánh dấu một giai đoạn mới trong đời nàng. Nàng sẽ rời không phận trở về trần gian để hòa kiếp sống mình với đồng loại và để òn lại từ đầu đến cuối lịch sử đời sống xã hội của giống nòi.

Trước hết nàng phải tìm nơi trú ẩn qua đêm. Sau khi xem xét tất cả hang lỗ, mặt trong, bề ngoài của một khối đá hay một cành cây nàng sẽ chọn nơi vừa ý nhất và bắt đầu đào đường

hầm. Cuối đường hầm nàng sẽ xây cất gian nhà riêng của mình ngăn cách hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Nơi đây nàng sẽ mơ màng trong giấc điệp suốt một thời gian dài.

Ròng rã suốt một tháng nàng kiến chúa sẽ ngời nghỉ để lấy sức khai hoa nở nhụy. Nàng xếp đặt rất ngăn nắp tất cả trứng của mình. Khi trứng nở, những chú kiến con ra đời và được nuôi dưỡng bằng nước miếng mẹ. Năm sau đám trẻ này sẽ chấp chững bước những bước đầu, rời tổ mẹ. Khi ấy chúng chỉ là những chú kiến thợ, nhỏ người, non dạ. Dầu vậy, những phần cần yếu như cuộc sống xã hội đã đầy đủ, nào mắt, nào càn, râu, chân thần kinh hệ v.v... Vài ngày sau những chàng chiến sĩ trẻ đầy nhiệt quyết này sẽ mở đường đi xa hơn. Chúng săn mồi rất háng hái, mang về ở những con mồi rất tươi để đền ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ. Đây cũng là những thức ăn đầu tiên của kiến chúa sau nhiều tháng đói khát. Dần dần kiến chúa sẽ mập mập lại nhưng ngực vẫn còn trống. Đây là dấu hiệu hi sinh của đấng sanh thành, đã can đảm đòi một phần đời mình để tạo lập tương lai cho giống nòi.

Trong nhiều năm liên tiếp vị hoàng hậu này sẽ chăm lo, săn sóc sự gầy dựng cơ đồ của đám thần dân. Hai, ba năm sau, khi thế hệ mới đã trưởng thành, đám kiến thợ và kiến chúa hậu sinh đã đến tuổi lập gia đình, thì xã hội này có thể tự hào là đã phát triển đầy đủ.

Nhưng luật đào thải lại quá ư vô tình ! Trẻ trung, trưởng thành rồi lại già nua, đời chỉ là một giấc chiêm bao ! Đám kiến thợ sẽ lần lượt thay phiên nhau lìa đời, rồi cả vị kiến chúa cũng không tránh khỏi luật trời, nổi gót đồng loại, mà về bên kia thế giới. Thi thể kiến chúa sẽ được gìn giữ rất lâu để tỏ lòng sùng kính của đám thần dân đối với vị chúa tể. Khi ấy xác chết của lũ kiến thợ làm thương bị vứt khỏi ổ.

Vài loại kiến chúa khác, như loại *Sanguinea*, không thể tạo lập một xã hội mới. Vì thế chúng tìm cách len lỏi vào một ổ kiến láng giềng. Nếu bị xua đuổi chúng sẽ tìm đến ổ của loài kiến yếu thế hơn, giết chết kẻ đồng nghiệp, chiếm chỗ ở và

săn sóc đám kiến sơ sanh như con ruột mình. Lũ kiến trẻ này sẽ làm tướng kẻ xâm lăng là mẹ ruột mình vì vậy chúng sẽ không màng gian khổ, lo săn sóc kẻ thù để mong báo hiếu !

NHỮNG CUỘC ĐÓ BỘ ĐẦU TIÊN

CHÍNH kiến chúa của giống *Secapitans* đã tổ chức ra cuộc xâm lăng trên. Khi một nàng chúa tàn bạo *Decapitans* đã đột nhập được vào xã hội dị chủng rồi, tức khắc nàng ta sẽ tìm đến phòng kiến chúa, leo lên lưng người đồng nghiệp vô phước và dùng càn để cưa đầu địch thủ. Nạn nhơn, dù lớn hơn đi nữa, cũng không sao giữ mình được vì đang bụng mang dạ chửa. Thủ đoạn thực hành xong, nàng *Decapitans* sẽ chiếm địa vị mong muốn một cách dễ dàng.

Ở Nam Phi-Châu, giống kiến *Carebara* có lối nuôi con rất lạ. Vì kiến chúa của loại này to gấp 2, 3 ngàn lần kiến thợ nên việc săn sóc trứng rất khó, mỗi cử động của kiến chúa có thể nghiền nát trứng của mình. Để giải quyết vấn đề này nhiều kiến thợ sẽ đeo theo mình kiến chúa, cùng đi du lịch với chủ mình, luôn luôn sẵn sàng thấu nhận và săn sóc trứng được sanh ra.

Bản năng chính yếu đã làm cho loài kiến hợp thành xã hội là nhu cầu : tự vệ hợp đoàn để chống đói. Từ ngày đám kiến thợ đầu tiên vì thiếu thức ăn phải ra đi tìm mồi mang về cung phụng cho mẹ đã đói lã sau nhiều tháng, gia đình kiến trở nên một đoàn thể luôn bị đói khát đe dọa.

Toán kiến thợ sẽ chịu thiếu thốn, đói khát suốt đời vì phần lớn thức ăn được dành riêng cho nhu cầu luôn luôn gia tăng của những thế hệ mới. Sự thiếu thốn thức ăn thường trực này có lẽ là nguồn gốc của tất cả chiến tranh giữa các đoàn kiến láng giềng, dù đồng loại hay dị chủng.

Một giống kiến gốc ở đảo Madagascar đã làm người ta phải chú ý đến sự phát triển đáng kể của nó. Đây là giống *Pheido*

Megacepphala, nhỏ con, màu vàng và còn vô danh ở đầu thế kỷ thứ XIX.

Bỗng nhiên loại này lại mở một chiến dịch tàn sát to rộng và xâm chiếm cả vùng nhiệt đới.

Đầu tiên chúng lần trốn theo những chiếc tàn buồn và chiếm cứ dần dần cả những đảo trong Thái-bình-dương, Đại-tây-dương, để cuối cùng đặt chân lên đảo Madère.

Ban đầu chúng trú ẩn cạnh loài người, sống nhờ thóc lúa dự trữ trong ổ. Dần dần chúng tìm được một loại rệp cây ở chắt ngọt và tổ chức những cuộc chăn nuôi loại rệp này. Công cuộc tiến hành một cách tốt đẹp, chúng quyết định tìm những nơi hoang vu xa vắng để sống tự lập. Chúng xua đuổi từ từ tất cả các loại kiến khác ra biển khơi, ban đầu còn gặp nhiều khó khăn sau rốt chúng đã hoàn toàn toại nguyện Năm 1850, loại *pheidoles* đã độc chiếm hải đảo Madère. Nhưng 25 năm sau, một giống kiến háo chiến khác xuất xứ từ Mãn-Châu lại đặt chân lên đây. Tuy giống này không vỏ trang đầy đủ bằng chúng nhưng lại to lớn, giỏi chịu đựng hơn nên đã chế ngự được giống *pheidoles*. Trong lúc gia đình *Pheidoles* chỉ có một nàng kiến chúa thì loại mới này, tên gọi *Iridomyrmex*, lại có nhiều tướng chỉ huy. Đây là một lợi thế cho giống sau, vì kiến chúa độc nhất khi đã bị sát hại rồi thì gia đình *Pheidoles* như rắn không đầu, không còn làm gì được nữa.

Năm chục năm sau những chiến sĩ A-căn-dinh này đã ngự trị hoàn toàn khắp năm châu trong lúc loài *Pheidoles* mỗi ngày suy sụp. Thế là thế giới loài kiến lại một lần nữa đổi ngôi.

Kẻ chiến bại bị diệt vong, người đắc thắng thịnh vượng. Một lần nữa luật « mạnh được, yếu thua » đã lên tiếng.

PHONG VŨ

(Theo P. Haskins — Constellation)



NGUỒN GỐC CỦA NƯỚC HOA.— Chúng ta có ngũ quan. Giác quan hệ trọng nhất là thị giác giúp ta khám phá những làn sóng điện có độ dài từ 0,4 đến 0,8 micron, những làn sóng này hợp thành một quang phổ hữu hình. Nhờ thính giác ta thâu nhận được những làn sóng phát thanh hợp thành tiếng động quanh ta. Xúc giác không đòi hỏi một hiện tượng vật lý trung gian nào cả, đây chỉ là sự đụng chạm giữa sự vật và con người. Hai giác quan khác là Khứu-giác và Vị-giác đã làm thất vọng vô số bác học vì chúng không hiện thân cho một thực thể vật lý nào cả. Mặc dù ngày nay ta đã biết được những cảm giác thuộc về vị giác chỉ là những phản ứng hóa học có tánh cách chọn lựa gây nên những hiện tượng bên trong con người. nhưng ta vẫn không biết tí gì về mùi vị. Bao nhiêu dấu hỏi làm rối óc chúng ta : Vì sao và nhờ đâu mà ta biết được hương vị như ta đã nói đến quang tục và âm học chẳng ?

Chỉ trong vòng vài năm nay chúng ta mới thấy được một tia sáng bóc lên, soi rõ phần đầu của vấn đề. Dầu sao ta cũng có thể kỳ vọng rằng một ngành khoa học mới mẻ và phi thường của thế giới vật lý bao la tượng hình...

HƯƠNG VỊ LÀ GÌ ?

THOẠT nhìn ta có thể cho rằng Thị giác và Thính giác đã giúp ta ta thâu nhận hai loại phóng xạ luôn luôn hiện diện quanh ta trong lúc các giác quan kia giúp ta tiếp xúc với 3 trạng thái của thể chất : Xúc giác giới thiệu cùng ta những thể rắn, Vị giác cho ta biết phẩm chất của thể lỏng và Khứu giác giúp ta đánh giá trị hương vị của khí thể.

Cảm tưởng đầu tiên này mất ngay khi ta đi sâu vào vấn đề vì Khứu-giác là một giác quan khác thường. Thật vậy, hương vị là một thực thể mà ta cảm thấy nhưng không phân loại rành mạch được. Ta chỉ cảm thấy rằng mọi vật có mùi thơm hay thối, nhưng ta hãy nhìn cánh hoa tươi tốt kia : khi hoa vừa hé nụ,

hương thơm ngào ngạt, làm say lòng người rồi thời gian qua, cánh hoa tàn nhụy rữa lại đến thì than ôi ! còn đâu thời xuân sắc nữa. Giờ đây hoa đã mất đi mùi thơm quyến rũ mà chỉ còn lại một mùi khó chịu. Như vậy ta nói rằng hoa thơm hay thối ? Người đời cho rằng hoa thơm nhưng có bao giờ họ ngửi một cánh hoa tàn để đánh giá trị của kiếp hoa chưa ? Chắc hẳn là chưa. Ô. Duranton cho rằng Khứu giác giúp ta bí mật theo dõi biến hóa của mọi vật.

Thuyết xưa tưởng rằng Khứu giác trực tiếp sản ra do sự va chạm của những phần tử khí thể vào tế bào của màng mũi. Nhưng sự giải thích này rất thiếu sót. Người ta lý luận rằng chính những luồng không khí hay đến mũi ta với một tốc độ nào đó đã mang hương vị mọi vật đến cho ta. Nhưng với thính giác thì sao ? Ta có thể nào nói rằng chính những phần tử của vật gây tiếng động bay đến chạm vào tai ta không ? ! Vậy, không khí chỉ là một môi trường đàn hồi (*milieu élastique*) dùng làm trung gian trong sự vận chuyển tiếng động và mùi vị mà thôi.

Ngày nay thuyết trên đã hoàn toàn bị xóa bỏ vì ta vẫn ngửi được mùi của những thể rắn, như thế sự va chạm của phần tử khí thể và tế bào màng mũi đã trở nên vô ích. Kim khí có mùi riêng biệt pho-mát (*fromage*) để lâu tỏa ra một mùi nực nồng. Ta có thể nào nói rằng pho-mát đã tỏa thành hơi để chạm vào mũi ta không ?

Những thuyết tân thời chủ trương 1 sự lan tràn ba động (*propagation ondulatoire*) có vẻ đơn giản và hợp lý hơn nhiều.

QUANG PHỔ (*SPECTRE*) CỦA KHỨU GIÁC

GIẢ thuyết chủ trương thành lập 1 quang phổ Khứu giác như 1 quang phổ Thị giác đã chạm phải 1 quan niệm chống đối hữu lý. Thật vậy ta không thể nào tạo ra 1 quang phổ Khứu giác vì ta không thể có 1 loạt mùi vị đi liên tiếp từ dễ chịu

đến khó chịu. Trong lúc ấy muốn có 1 loạt màu ta chỉ cần nung nóng bất cứ chất gì, như kim khí chẳng hạn. Với nhiệt độ thấp ta sẽ có 1 tia hồng ngoại (rayonnement infra rouge) vô hình nhưng đến 500 độ ta sẽ có màu đỏ sẫm, rồi đỏ tươi, vàng v.v... Đến 5.000 độ, màu vàng se độc chiếm ưu thế và nếu nhiệt độ tiếp tục gia tăng vàng sẽ nhường chỗ cho xanh thẫm. Ở đây ta đứng trước hiện tượng lạ lùng của « nhiệt độ màu sắc » (température de couleur).

Trong lãnh vực Khứu giác, hiện nay ta không thể tạo được tất cả mùi vị mong muốn, nhưng việc này không hẳn hoàn toàn ngoài khả năng con người. Giờ đây chúng ta hãy trở lại cảnh hoa đề nói đến lúc nầy, đây là mẫu đầu tiên của nguồn phát xuất hương vị biến đổi. Cảnh họa nầy cho ta thấy rằng hương vị thay đổi từ dễ chịu đến khó chịu theo biến thiên của độ dài làn sóng liên hoan đến tiến hóa của cảnh hoa.

Trên thực tế những mùi vị đã gặp không đến đôi đơn giản như ta tưởng; chúng ta biết được 1 số lớn mùi vị hoàn toàn khác lạ. Có cả trăm mùi vị khác nhau như ta đã thấy có bao nhiêu vật mà màu sắc chỉ là sự hòa hợp của nhiều màu khác. Song song với sự kiện này, ta có thể nghĩ rằng ngày nào mà ta sáng tạo được máy phát xuất mùi vị 1 cách chừng mực, ta có thể tạo ra hầu hết các mùi vị đã biết như họa sĩ đã pha màu sắc vậy. Hơn nữa ngay giờ đây, trong các phòng thí nghiệm về nước hoa, người ta đã có thể chế tạo 1 loạt nước có mùi đặc biệt và từ đây hoàn thành những lọ nước hoa có mùi mong muốn.

NHỮNG PHÂN TỬ (MOLECULES) LÀ NƠI TẬP HỢP CỦA MÙI VỊ

CHÚNG ta biết rằng ánh sáng phát xuất từ 1 thể đã tập hợp trong nguyên tử của thể ấy và những điện tử di chuyển chung quanh trung tâm điểm có thể trong vài trường hợp nhảy từ quỹ đạo nầy sang quỹ đạo khác làm phát xuất 1 làn sóng tử điện là ánh sáng.

Có thể là mùi vị không tập hợp trong nguyên tử mà là những phân tử. Thật vậy, ta biết tất cả phân tử đều phóng xạ và tất cả các phóng xạ này gọi là « quang phổ Raman ». Người ta nghĩ rằng chính chúng là nguồn gốc của hiện tượng khứu giác. Có một sự kiện đặc biệt là phần lớn thể vật mà chúng ta cho là không mùi vị có đường sọc của « quang phổ Raman » nằm ngoài vùng bình thường.

Người ta đã dễ ý thấy rằng mùi vị một chất hoàn toàn khác lạ với mùi vị của các phần tử cấu tạo : Thí dụ cụ thể là chất lưu hăng và khinh khí tự nó không có mùi gì cả nhưng SH_2 , dù chỉ được cấu tạo với hai thể trên, lại có mùi khó chịu lạ lùng.

Trái lại nếu hai thể có cách cấu tạo tương tự, ta có thể đoán rằng chúng có mùi giống nhau. Hiện tượng này rất dễ gặp với các hợp chất Be -zen.

Hiện nay một hóa học về mùi vị đang được thành lập. Chắc chắn là chúng ta còn thiếu những luật lệ chỉ dẫn. Nhưng, một số nhận xét có thể giúp ích cho ta một cách quý báu về mùi vị của các hợp thể hữu cơ (composés organiques).

Đứng trước giả thuyết cho rằng mùi vị bắt nguồn từ « quang phổ Raman », một câu hỏi làm dư luận chia ra nhiều phe đối lập. Đây là câu : Nếu mùi vị lan truyền dưới hình thức một phóng xạ phát xuất từ phân tử của vật có mùi, tại sao ta phải cần đến một môi trường trung gian mới có thể ngửi được mà không thể tiếp nhận trực tiếp những phóng xạ ?

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng môi trường trung gian cần cho cơ thể ta nhưng lại không cần cho sự lan truyền của vị. Lúc ấy nhiều nghiên cứu gia khác lại xem mùi vị như trung gian giữa ánh sáng và tiếng động. Nó đã cho ta biết rằng phân tử không phải là một sự tập hợp thô sơ mà ta đã quan niệm cách đây vài chục năm mà là cả một thế giới đầy những vật li ti. Chuyển động của nguyên tử đã sanh ra bao nhiêu hiện tượng rắc rối mà ta không thể phân tách được... Thật ra, thế giới đối với ta vừa lạ vừa nguy hiểm.

NHỮNG MÙI PHẪNG PHẤT VÀ NHỮNG MÙI NỔNG NẶC (*INFRA ODEURS ET ULTRA ODEURS*)

NẾU ta chấp nhận giả thuyết chủ trương quang phổ Raman một kết luận sẽ đến với óc ta : những chất mà ta cho là không mùi vị chỉ vì mũi của chúng ta không thâu nhận được.

Vì thế có thể rằng mức độ thâu nhận mùi vị thay đổi tùy người, mỗi người có những mùi phảng phất hay nồng nặc khác nhau, gây nên một cảm giác lạ lùng khi những mùi này ở vừa đúng vào giới hạn : Thí dụ ở gần một người nào đó ta có cảm tưởng rằng ngửi được một « mùi » gồm ghét hay thiện cảm.

Từ lâu người ta cho rằng loài vật tinh mũi hơn loài người. Thật vậy, chó săn có thể theo dấu con mồi trên những đoạn đường rất xa vì loài chó rất nhạy mũi.

Người ta có thành kiến cho rằng phần lớn mùi vị thông thường đều ở ngoài khả năng thâu nhận của con người như phần lớn ánh sáng phát xuất từ các thể bao quanh của chúng ta đều vô hình. Chúng ta hãy chú ý đến việc này : trong trường, các thể đều sáng, nhưng đây chỉ vì chúng được soi sáng bởi mặt trời. Nếu mặt trời không có, có thể này chỉ phát ra những tia hoàn toàn vô hình, nói cách khác chúng ta sẽ ở vào một thế giới u tối mà những vật sáng là những hiện tượng đặc biệt.

Song song với sự kiện trên, khi ta thấy trong những trường hợp thông thường ở các thể không mùi vị hay ít mùi vị, ta có thể kết luận rằng những mùi vị tự nhiên đối với ta chỉ là những mùi vị phảng phất hoặc nồng nặc.

Vậy ta có thể giải nghĩa rằng loài chó tinh mũi là vì chúng dễ xúc động bởi những mùi phảng phất.

NƯỚC HOA TỰ NHIÊN, NƯỚC HOA NHÂN TẠO (HAY HÓA HỌC) (SYNTHÉTIQUE)

DẦU chúng ta chưa đoạt đến phần cấu tạo của mùi, chúng ta cũng nhận định được rằng nhờ những tiến bộ phi thường của ngành sản xuất nước hoa, hiện nay chúng ta có thể có cả một loạt đầy đủ các hương vị tự nhiên, hóa học và nhân tạo.

Hương vị tự nhiên là hương vị của hoa, lá hay trái các loài thảo mộc. Muốn dùng hương vị trong thực tế, người ta dùng hơi nước để thu hút những yếu tố cần thiết trong việc chế dầu thơm.

Hiện nay bản chất hóa học của các loại dầu này đã được nghiên cứu kỹ lưỡng. Từ những loại dầu này người ta chế tạo dễ dàng các hương vị mong muốn. Theo độ đặc lỏng của dầu ta có thể có được một mùi mạnh hay yếu tùy theo phân lượng ta sẽ có được mùi mong muốn. Tóm lại, nước hoa tự nhiên chỉ là những hỗn hợp của chất dầu thơm trích ra từ các thể thiên nhiên.

Nước hoa hóa học khác loại nước hoa trên ở chỗ người ta không dùng chất dầu một cách trực tiếp, dầu dưới hình thức hỗn hợp đi nữa : người ta dùng những biến đổi hóa học để làm mất đi hương vị đầu tiên và thế vào một hương vị khác. Bằng cách này người ta đã chế tạo một « *ether sel* » từ « *alcool* » phương pháp này gọi là « *ether hóa* » (éthernification).

Một phương pháp rất thường dùng khác là « *sa-vong hóa* » (saponification) : người ta dùng chất « *soude* » để biến thể chất « *ether-sel*. » Mùi vị của một « *alcool* » và chất « *ether-sel* » đồng loại rất gần nhau vì thường thì những phản ứng này chỉ là sự tập hợp của các phân tử chứ không phải là những biến thể. Nhờ vậy người ta có thể dùng hóa học để kéo dài hoặc thay đổi những mùi thơm tự nhiên và tạo nên những hương vị mới.

Với nước hoa nhân tạo, kỹ nghệ chế tạo nước hoa lại tiến một bước dài nữa : Người ta không tìm cách chế ra nước

hoa tự nhiên, nhưng chỉ tìm cách thay đổi các cấu tạo của các phần tử. Giữa nước hoa nhân tạo và nước hoa tự nhiên không có sự khác biệt về mùi vị mà chỉ có sự khác biệt về cách cấu tạo các phần tử. Một hóa hợp quen thuộc là sự hóa hợp (synthèse) của chất va-ni (vanilline).

Thật ra, tầm chế tạo của nước hoa nhân tạo hiện nay rất rộng lớn. Người ta đã không lầm lẫn khi cho rằng hương vị có những biến đổi sắc thái nhiều hơn các biến đổi của màu sắc.

Dần dần vật lý về Khứu giác đã đem ra ánh sáng những bí mật mới. Sự nghiên cứu về khứu giác hiện đang ở vào giai đoạn trung gian giữa mô vụn vật và vật lý : công cuộc nghiên cứu này càng tiến triển, những ngạc nhiên lớn lao càng hứa hẹn nhiều và đang chờ đợi chúng ta.

PHONG VŨ

(theo A. DUCROCQ—*Le Digeste Français*)

ĐÍNH - CHÍNH

trong bài « Triều Đại Tây-Sơn qua Ca Dao » của Thái-văn-Kiểm

Phùng đường nói :

- 1) *Khồn dĩ nội, quả nhân chế chi*

Khồn dĩ ngoại, tướng quân chế chi

(Từ cửa thành trở vào : quả nhân điều khiển)

(Từ cửa thành trở ra : tướng quân điều khiển)

thay câu :

Trượng phu xuất cương.

- 2) *Phụ Nguyên tri thống (1)*

𡵓 元

(阮)

Phụ cộng với Nguyên thành Nguyên.

Hộp thư tòa soạn

Tòa soạn Văn Hữu trân trọng đáp thơ của bạn đọc bốn phương đã gửi về chúng tôi trong tháng vừa qua. Chúng tôi thành thật cảm ơn tất cả các bạn đã gửi tác phẩm cho Văn Hữu để tô điểm cho tạp chí được bạn đọc yêu mến.

Chúng tôi xin trả lời :

— Ông HỒ-NGỌC-DUYÊN, Saigon.— Cảm ơn ông đã góp ý kiến về nội dung các số Văn Hữu gần đây. Với những lời phê bình cương quyết của ông, chúng tôi đoán biết ông là một người có tài, quảng xuyến hết mọi vấn đề văn học, nghệ thuật. Nhưng chúng tôi lấy làm tiếc không thể tìm đến ông để mời cộng tác với Văn Hữu vì ông dấu biệt địa chỉ trong thơ. Không mời được « bậc thầy » như ông cộng tác cho vui vẻ là một điều ân hận cho chúng tôi vậy. Nếu không gì trở ngại xin ông vui lòng quá bộ đến tòa soạn Văn Hữu để chúng tôi được hân hạnh diện kiến với ông và mời ông trợ bút với chúng tôi !

— Ông VŨ-TIÊU-GIANG, Vũng-Tàu.— Đã chuyển lời khen ngợi của bạn đến các bạn trong ban biên tập. Chúng tôi không dám nhận là Văn Hữu lại quá hay như ông nhận thấy, dù sao Văn-Hữu vẫn còn rất nhiều thiếu sót mà chúng tôi đang cố gắng khắc phục. Đang xem những tác phẩm của bạn nếu được chúng tôi sẽ đăng.

— Ông LÊ-QUANG-LIÊU, TRẦN-CHÁNH-CHIỂU, Cholon.— Tòa soạn còn một số ít báo cũ, xin mời ông đến báo quán vào những ngày giờ làm việc để mua những số báo mà ông đang cần. Cảm ơn ông.

— Ông HOAI-GIANG, Lê-bá-Điệp, Vĩnh-Bình.— Bài « Duyên kiếp » khóc thi sĩ Chế-Vũ của bạn rất có hồn, nhưng rất tiếc không đăng được vì một lẽ riêng, mong ông thông cảm. Chúng tôi tin rằng, nơi tuổi vàng thi sĩ Chế-Vũ cảm thông được tâm tình của bạn và sẽ ngậm cười vì đã có thêm một Bá-Nha khóc Tử-Kỳ, sau cái chết đau đớn của anh.

Ông PHAN-VĂN-TRÍ, Phong-Dinh.— Ông Ánh-Việt gửi lời thành thật cảm ơn ông. Chúng tôi xin mách với ông là số Văn Hữu 13 dành bàn về

hiện tình văn nghệ miền Bắc nên tất cả tài liệu đều tập trung vào việc phơi bày một sự thật chân chương của một thứ mà người ta gọi là Văn Nghệ Cộng-Sản tại miền Bắc ấy, nên chi vấn đề nêu cao lý tưởng của văn nghệ miền Nam không ăn khớp với đề tài đã ấn định. Chúng tôi sẽ cho phát hành một số đặc biệt nói về văn nghệ miền Nam hiện đại, trong một ngày gần đây, nếu không có gì trở ngại. Giải thưởng văn chương 1960 đã công bố kết quả từ lâu. Như vậy thì thi phẩm của ông dự giải xem như hỏng rồi đấy.

— Ông ĐỖ-PHÁT-ĐẠT, Phước-Tuy.—Ông liên lạc thẳng với tòa soạn chúng tôi, để mua các số Văn HỮU cũ. Ông muốn đóng thành bộ thì xin biên thư cho biết chúng tôi sẽ gửi đến ông sau. Xin cảm ơn.

— Ông ĐỖ-ĐỨC-THIÊN, Ty Ngư-nghiệp Vũng-Tàu.— Chúng tôi xin nhận chịu khuyết điểm đó và sẽ cố gắng khắc phục. Về phương diện ấn loát, nhất là một tạp chí nữa, người ta khó tránh khỏi những sơ hở đáng tiếc về lỗi ty-bô. Nhận xét của ông tuy đúng song giọng vẫn lại nóng nảy quá, thiếu bình tĩnh, đồng giá với những khuyết điểm nêu trên.

— Ông NGUYỄN-VĂN-THỪA, Hòa-Bình Thành Nội, Huế.—Lần đầu liên nhận thư ông và cũng là lần đầu tiên, chúng tôi bị sở bưu điện phạt vạ. Rất giản dị : vì ông có phần kỷ lưỡng về tiền tem đó. Lần sau xin ông lưu ý xem lại phong bì trước khi bỏ vào thùng thư nhé. Văn-Hữu xin cảm ơn những lời khen ngợi nồng nhiệt của ông. Tòa soạn hãy còn một ít những số báo cũ — đủ bộ. Nếu ông muốn mua trọn bộ thì ông cứ gửi bưu phiếu vào chúng tôi tính mỗi số là 15 đồng cộng thêm 2 đồng bưu phí nữa. Mua bao nhiêu thì cứ nhân 17 cho bấy nhiêu số. Ông cứ tự nhiên gửi bài vào, nếu được chúng tôi sẽ sẵn sàng đăng tải.

— Ông NGUYỄN-TẾ, Giáo-sư Trung-học Cường-Đề (Qui-nhơn),—Thành thật cảm ơn sự chú ý của ông đến Văn HỮU. Chúng tôi luôn luôn nguyện cố gắng để khỏi phụ lòng độc giả bốn phương cho chúng tôi rá nhiều tin yêu. Tòa soạn còn những số mà ông cần (số 1 đến 7, 9 đến 12). Ông gửi bưu phiếu vào tòa soạn với giá 17 đồng 1 cuốn vậy.

CÙNG CÁC BẠN ĐÃ GỬI THƠ VỀ TÒA SOẠN.— Vì trang báo có hạn, chúng tôi không kịp trả lời hết số thơ của bạn đọc khắp nơi ở số này được. Chúng tôi sẽ tiếp tục trả lời ở số sau, hoặc bằng thư riêng nếu cần. Mong các bạn tha thứ.

SÁNG TÁC PHẨM ĐÃ NHẬN : *Thời Gian, Diên* (CUNG THẢO, NHƯ NHƯ PHƯƠNG TRANG) — *Em Đón Mùa Thu, Mộng Mơ Vàng, Anh nhớ hoài Em* (PHÚ-LONG) — *Mau Lên Thi Sĩ, Tiếng Ngọc, Gửi Lại, Cô Đơn* (VŨ TIÊU GIANG) — *Không Nói, Niềm Hy Vọng của Người Ốm* (HOÀI-ĐIỆP) — *Rệp* (TRƯƠNG THANH MINH) — *Nếu Biết, Duyên Kiếp* (HOÀI GIANG, LÊ BÁ ĐIỆP) — *Niềm Đau* (TRẦN HÀ TRUNG) — *Cô Độc* (PHẠM HOÀNG-KÍNH) — *Giọt Lệ Tình Thâm* (HÀN SĨ LINH GIANG) — *Bài Thơ Hôm Nay, Hình Hài* (TRINH LINH) — *Viễn Xứ* (TRẦN MINH)...

Chúng tôi đang đọc những đứa con tinh thần của các bạn, nếu được sẽ lần lượt cho đăng tải. Cảm ơn tất cả các bạn.

SĨ-TRUNG



VĂN-HỮU Á-CHÂU

Đã xuất bản :

- ★ VIỆT SỬ TÂN BIÊN

Phạm văn Sơn

- ★ TRIẾT-LÝ VĂN-HÓA KHÁI LUẬN

Nguyễn đăng Thực

- ★ HOA ĐĂNG (thơ)

Vũ hoàng Chương

- ★ NHU ĐẠO TẬP PHƯƠNG

Hồ cầm Ngọc

- ★ VIỆT-NAM VĂN HỌC TOÀN THƯ

Hoàng trọng Miên

- ★ PHỤ-NỮ VIỆT-NAM QUA CA DAO

Hồ Tấnh

- ★ CÔ GÁI XÓM NGHÈO

Phan Du

- ★ TƯ TỰ THÀNH NGŨ (Hán học)

Hồ đắc Hàm

Sắp xuất bản :

- ★ KINH TẾ DUY NHÂN VÀ VĂN MINH LIÊN ĐỐI

Nguyên tác của A.J. Lebreton, dịch bản của Nguyễn văn Khoa

- ★ TUYÊN TẬP CÁC NHÀ VĂN CẬN ĐẠI VIỆT-NAM

Có những gì đặc biệt trong Văn Hữu số 15 ?

— **P**HONG trào đoàn kết Kinh Thượng đang tiên triển một cách tốt đẹp. Ngày nay, đồng bào miền núi đã vươn đến một nếp sông tươi sáng hơn ngày xưa nhờ sự hòa đồng giữa hai màu sắc cùng sông trên một lãnh thổ, cùng chịu đựng những biến thiên trọng đại, từng chung sông những giờ phút vui buồn, thăng trầm của lịch sử Việt-Nam.

Nếp sông vật chất tuy có khác biệt vì điều kiện địa dư và tục lệ, tập quán cổ truyền của tổ tiên, song nếp sông tinh thần, người Thượng và người Kinh có nhiều điểm trùng giồng nhau, bổ túc nhau và tạo nên một nền văn hóa dân tộc đầy đủ màu sắc; đó là một kho tàng văn học quý báu của hai màu sắc đồng bào cùng sông sát bên nhau trong nhiều thế kỷ.

Vì đồng bào miền Thượng sông cách biệt với người Kinh, lầy bồi cánh rừng núi bao la để sinh sông, nên người Kinh ít rõ biết đời sông của họ, nhất là nền văn học phong phú của miền núi có nhiều liên quan mật thiết đến văn học Việt-Nam nói chung.

Để giới thiệu bạn đọc màu sắc đặc biệt của văn học miền núi Văn Hữu số 15 sẽ công hiến bạn đọc những tài liệu văn học lý thú nói về phong tục, tập quán, chuyện cổ tích, chuyện thần thoại, những thiên tình sử, anh hùng ca v.v... của đồng bào miền Thượng ở Việt-Nam, như :

- *Trường ca « Hơ Bia, Rơ Băm » của người Gia Rai*
- *Trường ca « Đam San » của người E-đê*
- *Thi phẩm « Ut-lót-Vị Điêu » của người Mường*
- *Chuyện thần thoại « Tu-cơ-Rơ » của người Kar v.v... và nhiều tài liệu văn học khác của các đồng bào Thái, Xá-Phang, Lô-lô, Rhadé v.v...*

VĂN HỮU SỐ 15 :

Đặc biệt về Văn học miền Núi

ĐÃ RA NHỮNG SỐ ĐẶC BIỆT :

- Số 1 : *Hội Họa Việt - Nam ngày nay*
Số 2 : *Nền Kịch nghệ Việt - Nam*
Số 3 : *Âm nhạc Việt-Nam*
Số 4 : *Mối tương quan giữa Văn nghệ và Đạo đức*
Số 5 : *Những biện pháp để phát huy nền Văn học*
Số 6 : *Hồ sơ về Thanh niên Cao Bồi thế giới*
Số 7 : *Luận về Mê tín Dị đoan*
Số 8 : *Những điều cần biết về Điện ảnh*
Số 9 : *Người Cộng sản có yêu nước không ?*
Số 10 : *Mấy nét về văn học miền Nam.*
Số 11 : *Tâm trạng phụ nữ Việt-Nam ngày nay ?*
Số 12 : *Chủ nghĩa Hiện Sinh là gì ?*
Số 13 : *Nhìn thẳng vào Văn nghệ miền Bắc*

CÁC BẠN MUỐN SƯU TẬP TRỌN BỘ
XIN LIÊN LẠC VỚI TÒA SOẠN VĂN HỮU
ĐỂ ĐẶT MUA NGAY VÌ HIỆN CÒN RẤT ÍT

Giá : 15\$